

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN



ĐỀ ÁN

ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành đào tạo: **Chính sách công**

Mã số: **9340402**

Trình độ: **Tiến sĩ**

HÀ NỘI – NĂM 2022

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2022

TỜ TRÌNH ĐĂNG KÝ MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Tên ngành: Chính sách công Mã số: 9340402

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Học viện Chính sách và Phát triển được thành lập theo Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 4/1/2008 của Thủ tướng Chính phủ, là cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Học viện đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Quyết định số 93/QĐ-KĐCLGD ngày 29/6/2018 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam.

Hiện nay, Học viện có 20 đơn vị, bao gồm 11 đơn vị cấp khoa quản lý ngành đảm nhận 10 ngành trình độ đại học, 05 ngành trình độ Thạc sĩ và 01 chương trình liên kết bậc Thạc sĩ, 02 chương trình đào tạo chất lượng cao, đồng thời triển khai hợp tác với nhiều tổ chức trong và ngoài nước. Học viện hiện có quy mô gần 5.500 sinh viên và học viên cao học. Về cơ sở vật chất, Học viện có thư viện truyền thống và thư viện điện tử với hệ thống sách tư liệu phong phú và hệ thống học liệu mở liên kết với nhiều nguồn tư liệu trong và ngoài nước; hệ thống phòng học đạt chuẩn với trang thiết bị hiện đại và đầy đủ, đáp ứng nhu cầu phục vụ giảng dạy.

Học viện đã triển khai đào tạo Thạc sĩ Chính sách công từ năm 2015, đến nay đã có 07 khóa học viên tốt nghiệp. Nhằm tiếp tục thực hiện đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với chiến lược phát triển của Học viện đến năm 2030 tầm nhìn 2045, Học viện Chính sách và Phát triển đã xây dựng đề án mở ngành đào tạo Chính sách công trình độ Tiến sĩ.

Việc mở ngành đào tạo Chính sách công trình độ Tiến sĩ là phù hợp với nhu cầu ngày càng tăng đối với nguồn nhân lực về nghiên cứu phân tích chính sách, thực thi chính sách tại các cơ quan quản lý nhà nước, khu vực doanh nghiệp và các cơ sở nghiên cứu, đào tạo; đáp ứng xu thế phát triển của xã hội, đặc biệt trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và sự hội nhập ngày càng sâu rộng hơn của nền kinh tế nước ta vào nền kinh tế thế giới và khu vực.

Với lợi thế là đơn vị trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, là cơ quan tham mưu tổng hợp cho Đảng, Nhà nước và Chính phủ Việt Nam trong các vấn đề kinh tế vĩ mô, hoạch định chính sách phát triển, chương trình đào tạo ngành Chính sách công trình độ Tiến sĩ tại Học viện Chính sách và Phát triển sẽ cung trang bị cho nghiên cứu sinh tư duy hiện đại, lý thuyết nền tảng, và công cụ định lượng để phân tích, thiết kế, thực thi, và đánh giá chính sách đặc biệt trong lĩnh vực chính sách kinh tế vĩ mô.

Học viện Chính sách và Phát triển khẳng định có đủ năng lực (đội ngũ giảng viên, giảng viên cơ hữu ngành phù hợp gồm 02 PGS.TS, 08 Tiến sĩ, đặc biệt có đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm trong lĩnh vực chính sách kinh tế vĩ mô, cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình, hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế) để đảm bảo chất lượng đối với việc đào tạo ngành Chính sách công trình độ Tiến sĩ tại Học viện.

Hồ sơ mở ngành đào tạo Chính sách công trình độ Tiến sĩ của Học viện đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Học viện tại địa chỉ: <http://www.apd.edu.vn>.

Học viện Chính sách và Phát triển kính đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép Học viện Chính sách và Phát triển được thực hiện chương trình đào tạo ngành Chính sách công, Mã số: 9340402, trình độ Tiến sĩ.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Khoa CSC;
- Lưu: TC-HC, QLĐT.

GIÁM ĐỐC



PGS, TS. Trần Trọng Nguyên

PHẦN 1

SỰ CẦN THIẾT MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO

TÊN NGÀNH: CHÍNH SÁCH CÔNG

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: TIẾN SĨ

MÃ SỐ: 9340402

PHẦN 1. SỰ CẦN THIẾT MỞ MÃ NGÀNH ĐÀO TẠO

TÊN NGÀNH: CHÍNH SÁCH CÔNG

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: TIẾN SĨ

MÃ SỐ: 9340402

1. Giới thiệu về Học viện Chính sách và Phát triển

Học viện Chính sách và Phát triển được thành lập ngày 04/01/2008 theo Quyết định số 10/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, là cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và là đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư - cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kế hoạch, đầu tư phát triển và thống kê. Học viện chịu sự quản lý, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tên tiếng Việt: Học viện Chính sách và Phát triển

Tên viết tắt tiếng Việt: HCP

Tên tiếng Anh: Academy of Policy and Development

Tên viết tắt tiếng Anh: APD

Cơ quan Bộ chủ quản: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Địa chỉ: Khu đô thị Nam An Khánh, Hoài Đức, Thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: (024) 37473186; **Fax:** (024) 37475217

Website: <http://apd.edu.vn>

Học viện xác định sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về kinh tế, quản lý, chính sách phát triển và các lĩnh vực khác theo nhu cầu xã hội; nghiên cứu và tham mưu chính sách, có tư duy năng động, sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong môi trường quốc tế; nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức, bồi dưỡng, tư vấn và phản biện chính sách đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành kế hoạch và đầu tư và của đất nước. Học viện đặt ra mục tiêu trở thành cơ sở giáo dục đại học tự chủ, đa ngành, đa lĩnh vực, có uy tín trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, tư vấn và phản biện chính sách, thuộc nhóm các trường hàng đầu về kinh tế, quản lý và chính sách phát triển; tiên phong trong chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo; có hệ thống quản trị hiện đại, đạt chuẩn của khu vực và thế giới.

- **Tầm nhìn đến năm 2045:** Học viện trở thành đại học định hướng nghiên cứu và đổi mới sáng tạo, đa ngành, đa lĩnh vực, thuộc nhóm các trường hàng đầu tại Việt Nam, có uy tín trong khu vực và quốc tế; tiên phong trong sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

- **Giá trị cốt lõi:** Chất lượng - Trí tuệ - Phát triển

- *Triết lý giáo dục:* Giáo dục toàn diện - Đổi mới sáng tạo - Phụng sự xã hội

Sau gần 15 năm kể từ khi thành lập, Học viện Chính sách và Phát triển đã dần khẳng định được vị thế là cơ sở đào tạo và nghiên cứu có uy tín của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nhanh chóng phát triển cả về quy mô và chất lượng đào tạo, với cơ sở vật chất khang trang, hiện đại đang được hoàn thiện tại Khu đô thị Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên cơ hữu của Học viện bao gồm các Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Thạc sĩ được đào tạo tại các trường Đại học uy tín ở Việt Nam và nước ngoài. Ngoài ra Học viện còn có nhiều cán bộ, giáo viên thỉnh giảng có trình độ cao (từ Tiến sĩ trở lên) là cán bộ đương chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, của các Trường Đại học, Học viện và Viện nghiên cứu ở khu vực Hà Nội.

Tính đến thời điểm 15/10/2022, quy mô đội ngũ cán bộ, giảng viên của Học viện là 157 người, trong đó có 04 PGS, 61 người là Tiến sĩ; 90 người là Thạc sĩ. Học viện đang đào tạo 5.500 sinh viên và học viên cao học, với 10 ngành và 20 chuyên ngành trình độ đại học (18 chương trình hệ chuẩn và 02 chương trình chất lượng cao), 6 ngành trình độ thạc sĩ. Học viện đã có 13 khóa đào tạo cử nhân và 10 khóa đào tạo thạc sĩ.

Học viện có đội ngũ giảng viên, nhà khoa học cơ hữu có đủ năng lực đảm nhận giảng dạy toàn bộ chương trình đào tạo tiến sĩ Chính sách công. Học viện đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều 5 - Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT về đội ngũ giảng viên cơ hữu chủ trì ngành, bao gồm 02 phó giáo sư và 08 tiến sĩ ngành phù hợp có kinh nghiệm quản lý đào tạo và giảng dạy chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo tiến sĩ Chính sách công. Tính đến ngày 15/10/2022, tổng số giảng viên cơ hữu của Học viện tham gia giảng dạy ngành tiến sĩ Chính sách công bao gồm 4 phó giáo sư và 32 tiến sĩ đảm bảo đủ năng lực chuyên môn phù hợp. Đặc biệt, Học viện có đội ngũ chuyên gia từ Bộ Kế hoạch và đầu tư có nhiều kinh nghiệm trong việc phân tích, xây dựng chính sách kinh tế vĩ mô tham gia giảng dạy chương trình Chính sách công trình độ Tiến sĩ. Đội ngũ giảng viên đã có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy, tham gia hướng dẫn nhiều thạc sĩ kinh tế và cả tham gia hướng dẫn luận án tiến sĩ ở các trường đại học, học viện khác trong nước, có nhiều công trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ, các đề tài nhánh cấp Nhà nước, đặc biệt được sự tin nhiệm rất cao của chính quyền địa phương trong việc tham gia các đề tài nghiên cứu cấp tỉnh, thành phố liên quan đến vấn đề về chính sách kinh tế vĩ mô.

Về đào tạo đại học, bên cạnh những chuyên ngành cơ bản thuộc lĩnh vực kinh tế và quản lý, Học viện đào tạo một số chuyên ngành đặc thù, như Kinh tế và Quản lý công, Đấu thầu và quản lý dự án, Kinh tế phát triển, Kế hoạch phát triển, Kinh tế đối ngoại, Đầu tư, Luật đầu tư - kinh doanh, Kinh tế và kinh doanh

số, Phân tích dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh... Quy mô tuyển sinh đại học tăng ổn định trong các năm gần đây (trung bình 10-12%/năm), với điểm trúng tuyển đầu vào thuộc loại cao trong nhóm các trường thuộc khối ngành Kinh tế và Quản lý. Về đào tạo sau đại học, Học viện đang triển khai đào tạo các chuyên ngành Chính sách công, Tài chính – Ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Quản trị kinh doanh. Học viện luôn chú trọng công tác đảm bảo chất lượng và đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ năm 2018.

Học viện cũng tham gia công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn cho công chức, viên chức ngành kế hoạch đầu tư; thực hiện nhiều dự án hợp tác với các tổ chức quốc tế như WB, ADB, USAID, KOICA, nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, đề án nghiên cứu, tham mưu hoạch định chính sách vĩ mô.

Trong xu thế hội nhập quốc tế, Học viện đang triển khai nhiều chương trình hợp tác với các tổ chức quốc tế như: Đại học Indiana, Đại học Purdue, Đại học Portland, Đại học tổng hợp bang California (Hoa Kỳ), Đại học Middlesex, Đại học Loughborough, Học viện ngoại giao London (Vương quốc Anh); Đại học Quốc tế Nhật Bản - IUJ, Viện Nghiên cứu chính sách công GRIPS (Nhật Bản); Đại học Nantes, Đại học Rennes 1; Đại học Rouen, Đại học Paris 1 Pantheon – Sorbonne, Trường Hành chính công quốc gia – ENA (Pháp); Đại học Southern Cross (Úc); Đại học tổng hợp Rome 2 (Ý), Học viện Anh ngữ EV (Philippines); Đại học Lausanne (Thụy Sĩ); Đại học MESSI (Nga), Đại học UTA (Phần Lan); Đại học Quốc gia Seoul (Hàn Quốc); Trường Chính sách công Lý Quang Diệu (Singapore)... các tổ chức quốc tế như: KOICA, USAID, Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam, Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam,...

Học viện hiện nay có 20 đơn vị, bao gồm 11 đơn vị cấp Khoa quản lý ngành. Khoa Chính sách công ra đời gắn liền với sự hình thành và phát triển Học viện Chính sách và Phát triển. Ngay từ ngày đầu thành lập, Khoa là đơn vị đào tạo, nghiên cứu trọng điểm của Học viện, gắn với sứ mệnh và tầm nhìn của Học viện Chính sách và Phát triển.

Khoa Chính sách công ngày nay có tên gọi đầu tiên là Khoa Chính sách phát triển, được thành lập theo quyết định số 458/QĐ-HVCS&PT, ngày 17/9/2009 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển. Khoa Chính sách công thực hiện chức năng quản lý hành chính, quản lý công tác chuyên môn, giảng dạy bậc đại học, sau đại học, nghiên cứu khoa học, đào tạo và quản lý cơ sở vật chất trong Khoa nhằm đáp ứng chương trình, kế hoạch giảng dạy chung của Học viện, cũng như nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo chức năng, nhiệm vụ của Học viện. Hiện nay, Khoa Chính sách công đang thực hiện đào tạo 2 chương trình: cử nhân và thạc sĩ và tiến tới đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Chính sách công.

Về chương trình cử nhân, Khoa Chính sách công đào tạo 2 ngành: Ngành Kinh tế với chuyên ngành Kinh tế và quản lý công; và ngành Quản lý nhà nước với chuyên ngành Quản lý công. Theo khảo sát của Khoa, 95% sinh viên tốt nghiệp Khoa Chính sách công đều tìm kiếm được việc làm trong vòng 1 năm sau khi tốt nghiệp, và nhiều sinh viên hiện nay đang được đề bạt giữ những vị trí quan trọng trong tổ chức và được các tổ chức tuyển dụng lao động đánh giá cao về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tiếng Anh, kỹ năng và thái độ làm việc.

Đối với chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Chính sách công: Khoa hiện nay đang là địa chỉ tin cậy của các học viên đến từ các cơ quan Trung ương, Địa phương, các Doanh nghiệp và sinh viên mới tốt nghiệp từ các trường đại học trong và ngoài nước có nhu cầu nâng cao trình độ chuyên môn. Chương trình thạc sĩ Chính sách công trang bị kiến thức cơ bản và nâng cao về Chính sách công, Phân tích chính sách, Thực thi chính sách, Quản lý khu vực công, Chính sách kinh tế, ... Học viên sau khi tốt nghiệp có khả năng phân tích, tư vấn và xây dựng chính sách cho cơ quan; quản lý và thực thi hiệu quả chính sách phát triển của tổ chức. Trong quá trình học tập, các học viên được đi thực tế, giao lưu học thuật với các chuyên gia, chính khách, các nhà khoa học uy tín trong nước và quốc tế.

Về đội ngũ cán bộ giảng viên, Khoa Chính sách công có đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ phó giáo sư, tiến sĩ chiếm tỉ lệ cao. Đội ngũ cán bộ, giảng viên trong Khoa có kinh nghiệm trong tư vấn cho các tổ chức kinh tế - tài chính, tổ chức Chính phủ và phi Chính phủ trong nước và quốc tế. Thường xuyên tham gia nghiên cứu và phản biện chính sách cho Học viện, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước, Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ quốc tế IMF, McKinsey,... về chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, chính sách tài chính tiền tệ quốc gia, chính sách an sinh xã hội, quy hoạch phát triển quốc gia, vùng và địa phương...

Về nghiên cứu khoa học, Khoa Chính sách công tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh, cấp Huyện và cấp Học viện cùng các chương trình/dự án hợp tác quốc tế. Nghiên cứu khoa học tập trung vào các lĩnh vực Kinh tế, Chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách tài chính – tiền tệ, nghiên cứu về các nhân tố và các chính sách tác động đến nền kinh tế, chính sách thu hút FDI, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế...

2. Sự cần thiết mở ngành Chính sách công trình độ tiến sĩ tại Học viện Chính sách và Phát triển

Để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Việt Nam theo Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Đề án mở mã ngành Chính sách công trình độ Tiến sĩ tại Học viện đã được khởi động từ năm 2017. Ngày 18/2/2020 Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số 950/BKHĐT-TCCB về mở ngành đào tạo tiến sĩ Chính sách

công. Theo đó Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhất trí với chủ trương mở ngành đào tạo Chính sách công trình độ Tiến sĩ (mã số 9340402) tại Học viện Chính sách và Phát triển. Sau khi đề án hoàn chỉnh đã nộp lên Bộ Giáo dục và Đào tạo (Công văn số 377/CV-HVCSPT ngày 30/12/2021 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển về việc mở ngành đào tạo tiến sĩ của Học Viện Chính sách và Phát triển).

Ngày 27/4/2022 Học viện đã nhận được văn bản số 1789/BGDĐT-GDDH đề nghị Học viện Chính sách và Phát triển tiếp tục rà soát, bổ sung và hoàn thiện Hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ ngành Chính sách công theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/1/2022.

Ngày 28/4/2022, Học viện đã ban hành Quyết định số 281/QĐ-HVCSPT về việc thành lập Ban chủ nhiệm Đề án “Đăng ký mở mã ngành đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Chính sách công tại Học viện Chính sách và Phát triển theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT”, đưa ra thảo luận nhiều lần, lấy ý kiến Hội đồng khoa học và Đào tạo Học viện, cũng như tham khảo ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học. Đề án đã được Hội đồng học viện thông qua về nguyên tắc tại Phiên họp lần thứ 3. Ngày 15/4/2021 Hội đồng Học viện có Nghị quyết số 03/NQ-HĐHVCSPT phiên họp thứ ba của Hội đồng Học viện. Theo đó Hội đồng Học viện đã thông qua Quyết nghị nhất trí với chủ trương mở ngành đào tạo Chính sách công trình độ Tiến sĩ (mã số 9340402) tại Học viện Chính sách và Phát triển; Ngày 26/7/2022 Hội đồng học viện có Nghị quyết số 06/NQ-HĐHVCSPT về việc hoàn thiện đề án mở ngành đào tạo Chính sách công trình độ Tiến sĩ (mã số 9340402) tại Học viện Chính sách và Phát triển với 04 lý do chính:

(1). Việc mở ngành đào tạo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của Học viện theo Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 18/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển; phù hợp với mục tiêu phát triển của Học viện giai đoạn 2021-2030; tận dụng được thế mạnh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong lĩnh vực tham mưu, đề xuất chính sách kinh tế vĩ mô cho Chính phủ.

(2). Việc mở ngành đào tạo Chính sách công trình độ tiến sĩ đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm chính sách, trong đó nhu cầu đào tạo có hệ thống chuyên sâu về khoa học chính sách nói chung và chính sách công nói riêng đang trở nên cấp bách, phục vụ mục tiêu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong giai đoạn trước mắt, tập trung đào tạo nâng cao kỹ năng hoạch định, tổ chức thực thi, phân tích và đánh giá chính sách công cho đội ngũ cán bộ, công chức các cấp, chú trọng cán bộ quản lý cấp địa phương và cán bộ lãnh đạo, quản lý trong các đơn vị kinh tế, các tổ chức xã hội.

(3). Học viện đã đào tạo ngành Chính sách công trình độ thạc sĩ được 07 năm; Học viện Chính sách và Phát triển khẳng định có đủ năng lực (đội ngũ giảng viên cơ hữu ngành phù, cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình, hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế) để đảm bảo chất lượng đối với việc đào tạo ngành Chính sách công trình độ Tiến sĩ.

(4). Phù hợp với xu thế đào tạo ngành Chính sách công trình độ Tiến sĩ trên thế giới

Dưới đây chúng tôi xin phân tích cụ thể các lý do trên:

a. Việc mở ngành đào tạo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của Học viện theo Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 18/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; phù hợp chiến lược phát triển của Học viện đến năm 2030 tầm nhìn 2045; tận dụng được thế mạnh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong lĩnh vực tham mưu, đề xuất chính sách kinh tế vĩ mô cho Chính phủ.

Học viện được thành lập từ năm 2008, với sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về kinh tế, quản lý, chính sách phát triển và các lĩnh vực khác theo nhu cầu xã hội; nghiên cứu và tham mưu chính sách, có tư duy năng động, sáng tạo, đủ năng lực làm việc trong môi trường quốc tế; nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức, bồi dưỡng, tư vấn và phản biện chính sách đáp ứng yêu cầu phát triển của ngành kế hoạch và đầu tư và của đất nước. Sau gần 15 năm kể từ khi thành lập, Học viện Chính sách và Phát triển đã dần khẳng định được vị thế là cơ sở đào tạo và nghiên cứu có uy tín của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nhanh chóng phát triển cả về quy mô và chất lượng đào tạo, với cơ sở vật chất khang trang, hiện đại đang được hoàn thiện tại Khu đô thị Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội. Với mục tiêu xây dựng Học viện trở thành cơ sở giáo dục đại học tự chủ, đa ngành, đa lĩnh vực, có uy tín trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, tư vấn và phản biện chính sách, thuộc nhóm các trường hàng đầu về kinh tế, quản lý và chính sách phát triển; tiên phong trong chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo; có hệ thống quản trị hiện đại, đạt chuẩn của khu vực và thế giới.

Với lợi thế là đơn vị trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan là cơ quan tham mưu tổng hợp cho Đảng, Nhà nước và Chính phủ Việt Nam trong các vấn đề kinh tế vĩ mô, hoạch định chính sách phát triển, chương trình đào tạo ngành Chính sách công trình độ Tiến sĩ tại Học viện Chính sách và Phát triển sẽ cung trang bị cho nghiên cứu sinh tư duy hiện đại, lý thuyết nền tảng, và công cụ định lượng để phân tích, thiết kế, thực thi, và đánh giá chính sách đặc biệt trong lĩnh vực chính sách kinh tế vĩ mô. Học viện sẽ tận dụng được thế mạnh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư với đội ngũ chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong việc tham mưu phân tích, xây dựng chính sách kinh tế vĩ mô sẽ tham gia giảng dạy các chuyên đề thực tiễn trong chương trình Chính sách công trình độ Tiến sĩ.

b. Việc mở ngành đào tạo Chính sách công trình độ tiến sĩ đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm chính sách, thực thi chính sách

*** Khảo sát nhu cầu nhân lực trong lĩnh vực Chính sách công**

Trong quá trình triển khai thực hiện đề án, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ Tiến sĩ ngành Chính sách công, nhóm tiến hành khảo sát 200 phiếu bao gồm các các bộ quản lý trong một số cơ quan quản lý Nhà nước ở cả cấp Trung ương (các Bộ ngành) và địa phương (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện và các Sở), doanh nghiệp, học viên đang theo học và học viên vừa tốt nghiệp. Đối với nội dung khảo sát về tầm quan trọng của ngành Chính sách công tại Việt Nam trong thời gian tới, phần lớn các ý kiến nhận xét phản hồi cho đều cho rằng đây là ngành rất quan trọng đối với đất nước (94,6%). Đối với nội dung khảo sát về nhu cầu đào tạo nhân lực ngành Chính sách công, các nhận xét phản hồi cho thấy nhu cầu đào tạo về chính sách công trong tương lai là cần thiết (79,7%). Đối với ý kiến khảo sát về mức độ cần thiết đối với bổ sung các kiến thức, kỹ năng về phân tích chính sách đối với đội ngũ cán bộ nhân lực làm chính sách ở các cấp hiện nay, phần lớn ý kiến phản hồi nhận định là cần thiết. Đối với nội dung khảo sát về kế hoạch tiếp tục học tập trình độ tiến sĩ Chính sách công, kết quả khảo sát cho thấy, trong tổng số 181 người được hỏi về ý định hoặc kế hoạch tiếp tục học lên trình độ tiến sĩ ngành Chính sách công trong giai đoạn từ 2022-2025, số lượng người ở độ tuổi từ 30 đến 45 tuổi chiếm đa số (296 người, chiếm tỷ lệ 65,7%), 269 người đã có trình độ thạc sĩ (chiếm tỷ lệ 59,7%), 135 người đang học thạc sĩ (chiếm tỷ lệ 30,2%), còn lại cử nhân. Như vậy có thể thấy nhu cầu đào tạo có hệ thống chuyên sâu về khoa học chính sách nói chung và Chính sách công nói riêng đang trở nên cấp bách để tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ mục tiêu phát triển nền kinh tế thị trường có định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong giai đoạn trước mắt, cần tập trung đào tạo nâng cao kỹ năng hoạch định, tổ chức thực thi, phân tích và đánh giá chính sách công cho đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước các cấp và cán bộ lãnh đạo, quản trị kinh doanh, dịch vụ trong các đơn vị kinh tế, các tổ chức xã hội.

*** Thực tiễn đang đào tạo Chính sách công tại Việt Nam hiện nay**

Hiện nay, ở Việt Nam cũng đã có nhiều cơ sở đào tạo Chính sách công trình độ Thạc sĩ, trước hết phải kể đến đó là: Chương trình đào tạo Thạc sĩ Chính sách công thông qua chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright (Mỹ) của Đại học Kennedy trong khuôn khổ hợp tác giữa trường Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh với trường Quản lý Nhà nước John F. Kennedy tại Đại học Harvard (Mỹ). Ngoài ra gần đây có thêm nhiều cơ sở đào tạo thực hiện chương trình thạc sĩ Chính sách công của Đại học Kinh tế, Đại học quốc gia Hà Nội; Đại học Việt Nhật,...được thiết kế nhằm cung cấp cho học viên nền tảng lý thuyết và kiến thức thực tiễn, các phương pháp nghiên cứu hiện đại, công cụ tiên tiến và các kỹ năng phân tích, đánh giá, lập kế hoạch và quản lý các vấn đề chính sách. Học viện Chính

sách và Phát triển đã triển khai đào tạo Thạc sĩ Chính sách công từ năm 2015 (theo Quyết định số 5220/QĐ-BGDĐT ngày 7/11/2014 về việc giao cho Học viện Chính sách và phát triển đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Chính sách công mã số 60340402), đến nay đã có 07 khóa học viên tốt nghiệp. Chương trình thạc sĩ Chính sách công trang bị kiến thức cơ bản và nâng cao về Chính sách công, Phân tích chính sách, Thực thi chính sách, Quản lý khu vực công, Chính sách kinh tế, ... Học viên sau khi tốt nghiệp có khả năng phân tích, tư vấn và xây dựng chính sách cho cơ quan; quản lý và thực thi hiệu quả chính sách phát triển của tổ chức. Trong quá trình học tập, các học viên được đi thực tế, giao lưu học thuật với các chuyên gia, chính khách, các nhà khoa học uy tín trong nước và quốc tế.

Đối với hệ đào tạo Tiến sĩ, chuyên ngành Chính sách công ở Việt Nam hiện nay chỉ có 01 cơ sở đào tạo là Học viện Khoa học xã hội. Một số cơ sở triển khai chương trình Tiến sĩ Quản lý công như Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện hành chính quốc gia, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

Trong bối cảnh Việt Nam hội nhập sâu rộng với nền kinh tế toàn cầu, cách mạng công nghiệp 4.0 đang tiến triển với tốc độ nhảy vọt, trở thành một trong những động lực quan trọng nhất của sự phát triển, các hoạt động trên nền tảng của công nghệ thông tin hiện đại, giao dịch điện tử cũng phát triển nhanh chóng. Hiểu biết sâu sắc về các chính sách trong hoạt động đầu tư quốc tế, thương mại quốc tế, trong hoạt động giao dịch điện tử là một trong những yêu cầu rất cần thiết, cấp bách. Vì vậy, cần thiết phải có một chương trình Tiến sĩ Chính sách công được xây dựng dựa trên nền tảng cách tiếp cận, tư duy chính sách và quản trị công hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Bên cạnh đó, nội dung đào tạo cần cung cấp được các kỹ năng và kiến thức ở bậc cao hơn cho việc hoạch định, đánh giá, phân tích và thực thi chính sách công. Đây là một nhu cầu rất lớn cũng như phù hợp với bối cảnh hiện nay cũng như định hướng của Nhà nước, nền kinh tế và của xã hội hiện nay không những ở khu vực công mà còn ở khu vực tư. Nhiều doanh nghiệp lớn và các tổ chức phi chính phủ cũng có những vị trí đòi hỏi những hiểu biết về chu trình chính sách công để có thể tham vấn với các cơ quan nhà nước, các Bộ/ban/ngành, cũng như nâng cao hiệu quả thực thi chính sách.

c. Học viện Chính sách và Phát triển đã đào tạo ngành Chính sách công trình độ thạc sĩ được 07 năm; đáp ứng các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên để triển khai đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Chính sách công

Học viện Chính sách và Phát triển đã triển khai đào tạo Thạc sĩ Chính sách công từ năm 2015 (theo Quyết định số 5220/QĐ-BGDĐT ngày 7/11/2014 về việc giao cho Học viện Chính sách và phát triển đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Chính sách công mã số 60340402), đến nay đã có 07 khóa học viên tốt nghiệp. Chương trình thạc sĩ Chính sách công trang bị kiến thức cơ bản và nâng cao về Chính sách công, Phân tích chính sách, Thực thi chính sách, Quản lý khu vực công, Chính sách kinh tế,... Học viên sau khi tốt nghiệp có khả năng phân tích, tư

vấn và xây dựng chính sách cho cơ quan; quản lý và thực thi hiệu quả chính sách phát triển của tổ chức. Trong quá trình học tập, các học viên được đi thực tế, giao lưu học thuật với các chuyên gia, chính khách, các nhà khoa học uy tín trong nước và quốc tế. Học viện có đội ngũ giảng viên, nhà khoa học cơ hữu có đủ năng lực đảm nhận giảng dạy toàn bộ chương trình đào tạo tiến sĩ Chính sách công. Theo Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT, Học viện đáp ứng đủ điều kiện về đội ngũ giảng viên cơ hữu chủ trì mở ngành, bao gồm 02 phó giáo sư và 08 tiến sĩ ngành phù hợp có kinh nghiệm quản lý đào tạo và giảng dạy chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo tiến sĩ Chính sách công. Tính đến Tháng 10/2022, tổng số giảng viên cơ hữu của Học viện tham gia giảng dạy ngành tiến sĩ Chính sách công bao gồm 04 phó giáo sư và 32 tiến sĩ đảm bảo đủ năng lực chuyên môn phù hợp. Đặc biệt, đội ngũ chuyên gia từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư và giảng viên đã có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy, tham gia hướng dẫn nhiều thạc sĩ kinh tế và cả tham gia hướng dẫn luận án tiến sĩ ở các trường đại học, học viện khác trong nước, có nhiều công trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ, các đề tài nhánh cấp Nhà nước, đặc biệt được sự tín nhiệm rất cao của chính quyền địa phương trong việc tham gia các đề tài nghiên cứu cấp tỉnh liên quan đến vấn đề về chính sách kinh tế vĩ mô.

Học viện Chính sách và Phát triển khẳng định có đủ năng lực về đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện, giáo trình, hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế để đảm bảo chất lượng đối với việc đào tạo ngành Chính sách công trình độ Tiến sĩ tại Học viện.

d. Phù hợp với xu thế đào tạo ngành Chính sách công trình độ Tiến sĩ trên thế giới

Hiện tại, trên thế giới đã có rất nhiều trường đại học trên thế giới đào tạo các khóa học ngắn hạn hay chương trình sau đại học (Thạc sĩ, Tiến sĩ) về chính sách công ở các đại học hàng đầu thế giới như: Harvard Kennedy School; Harvard University - Graduate School of Arts & Sciences; Lee Kuan Yew School of Public Policy - National University of Singapore; Graduate School of Public Administration – Seoul National University... nhằm phát triển đội ngũ các nhà tư vấn chính sách, các nhà phân tích và hoạch định chính sách, thực thi chính sách theo yêu cầu bổ sung nhân sự chính sách cho cả khu vực công và khu vực tư nhân. Cụ thể:

(1) Harvard Kennedy School

Chương trình Tiến sĩ Chính sách Công (PPOL) cung cấp chương trình đào tạo sau đại học nâng cao hướng đến những thành công trong nghiên cứu hoặc vị trí liên quan của học viên trong các học viện, tổ chức chính phủ, tổ chức phi chính phủ hay khu vực tư nhân. Học viên sẽ được đào tạo để tiến hành nghiên cứu phân tích, giúp hình thành và thực thi chính sách để trở thành nhà nghiên cứu và nhà thực

hành. <https://www.hks.harvard.edu/educational-programs/doctoral-programs/phd-public-policy>

(2) Harvard University - Graduate School of Arts & Sciences

Chương trình Tiến sĩ về Chính sách Công đào tạo các ứng viên thực hiện nghiên cứu phân tích chính sách, giúp hình thành và thực thi chính sách công, và truyền đạt cho các thế hệ tiếp theo như các nhà giáo dục, nhà nghiên cứu và các nhà thực hành. Tính chất linh hoạt của chương trình cho phép học viên lựa chọn con đường của riêng mình trong các lĩnh vực mà họ quan tâm nhất — từ nghiên cứu kinh tế vi mô đến phát triển quốc tế đến biến đổi khí hậu. <https://gsas.harvard.edu/programs-of-study/all/public-policy>

(3). Lee Kuan Yew School of Public Policy - National University of Singapore

Chương trình Tiến sĩ Chính sách Công này nhằm mục đích trang bị cho thế hệ tiếp theo của các nhà lãnh đạo tư tưởng với các kỹ năng phân tích và kiến thức cơ bản. Các kỹ năng và kiến thức cần thiết để tạo ra, đánh giá và truyền đạt các nghiên cứu trong chính sách công. Nó cung cấp những kiến thức được đào tạo nâng cao cho các ứng viên để đảm nhận các vị trí trong các tổ chức học thuật, tổ chức quốc tế, chính phủ và các tổ chức phi chính phủ với các cam kết nghiên cứu quan trọng. <https://lkyspp.nus.edu.sg/graduate-programmes/phd-in-public-policy>

(4). Graduate School of Public Administration – Seoul National University

Chương trình này nhằm thúc đẩy các nhà lãnh đạo toàn cầu có trí tuệ văn hóa và khả năng phân tích chuyên nghiệp, nâng cao năng lực trong các vấn đề công và chính sách bằng cách đào tạo các lãnh đạo từ các quốc gia phát triển. Tạo điều kiện cho các chuyên gia trong khu vực công từ các nước đang phát triển đạt được năng lực hành chính công cao hơn bằng cách trang bị cho họ kiến thức về nguồn nhân lực, tổ chức, tài chính và chính sách công. Tăng cường khả năng lãnh đạo trong khu vực công và thăng tiến với tư cách công chúng. Nâng cao năng lực lãnh đạo trong khu vực công và thăng tiến trở thành các chuyên gia hành chính công, những người có thể đóng góp vào sự phát triển kinh tế và xã hội của quốc gia và khu vực của họ cũng như xã hội toàn cầu nói chung. Bên cạnh đó, chia sẻ kinh nghiệm phát triển kinh tế và xã hội của Hàn Quốc và cung cấp kiến thức thực tế về quản lý phát triển của Hàn Quốc và các chính sách phát triển kinh tế đã thúc đẩy tăng trưởng của Hàn Quốc, nhằm hỗ trợ các lãnh đạo cấp trung thúc đẩy sự phát triển của đất nước. Các môn học bắt buộc: Phương pháp nghiên cứu, Phương pháp định lượng, Nghiên cứu đánh giá chính sách; Các lý thuyết về chu trình chính sách...<http://gspace.snu.ac.kr/en/curriculum/school/graduated>.

(5). Cornell Brooks School of Public Policy

Chương trình Tiến sĩ về Chính sách Công, đào tạo thể hệ học giả và chuyên gia để giải quyết các vấn đề chính sách công cấp bách của quốc gia và quốc tế. Chương trình tập trung vào các lĩnh vực chính sách thực chất – từ giáo dục và y tế đến chính sách pháp lý và xã hội – với đào tạo nâng cao trong một lĩnh vực kỷ luật, các phương pháp thực nghiệm và nhiều cách tiếp cận kỷ luật.
<https://publicpolicy.cornell.edu/studying-at-brooks/phd-program/phd/>

(6) Chương trình đào tạo Tiến sĩ Chính sách công của trường Trường Indiana, Mỹ

Chương trình nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến chính sách công, gồm các nội dung: (i) Xem xét môi trường của chính sách công; (ii) Quy trình hoạch định, quản lý và thực thi chính sách; (iii) Phân tích và đánh giá tác động và kết quả đầu ra của chính sách công

Các modul lý thuyết sẽ được triển khai trong khóa học: (i) Tổng quan nghiên cứu về chính trị; (ii) Phương pháp nghiên cứu khoa học; (iii) Nhập môn chính sách công; (iv) Chuyên đề theo hướng nghiên cứu của NCS, có mời Khoa chuyên môn, các học giả và các học viên nâng cao. NCS cần dự thảo nội dung của bài trình bày, các ấn phẩm; phải bảo vệ các lý thuyết và ý tưởng nghiên cứu của mình (v) Thảo luận về giảng dạy công vụ và môi trường hoặc về Khoa học chính trị và phát triển chuyên nghiệp

Các kỹ năng nghiên cứu cơ bản: (i) Kỹ thuật sử dụng các công cụ nghiên cứu cơ bản: Phân tích các dữ liệu chính trị (Khoa học chính trị); Kỹ thuật thống kê trong xã hội học; Thống kê trong nghiên cứu quản lý công; (ii) Kỹ thuật sử dụng các công cụ nghiên cứu nâng cao: Kỹ thuật phân tích định lượng; Khả năng sử dụng ngôn ngữ

Các môn học định hướng bao gồm bắt buộc và lựa chọn: (i) Học bắt buộc về Khoa học chính trị trong đó bao gồm: Chính trị Hoa Kỳ; Chính trị so sánh; Quan hệ quốc tế; Phương pháp và lý thuyết chính trị; (ii) Học các môn lựa chọn như: Chính sách môi trường; Quản lý công; Tài chính công; Chính sách đô thị

(7) Chương trình đào tạo Tiến sĩ Chính sách công và phân tích chính sách liên kết giữa Trường SPEA và Khoa Khoa học chính trị thuộc Trường Đại học Tổng hợp Indiana

Đối với chuyên ngành chính sách công: (i) Thiết kế và phương pháp nghiên cứu hoặc nhập môn nghiên cứu chính trị: 30 tiết; (ii) Nhập môn chính sách công: 30 tiết; (iii) Thảo luận về quá trình chính sách công hoặc Hành chính công, Luật và Chính sách: phương pháp tiếp cận và các vấn đề: 30 tiết

Đối với chuyên ngành phân tích chính sách: (i) Thiết kế và phương pháp nghiên cứu hoặc nhập môn nghiên cứu chính trị: 30 tiết; (ii) Phân tích chính sách và quản lý hoặc Nghiên cứu hoạt động: 30 tiết; (iii) Thảo luận về phân tích chính sách: 30 tiết

Những môn học tự chọn theo tư vấn của người hướng dẫn khoa học

Các kỹ năng công cụ cơ bản

Phân tích dữ liệu chính trị I và II

Các kỹ thuật thống kê trong kinh tế học I và II

Thống kê cho nghiên cứu trong công vụ I và II

Các phương pháp kinh tế lượng trong kinh doanh I và II

Những nguyên tắc cơ bản của thống kê xã hội I và II.

Các kỹ năng công cụ nâng cao: Năng lực về phân tích định lượng nâng cao hoặc Kỹ năng nghiên cứu chuyên sâu. Năng lực về ngoại ngữ phù hợp với lĩnh vực nghiên cứu.

Những lĩnh vực tập trung

Học viên chọn 2 lĩnh vực tập trung, 01 lĩnh vực từ Khoa học chính trị và 01 từ đại học SPEA: (i) Khoa học chính trị: Chính trị Mỹ; Chính trị so sánh; Quan hệ quốc tế; Triết lý chính trị; Lý thuyết và phương pháp luận chính trị; (ii) Trường SPEA: Chính sách môi trường; Quản lý công; Tài chính công; Chính sách đô thị

(8) Chương trình đào tạo tiến sĩ chính sách công ở Hàn Quốc

Sau khi tốt nghiệp cao học, học viên được quyền lựa chọn tham gia chương trình đào tạo tiến sĩ chính sách công. Chương trình này bao gồm 4 khối kiến thức: (1) khối kiến thức đại cương, (2) khối kiến thức chung; (3) khối kiến thức chuyên ngành; (4) khối kiến thức chuyên sâu. Thứ nhất, học viên phải học khối kiến thức chung liên quan đến nhiều lĩnh vực khoa học trong xã hội. Lĩnh vực này bao gồm hai nhóm chủ yếu; (1) phương pháp nghiên cứu, (2) tư tưởng và triết học trong nhận thức. Thứ hai, khối kiến thức chuyên ngành được phân thành hai nhóm, học viên có thể chọn một trong hai nhóm ngành chính sách công hay quản lý công. Cuối cùng, kiến thức chuyên sâu về chính sách công trên các lĩnh vực. Khung chương trình bao gồm: Kiến thức đại cương; Kiến thức chung; Nghiên cứu chuyên ngành.

PHẦN 2

NĂNG LỰC ĐÀO TẠO

TÊN NGÀNH: CHÍNH SÁCH CÔNG

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: TIẾN SĨ

MÃ SỐ: 9340402

PHẦN 2. NĂNG LỰC ĐÀO TẠO

TÊN NGÀNH: CHÍNH SÁCH CÔNG

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: TIẾN SĨ

MÃ SỐ: 9340402

1. Khái quát chung về quá trình đào tạo

1.1. Các ngành, trình độ và hình thức đang đào tạo

Tính đến 15/10/2022, Học viện Chính sách và Phát triển có 10 ngành đào tạo bậc đại học (Kinh tế, Quản lý Nhà nước, Tài chính - Ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Quản trị kinh doanh, Luật Kinh tế, Kinh tế Phát triển; Kinh tế số, Kế toán, Ngôn ngữ Anh) với 21 chuyên ngành/chương trình đào tạo. Trong đó, có 02 chương trình chất lượng cao (Kinh tế đối ngoại, Tài chính ngân hàng) và 20 chương trình đại trà (Quản lý công, Tài chính, Ngân hàng, Đầu tư, Đấu thầu, Kế hoạch phát triển, Kinh tế đối ngoại, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị marketing, Thương mại Quốc tế và logistic, Luật đầu tư kinh doanh, Kinh tế phát triển, Kế toán - kiểm toán, Tiếng Anh kinh tế và kinh doanh). Học viện đào tạo sau đại học trình độ Thạc sĩ có 05 chuyên ngành đào tạo (Chính sách công, Tài chính - ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Kinh tế phát triển và Quản trị kinh doanh).

1.2. Quy mô đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo

Học viện thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ, việc tổ chức quản lý đào tạo được thực hiện theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Học viện.

Trải qua 14 năm hình thành và phát triển quy mô và chất lượng đào tạo của Học viện không ngừng nâng cao. Học viện hiện có 13 năm đào tạo trình độ đại học, 8 năm đào tạo Thạc sĩ. Học viện thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ, việc tổ chức quản lý đào tạo được thực hiện theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Học viện. Trong 5 năm gần đây, Học viện phát triển thêm nhiều ngành học mới, thường xuyên rà soát, chỉnh sửa, bổ sung các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập của nền kinh tế. Xây dựng và công khai khoảng hơn 300 đề cương chi tiết các học phần. Sự phát triển này xuất phát từ yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện và đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của xã hội. Các chương trình đào tạo (CTĐT) mới xây dựng được tham khảo từ các chương trình của các nước tiên tiến, có sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học trong và ngoài trường, của các nhà sử dụng lao động, các cựu sinh viên của trường. CTĐT được định kỳ bổ sung, điều chỉnh. Các CTĐT có mục tiêu rõ ràng, liên thông, đáp ứng được chuẩn đầu ra.

Đào tạo bậc đại học gồm: Hình thức đào tạo đại học hệ chính quy với quy mô tuyển sinh từ 1.500 - 1600 sinh viên/khóa; bên cạnh tuyển sinh hệ chuẩn có hệ chất lượng cao (tuyển sinh từ năm 2015) đáp ứng yêu cầu xã hội về nguồn nhân lực có chất lượng cao. Hiện nay, Học viện đang tổ chức đào tạo cho gần 5.500 sinh viên thuộc 10 ngành đào tạo trình độ đại học. Học viện luôn hướng đến chính sách phục vụ người học theo quan điểm “Người học là trung tâm” và đồng thời là “chủ thể tương tác nâng cao chất lượng đào tạo”. Người học được Học viện hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Người học tại Học viện được đảm bảo đầy đủ các quyền lợi, các chế độ chính sách xã hội và được chăm sóc, tạo điều kiện để tu dưỡng, rèn luyện bằng các biện pháp thiết thực, hiệu quả, mà còn tham gia vào quá trình đánh giá các khâu, quy trình, chương trình đào tạo, chất lượng phục vụ. Người học tại Học viện có chỉ số năng lực tốt, có nền tảng kiến thức phổ thông vững chắc, sức học tốt; thái độ tinh thần học tập chăm chỉ, tự tin, thể hiện được năng lực của bản thân, có khả năng đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng nói riêng và của xã hội nói chung.

Hiện nay, Học viện đã có 9 khóa sinh viên tốt nghiệp. Tổng số sinh viên tốt nghiệp trong 6 năm gần đây là 2.795 sinh viên. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 12 tháng trong giai đoạn 2020-2022 đạt trên 95%, trong đó khoảng 60% có việc làm đúng ngành đào tạo. Đào tạo bậc sau đại học, Học viện tuyển sinh thạc sĩ từ năm 2015 và trong 6 năm qua đã tuyển sinh, đào tạo cấp bằng thạc sĩ được 600 học viên cao học.

Hình thức đào tạo ngắn hạn cấp chứng chỉ cho người học: Học viện thường xuyên và định kỳ mở các lớp đào tạo ngắn hạn bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ cho người học về các lĩnh vực: Đấu thầu cơ bản, nâng cao; Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu. Đào tạo theo nhu cầu xã hội bao gồm: Đào tạo theo đơn đặt hàng của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam về kỹ năng sư phạm nâng cao.

Các chương trình học đều được đánh giá phù hợp với nhu cầu xã hội và thực hiện theo đúng quy trình quản lý, có tài liệu bài môn học, đảm bảo chất lượng đào tạo thông qua các ý kiến phản hồi của người học về các khóa đào tạo.

1.3. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm trong 2 năm gần nhất của ngành đăng ký đào tạo

a) Đối với quy mô toàn Học viện, tỷ lệ người học có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo tăng hàng năm, theo báo cáo tổng hợp về khảo sát cựu sinh viên ra trường, tỷ lệ sau 6 tháng có việc làm đạt trên 90%, sau 12 tháng đạt trên 98%.

Người học tại Học viện hoàn toàn có đủ năng lực và kỹ năng để tự tìm việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Theo kết quả khảo sát về tình hình

sinh viên tự tìm việc làm và tạo việc làm đối với cựu sinh viên khóa 3-8 có tới: 87% sinh viên có khả năng tạo việc làm thông qua các hình thức tự kinh doanh và chiếm 68,9% sinh viên làm khu vực ngoài nhà nước và 15,3% sinh viên làm trong khu vực nhà nước. Nhằm tạo điều kiện hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm, ngay trong thời gian học tại Học viện, thông qua giới thiệu của giảng viên các khoa và trong quá trình thực tập, nhiều người học đã tiếp cận được với cơ hội nghề nghiệp và có việc làm sau khi vừa tốt nghiệp.

Học viện đã tiến hành khảo sát mức độ phù hợp việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Kết quả điều tra sơ bộ bước đầu cho thấy, tỷ lệ trung bình sinh viên tốt nghiệp có 63% sinh viên tốt nghiệp có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo có xu hướng tăng theo từng năm.

b) Đối với ngành Chính sách công, qua kết quả điều tra sơ bộ đối với các sinh viên Tốt nghiệp trong 02 năm gần nhất cho thấy tỉ lệ có việc làm của sinh viên đạt 83,5%. Số lượng sinh viên chưa tìm được việc làm chủ yếu là các đối tượng học tiếp lên trình độ cao hơn hoặc lí do về gia đình (đã lập gia đình và sinh con nhỏ đối với sinh viên nữ).

Đối với học viên đào tạo trình độ thạc sĩ thì 100% học viên đều đã có việc làm trong các đơn vị hành chính sự nghiệp của Nhà nước và các doanh nghiệp. Trong đó có nhiều học viên giữ vị trí từ cấp phòng, cấp sở trong các đơn vị hành chính, sự nghiệp của Nhà nước.

2. Đội ngũ giảng viên

Học viện hiện có 04 PGS, 62 Tiến sĩ và 84 thạc sĩ, hầu hết đội ngũ giảng viên đã và đang tham gia tích cực vào công tác đào tạo và nghiên cứu như: giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hướng dẫn luận văn cao học, luận án tiến sĩ cho nghiên cứu sinh, làm phản biện, tham gia hội đồng chấm luận văn ở các trường đại học trên địa bàn Hà Nội: trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện Tài chính, Trường Đại học Ngoại thương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Ngân hàng... Ngoài ra Học viện còn có nhiều cán bộ, giáo viên thỉnh giảng có trình độ cao (từ Tiến sĩ trở lên) là cán bộ đang công tác tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các trường Đại học, Học viện và Viện nghiên cứu ở khu vực Hà Nội.

Bảng 1.2. Danh sách cán bộ cơ hữu đứng tên mở ngành đào tạo

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
1.	Đào Văn Hùng , 1960, Giảng viên cao cấp	PGS, 2005	Tiến sĩ Việt Nam 2001	Tài chính – Ngân hàng/ Kinh tế vĩ mô	Trường Đại học Kinh tế Quốc dân/ Viện Chiến lược phát	Đã hướng dẫn 08 NCS bảo vệ thành công luận án TS; Đã hướng dẫn 40 HVCH bảo vệ thành công luận

					triển/Học viện Chính sách và phát triển	văn ThS; Đã hoàn thành 8 đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ, Thành phố; Đã công bố 45 bài báo khoa học trong nước, trong đó có 07 bài báo khoa học thuộc tạp chí uy tín (ISI, Scopus); Số sách đã xuất bản: 18 cuốn;
2.	Ngô Phúc Hạnh , 1977, Trưởng khoa Chính sách công	PGS, 2014	Tiến sĩ Việt Nam 2008	Quản lý kinh tế	Trường Đại học Thương mại/Học viện Chính sách và phát triển	Đã hướng dẫn 60 học viên bảo vệ thành công luận văn ThS; Đã hoàn thành 4 đề tài NCKH cấp Bộ, Thành phố; Đã công bố 48 bài báo khoa học trong nước, trong đó có 05 bài báo khoa học thuộc tạp chí uy tín (ISI, Scopus; Springer); Số sách đã xuất bản: 5 cuốn;
3.	Đào Hoàng Tuấn , 1985, Viện trưởng		Tiến sĩ Hoa Kỳ 2013	Kinh tế vĩ mô quốc tế và Tài chính quốc tế	Học viện Chính sách và Phát triển/Trường Đại học Tài chính – Kế toán	Đã hướng dẫn 23 học viên bảo vệ thành công luận văn ThS; Đã hoàn thành 6 đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp cơ sở; Đã công bố 31 bài báo khoa học, trong đó có 06 bài báo khoa học thuộc tạp chí uy tín (ISI, Scopus); Số sách đã xuất bản: 10 cuốn;
4.	Nguyễn Như Hà , 1982, Trưởng Khoa		Tiến sỹ, CH Pháp 2016	Luật Kinh doanh quốc tế	Học viện Chính sách và Phát triển/Đại học Quốc gia Hà Nội	Đang hướng dẫn 01 NCS (dự kiến bảo vệ luận án TS tháng 11/2022); Đã hướng dẫn 05 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS; Đã hoàn thành 05 đề tài NCKH cấp cơ sở; Đã công bố 15 bài báo khoa học trong nước. Số sách đã xuất bản: 01 cuốn.
5.	Nguyễn Thế Vinh , 1977, Phó Giám đốc Học viện		Tiến sỹ, Việt Nam, 2016	Kinh tế phát triển	Học viện Chính sách và Phát triển	Đã hoàn thành 23 đề tài NCKH, trong đó: Chủ nhiệm và tham gia với vai trò thư ký, thành viên chính 13 đề tài cấp bộ và 11 đề tài cấp Tỉnh và cấp cơ sở; Có 11 bài báo khoa học đã công bố; Số sách xuất bản: 5 cuốn.

6.	Nguyễn Nam Hải , 1973, Giảng viên		Tiến sỹ, Việt Nam, 2019	Quản trị nhân lực	Học viện Chính sách và Phát triển	Đã hướng dẫn 01 học viên bảo vệ thành công luận văn ThS; Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp học Bộ và đã tham gia 11 đề tài NCKH cấp Bộ; 01 đề tài NCKH cấp học Học viện. Đã công bố 08 bài báo khoa học trong 5 năm trở lại đây, trong đó có 02 bài báo khoa học tạp chí được Hội đồng chức danh GSNN xếp hạng 1 điểm; Số sách đã xuất bản: 02 cuốn;
7.	Trần Thị Trúc , 1973, Giảng viên		Tiến sỹ Việt Nam 2019	Kinh tế học	Học viện Chính sách và Phát triển	Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp Học viện; tham gia 01 đề tài NCKH cấp Bộ; Đã công bố 11 bài báo khoa học trong nước và quốc tế, trong đó có 01 bài báo khoa học thuộc tạp chí uy tín (ISI, Scopus) và 04 bài báo khoa học thuộc tạp chí trong nước và quốc tế được Hội đồng chức danh GSNN xếp hạng 1 điểm; Số sách đã xuất bản: 01 cuốn;
8.	Lê Thị Nhung , 1986, Giảng viên		Tiến sỹ Việt Nam 2018	Kinh tế	Học viện Chính sách và Phát triển	Đã hướng dẫn 03 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn ThS; Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp Học viện; tham gia 15 đề tài NCKH cấp học viện; Đã công bố 19 bài báo khoa học trong nước và quốc tế, trong đó có 02 bài báo khoa học thuộc tạp chí uy tín (ISI, Scopus) và 04 bài báo khoa học thuộc tạp chí được Hội đồng chức danh GSNN xếp hạng 1 điểm; Số sách đã xuất bản: 01 cuốn;
9.	Lưu Minh Đức , 1977, Giảng viên		Tiến sỹ, Australia, 2018	Quản trị kinh doanh, kinh tế chính trị	Học viện Chính sách và Phát triển	Đã hoàn thành 03 đề tài NCKH cấp Bộ; đã công bố 10 bài báo khoa học trong nước, trong đó có 01 bài báo khoa học thuộc tạp chí uy tín quốc tế; Số sách đã xuất bản 01 do

						Oxford University Press xuất bản
10.	Bùi Thanh Bình , 1978, Giảng viên		Tiến sỹ, Việt Nam, 2021	Xã hội học	Học viện Chính sách và Phát triển	Đã tham gia 02 đề tài NCKH cấp Bộ; Đã công bố 07 bài báo khoa học trong nước và quốc tế, trong đó có 02 bài báo khoa học thuộc hội thảo quốc tế được Hội đồng chức danh GSNN công nhận và có chỉ số trích dẫn ISI, và 04 bài báo khoa học thuộc tạp chí được Hội đồng chức danh GSNN; Số sách đã xuất bản 01 quyển;

Chi tiết thông tin về kết quả nghiên cứu nổi bật của các giảng viên cơ hữu đứng tên mở ngành đào tạo như sau:

(1). PGS.TS Đào Văn Hùng, Giảng viên cơ hữu, chủ trì mở ngành, chủ nhiệm đề án

a. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Đã hướng dẫn 08 NCS bảo vệ thành công luận án TS; Đã hướng dẫn 40 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS; Đã hoàn thành 8 đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ, Thành phố; Đã công bố 45 bài báo khoa học trong nước, trong đó có 07 bài báo khoa học thuộc tạp chí uy tín (ISI, Scopus); Số sách đã xuất bản 18;

Các công trình tiêu biểu:

1. Sách Giáo trình (Chủ biên): Đào Văn Hùng và cộng sự, *Phân tích chính sách*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2019. Nội dung của giáo trình tập trung vào các cách tiếp cận, tiêu chí, phương pháp, công cụ, mô hình phân tích chính sách công; gắn phân tích chính sách với từng nội dung cụ thể của quy trình chính sách. Giáo trình cũng đưa ra các tình huống thực tiễn, hệ thống bài tập để thông qua đó các học viên có thể hiểu được các nội dung mang tính lý thuyết cũng như tăng cường kỹ năng thực hành phân tích chính sách công

2. Đào Văn Hùng (2021). Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý thúc đẩy thị trường mua bán nợ ở Việt Nam phát triển. Tạp chí tài chính, 2(753): 56-59.

3. Dao Hung Van, Ngoc Bich Nguyen, Minh Duong Ngo, Van Thi Nguyen (2021). Determinants of Social Performance of MFIs in Vietnam. Pacific Business Review (International), Volume 14, issue 6, December 2021, 107-119. URL: <http://www.pbr.co.in/2021/December12.aspx>

4. Van Hung Dao et al. (2022). The Central Bank Independence in Relation to Inflation and Growth: An Empirical Evidence from Vietnam. Universal Journal of Accounting and Finance, 10(2): 465-475. URL: <https://www.hrpub.org/download/20220228/UJAF11-12225968.pdf>

5. Sách chuyên khảo “Quản lý nợ công tại Việt Nam, tiếp cận tới thông lệ quốc tế” do NXB Đại học Quốc gia xuất bản năm 2016. Cuốn sách nghiên cứu tổng quan về lý thuyết nợ công và quản lý nợ công, phân tích các rủi ro về nợ công, sự phối hợp các chính sách trong quản lý nợ công. Cuốn sách cũng đưa ra những so sánh về nợ công của Việt Nam so với thông lệ quốc tế và đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng quản lý nợ công ở Việt nam giai đoạn 2016 – 2020.

6. Đề tài khoa học cấp Bộ “tăng cường thu hút vốn ODA gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và vùng lãnh thổ” đã nghiệm thu năm 2015, đạt loại xuất sắc. Đề tài nghiên cứu tác động của ODA tới tăng trưởng kinh tế ở các quốc gia, mối quan hệ giữa vay vốn ODA với nợ công. Đề tài chỉ ra những bất cập trong việc thu hút ODA gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam và đề xuất một số định hướng, giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng ODA thông qua gắn thu hút ODA với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương.

7. Bài báo khoa học “Phát triển hệ thống tài chính nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam” đăng trên tạp chí Khoa học thương mại, trang 3 – 11, số 99/2016. Bài viết nghiên cứu vai trò của tài chính đối với tăng trưởng kinh tế, các tiêu chí đánh giá sự phát triển hệ thống tài chính. Bài viết cũng tập trung phân tích, đánh giá về thực trạng hệ thống tài chính Việt Nam bao gồm: Hệ thống ngân hàng thương mại, các công ty quản lý quỹ ở Việt Nam, quỹ hưu trí của Việt Nam, quy mô thị trường bảo hiểm từ đó đề xuất một số giải pháp phát triển hệ thống tài chính nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong thời gian tới.

8. Bài báo khoa học “Experimental study on factors affecting the attraction of foreign direct investment in Vietnam” đăng trên tạp chí International Journal of Business Research (Mỹ). June 2017. – Vol 17, Issue 2. – pp.101-108. (DOI: 10.18374/IJBR-17-2.8); Tạp chí thuộc loại Scopus; Chỉ số IF: 6,939. Bài viết tập trung phân tích 04 nhân tố bao gồm: nguồn lực (nguyên liệu, vốn, nhân lực, công nghệ), cơ sở hạ tầng, chính sách và mức độ rủi ro của FDI so với các hình thức đầu tư khác có tác động tới việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam, trong đó khẳng định nhân tố chính sách có tác động lớn nhất.

9. Bài báo khoa học “Factors affecting the fluctuation of exchange rate in Vietnam” đăng trên tạp chí European Journal of Business Research (Mỹ). June 2018. – Vol.18, Issue 1. – p.49-57. (DOI: 10.18374/IJBR-18-1.7). Tạp chí có chỉ số Researchbib; ICI; ERA. Nghiên cứu này tổng quan về tỷ giá và chế độ tỷ giá hối đoái ở Việt Nam trong thời gian qua. Tác giả đã sử dụng công cụ định lượng để xem xét ảnh hưởng của các nhân tố như tăng trưởng kinh tế, lãi suất, cung tiền và tỷ giá danh nghĩa đến dao động tỷ giá thực. Từ đó đề xuất nên kiểm soát tỷ giá thực thay vì kiểm soát tỷ giá danh nghĩa như hiện nay.

10. Giáo trình (chủ biên): **Đào Văn Hùng** và cộng sự, *Nguyên lý Tài chính, Tiền tệ*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017, Chương 2, 6, 8, 19.

11. Sách chuyên khảo: **Đào Văn Hùng** & cộng sự, *Cải cách hệ thống tài chính Việt Nam: Động lực và trở ngại*, Đào Văn Hùng, NXB Đại học Quốc gia, 2016.

12. Công trình khoa học: **Đào Văn Hùng** và cộng sự, *Luận cứ khoa học cho việc hình thành và phát triển thị trường mua bán nợ ở Việt Nam*, Đề tài cấp Nhà nước; Nghiệm thu năm 2020.

13. Công trình khoa học: **Đào Văn Hùng**, *Xác định trần nợ công và ngưỡng nợ công ở Việt Nam giai đoạn 2016-2020*, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, Trang 11 – 19, Số 227/2016.

14. Công trình khoa học: **Hung D.V.**, Minh Phuong L.T., *Statistical model for empirical analysis of corporate income tax on labor productivity and revenue of enterprises in Vietnam*. International Journal of Applied Mathematics and Statistics, 2020, 59(1): 63-75. (ISI-ESCI)

b. Các hướng nghiên cứu chủ yếu

Sau hơn 35 năm giảng dạy và nghiên cứu khoa học, cũng như sau khi được công nhận chức danh PGS, tôi tập trung vào 3 hướng nghiên cứu chủ yếu sau:

1) *Chính sách tài chính – tiền tệ*, như: chính sách tài chính – tiền tệ trong ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng; luận cứ khoa học của việc đổi mới chính sách và cơ chế quản lý tiền tệ trong nền kinh tế thị trường; điều hành kinh tế vĩ mô ở Việt Nam; tái cấu trúc nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; điều hành chính sách lãi suất, tỷ giá, lạm phát ở Việt Nam.

2) *Phát triển và cải cách hệ thống tài chính*, như: luận cứ khoa học cho việc hình thành thị trường mua bán nợ ở Việt Nam; cải cách hệ thống tài chính và vai trò của nhà nước trong phát triển hệ thống tài chính; hoạt động tài chính vi mô ở Việt Nam; rào cản tín dụng với doanh nghiệp.

3) *Nợ công và quản lý nợ công tại Việt Nam và trên thế giới*, như: nghiên cứu cơ sở lý luận về nợ công và quản lý nợ công; ứng dụng mô hình thực nghiệm trong xác định trần nợ công và ngưỡng nợ công ở Việt Nam; quản lý nợ công ở Việt Nam nhìn từ bài học quốc tế; tái cấu trúc đầu tư công ở Việt Nam theo thông lệ quốc tế.

(2). PGS.TS Ngô Phúc Hạnh, Giảng viên cơ hữu, chủ trì mở ngành

a. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Đã hướng dẫn 60 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS; Đã hoàn thành 4 đề tài NCKH cấp Bộ, Thành phố; Đã công bố 48 bài báo khoa học trong nước, trong đó có 05 bài báo khoa học thuộc tạp chí uy tín (ISI, Scopus; Springer); Số sách đã xuất bản: 5 cuốn;

Các công trình tiêu biểu:

1. Sách Giáo trình (thành viên): Ngô Phúc Hạnh và cộng sự, *Phân tích chính sách*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2019. Nội dung của giáo trình tập trung vào các cách tiếp cận về phân tích chính sách công; quy trình phân tích

chính sách, các tiêu chí, phương pháp, công cụ, mô hình phân tích chính sách công; các nhân tố ảnh hưởng tới phân tích chính sách; gắn phân tích chính sách với từng nội dung cụ thể của quy trình chính sách. Giáo trình cũng đưa ra hệ thống các câu hỏi, bài tập và các tình huống thực tiễn thông qua đó người đọc, người học có thể hiểu được các nội dung mang tính lý thuyết cũng như tăng cường kỹ năng thực hành phân tích chính sách công.

2. Chủ nhiệm đề tài (nhánh đề tài cấp Bộ): *“Nghiên cứu các giải pháp đột phá nhằm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài từ các đối tác chiến lược thuộc khu vực Châu Âu và Hoa Kỳ trong bối cảnh nền kinh tế số hóa và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0”*, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2018. Đã nghiệm thu năm 2018, đạt loại tốt. Đề tài có đề cập đến các nội dung liên quan đến việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài từ các đối tác chiến lược thuộc khu vực Châu Âu và Hoa Kỳ trong bối cảnh nền kinh tế số hóa và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, chủ yếu tập trung vào các giải pháp đột phá đã được thực hiện trong giai đoạn 2010 – 2017; từ đó đề xuất các giải pháp cũng như các khuyến nghị chính sách có liên quan

3. Thành viên Đề tài: *“Đánh giá và đề xuất các chính sách thu hút vốn FDI trong bối cảnh chuyển đổi nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh”*, Bộ Tài nguyên môi trường, 2018, đề tài đã nghiệm thu năm 2018 và đạt loại xuất sắc. Đề tài đã có những phân tích thực trạng về việc thu hút FDI của Việt Nam giai đoạn 2010- 2017; phân tích những chính sách thu hút FDI trong giai đoạn này và đặc biệt có tập trung nhiều vào bối cảnh chuyển đổi nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh. Từ đó có những đánh giá và đề xuất các giải pháp chính sách thu hút vốn FDI theo hướng tăng trưởng xanh cho giai đoạn đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

4. Thành viên đề tài: *Giải pháp chủ yếu thu hút và nâng cao hiệu quả Quản lý Nhà nước các dự án đầu tư nước ngoài trên địa bàn Hà Nội đến năm 2025*. Đề tài cấp Thành phố Hà Nội. 2018

1. *Phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng xu hướng số hóa của nền kinh tế: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam - Đặc san nghiên cứu chính sách và phát triển - Số 2 (Tháng 6/2022)*

2. *Chính sách phát triển nguồn nhân lực đáp ứng xu hướng số hóa của nền kinh tế tại Hàn Quốc - Tạp chí giáo dục và xã hội - Số 133 (Tháng 4/2022)*

3. *Nguồn nhân lực trong bối cảnh số hóa của nền kinh tế: Thực tiễn tại một số quốc gia Châu Á và hàm ý chính sách cho Việt Nam. Tạp chí giáo dục - Tập 22 Số đặc biệt 7(Tháng 6/2022)*

4. *Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước các dự án FDI trên địa bàn Hà Nội đến năm 2025; Tạp chí Kinh tế và dự báo, số 23 (777)/2021*

5. *Climate services for a resilient infrastructure: planning perspectives for sustainable future of Vietnam; adaptationcommunity.net; 2020*

<https://www.adaptationcommunity.net/download/climateinformation/Enhancing-Climate-Services-for-Infrastructure-Investment-Planning-in-Vietnam>

6. *Impact of Fiscal and monetary policy on economic growth in Vietnam*, International Journal of Applied Mathematics & Statistics, Vol. 58; Issue #1, 2019. ISSN 0973-1377; 0973-7545], Tạp chí thuộc danh mục ISI.

7. *Climate services for a resilient infrastructure: planning perspectives for sustainable future of Vietnam*. Oceans and Coasts Newsletter, 2019.

8. *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong ngành logistics tại Việt Nam*. Hội thảo Quốc gia: Phát triển thương mại trong bối cảnh công nghiệp năng suất và bền vững, 2019

9. *Xây dựng thương hiệu cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp phát triển*. Hội Thảo Quốc gia: Quản trị thương hiệu hướng tới tương lai. Hà Nội, 2018..

10. *Improving quality of foreign direct investment attraction in Vietnam*, International Journal of Quality Innovation; Springer Open, 2017

11. *Influencing factors to effective application of Lean management in Vietnam*, International Journal of Research in Finance and Marketing (Impact Factor: 6.397, Scopus ID: 66CAE1D4520ADF6B), 2017

12. *Improving quality of foreign direct investment attraction in Vietnam*; 14th ANQ Congress: Quality is the meaning of life - not a single day without quality Vladivostok, Russia, 2016

13. *The relationship between organization commitment and government performance of office staff in Hanoi*; Kỷ yếu khoa học tại Hội thảo Quốc tế ICECH2015 – International Conference on Emerging Challenges: Managing to Success; 2015

b. Các hướng nghiên cứu chủ yếu

Sau hơn 23 năm giảng dạy và nghiên cứu khoa học, cũng như sau khi được công nhận chức danh PGS, tôi tập trung vào 3 hướng nghiên cứu chủ yếu sau:

1. *Nghiên cứu về các nhân tố và các chính sách tác động đến nền kinh tế như: nghiên cứu về quan hệ tăng trưởng kinh tế và lạm phát; nghiên cứu, phân tích, nhìn nhận chính sách tài chính, tiền tệ; các chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp của Việt Nam hiện nay; chính sách về nhân lực trong quá trình chuyển đổi số.*

2. *Nghiên cứu về việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài và các chính sách có liên quan như: các hoạt động FDI; các chính sách đột phá nhằm thu hút FDI trong bối cảnh chuyển đổi nền kinh tế theo hướng tăng trưởng bền vững;*

3. *Nghiên cứu về hội nhập kinh tế và thương mại quốc tế, hệ thống quản lý doanh nghiệp trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế như: nghiên cứu về logistic; thương hiệu; chất lượng; các hệ thống quản lý hiện đại trong doanh nghiệp.*

3. TS. Đào Hoàng Tuấn, Giảng viên cơ hữu, chủ trì mở ngành

a. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Đã hướng dẫn 23 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS; Đã hoàn thành 6 đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp cơ sở; Đã công bố 31 bài báo khoa học, trong đó có 06 bài báo khoa học thuộc tạp chí uy tín (ISI, Scopus); Số sách đã xuất bản 10;

Các công trình tiêu biểu:

- Nguyen Thi Minh Hue, Dao Hoang Tuan and Doan Minh Hoang. The Impact of Monetary Policy and Accessibility of Foreign Investment to the Firm's Investment Spending: The Evidence of Vietnam. *Indian Journal of Economics and Development*, Volume 18, Issue 4, 2022 (*ISI-ESCI, Scopus Q3*)

- Hoang Tuan Dao, et. al (2022). Application of ARDL Model in Analyzing Several Factors affect the Vietnam Stock Price Index. *Journal of Asian Finance, Economics and Business*, Volume 9, Issue 5, 2022 (*ISI-ESCI*)

- Hoang Tuan Dao & Taesu Kang Non-performing loans and the lending channel of shock transmission across countries. *Cogent Business & Management*, Volume 9, Issue 1, 2022 (*Scopus-Q2*)

- Dao Hoang Tuan. Determinants of linkages between foreign direct investment firms and domestic firms in Vietnam. *International Journal of Advanced and Applied Sciences*, Volume 8, Issue 6, 2021 (*ISI-ESCI, Scopus*)

- Đào Hoàng Tuấn. Thực trạng liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa: Nhìn từ góc độ ngành. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, số 01, tháng 1, 2021

- Đào Hoàng Tuấn. Một số giải pháp tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài và doanh nghiệp trong nước ở Việt Nam. *Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế*, số 133, tháng 12, 2020

- Sách giáo trình (chủ biên): Đào Hoàng Tuấn và cộng sự, *Tài chính quốc tế*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2022, Chương 6, 8, 13, 14.

- Sách chuyên khảo (chủ biên): Đào Hoàng Tuấn và cộng sự, *Liên kết doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp Việt Nam*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2021.

b. Các hướng nghiên cứu chủ yếu

Đã có 9 năm giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tập trung vào 3 hướng nghiên cứu chủ yếu sau:

(1) Kinh tế quốc tế, như: Thu hút FDI, tác động của FDI và các chính sách liên quan đến FDI, như chính sách thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước; nền kinh tế của Việt Nam trong quá trình hội nhập, đặc biệt trước những biến động của nền kinh tế thế giới; tỷ giá, chính sách tỷ giá và vai trò của hội nhập tài chính đối với hệ thống tài chính và đối với nền kinh tế;

(2) Hệ thống tài chính và nền kinh tế, như: Cấu trúc của hệ thống tài chính Việt Nam và các sai lệch so với hệ thống tài chính chuẩn mực; cấu trúc của các bộ phận của hệ thống tài chính, như thị trường mua bán nợ, thị trường tài chính xanh, thị trường trái phiếu, và vai trò của việc hình thành, phát triển các thị trường này đối với nền kinh tế;

(3) Tài chính và kinh tế vĩ mô định lượng, như: sử dụng các mô hình định lượng, như mô hình cân bằng tổng thể để mô tả mối quan hệ giữa thị trường tài chính và nền kinh tế, cũng như tác động của nền kinh tế lên hệ thống tài chính trong bối cảnh trong nước và quốc tế.

4/ TS. Nguyễn Như Hà, Giảng viên cơ hữu, chủ trì mở ngành

a. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Đang hướng dẫn 01 NCS (dự kiến bảo vệ luận án TS tháng 11/2022); Đã hướng dẫn 05 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS; Đã hoàn thành 05 đề tài NCKH cấp cơ sở; Đã công bố 15 bài báo khoa học trong nước. Số sách đã xuất bản 01.

Các công trình tiêu biểu:

1. Chủ nhiệm đề tài cấp cơ sở (Học viện Chính sách và Phát triển): “Nghĩa vụ chứng minh pháp luật nước ngoài trong tư pháp quốc tế Việt Nam” (2021)

2. Tham gia đề tài cấp cơ sở (Học viện Chính sách và Phát triển): “Pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 tại Việt Nam hiện nay” (2020)

3. Tham gia đề tài cấp cơ sở ((Học viện Chính sách và Phát triển): “Pháp luật hợp đồng và ứng dụng hợp đồng thông minh trong lĩnh vực tài chính ngân hàng - kinh nghiệm quốc tế và xu hướng vận dụng của Việt Nam” (2020)

4. Tham gia đề tài cấp cơ sở ((Học viện Chính sách và Phát triển): “Pháp luật về tiền kỹ thuật số tại một số quốc gia trên thế giới và hàm ý chính sách cho Việt Nam” (2019)

5. Tham gia đề tài cấp cơ sở ((Học viện Chính sách và Phát triển): “Xây dựng khuôn khổ pháp lý cho thị trường mua bán phát thải khí nhà kính tại Việt Nam” (2019)

6. Tham gia đề án cấp cơ sở (Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Quảng Ninh): “Hợp nhất Cơ quan Ủy ban Kiểm tra và cơ quan Thanh tra cấp huyện” (2017)

Các bài báo khoa học:

- “*Les enjeux juridiques du traitement des données*”- Sách chuyên khảo xuất bản ở nước ngoài; NXB Éditions Universitaires Européennes ISBN-10: 3639547535, ISBN-13: 978-3639547535 (2017)

- “*Les principales questions juridiques posées par l’informatique en nuage*”- Science & Technology Development Journal - Economics - Law and Management (STDJELM) (ISSN 2588-1051) (2019)

- “*Recensement des questions juridiques posées par l’informatique en nuage*”- La Francophonie en Asie-Pacifique ISSN: 2525-2488, ISBN: 978-604-62-9252-4 (2018)

- “*The impact of the Nagoya Protocol on the balancing of rights between the TRIPS Agreement and the Convention on Biological Diversity*”- Tạp chí Công Thương số 20 tháng 8/2021

- “*Dẫn chiếu và nghĩa vụ chứng minh áp dụng pháp luật nước ngoài trong tư pháp quốc tế Việt Nam*”- Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn số 50 năm 2022, ISSN: 2525-2666

- “*Vấn đề xác định và cung cấp pháp luật nước ngoài khi xét xử các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam*”- Tạp chí Công Thương số 03 tháng 2/2022 ISSN: 0866-7756

- “*Nghĩa vụ chứng minh pháp luật nước ngoài trong giải quyết tranh chấp dân sự có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam*”- Tạp chí Công Thương số 13 tháng 6/2021 ISSN: 0866-7756

- “*Bảo hộ pháp lý đối với cơ sở dữ liệu kinh nghiệm của Châu Âu và khuyến nghị cho Việt Nam*”- Tạp chí Công Thương số 01 tháng 1/2021 ISSN: 0866-7756

- “*Vấn đề hợp nhất cơ quan ủy ban kiểm tra của Đảng và cơ quan thanh tra của Nhà nước*”- Tạp chí Nhân lực Khoa học Xã hội năm 2018 ISSN: 0866-756X

- “*Hợp nhất tổ chức kiểm tra của Đảng và cơ quan thanh tra nhà nước – Nhìn từ góc độ lý thuyết hệ thống*” - Tạp chí Luật học số 01/2018 tháng 4 năm 2018 ISSN: 0868-3522

- “*Hoàn thiện pháp luật kinh tế nhằm tạo đột phá trong Cải cách thể chế kinh tế*”- Hội thảo khoa học Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 và định hướng giai đoạn 2021-2030, do Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ tổ chức tháng 11/2020

- “*Lập trường và đóng góp của Việt Nam trong việc giải quyết tranh chấp Biển Đông*”- Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “*Những phát triển mới của Luật Biển quốc tế - Góc nhìn quốc tế và Việt Nam*”, do Khoa Luật ĐHQGHN, ĐH Duy Tân, Trung tâm Luật quốc tế - ĐH Libre de Bruxelles (Vương quốc Bỉ) tổ chức ngày 07/11/2019

- “*Giải pháp xử lý tài sản bảo đảm trong thị trường mua bán nợ*”- Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia “*Giải pháp hình thành và phát triển thị trường mua bán nợ ở Việt Nam đến năm 2035, các điều kiện thực hiện*” ISBN: 978-604-946-747-9

b. Các hướng nghiên cứu chủ yếu

Đã có 16 năm giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tập trung vào 3 hướng nghiên cứu chủ yếu sau: Luật và Chính sách công, Tư pháp quốc tế, Luật Thương mại quốc tế

5/. TS. Nguyễn Thế Vinh, Giảng viên cơ hữu, chủ trì mở ngành

a. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Đã hoàn thành 23 đề tài NCKH, trong đó: Chủ nhiệm và tham gia với vai trò thư ký, thành viên chính 13 đề tài cấp Bộ và 11 đề tài cấp Tỉnh và cấp cơ sở; Có 11 bài báo khoa học đã công bố; Số sách xuất bản: 5

Các công trình tiêu biểu:

- Đề tài “Nâng cao hiệu suất phát triển đối với Việt Nam” cấp Bộ (MPI) năm 2009
- Đề tài “Quy hoạch phát triển hành lang kinh tế Lạng Sơn – Hà Nội – TPHCM – Mộc Bài (tham gia hành lang xuyên Á Namninh – Singapore)”- Số QĐ 343/QĐ-TTg ngày 13/3/2015
- Đề tài “Xác định phạm vi Nợ công và trần nợ công an toàn của Việt Nam giai đoạn 2016-2020” cấp Bộ (MPI) – năm 2015
- Đề tài “Đánh giá và kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả đối với một số chính sách do Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất đã được cấp có thẩm quyền ban hành” – Số 91/QĐ-BKHĐT ngày 17/01/2013
- Đề tài “Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Cao Bằng đến năm 2020” năm 2006
- Đề tài “ Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Hà Nam đến năm 2020” năm 2007
- Đề tài “Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH huyện Lâm Bình tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020” năm 2012
- Đề tài “Thông lệ đấu thầu quốc tế: dẫn chiếu với Luật Đấu thầu Việt nam và triển vọng đào tạo đấu thầu quốc tế ở Việt Nam” - Học viện (mã số APD.2015.B06) năm 2016
- Đề tài “Rà soát cải cách các quy định quy trình đánh giá năng lực người học áp dụng trong các hệ đào tạo của Học viện Chính sách và Phát triển” - Học viện (mã số APD.2015.A02) năm 2016
- Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Đề tài: “Phát huy lợi thế so sánh phát triển KT-XH tỉnh Vĩnh Phúc” năm 2016
- Đề tài “Quy hoạch tỉnh Quảng Bình đến năm 2030, tầm nhìn 2050”

- Đề tài “Quan điểm, định hướng tăng cường tác động tích cực của tăng trưởng với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ở Việt Nam đến năm 2030” – QĐ số 34/QĐ-ĐT ngày 20/5/2019

- Đề tài “Cơ chế giải quyết kiến nghị trong Đấu thầu tại Việt Nam” - Cơ chế giải quyết kiến nghị trong Đấu thầu tại Việt Nam

- Đề tài “Xây dựng chương trình đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ ngành kế hoạch – đầu tư trong giai đoạn 2016-2020” – cấp Bộ (MPI) năm 2018

- Đề tài “Chiến lược Marketing điểm du lịch tỉnh Quảng Ninh”

- Đề tài “Nhiệm vụ Lập quy hoạch tỉnh Phú Yên đến năm 2030, tầm nhìn 2050”- Số 502/QĐ-TTg

- Đề tài “Nhiệm vụ Lập quy hoạch tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn 2050”

- Đề tài “Quy hoạch tỉnh Nghệ An đến năm 2030 tầm nhìn 2050”

- Đề tài “Đề án phát triển Nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030”

- Đề tài “Đánh giá các yếu tố rủi ro trong các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư tại Việt Nam” – Số APD/2019/B01 Học viện Chính sách và Phát triển

- Đề tài “Xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá lợi thế so sánh cấp tỉnh ở Việt Nam

- Trường hợp nghiên cứu tỉnh Phú Yên” – Số APD/2020/B11 Học viện Chính sách và Phát triển

- Đề tài “Quy hoạch tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn 2050”

- Đề tài “Phát triển dịch vụ xã hội cho người dân nông thôn Việt Nam: thực trạng và giải pháp (Đề tài Thuộc chương trình khoa học công nghệ trọng điểm cấp Quốc Gia KX01/16-20)”- Bộ Khoa học và công nghệ

- Hiện nay đang là chuyên gia tư vấn về Đấu thầu, Quy hoạch cho các tổ chức như McKinsey&Company, Ronald Berger, AlphaBeta, WB, ADB...

Các bài báo khoa học:

- “Đo lường lợi thế so sánh để xác định hướng phát triển của tỉnh Vĩnh Phúc”

- Tạp chí Quản lý kinh tế số tháng 8/2013

- “Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá lợi thế so sánh cấp tỉnh ở Việt Nam”- Tạp chí Kinh tế và dự báo tháng 8/2013

- “Xác định phạm vi nợ công và trần nợ công an toàn của VN giai đoạn 2015-2020”- Kỷ yếu Hội thảo cấp Bộ tháng 9/2015

- “Lạm phát và tăng trưởng kinh tế ở VN”- Kỷ yếu Hội thảo tháng 5/2013

- “Thách thức kinh tế vĩ mô 2012: tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và thúc đẩy tăng trưởng” - Kỷ yếu Hội thảo tháng 6/2012

- “Nhìn lại chính sách tiền tệ 2011-2012 và gợi ý một số chính sách tiền tệ những năm tiếp theo”- Kỷ yếu Hội thảo tháng 12/2012

- “Tác động của tăng trưởng kinh tế đến an sinh xã hội – Lý luận và thực tiễn ở Việt Nam”- Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia ,Đề tài khoa học cấp nhà nước KX.04.17/16-20, ISBN 978-604-946-358-7
- “Thực trạng tác động của tăng trưởng kinh tế đến an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay” - Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia ,Đề tài khoa học cấp nhà nước KX.04.17/16-20, ISBN 978-604-73-6190-8
- “Quan điểm, định hướng và giải pháp kết hợp tăng cường an sinh xã hội với tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững ở Việt Nam giai đoạn tới”- Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia ,Đề tài khoa học cấp nhà nước KX.04.17/16-20, ISBN 978-604-946-503-1
- “Các yếu tố rủi ro thường gặp trong các dự án PPP lĩnh vực kết cấu hạ tầng ở Việt Nam”- Kinh tế và Dự báo Số 9 (727)/2020
- “Quy hoạch tỉnh theo Luật Quy hoạch 2017: từ chính sách đến thực tiễn” - Kinh tế và Dự báo Số 14 (731)/2020
- “Giáo trình Đấu thầu mua sắm” - Học viện Chính sách và Phát triển Đã xuất bản (2021)
- “Giáo trình Đấu thầu theo quy định của các tổ chức quốc tế và nhà tài trợ nước ngoài ở Việt Nam” - Ngân hàng thế giới (2021) Đã xuất bản
- “Public Procurement related complaint handling mechanism in Viet Nam” - Int. J of Procurement Management (2021)Thu IJPM 42192
- “Thu hút và quản lý nhà nước các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thủ đô Hà Nội” - Sách chuyên khảo Đã xuất bản 2021
- “Phát triển bền vững và chỉ tiêu đo lường” - Phát triển bền vững và chỉ tiêu đo lường

b. Các hướng nghiên cứu chủ yếu

Đã có 13 năm giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tập trung vào 3 hướng nghiên cứu chủ yếu sau:

- Kinh tế vĩ mô bao gồm xây dựng, đánh giá các chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển; các cân đối lớn của nền kinh tế cũng như các chương trình phát triển.
- Đấu thầu: các nguyên lý, nguyên tắc về đấu thầu theo Quy định của Pháp luật Việt Nam; quy trình, nguyên tắc đấu thầu của các tổ chức quốc tế; đấu thầu lựa chọn nhà thầu, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.
- Marketing: bao gồm các hoạt động của Marketing và quản trị Marketing của doanh nghiệp và của các tổ chức chính trị, xã hội.

6. TS. Nguyễn Nam Hải, Giảng viên cơ hữu, chủ trì mở ngành

a. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Đã hướng dẫn (2), 01 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn ThS; Đã hoàn thành 01 đề tài NCKH cấp học Bộ, với vai trò là chủ nhiệm đề tài và đã tham gia 11 đề tài NCKH cấp Bộ; 01 đề tài NCKH cấp học Học viện. Đã công bố 08

bài báo khoa học trong 5 năm trở lại đây, trong đó có 02 bài báo khoa học tạp chí được Hội đồng chức danh GSNN xếp hạng 1 điểm; Số sách đã xuất bản 02 quyển;

Các công trình tiêu biểu:

-Nguyễn Nam Hải (2017), “Mối quan hệ giữa sự gắn kết với công việc và kết quả thực hiện công việc của nhân viên trong doanh nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn Hà Nội”, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 33 tháng 11/2017: trang 46-49.

-Nguyễn Nam Hải (2018), “Tăng cường sự tham gia của người dân trong hoạch định chính sách thông qua xây dựng Chính phủ điện tử”, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 35/2018.(ISSN 0866-7120).

-Nguyễn Nam Hải (2018), “Ảnh hưởng của văn hóa tổ chức tới sự gắn kết với công việc của nhân viên trong doanh nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn Hà Nội”, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 252 tháng 6/2018: trang 79-89.

- Nguyễn Nam Hải (2020), “Nhận diện văn hóa tổ chức trong doanh nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn Hà Nội”, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số 27 tháng 09/2020, trang 95 đến 98.

-Nguyễn Nam Hải (2020), “Ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến người lao động và các hàm ý chính sách”, Tạp chí Tài chính, số 737/tháng 9, trang 46 đến 49.

- Nguyễn Nam Hải (2021), “Kinh nghiệm quốc tế về nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa “, Tạp chí Tài chính, số 759/tháng 8/2021, trang 69-72

- Nguyễn Nam Hải (2022), “Ảnh hưởng của thực tiễn đánh giá đến kết quả thực hiện công việc của giáo viên tại các trường trung học cơ sở Việt Nam: Vai trò điều tiết của sự tham gia của giáo viên”, Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 297 tháng 3/2022: trang 83-92.

- Sách chuyên khảo: **Nguyễn Nam Hải & cộng sự** (2014), Chính sách Công, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông.

- Giáo trình phân tích chính sách: **Nguyễn Nam Hải & cộng sự** (2021), Học Viện Chính sách và Phát triển.

b. Các hướng nghiên cứu chủ yếu

Đã có 15 năm giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tập trung vào 2 hướng nghiên cứu chủ yếu sau:

1) Các chính sách kinh tế, bao gồm chính sách phát triển kinh tế tư nhân, chính sách thu hút, khuyến khích đầu tư; Chính phát triển các ngành, lĩnh vực của các doanh nghiệp công nghệ số, công nghệ thông tin; Các chính sách về quản lý nhà nước về kinh tế.

2) Các chính sách phát triển nguồn nhân lực, bao gồm các chính sách phát triển nguồn nhân lực trong các ngành, lĩnh vực công nghệ thông tin, kinh tế số; Chính sách về việc làm, Chính sách về đào tạo đối với doanh nghiệp và nguồn nhân lực ở Việt Nam; Các chính sách về quản lý nguồn nhân lực.

(7). TS. Trần Thị Trúc, Giảng viên cơ hữu, chủ trì mở ngành

a. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Đã hoàn thành 01 đề tài NCKH cấp học viện với vai trò là chủ nhiệm đề tài và đã tham gia 01 đề tài NCKH cấp Bộ; Đã công bố 11 bài báo khoa học trong nước và quốc tế, trong đó có 01 bài báo khoa học thuộc tạp chí uy tín (ISI, Scopus) và 04 bài báo khoa học thuộc tạp chí trong nước và quốc tế được Hội đồng chức danh GSNH xếp hạng 1 điểm; Số sách đã xuất bản 01 quyển;

Các công trình tiêu biểu:

- Tran Thi Truc (2017), The impact of internal migration on the social aspects of the elderly left behind of Vietnam, International Research Journal, No. 04 (58), 134-139;

- Tran Thi Truc (2017), Internal Mobility Children and the Factors impact on the health of the elderly left behind, International Journal of Research in Economics and Social Sciences (IJRESS), Volume 7, Issue 7, 203-220;

- Tran Thi Truc (2017), The impact of migration children on the health of the elderly left behind, The International Scientific and Practical Conference «Scientific Revolutions: Essence and Role in Development of Science and Technology»;

- Nguyen Van Cong, Tran Thi Truc (2016), The impact of internal remittance on the elderly left behind in Vietnam, Volume 18, Number 3, 30-40;

- Tran Thi Truc, Dao Van Hung (2020), The effect of internal migrants on the Economic Lives of the Left-behind Elderly in Vietnam, Indian Journal of Economics and Development, Volume 16, No.3, 327-335, (Scopus-ESCI);

- Phung The Dong, Tran Thi Truc (2021), Đánh giá mức độ độc lập của Ngân hàng Trung ương Việt Nam, Tạp chí Khoa học thương mại, số 158, 3-14.

- Sách chuyên khảo: **Trần Thị Trúc** (chủ biên), *Tác động của di cư nội địa tới đời sống người cao tuổi Việt Nam*, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, 2020.

- Công trình khoa học: **Trần Thị Trúc (chủ nhiệm đề tài)** và cộng sự, Tác động của tiền gửi từ di cư nội địa tới giảm nghèo và bất bình đẳng thu nhập của các hộ gia đình có người cao tuổi ở Việt Nam, Đề tài NCKH cấp Học viện, nghiệm thu năm 2019, xếp loại Xuất sắc;

- Công trình khoa học: **Trần Thị Trúc (Thành viên)** và cộng sự, Tính độc lập của Ngân hàng trung ương: kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam, Đề tài NCKH cấp Bộ, Nghiệm thu năm 2021, xếp loại xuất sắc.

b. Các hướng nghiên cứu chủ yếu

Sau 13 năm giảng dạy và nghiên cứu khoa học với 3 hướng nghiên cứu chủ yếu sau:

1) *Kinh tế phát triển*: Các vấn đề về phát triển kinh tế, xã hội và phát triển bền vững.

2) *Kinh tế vĩ mô*: Các mô hình tăng trưởng kinh tế; kinh tế tuần hoàn; các nhân tố thuộc môi trường vĩ mô tác động tới hoạt động đầu tư của doanh nghiệp; Tăng trưởng xanh, phát triển bền vững; chuỗi cung ứng nông nghiệp Việt Nam.

(8). TS. Lê Thị Nhung, Giảng viên cơ hữu, chủ trì mở ngành

a. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Đã hướng dẫn 03 học viên cao học bảo vệ thành công luận văn ThS; Đã hoàn thành 01 đề tài NCKH cấp học viện với vai trò là chủ nhiệm đề tài và đã tham gia 15 đề tài NCKH cấp học viện; Đã công bố 19 bài báo khoa học trong nước và quốc tế, trong đó có 02 bài báo khoa học thuộc tạp chí uy tín (ISI, Scopus) và 04 bài báo khoa học thuộc tạp chí được Hội đồng chức danh GSNN xếp hạng 1 điểm; Số sách đã xuất bản 01 quyển;

Các công trình tiêu biểu:

- Lê Thị Nhung (2018), Ứng dụng mô hình Miller- Orr trong quản trị vốn bằng tiền tại các doanh nghiệp Việt Nam, Tạp chí Khoa học Thương mại, số 124, 55-61.

- Lê Thị Nhung (2018), Nhân tố tác động đến cơ cấu nguồn vốn của các công ty xi măng niêm yết ở Việt Nam, Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng, số 199, tháng 12/ 2018, 44-54.

- Lê Thị Nhung (2019), Ứng dụng phương pháp định lượng xác định chi phí vốn cổ phần của các công ty cổ phần xi măng niêm yết ở Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán, số 03(188), 48-50.

- Lê Thị Nhung (2019), Các nhân tố tác động đến cơ cấu nguồn vốn: Nhìn từ góc độ ngành bất động sản Việt Nam, Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán, số 07 (192), 27-30.

- Lê Thị Nhung (2020), Nhân tố tác động đến cơ cấu nguồn vốn của các doanh nghiệp xi măng niêm yết ở Việt Nam, Tạp chí Khoa học Thương mại, số 145, 66-76.

- Lê Thị Nhung (2020), Tác động của các nhân tố đến đòn bẩy tài chính doanh nghiệp: Bằng chứng thực nghiệm từ doanh nghiệp bất động sản và vật liệu xây dựng Việt Nam, Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng- Số 222, 37-48.

- Dao Van Hung and Le Thi Nhung (2021), Estimation of factors affecting the financial leverage of enterprises in Vietnam, *Advances and Applications in Statistics*, Volume 69, Number 1, 23-40 (ISI-ESCI).

- Dao Van Hung, Le Thi Nhung and Nguyen The Hung (2021), The impact of capital structure on firm value in Vietnam, *Advances and Applications in Statistics*, Volume 69, Number 2, 115-132 (ISI-ESCI).

- Lê Thị Nhung (2021), Nhân tố tác động đến công bố thông tin trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp vật liệu xây dựng niêm yết ở Việt Nam, *Tạp chí Khoa học Thương mại*, Số 160, 83-94.

- Lê Thị Nhung (2022), Tác động của công bố thông tin trách nhiệm xã hội đến kết quả tài chính của doanh nghiệp ngành vật liệu xây dựng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, *Tạp chí Khoa học Thương mại*- số 169, 71-82.

- Công trình khoa học: Lê Thị Nhung và cộng sự, Ứng dụng phương pháp định lượng xác định cơ cấu mục tiêu của các doanh nghiệp niêm yết ngành xi măng ở Việt Nam, Đề tài NCKH cấp Học viện, nghiệm thu năm 2018, xếp loại Xuất sắc.

b. Các hướng nghiên cứu chủ yếu

Đã có 14 năm giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tập trung vào 2 hướng nghiên cứu chủ yếu sau:

1) Tài chính- đầu tư: Chính sách huy động vốn của doanh nghiệp; chính sách cổ tức của doanh nghiệp, quản trị tài chính doanh nghiệp; tái cấu trúc tài chính doanh nghiệp; cơ cấu nguồn vốn của các doanh nghiệp Việt Nam; biến động giá cổ phiếu doanh nghiệp; công bố thông tin trách nhiệm xã hội doanh nghiệp; hành vi điều chỉnh lợi nhuận trong doanh nghiệp; xây dựng các mô hình định lượng trong lĩnh vực tài chính- đầu tư.

2) Kinh tế đầu tư: Các mô hình tăng trưởng kinh tế; kinh tế tuần hoàn; các nhân tố thuộc môi trường vĩ mô tác động tới hoạt động đầu tư của doanh nghiệp; Tăng trưởng xanh, phát triển bền vững; chuỗi cung ứng nông nghiệp Việt Nam.

(9). TS. Lưu Minh Đức, Giảng viên cơ hữu, chủ trì mở ngành

a. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Đã hoàn thành 03 đề tài NCKH cấp Bộ; đã công bố 10 bài báo khoa học trong nước, trong đó có 01 bài báo khoa học thuộc tạp chí uy tín quốc tế; Số sách đã xuất bản 01 do Oxford University Press xuất bản.

Các công trình tiêu biểu:

1. Chương trong Sách tham khảo (Tác giả 2), Nguyễn Thị Tuệ Anh và cộng sự, Chapter 12: The Evolution of Vietnamese Industry, trong Sách: *Manufacturing Transformation: Comparative Study of Industrial Development in Affrica Emerging and Asia*, do Carol Newman và cộng sự đồng chủ biên, NXB Oxford

University Press, 2016. Nội dung của cuốn sách tập trung vào giới thiệu và phân tích các kinh nghiệm của các nước đang phát triển ở Châu Phi và Châu Á trong việc phát triển công nghiệp chế biến chế tạo. Chương 12 nghiên cứu về thực tiễn và chính sách phát triển công nghiệp ở Việt Nam trong các thập niên 1990 và 2000. Cả sách và bản online của chương đều đã được trích dẫn bởi nhiều tác giả quốc tế.

2. Lưu Minh Đức (2022) (Tác giả), ‘Doanh nghiệp nữ làm chủ và tinh thần doanh nhân nữ ở Việt Nam’, Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, số 615, tháng 7/2022. Bài viết phân tích khái niệm và các đặc điểm của doanh nghiệp nữ làm chủ và tinh thần doanh nhân nữ trên thế giới, vai trò đối với nền kinh tế và phát triển bền vững, thực tiễn phát triển các doanh nghiệp nữ làm chủ ở Việt Nam trong thời gian qua và đề xuất chính sách.

3. Đào Hoàng Tuấn & Lưu Minh Đức (2022) (Tác giả 2), ‘Thu hút Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào R&D ở Việt Nam’, Đặc san Nghiên cứu chính sách và phát triển, Học viện Chính sách và Phát triển, số 1, năm 2022. Bài viết phân tích về cơ sở lý luận của hình thức đầu tư trực tiếp nước ngoài vào R&D, kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn thu hút FDI vào R&D ở Việt Nam trong thời gian qua.

4. Lưu Minh Đức và cộng sự (2020) (Tác giả 1), ‘Women entrepreneurship of female shop owners in Hanoi’, Vietnam’s Socio-Economic Development Review, vol. 25, issue 3. Bài viết trình bày kết quả cuộc điều tra bảng hỏi đối với các chủ shop là nữ ở Hà Nội về quá trình khởi nghiệp, huy động vốn, nguồn lực, và quản lý phát triển hoạt động kinh doanh, vai trò của các nhân tố bên ngoài như gia đình, xã hội và chính sách của nhà nước.

5. Nguyễn Thị Tuệ Anh và cộng sự (2020) (Tác giả 3), ‘Industrial capabilities of Vietnamese private manufacturing firms and policy implication’, Journal of Economic and Development, Special Issue 2020 (ISSN/ISBN: 1859 0020). Bài viết phân tích khái niệm Năng lực cạnh tranh công nghiệp ở góc độ vi mô và thực tiễn phát triển năng lực này ở các doanh nghiệp tư nhân Việt Nam trong ngành chế biến chế tạo, để đề xuất các chính sách phát triển năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp Việt Nam.

b. Các hướng nghiên cứu chủ yếu

Sau hơn 15 năm nghiên cứu khoa học và 02 năm giảng dạy, tôi tập trung vào 3 hướng nghiên cứu chính sau đây:

1) *Chính sách và các vấn đề phát triển kinh tế tổng thể*, như: chính sách phát triển bền vững; ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng; xuất khẩu; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển các ngành công nghiệp chế biến chế tạo cụ thể như dệt may, thủy sản ở Việt Nam.

2) *Phát triển doanh nghiệp ở góc độ vĩ mô và vi mô* như: vai trò của khu vực doanh nghiệp tư nhân trong nền kinh tế; cơ cấu lại, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà

nước; thu hút đầu tư nước ngoài, phát triển doanh nghiệp nữ làm chủ, doanh nghiệp nhỏ và vừa, khu vực kinh tế phi chính thức; tinh thần doanh nhân.

3) *Công nghiệp văn hóa và sáng tạo* như: vai trò của các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo trong phát triển kinh tế - xã hội, tác động của Công nghiệp 4.0 đối với phát triển các ngành kinh tế trong nước.

(10). TS. Bùi Thanh Bình, Giảng viên cơ hữu, chủ trì mở ngành

a. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

Đã tham gia 02 đề tài NCKH cấp Bộ; Đã công bố 07 bài báo khoa học trong nước và quốc tế, trong đó có 02 bài báo khoa học thuộc hội thảo quốc tế được Hội đồng chức danh GSNN công nhận và có chỉ số trích dẫn ISI, và 04 bài báo khoa học thuộc tạp chí được Hội đồng chức danh GSNN; Số sách đã xuất bản 01 quyển;

Các công trình tiêu biểu:

- Vũ Thị Minh Luận, Nguyễn Văn Chiến, Bùi Thanh Bình (2015), Vai trò của nhà nước trong đảm bảo an sinh xã hội và phúc lợi ở Việt Nam, Sách chuyên khảo, Vai trò và đóng góp của nhà nước trong quá trình phát triển của hai quốc gia Việt Nam và Cuba, 354-364.

- Bùi Thanh Bình (2019), Khuyến nghị chính sách và chương trình hỗ trợ học sinh là người dân tộc thiểu số, miền núi, Tạp chí Kinh tế - Dự báo, Số 23, tháng 08 năm 2019 (710), tr.48-50.

- Bùi Thanh Bình (2019), Một số công trình nghiên cứu thực hiện chính sách hỗ trợ về giáo dục vùng dân tộc thiểu số, Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, Số 549, tháng 9 năm 2019, tr.58-60.

- Bùi Thanh Bình (2020), Thực trạng và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ về giáo dục cho học sinh trung học phổ thông vùng dân tộc thiểu số tại tỉnh Lai Châu, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Số 24, ngày 24 tháng 8 năm 2020, tr. 114-116.

- Nguyễn Thị Như Trang và Bùi Thanh Bình (2020), Các chính sách hỗ trợ giáo dục cho học sinh dân tộc thiểu số: đưa học sinh đến trường vẫn là chưa đủ (Nghiên cứu trường hợp tỉnh Lai Châu), Tạp chí Nghiên cứu con người, số 6 (111), 2020, ISSN 0328-1557 tr. 44-61.

- Duong Van Dai, Bui Thanh Binh, Dao Thi Thuy Ngoc (2021), Factors Influencing Educational Support Policy Implementation to High School Level Students of Vietnam Minority Groups, Proceedings of 16 th International Conference on Humanities and Social Sciences 2021 (IC-HUSO 2021) 18th -19th November 2021, Faculty of Humanities and Social Sciences, Khon Kaen University, Thailand, ISBN (e-book): 978-616-438-676-1.

- Nguyen The Hung, Bui Thanh Binh, Do Ha Anh (2022), Assessing the impact of food support policy primary and secondary school children in Lai Chau

province, who will no longer be eligible for assistance when region villages region III communes, vilages, and hamlets become region I, as per Vietnamese government regulations, SOCIOINT 2022- 9th International Conference on Education and Education of Social Sciences, pp 6-12, ISBN: 978-605-06286-6-1

b. Các hướng nghiên cứu chủ yếu

Đã có 8 năm giảng dạy và nghiên cứu khoa học, tập trung vào 2 hướng nghiên cứu chủ yếu sau:

1) Chính sách xã hội, An sinh xã hội: Nghiên cứu, xây dựng và thực thi chính sách về đảm bảo phúc lợi xã hội, bảo trợ xã hội, phát triển xã hội, phát triển con người đặc biệt là các nhóm yếu thế trong xã hội

2) Phát triển cộng đồng, Nghèo đói và bất bình đẳng: Lựa chọn hoạt động, lập kế hoạch, thực hiện hoạt động, giám sát và đánh giá phát triển cộng đồng. Nghiên cứu, hoạch định và thực hiện các chính sách liên quan tới các vấn đề nghèo đói và bất bình đẳng.

Bảng 2.2. Danh sách giảng viên, nhà khoa học cơ hữu tham gia đào tạo ngành Chính sách công trình độ Tiến sĩ (ngành gần)

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)
1	Trần Trọng Nguyên , 1972 Giám đốc Học viện	PGS 2015	Tiến sĩ Việt Nam 2004	Kinh tế	Đại học Kinh tế quốc dân, Viện Toán học...	04 sách chuyên khảo, 02 đề tài NCKH cấp Bộ, 02 đề tài NCKH cấp cơ sở, 20 bài báo khoa học, 04 kỷ yếu hội thảo
2	Ngô Phúc Hạnh , 1977, Trưởng khoa	PGS, 2014	Tiến sĩ, Việt Nam, 2008	Kinh tế	Đại học Thương mại	04 đề tài NCKH cấp Bộ, Thành phố; 48 bài báo khoa học trong nước, trong đó có 05 bài báo khoa học thuộc tạp chí uy tín (ISI, Scopus; Springer); 05 cuốn sách
3	Đào Văn Hùng , 1960	PGS 2005	Tiến sĩ, Việt Nam, 2001	Tài chính – Ngân hàng	Học viện Chính sách và Phát triển, Đại học Kinh tế quốc dân, Viện Chiến lược phát triển...	08 đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ, Thành phố; Đã công bố 45 bài báo khoa học trong nước, trong đó có 07 bài báo khoa học thuộc tạp chí uy tín (ISI, Scopus); 18 cuốn sách
4	Giang Thanh Tùng , 1967, Chủ tịch hội đồng học viện		Tiến sĩ, Nga (Liên Xô cũ), 1993	Luật quốc tế	Học viện Chính sách và Phát triển	06 đề tài cấp Bộ, 1 đề tài cấp cơ sở

5	Vũ Thị Minh Luận , 1975, Trưởng Khoa		Tiến sĩ, Việt Nam 2010	Kinh tế	Học viện Chính sách và Phát triển, Viện Chiến lược phát triển, Học viện Tài chính...	05 sách chuyên khảo, 04 bài báo khoa học, 04 kỷ yếu hội thảo
6	Bùi Thúy Vân , 1977, Trưởng Khoa		Tiến sĩ, Việt Nam	Kinh tế quốc tế	Học viện Chính sách và Phát triển	01 giáo trình, 03 đề tài NCKH cấp Bộ, 04 bài báo khoa học
7	Đào Hoàng Tuấn , 1985, Viện trưởng		Tiến sĩ, Hoa Kỳ 2013	Vĩ mô quốc tế và Tài chính quốc tế	Học viện Chính sách và Phát triển	06 đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp cơ sở; 31 bài báo khoa học, trong đó có 06 bài báo khoa học thuộc tạp chí uy tín (ISI, Scopus); 10 cuốn sách;
8	Trần Thị Trúc , 1975		Tiến sĩ, Việt nam, 2019	Kinh tế	Học viện Chính sách và Phát triển	Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp Học viện; tham gia 01 đề tài NCKH cấp Bộ; 11 bài báo khoa học trong nước và quốc tế; 01 cuốn sách;
9	Lưu Minh Đức , 1977, Giảng viên		Tiến sĩ, Australia, 2018	Quản trị kinh doanh, kinh tế chính trị	Học viện Chính sách và Phát triển	03 đề tài NCKH cấp Bộ; 10 bài báo khoa học trong nước, trong đó có 01 bài báo khoa học thuộc tạp chí uy tín quốc tế; Số sách đã xuất bản 01 do Oxford University Press xuất bản
10	Tô Trọng Hùng , 1984		Tiến sĩ, Trung Quốc 2017	Kinh tế quốc dân	Học viện Chính sách và Phát triển	02 đề tài cấp cơ sở, 02 giáo trình, 10 bài báo khoa học
11	Phạm Mỹ Hằng Phương , 1990, Trưởng khoa		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Tài chính ngân hàng	Học viện Chính sách và Phát triển	01 đề tài cấp cơ sở, 02 giáo trình, 15 bài báo khoa học
12	Bùi Thanh Bình , 1978		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Xã hội học	Học viện Chính sách và Phát triển	02 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp cơ sở; 06 bài báo khoa học, 02 bài viết kỷ yếu hội thảo
13	Đàm Thanh Tú , 1981, Phó Trưởng khoa		Tiến sĩ, Việt Nam, 2017	Kinh tế	Học viện Chính sách và Phát triển	03 giáo trình, 10 đề tài nghiên cứu cấp, 06 bài viết kỷ yếu hội thảo, 25 bài báo khoa học
14	Nguyễn Thạc Hoát , 1960		Tiến sĩ, Việt Nam, 1993	Tài chính ngân hàng	Học viện Chính sách và Phát triển	03 giáo trình, 03 đề tài nghiên cứu các cấp, 06 bài viết kỷ yếu hội thảo, 25 bài báo khoa học

15	Đào Thị Bích Hạnh, 1973		Tiến sĩ, Pháp, 2013	Luật công	Học viện Chính sách và Phát triển, Học viện Tài chính	03 đề tài cấp Bộ, 04 đề tài cấp cơ sở
16	Lê Thị Nhung, 1986		Tiến sĩ, Việt Nam, 2018	Kinh tế, Tài Chính - Ngân hàng	Học viện Chính sách và Phát triển, Học viện Tài chính	Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp Học viện; tham gia 15 đề tài NCKH cấp Học viện; 19 bài báo khoa học trong nước và quốc tế; 01 cuốn sách;
17	Nguyễn Nam Hải, 1973		Tiến sĩ, Việt Nam, 2019	Quản trị nhân lực	Học viện Chính sách và Phát triển	Chủ nhiệm 01 đề tài NCKH cấp học Bộ và đã tham gia 11 đề tài NCKH cấp Bộ; 01 đề tài NCKH cấp học Học viện. 08 bài báo khoa học trong 5 năm trở lại đây, trong đó có 02 bài báo khoa học tạp chí được Hội đồng chức danh GSN xếp hạng 1 điểm; 02 cuốn sách;
18	Nguyễn Như Hà, 1982, Trưởng Khoa		Tiến sĩ, Pháp, 2016	Luật Kinh doanh quốc tế	Học viện Chính sách và Phát triển	05 đề tài NCKH cấp cơ sở; 15 bài báo khoa học trong nước. 01 cuốn sách
19	Nguyễn Thanh Bình, 1973, Trưởng Khoa		Tiến sĩ, Việt Nam, 2010	Kinh tế Tài chính – Ngân hàng	Học viện Chính sách và Phát triển, Đại học Ngoại thương	02 đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, 04 bài báo khoa học, 02 kỷ yếu hội thảo
20	Nguyễn Thế Hùng, 1977, Phó Giám đốc học viện		Tiến sĩ, Việt Nam, 2011	Tài chính – Ngân hàng	Học viện Chính sách và Phát triển, Học viện Tài chính.../Học viện Tài chính/UTM	01 sách chuyên khảo, 01 đề tài NCKH cấp cơ sở; 05 bài báo khoa học; 01 đề tài cấp Bộ
21	Nguyễn Thế Vinh, 1977, Phó Giám đốc học viện		Tiến sĩ, Việt Nam, 2016	Kinh tế phát triển	Học viện Chính sách và Phát triển, Viện Chiến lược phát triển	23 đề tài NCKH cấp Bộ, cấp Tỉnh và cấp cơ sở; 11 bài báo khoa học đã công bố; 5 cuốn sách.
22	Nguyễn Thị Phương Anh		Tiến sĩ, Việt Nam, 2021	Quản trị kinh doanh (Marketing)	Học viện Chính sách và Phát triển, Đại học Công nghiệp Hà Nội	01 đề tài cấp Bộ, 01 đề tài cấp cơ sở, 08 bài báo khoa học
23	Phạm Ngọc Trụ, 1986, Phó Viện trưởng		Tiến sĩ, Việt Nam, 2015	Địa lý kinh tế	Học viện Chính sách và Phát triển	04 đề án cấp Bộ, 02 đề án cấp Học viện, 03 sách tham khảo, 06 bài báo khoa học

Bảng 2.3. Danh sách giảng viên, nhà khoa học thỉnh giảng ngành Chính sách công trình độ Tiến sĩ

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, nước	Học vị, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Cơ quan công tác hiện tại
1	Tô Trung Thành	Tiến sĩ	PGS.TS	Kinh tế	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân
2	Phạm Văn Sinh	Tiến sĩ	PGS.TS	Kinh tế	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân
3	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Tiến sĩ Nhật bản	PGS (2009)	Kinh tế học	ĐH Quốc gia HN
4	Trần Đình Thảo	PGS	Tiến sĩ	Triết học	Trường ĐH Nội vụ
5	Lê Xuân Bá	PGS	Tiến sĩ	Quản lý Kinh tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
6	Vũ Cao Đàm	Tiến sĩ Liên xô	PGS (2005)	Quản lý Kinh tế	Trường ĐH KHXH&NV
7	Lương Văn Khôi	Tiến sĩ Nhật bản	Tiến sĩ	Kinh tế	TT Thông tin & Dự báo KTXH
8	Nguyễn Bá Ân	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Kinh tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
9	Nguyễn Công Mỹ	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Kinh tế Phát triển	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
10	Cao Ngọc Lân	Tiến sĩ Bungari	Tiến sĩ	Phân vùng LLSX	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
11	Bùi Tất Thắng	PGS	Tiến sĩ	Kinh tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
12	Phạm Hoàng Mai	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư
13	Vũ Huy Thông	Tiến sĩ	PGS.TS	Kinh tế & QTKD	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân
14	Ngô Văn Thứ	Tiến sĩ	Tiến sĩ	Kinh tế học	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân
15	Phạm Minh Hoàn	Giảng viên	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân
16	Nguyễn Trung Tuấn	Giảng viên	Tiến sĩ	Công nghệ thông tin	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân
17	Nguyễn Đức Thắng	Giảng viên	Tiến sĩ	Hành chính tư pháp	HV Hành chính Quốc gia
18	Nguyễn Hữu Hải	Giảng viên	PGS.TS	Quản lý nhà nước	HV Hành chính Quốc gia
19	Lê Trung Thành	Giảng viên	Tiến sĩ	Tài chính	ĐH Quốc gia HN
20	Nguyễn Văn Công	Giảng viên	PGS.TS	Kinh tế học	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân
21	Lê Văn Hoà	Giảng viên	Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	HV Hành chính Quốc gia
22	Vũ Kim Dũng	Giảng viên	PGS.TS	Kinh tế học	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân
23	Đặng Văn Du	Giảng viên	PGS.TS	Tài chính	Học viện Tài chính
24	Hoàng Thị Thu Hương	Giảng viên	PGS.TS	Xã hội học	Trường ĐH KHXH&NV
25	Hồ Đình Bảo	Giảng viên	PGS.TS	Kinh tế	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân
26	Lưu Văn Quảng	Giảng viên	PGS.TS	Quản lý nhà nước	HV Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
27	Phạm Văn Minh	Giảng viên	PGS.TS	Kinh tế học	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân
28	Lê Tổ Hoa	Giảng viên	Tiến sĩ	Kinh tế học	Trường ĐH Kinh tế Quốc dân
29	Nguyễn Tuấn Anh	Giảng viên	PGS.TS	Chính sách xã hội	Trường ĐH KHXH&NV

Số TT	Họ và tên	Chức danh khoa học, nước	Học vị, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Cơ quan công tác hiện tại
30	Đoàn Minh Phụng	Giảng viên	PGS.TS	Kinh tế tài chính	Học viện Tài chính

Bảng 2.4. Danh sách cán bộ cơ hữu quản lý ngành đào tạo

S TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành
1	Trần Trọng Nguyên , 05/12/1972, Giám đốc Học viện	PGS. TS, 2015	Kinh tế
2	Ngô Phúc Hạnh , 09/3/1977, Phụ trách Khoa	PGS.TS, 2014	Quản lý Kinh tế

3. Cơ sở vật chất kỹ thuật

3.1. Phòng học, giảng đường

Hiện nay, Học viện đang tổ chức đào tạo sinh viên chính quy tại cơ sở chính tại Khu đô thị Nam An Khánh với diện tích gần 6ha bao gồm 04 tòa nhà A, B, C, D. Học viện có đủ số phòng học, phòng thực hành phục vụ cho dạy, học đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo. Phòng học, phòng thực hành, phòng làm việc có đầy đủ các trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập, NCKH.

Tính đến tháng 7/2022, Học viện đang sử dụng 50.876 m² sàn xây dựng tại 04 tòa A, B, C, D để triển khai các hoạt động của Học viện. Trong đó, Học viện đã có 53 phòng học tại tòa nhà giảng đường 07 tầng (Nhà C) với 06 phòng học trên 100 chỗ. 100% phòng học đều có hệ thống âm thanh, máy chiếu và đầy đủ điều kiện cần thiết về thiết bị, ánh sáng đảm bảo đáp ứng tốt cho công tác giảng dạy. Ngoài ra, Học viện có thể sử dụng 01 Hội trường 800 chỗ; 01 hội trường 400 chỗ tại tòa nhà Hiệu bộ để tổ chức các hoạt động khi có nhu cầu.

Ngoài diện tích đang sử dụng tại tòa nhà giảng đường C, Học viện có khu sân bãi, nhà thi đấu đa năng tại để phục vụ môn học Giáo dục thể chất, Quốc phòng và các hoạt động thể dục, thể thao của sinh viên với diện tích sàn xây dựng khoảng 1.000m². Trang thiết bị phục vụ hoạt động văn nghệ, thể thao của sinh viên được cung cấp đầy đủ.

Tính bình quân số m² diện tích phòng học, giảng đường và sân bãi thực hành trên đầu sinh viên là 10,0 m². Học viện tổ chức học 02 ca trong ngày, sáng từ 7h30 đến 11h40', chiều từ 13h00' đến 17h40'.

3.2. Trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập

Học viện có đủ số lượng trang thiết bị giảng dạy đáp ứng đủ yêu cầu của thiết kế CTĐT. Các phòng học đều được trang bị ánh sáng, bàn, ghế, bảng, điều hòa, quạt máy, máy chiếu, máy tính, hệ thống âm thanh, Internet đảm bảo về chất lượng và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của từng chương trình đào tạo. Học viện có 80 máy chiếu kèm màn hình, 11 tivi 50 inch, 80 bộ âm thanh Shure, 300 quạt trần, 3000 bộ bàn ghế sinh viên, 80 bộ bàn ghế vi tính tại 02 phòng máy.

Trang thiết bị dạy và học đang sử dụng được giảng viên và sinh viên đánh giá có chất lượng đạt yêu cầu; Học viện có đội ngũ cán bộ kỹ thuật hỗ trợ vận hành các trang thiết bị trong phòng học, đội ngũ này sẽ có trách nhiệm bảo dưỡng, bảo trì và kịp thời sửa chữa các trang thiết bị hỏng hóc, đáp ứng yêu cầu của ngành đào tạo.

Học viện có phòng thực hành tin học, ngoại ngữ diện tích 240 m² với 80 máy tính được kết nối Internet, phòng được thiết kế theo tiêu chuẩn yêu cầu chất lượng dịch vụ TestSite của Công ty cổ phần IIG Việt Nam phù hợp với đào tạo tin học, ngoại ngữ theo chuẩn IC3/MOS. Phòng thực hành tin học, ngoại ngữ có nội quy sử dụng và sổ theo dõi tình trạng trang bị máy móc, có sổ theo dõi tần suất sử dụng và liên hệ sửa chữa, khắc phục sự cố khi cần thiết.

Các trang thiết bị phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học được khai thác tối đa vì sinh viên học kín các giảng đường 2 buổi/ngày.

Thiết bị tin học của Học viện tính đến hết năm 2021 gồm có 125 máy tính để bàn, 11 máy tính xách tay. Trong đó máy tính xách tay và 45 máy tính để bàn được dùng trong công tác quản lý và 80 máy tính để bàn được dùng phục vụ công tác đào tạo. Các thiết bị tin học khác bao gồm có 4 máy photocopy, 4 máy scan, 31 máy in, 80 máy chiếu, 80 màn chiếu và 11 màn hình thay máy chiếu ở các phòng học nhỏ. Các thiết bị này được khai thác sử dụng vào mục đích đáp ứng nhu cầu quản lý, đào tạo ở trường. Nhà trường đã trang bị hệ thống internet cáp quang với 02 đường truyền tốc 100MB/s và tất cả các khu vực trong Học viện đều được trang bị wifi miễn phí dành cho cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Học viện có CSDL về hoạt động đào tạo ở tất cả bậc đào tạo và được quản lý theo một quy trình chặt chẽ đảm bảo tuân thủ theo quy định của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT và của Học viện. CSDL được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau, Học viện có hệ thống phần mềm quản lý đào tạo giúp người học chủ động trong việc lựa chọn môn học, đẩy nhanh hay rút ngắn thời gian học tập. CSDL đào tạo bao gồm thông tin tuyển sinh, chương trình học, danh mục môn học, thời khóa biểu, điểm tổng kết, các văn bản quy định về hoạt động đào tạo, danh sách sinh viên được các đơn vị liên quan (P.QLĐT, Trung tâm KT&ĐBCL, Phòng

KHTC, các Khoa/Bộ môn, Phòng CT&CTSV,...) truy cập và sử dụng phục vụ công tác quản lý.

Tất cả các phần mềm được sử dụng đều có bản quyền: phần mềm kế toán misa, phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm thư viện. Cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Học viện đều được cung cấp email công vụ và được truy cập Internet miễn phí. Sinh viên theo học trong trường đều được cung cấp tài khoản đăng ký tín chỉ. Ngoài ra sinh viên khi vào thư viện đều có máy tính dung để tra cứu tài liệu.

3.3. Ký túc xá cho chuyên gia và sinh viên

Ngoài khu giảng đường khang trang với các thiết bị hiện đại, khu ký túc xá của Học viện có sức chứa lên đến 1100 người, bao gồm 2 khu cạnh nhau. Thứ nhất là khu nhà ở cho chuyên gia/giảng viên thỉnh giảng 07 tầng gồm 60 phòng, với sức chứa 02-04 người/phòng. Khu ký túc xá thứ hai dành cho sinh viên nằm ngay trong tòa nhà D với 09 tầng được trang bị đầy đủ các thiết bị khác như: điều hòa, bình nóng lạnh, khu giặt – là, giường tầng gắn với bàn học, không gian phơi đồ thông thoáng, công trình phụ khép kín, hành lang rộng rãi với thang máy phục vụ 24/24.

Để đáp ứng nhu cầu trao đổi, học tập của sinh viên, khu kí túc xá còn có 3 phòng sinh hoạt chung để các bạn có thể trao đổi học tập, tổ chức sinh hoạt tập thể.

Bảng 2.6: Thiết bị phục vụ cho đào tạo

Số TT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị
1	Máy chiếu phục vụ cho việc trình chiếu giảng dạy, thảo luận nhóm, hội thảo...	Việt Nam, 2010	15	Tất cả các học phần
2	Màn hình tivi LG phục vụ cho việc giảng dạy	Việt Nam 2013	6	Tất cả các học phần
3	Màn chiếu 80x80 phục vụ cho việc trình chiếu, giảng dạy, thảo luận nhóm, hội thảo...	Việt Nam, 2009	13	Tất cả các học phần
4	Máy vi tính phục vụ cho việc tra cứu tài liệu thư viện, phục vụ cho việc thực hành và giảng dạy	Việt Nam, 2008	100	Kinh tế lượng, Phân tích và đánh giá chính sách
5	Loa dùng cho việc giảng dạy và học tập	Việt Nam, 2009	34	Tất cả các Học phần
6	Micro không dây dùng cho việc giảng dạy và học tập	Việt Nam, 2009	25	Tất cả các Học phần

Học viện có CSDL về hoạt động đào tạo ở tất cả bậc đào tạo và được quản lý theo một quy trình chặt chẽ đảm bảo tuân thủ theo quy định của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT và của Học viện. CSDL được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau, Học viện có hệ thống phần mềm quản lý đào tạo giúp người học chủ động

trong việc lựa chọn môn học, đẩy nhanh hay rút ngắn thời gian học tập. CSDL đào tạo bao gồm thông tin tuyển sinh, chương trình học, danh mục môn học, thời khóa biểu, điểm tổng kết, các văn bản quy định về hoạt động đào tạo, danh sách sinh viên được các đơn vị liên quan (P.QLĐT, Trung tâm TTKT, Phòng KHTC, các Khoa/bộ môn, Phòng CT&CTSV..) truy cập và sử dụng phục vụ công tác quản lý.

Tất cả các phần mềm được sử dụng đều có bản quyền: phần mềm kế toán misa, phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm thư viện. Cán bộ, giảng viên, nhân viên trong Học viện đều được cung cấp email công vụ và được truy cập Internet miễn phí. Sinh viên theo học trong trường đều được cung cấp tài khoản đăng ký tin chỉ. Ngoài ra sinh viên khi vào thư viện đều có máy tính dùng để tra cứu tài liệu.

3.4. Thư viện, giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo

Thư viện của Học viện có đủ số lượng các đầu sách đáp ứng yêu cầu trong danh mục của mỗi CTĐT, đảm bảo cho các học phần thuộc chương trình đào tạo.

Tổng số đầu sách trong Thư viện hiện có là 2.230 với tổng số bản là 21.000, trong đó: 2.000 đầu sách tiếng Việt (19.922 bản) và 230 đầu sách tiếng Anh (1.078 bản). Giáo trình mua có 340 đầu sách (3.000 bản), giáo trình do Học viện tự xuất bản có 4 đầu sách (1.920 bản). Các đầu sách được bổ sung và cập nhật hàng năm. Ngoài ra, Thư viện còn có 38 đầu tạp chí khoa học chuyên ngành, 07 đầu báo phục vụ giải trí đều được mua hàng năm. Thư viện có khoảng 245 luận văn, 144 luận án phục vụ cho học tập, giảng dạy và NCKH. Hệ thống tài liệu trên được quản lý dựa trên phần mềm tích hợp quản trị thư viện I-lib.

Tổng diện tích sử dụng của Thư viện hiện nay là 146 m² bao gồm khu vực bàn làm việc của cán bộ, kho sách, kho báo tạp chí, kho tài liệu nội sinh và khu vực đọc sách có sức chứa khoảng 60 chỗ ngồi.

Bên cạnh thư viện truyền thống, Học viện xây dựng thư viện số với nguồn tài liệu tiếng Việt và tiếng nước ngoài phong phú, đa dạng, được cập nhật thường xuyên (có khoảng 1,2 triệu đầu tài liệu) tại địa chỉ: <http://thuvienso.apd.edu.vn/> và có liên kết tới thư viện số của khoảng 40 trường đại học trong cả nước (thể hiện trong website thư viện số). Tất cả cán bộ, giảng viên, sinh viên và học viên đang làm việc, học tập và nghiên cứu tại Học viện đều được cấp tài khoản sử dụng thư viện số miễn phí. Số liệu thống kê trên thư viện số được tổng hợp hàng năm để đánh giá mức độ sử dụng thư viện cũng như điều chỉnh kế hoạch bổ sung tài liệu, khai thác thư viện hiệu quả hơn.

Bảng 2.7: Danh mục sách, giáo trình dùng cho đào tạo chương trình Tiến sĩ Chính sách công

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5)	Tên tác giả	Năm xuất bản	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng	Mã học phần/môn học	Thời gian	Ghi chú
-----	-----------------------------------	-------------	--------------	--------------	----------------------	---------------------	-----------	---------

	năm trở lại đây)						sử dụng	
-1	-2	-3	-4	-5	-6	-7	-8	-9
1	Giáo trình Phân tích chính sách	Đào Văn Hùng	2019	500	Phân tích chính sách đầu tư phát triển	CSPT01	Học kì I, năm thứ 2	
2	Hoạch định và thực thi chính sách	Nguyễn Hữu Hải	2021	20				
3	Giáo trình những vấn đề cơ bản của chính sách công	Đặng Khắc Ánh	2018	40				
4	Phân tích chính sách kinh tế	Hoàng Ngọc Âu	2021	50	Kinh tế vĩ mô và vi mô dành cho chính sách công	KTMA01	Học kì I, năm thứ 1	
5	Chính sách giáo dục, y tế	Đặng Khắc Ánh	2021	50				
6	Chính sách an sinh xã hội	Đinh Thị Minh Tuyết	2021	150	Thiết kế và thực hiện nghiên cứu chính sách	CSTK02	Học kì I, năm thứ 2	
7	Chính sách kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa	Nguyễn Xuân Thu	2021	100				
8	Phân tích chính sách công	Lê Văn Hòa	2021	50	Phân tích chính sách công	CSPT03	Học kì I, năm thứ 2	
9	Thực Thi Chính sách công	Nguyễn Hữu Hải	2019	30	Luật và Chính sách công	LUCS01	Học kì I, năm thứ 2	
10	Chính sách dân tộc, tôn giáo	Đặng Khắc Ánh	2021	20				
11	Chính sách xã hội	Lê Ngọc Hùng	2017	50				
12	Phương pháp nghiên cứu XHH	Phạm Văn Quyết – Nguyễn Quý Thanh	2016	30	Thiết kế và thực hiện nghiên cứu chính sách	CSTK02	Học kì I, năm thứ 2	
13	Giám sát và đánh giá chính sách công	Lê Văn Hòa	2016	30	Quản lý rủi ro trong khu vực công	ĐTQL01	Học kì I, năm thứ 2	

14	Chính sách công lý luận và thực tiễn	Cao Quốc Hoàng – Nguyễn Đỗ Kiên	2018	35	Phân tích chính trị, kinh tế và tổ chức	CSPT05	Học kì I, năm thứ 1	
15	Một số kiến thức cơ bản về dân tộc	Trịnh Quang Cảnh	2013	30	Kinh tế học khu vực công	KTKH02	Học kì I, năm thứ 2	
16	Một số vấn đề cơ bản về chính sách xã hội ở Việt Nam hiện nay	Mai Ngọc Cường	2013	25				
17	Tổng quan về Chính sách công	Đỗ Phú Hải	2017	20	Phân tích chính sách ngoại thương	CSPT04	Học kì I, năm thứ 2	
18	Chính sách công - Những vấn đề cơ bản	Nguyễn Hữu Hải	2016	50	Phân tích chính sách công	CSPT03	Học kì I, năm thứ 2	
19	Studying public policy (Policy cycles and policy subsystems)	97. Michael Howlett, M.Ramesh, Anthony Perl	2009	20				
20	Policy Analysis	Weimer và Aidan R. Vining	2011	15				
21	An Introduction to the Policy Process: Theories, Concepts, and Models of Public Policy Making	Thomas A. Birkland	2011	2				
22	International Trade Policy Formation Theory and Politics	Wolfgang Mayer	2013	1	Phân tích chính sách ngoại thương	CSPT04	Học kì I, năm thứ 2	
23	Macroeconomics Policy and Practice	Frederic S. Mishkin	2015	15				
24	Policy Analysis: Concepts and Practice	David L. Weimer; Aidan R. Vining	2011	2				
25	Public Finance and Public Policy:	Arye L. Hillman	2009	2				

	Responsibilities and Limitations of Government							
26	Public Policy in the Community	Marilyn Taylor	2011	2	Chính sách phát triển kinh tế vùng và đô thị	KTPT03	Học kì I, năm thứ 2	
27	Public Policymaking	James E. Anderson	2011	1				
28	Social Policy	John Baldock; Nick Manning ; Sarah Vickerstaff	2007	1				
29	Studying Public Policy	Michael Howlett, M. Ramesh, Anthony Perl	2009	1	Thiết kế và thực hiện nghiên cứu chính sách	CSTK02	Học kì I, năm thứ 2	
30	Understanding Public Policy	Thomas R. Dye	2011, 2013	4				
31	Writing Public Policy: A Practical Guide to Communicating in the Policy Making Process	Catherine F. Smith	2010	2				
32	Public Policy Analysis: An Introduction	William N. Dunn	2007	1	Phân tích chính sách công	CSPT03	Học kì I, năm thứ 2	
33	Bài giảng Kinh tế học vi mô dành cho chính sách công	Vũ Thành Tự Anh	2016		Kinh tế vĩ mô và vi mô dành cho chính sách công	KTMA01	Học kì I, năm thứ 1	Thư viện số APD
34	Bài giảng Xây dựng và phân tích chính sách công	TS. Bùi Quang Xuân	2016		Thiết kế và thực hiện nghiên cứu chính sách	CSTK02	Học kì I, năm thứ 2	Thư viện số APD
35	Bài giảng Hoạch định chính sách công	TS. Bùi Quang Xuân	2016					Thư viện số APD
36	Bài giảng Phương pháp nghiên cứu cho	Vũ Thành Tự Anh	2016					Thư viện số APD

	phân tích chính sách							
37	Bài giảng Lãnh đạo trong khu vực công	Nguyễn Xuân Thành	2018		Kinh tế học khu vực công	KTKH02	Học kì I, năm thứ 2	Thư viện số APD

4. Hợp tác quốc tế trong đào tạo Tiến sĩ Chính sách công

Nhận thức được tầm quan trọng của hội nhập quốc tế với sự phát triển của Học viện trong thời kỳ hội nhập, HVCS&PT đã xây dựng đề án phát triển Học viện đến năm 2020 và tầm nhìn 2030 với quan điểm chiến lược hợp tác quốc tế *đẩy mạnh và đa dạng hóa các hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện, lựa chọn các đối tác chiến lược là các trường Đại học ở trên thế giới có lĩnh vực nghiên cứu đào tạo về “chính sách và phát triển” để tiếp cận và mở rộng hợp tác sâu trong lĩnh vực đào tạo cao học, tiến sĩ và nghiên cứu, tư vấn phản biện chính sách.* Nhìn chung, Học viện đã có những bước tiến quan trọng khi phát triển quan hệ hợp tác với các đại học nổi tiếng trên thế giới như trường ĐH Portland State (Mỹ), Đại học Quốc gia Seoul (Hàn Quốc), trường Lý Quang Diệu – Đại học Quốc gia Singapore (Singapore), Đại học Nam California (Mỹ), Đại học Kinh tế, Thống kê và Tin học Mátxcova - MESI (Nga)...

Ngày 10/8/2011 Học viện đã ký Biên bản ghi nhớ hợp tác học thuật giữa Bang Oregon, thông qua Hội đồng quản trị nhà nước về giáo dục đại học, thay mặt cho trường đại học công lập Portland State University (PSU), Hoa Kỳ và HVCS&PT (APD), Bộ KH&ĐT. Theo thỏa thuận hợp tác, PSU sẽ giúp APD xây dựng chương trình đào tạo, chia sẻ giáo trình, tài liệu tham khảo và công nghệ thông tin trong việc giảng dạy và nghiên cứu, chia sẻ tri thức, kinh nghiệm và phương pháp giảng dạy và nghiên cứu giữa các giảng viên, trao đổi sinh viên đại học và sau đại học, phát triển cơ sở hạ tầng và các điều kiện phục vụ cho học tập tại Học viện. PSU là một trường Đại học công lập thuộc Bang Oregon, Hoa Kỳ, được thành lập năm 1946, là trường Đại học có uy tín với hơn 120 chuyên ngành đào tạo và có số lượng sinh viên nhập học lớn nhất bang Oregon cho bậc đào tạo đại học và sau đại học. PSU có các chương trình đào tạo chính sách, bao gồm: Kinh tế (bao gồm cả Kinh tế quốc tế), Chính sách Công, Chính sách và Quản lý Giáo dục, Quản lý Đất đai, Quản lý Y tế, Hành chính Công và Quản lý Môi trường.

Hiện nay Học viện đã có hoạt động hợp tác liên kết đào tạo với Trường đại học Rennes 1 của Cộng Hòa Pháp đào tạo trình độ thạc sỹ Ngành Kinh tế và Quản lý công và đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép bằng Quyết định số 443/QĐ-BGDĐT ngày 25 tháng 02 năm 2019 cùng các thỏa thuận và Hợp đồng hợp tác (Phụ lục đính kèm). Đây là một trong những bước đi quan trọng trong phát triển và hợp tác đào tạo các chương trình sau đại học, đào tạo Tiến sĩ ngành Chính sách công.

5. Năng lực nghiên cứu khoa học

Theo chiến lược phát triển Học viện trở thành trường đại học định hướng nghiên cứu nên công tác nghiên cứu khoa học luôn là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu bên cạnh công tác đào tạo. Trong những năm qua, Học viện đã triển khai nhiều hoạt động nghiên cứu khoa học, cụ thể như sau:

Thứ nhất, Học viện đã thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo với sự tham gia của các nhà khoa học có uy tín trong và ngoài Học viện, các chuyên gia đầu ngành từ Viện Chiến lược, Viện Nghiên cứu và Quản lý kinh tế Trung ương, Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội Quốc gia... Hội đồng Khoa học và Đào tạo đã chỉ đạo, định hướng công tác nghiên cứu khoa học của Học viện theo đúng nhiệm vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đồng thời nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên của Học viện.

Thứ hai, Học viện triển khai thực hiện nhiều đề tài, đề án cấp Bộ, trong đó có nhiều đề tài, đề án quan trọng mà kết quả các đề tài đề án được sử dụng để tham mưu các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ, cụ thể như:

+ Đã triển khai nghiệm thu và phê duyệt Đề án *“Xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá hiệu quả đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam”* do Bộ trưởng Bộ KH&ĐT giao. Đề án đã nêu được Tổng quan kinh nghiệm của một số quốc gia trong việc đánh giá hiệu quả FDI và ban hành chính sách thu hút FDI của họ, nhấn mạnh đến Kinh nghiệm của Trung Quốc, Hàn Quốc, một số nước thuộc ASEAN. Sau khi trình bày tổng quan tình hình nghiên cứu về FDI và đánh giá hiệu quả FDI cũng như tác động của FDI tới phát triển kinh tế ở Việt Nam, đề án đã xác định và lựa chọn bộ chỉ tiêu sử dụng để đánh giá hiệu quả FDI và thử vận dụng đánh giá hiệu quả FDI của Việt Nam cho thời kỳ 10 năm 2001-2010. Kết quả của đề án này đã được Bộ KH&ĐT sử dụng hiệu quả trong việc đánh giá hiệu quả đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam để từ đó điều chỉnh các chính sách liên quan đến hoạt động tiếp nhận và quản lý vốn đầu tư nước ngoài có hiệu quả.

+ Đã hoàn thành và trình Bộ KH&ĐT phê duyệt Đề án *“Đánh giá và kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả đối với một số chính sách phát triển do Bộ KH&ĐT đề xuất đã được các cấp có thẩm quyền ban hành”*. Đề án được chia thành 4 tiểu đề án thành phần: Chính sách phát triển Khu kinh tế ven biển, Chính sách phát triển Khu kinh tế cửa khẩu, Chính sách hỗ trợ phát triển KT-XH Tây Nguyên, Chính sách phân cấp đầu tư.

Đề án đã tiến hành khảo sát, tham vấn tại các tỉnh, KCN, KKT trong phạm vi nghiên cứu và sử dụng các nguồn tư liệu, dữ liệu, số liệu của Tổng cục Thống kê. Đề án đã chỉ ra một số những bất cập của các chính sách cũng như đề xuất chỉnh sửa, bổ sung, sửa đổi một số điều, một số nội dung của các chính sách trên. Kết quả

của đề án đã được Học viện đề xuất với Bộ KH&ĐT và các cơ quan liên quan sử dụng trong công tác tham mưu, đề xuất các chính sách vĩ mô của Chính phủ.

+ Hoàn thành và nghiệm thu đề án “*Xác định phạm vi nợ công và trần nợ công an toàn của Việt Nam giai đoạn 2014-2020*” do Bộ trưởng Bộ KH&ĐT giao, đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ đã phê duyệt trong đề cương. Đề án này nhằm xây dựng dữ liệu về nợ công của Việt Nam, tìm hiểu kinh nghiệm quốc tế từ đó xác định trần nợ công của Việt Nam. Sau khi hoàn thiện đề án này, phạm vi nợ công và trần nợ công an toàn sẽ là một kết quả quan trọng để Bộ KH&ĐT tham mưu với Chính phủ, Quốc hội về công tác quản lý nợ công quốc gia trong giai đoạn 2014-2020.

+ Hoàn thành và nghiệm thu Đề án “*Nghiên cứu cải cách thể chế kinh tế Việt Nam giai đoạn 2014-2020, tầm nhìn 2025*” ban hành theo Quyết định số 1931/QĐ-BKHĐT ngày 24/12/2013 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT. Đề án này là nghiên cứu toàn diện về thể chế kinh tế Việt Nam để vận hành theo cơ chế thị trường một cách đầy đủ, từ đó động viên được các nguồn lực trong xã hội tham gia vào phát triển kinh tế. Học viện đang triển khai nghiên cứu một chuyên đề rất quan trọng đó là “*Đổi mới thể chế thúc đẩy phát triển hệ thống tài chính nhằm huy động hợp lý và phân bổ hiệu quả nguồn lực tài chính*”. Chuyên đề có mục tiêu là đưa ra các giải pháp nhằm thúc đẩy hệ thống tài chính Việt Nam vận hành theo nguyên tắc thị trường thực sự và đầy đủ, bảo đảm về tốc độ và chi phí chu chuyển vốn, về khả năng truyền tải và phân tán rủi ro tài chính nhằm phát triển hệ thống này một cách an toàn, lành mạnh, hiệu quả, hài hòa, đồng bộ với các tiến trình cải cách khác của đất nước. Kết quả nghiên cứu của đề án này là một tài liệu quan trọng được sử dụng trong quá trình chuẩn bị văn kiện đại học Đảng lần thứ XII và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2015-2020.

+ Học viện đóng vai trò nòng cốt của tổ điều phối và nhóm thư ký theo Quyết định số 1737/QĐ-BKHĐT ngày 26/11/2013 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT để triển khai “*Đề án cải cách cơ chế phối hợp trong quản lý và điều hành kinh tế vĩ mô*” ban hành kèm theo Quyết định số 1317/QĐ-TTg ngày 06/8/2013 của Thủ tướng Chính phủ. Mục tiêu của Đề án là: Bảo đảm quản lý và điều hành kinh tế vĩ mô chủ động, linh hoạt, ứng phó kịp thời, hiệu quả các biến động kinh tế - xã hội trong và ngoài nước; Từng bước tạo lập môi trường kinh tế vĩ mô ổn định, thuận lợi, có khả năng dự báo trước trong trung và dài hạn để góp phần tăng cường thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh và tạo nền tảng cho tăng trưởng bền vững; Góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; khẳng định và nâng cao vai trò quản lý vĩ mô của Nhà nước trong nền kinh tế; Thúc đẩy và nâng cao hiệu quả cải cách thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Hoàn thành và nghiệm thu Đề án cấp Bộ “*Xây dựng Bộ chỉ tiêu đánh giá kinh tế tài nguyên phục vụ phát triển và quản lý vùng*” năm 2012. Bộ chỉ tiêu đã phản ánh trực tiếp mặt kinh tế của tài nguyên thiên nhiên. Các chỉ tiêu cùng phản ánh đầy đủ, toàn diện các khía cạnh kinh tế của tài nguyên đối với phát triển. Những chỉ tiêu định lượng phản ánh giá trị kinh tế của tài nguyên thiên nhiên đối với phát triển kinh tế và những chỉ tiêu định tính phản ánh vai trò đối với phát triển kinh tế của tài nguyên. Kết quả của đề án là đưa ra được Bộ chỉ tiêu có khả năng sử dụng để đánh giá kinh tế tài nguyên thiên nhiên phục vụ tốt cho việc hoạch định chính sách khai thác, sử dụng, chế biến, dự trữ tài nguyên thiên nhiên của quốc gia và của địa phương.

+ Hoàn thành và nghiệm thu đề án cấp Bộ “*Nghiên cứu nhu cầu thực tiễn về quy hoạch phát triển Kinh tế- Xã hội để đổi mới nội dung đào tạo đối với sinh viên chuyên ngành Quy hoạch phát triển*” năm 2012. Đề tài này đã tổng kết toàn bộ kết quả khảo sát, điều tra nghiên cứu thực tiễn đội ngũ cán bộ làm công tác lập dự án quy hoạch phát triển, tổ chức triển khai quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để từ đó định hướng phương pháp giảng dạy và nội dung đào tạo chuyên ngành Quy hoạch phát triển tại Học viện.

+ Hoàn thành Đề án “*Tổng hợp tình hình kinh tế- xã hội 63 tỉnh thành phố của Việt Nam*” với Cơ quan hợp tác Hàn Quốc (KOICA). Kết quả của đề án này giúp cho KOICA có dữ liệu về tình hình kinh tế - xã hội của toàn bộ Việt Nam và tình hình huy động và sử dụng nguồn viện trợ ODA tại các địa phương để từ đó xây dựng kế hoạch triển khai các khoản viện trợ của Hàn Quốc cho Việt Nam trong các giai đoạn tiếp theo.

+ Phối hợp với Cục Quản lý đấu thầu triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ theo Quyết định số 1924/QĐ-BKHĐT ngày 23/12/2013 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT về việc “*Phê duyệt chiến lược tăng cường năng lực và chuyên nghiệp hóa hoạt động đấu thầu (đào tạo đấu thầu mua sắm công quốc gia)*”.

+ Tham gia phối hợp, cung cấp thông tin để phục vụ nhiệm vụ *Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016)* của Bộ KH&ĐT theo Quyết định số 2009/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ KH&ĐT.

+ Hoàn thành và nghiệm thu đề tài cấp Bộ trong năm 2013 “*Xây dựng phương pháp đánh giá xếp hạng tín dụng doanh nghiệp Việt Nam*”. Sau khi hoàn thành, kết quả của đề tài được sử dụng cho các cơ quan quản lý nhà nước trong việc xây dựng các chính sách liên quan đến quản lý tín dụng.

+ Hoàn thành và nghiệm thu đề án cấp Bộ trong năm 2014 “*Xúc tiến hình thành trung tâm tài chính để thu hút đầu tư từ các ngân hàng, công ty tài chính và quỹ đầu tư lớn*”. Đề án này xác định những điểm hạn chế của thị trường vốn ở

Việt Nam, nghiên cứu kinh nghiệm xây dựng và phát triển của một số trung tâm tài chính nhằm rút ra những bài học, giải pháp để xây dựng một trung tâm tài chính quốc tế có tầm cỡ khu vực nhằm thu hút vốn của các nhà đầu tư tổ chức để tạo nguồn vốn đầu tư thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội tại Việt Nam. Dựa trên những phát hiện của đề án, nghiên cứu đưa ra một số đề xuất về trung tâm tài chính ở Việt Nam như địa điểm, quy mô, quy chế...

+ Đã triển khai nghiên cứu đề tài cấp Bộ từ tháng 1/2015 đến tháng 6/2015 *“Giải pháp xây dựng và khai thác lợi thế của Hà Nội trong vùng thủ đô giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn 2030”* thuộc chương trình Quản lý kinh tế - xã hội. Đề tài phân tích đánh giá những lợi thế so sánh của Hà Nội so với các địa phương trong vùng thủ đô, từ đó đề xuất những lợi thế so sánh mà Hà Nội nên lựa chọn để ưu tiên củng cố, khai thác và tiếp tục phát triển nhằm thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô trong giai đoạn 2016 - 2020 và những năm tiếp theo.

+ Đã triển khai đề tài cấp Bộ *“Giải pháp thúc đẩy hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo”* (2018). Đề tài đã phân tích thực trạng và đề xuất các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo ở Việt Nam giai đoạn đến năm 2030.

+ Đã triển khai đề tài cấp Bộ *“Xây dựng công cụ xác định cơ cấu kinh tế nhằm giảm thiểu cường độ phát thải khí nhà kính phục vụ công tác lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội theo hướng bảo vệ môi trường thực hiện TTX và PTBV ở Việt Nam”* (2020). Đề tài đã nghiên cứu các kinh nghiệm trong nước, thế giới, làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn và đề xuất bộ chỉ tiêu xác định cơ cấu kinh tế nhằm giảm thiểu cường độ phát thải khí nhà kính phục vụ công tác lập kế hoạch phát triển kinh tế xã hội theo hướng bảo vệ môi trường thực hiện TTX và PTBV ở Việt Nam.

+ Đã triển khai đề tài cấp Tỉnh *“Nghiên cứu đánh giá, đề xuất giải pháp nâng cao tỷ lệ đóng góp của khoa học và công nghệ trong tăng trưởng kinh tế tỉnh Hòa Bình”* (2020). Đề tài đã nghiên cứu thực trạng, đề xuất giải pháp nâng cao tỷ lệ đóng góp của khoa học và công nghệ trong tăng trưởng kinh tế tỉnh Hòa Bình giai đoạn đến năm 2030.

+ Đã triển khai đề tài cấp Nhà nước *“Luận cứ khoa học cho việc hình thành và phát triển thị trường mua bán nợ của doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng của Việt Nam”* (2020). Đề tài đã phân tích, làm rõ các luận cứ về lý luận, thực tiễn từ đó đề xuất các giải pháp thúc đẩy sự hình thành và phát triển thị trường mua bán nợ của doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng của Việt Nam.

+ Đã triển khai đề tài cấp Nhà nước *“Cơ sở khoa học và giải pháp chính sách đột phá phát triển kinh tế biển bền vững các vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam”*. (2020). Đề tài đã phân tích, làm rõ các luận cứ về lý luận, thực tiễn từ đó đề xuất các giải pháp chính sách đột phá phát triển kinh tế biển bền vững các vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam.

Thứ ba, Học viện đã chủ trì tổ chức nhiều Hội thảo khoa học lớn với sự tham gia của nhiều chuyên gia đến từ các Bộ, Viện nghiên cứu như: Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Viện Chiến lược phát triển, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương...

+ Hội thảo: *“Nhìn lại chính sách tài chính, tiền tệ với mục tiêu kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, đảm bảo an toàn hệ thống tài chính”* phối hợp với Viện Ngân hàng Tài chính - Đại học Kinh tế Quốc dân, tổ chức ngày 25/4/2013. Tại Hội thảo này, Học viện báo cáo vấn đề *“Hoàn thiện môi trường chính sách cho sự phát triển của Hệ thống tài chính Việt Nam”* chú trọng vào đánh giá và so sánh hệ thống tài chính Việt Nam với khu vực bằng các chỉ số (về độ sâu, khả năng tiếp cận tài chính, tính hiệu quả và sự ổn định), thể hiện sự yếu kém của hệ thống tài chính Việt Nam so với khu vực cụ thể là: quy mô nhỏ, khả năng tiếp cận tài chính thấp, tính hiệu quả trung bình thấp và mức độ rủi ro cao. Từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện môi trường chính sách cho sự phát triển của Hệ thống tài chính Việt Nam.

+ Hội thảo *“Lạm phát và Tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam”* tổ chức ngày 22/5/2013 dưới sự chủ trì của Thứ trưởng Đặng Huy Đông, được sự tài trợ của Cơ quan Phát triển quốc tế của Hoa kỳ (USAID). Hội thảo này đã cung cấp nhiều kết quả nghiên cứu liên quan đến lạm phát và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam, trong đó công trình nghiên cứu của Học viện đã đưa ra một ngưỡng chỉ số thể hiện mối tương quan giữa lạm phát và tăng trưởng kinh tế mà tại ngưỡng lạm phát đó, tăng trưởng kinh tế là tối ưu, kết quả này đã được cơ quan quản lý nhà nước tham khảo để xây dựng chỉ tiêu lạm phát cho nền kinh tế Việt Nam.

+ Hội thảo với chủ đề *“Tính cấp thiết của Hiệp định thương mại tự do (FTA) trong thương mại quốc tế hiện nay - Những chuẩn bị cần thiết cho Chính phủ và Doanh nghiệp của Việt Nam”* tổ chức vào ngày 10/5/2013. Đây là một trong chuỗi các hội thảo chia sẻ tri thức và kinh nghiệm của ông Park Jae Ho, chuyên gia KOICA, với cán bộ, giảng viên và sinh viên của Học viện về các chủ đề như Tổ chức Thương mại Thế giới và Hiệp định thương mại tự do; Vai trò của Chính phủ trong nền kinh tế thị trường; Các vấn đề Chính sách công đương đại. Hội thảo này đã tổng kết các lợi ích mang lại từ FTA và đồng thời đưa ra các biện pháp chủ động ứng phó với các bất lợi nảy sinh từ quá trình tham gia vào các FTA. Hội thảo đã cung cấp rất nhiều kinh nghiệm thực tiễn, các thông tin và những phân tích phong phú, hữu ích về FTA. Kết quả của các công trình nghiên cứu báo cáo tại Hội thảo đã được Học viện đề xuất với Bộ KH&ĐT và các cơ quan liên quan sử dụng trong việc tham mưu, đề xuất các chính sách vĩ mô của Chính phủ.

+ Hội thảo *“Phối hợp Chính sách Tài khóa và Chính sách Tài chính tiền tệ trong điều hành kinh tế vĩ mô giai đoạn 2014-2015”*, tổ chức ngày 19/12/2013.

Hội thảo này có sự tham gia của nhiều chuyên gia hàng đầu đến từ Ủy ban Giám sát Tài chính quốc gia, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, Viện Chiến lược phát triển, Viện Nghiên cứu và Quản lý kinh tế Trung ương. Nhiều ý kiến của các chuyên gia từ các Hội thảo trên đã được gửi tới các cơ quan tham mưu chính sách để góp phần xây dựng và hoàn thiện các chính sách kinh tế vĩ mô của Chính phủ.

+ Hội thảo “*Lập kế hoạch SMART và xây dựng đồng thuận quốc gia để phát triển Hàn Quốc thoát khỏi đói nghèo và tăng trưởng kinh tế kỳ diệu*” tổ chức ngày 16/01/2014 do KOICA tài trợ. Hội thảo này tập trung phân tích các bài học trong chiến lược phát triển kinh tế của Hàn Quốc.

+ Hội thảo “*Chiến lược chăm sóc sau đầu tư – giải quyết những khiếu nại, thắc mắc của nhà đầu tư nước ngoài. Giới thiệu phân tích hoạt động thanh tra đầu tư nước ngoài của Hàn Quốc*” tổ chức ngày 25/03/2014. Hội thảo xem xét những kinh nghiệm trong quá trình xúc tiến đầu tư, đồng thời cũng giới thiệu cơ chế giải quyết các khiếu nại, thắc mắc và thanh tra, giám sát đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài tại Hàn Quốc và đưa ra những gợi ý chính sách cho Việt Nam trong quá trình tạo điều kiện và giải quyết các thắc mắc cho các nhà đầu tư nước ngoài hiện tại.

+ Hội thảo “*Chiến lược Tăng trưởng xanh phát triển đất nước*” tổ chức ngày 29/10/2014. Trong hội thảo, các tham luận tập trung phân tích chiến lược tăng trưởng xanh - kinh nghiệm của Hàn Quốc và bài học cho Việt Nam; đồng thời đưa ra định hướng Chiến lược tăng trưởng xanh cho Việt Nam trong thời gian tới.

+ Hội thảo “*Liên kết chiến lược với các doanh nghiệp toàn cầu, công cụ chính sách thúc đẩy kinh doanh quốc tế và Đầu tư trực tiếp nước ngoài – nghiên cứu trường hợp chuỗi dự án liên kết toàn cầu của Hàn Quốc (GAPS)*” tổ chức ngày 05/02/2015. Hội thảo cung cấp cái nhìn tổng quan về liên kết chiến lược, các cơ sở lý luận và hình thức liên kết chiến lược phổ biến nhất nhằm đạt được lợi thế cạnh tranh thông qua tiếp cận nguồn lực của đối tác. Hội thảo đưa ra các đề xuất liên quan tới phương thức hợp tác giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước, công cụ hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) và thu hút dòng vốn FDI có chất lượng nhằm nâng cao giá trị gia tăng, thâm dụng công nghệ cao.

+ Hội thảo “*Tăng trưởng xanh – Kinh nghiệm quốc tế và thực tiễn ở Việt Nam*” tổ chức ngày 10/02/2015. Hội thảo xem xét các tiêu chí quốc tế và tiến trình thực hiện tăng trưởng xanh tại Việt Nam; lý do mà các nước trên thế giới đã chuyển từ “Tăng trưởng nâu” sang “Tăng trưởng xanh”, các đặc điểm của Tăng trưởng xanh và vai trò của Chính phủ trong quá trình này; tiến trình và cách thức thực hiện Tăng trưởng xanh tại Hàn Quốc, vai trò của các bên liên quan trong việc thực hiện thành công Chiến lược Tăng trưởng xanh quốc gia.

+ Hội thảo khoa học cấp Quốc gia: "Cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển kinh tế biển bền vững và chính sách đột phá và những vấn đề rút ra cho Việt Nam" tổ chức ngày 05/11/2019. Hội thảo đã đóng góp về lý luận, thực tiễn cho đề tài cấp Nhà nước trong nghiên cứu giải pháp đưa Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh và an toàn ; phát triển bền vững kinh tế biển gắn liền với bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, góp phần duy trì môi trường hoà bình, ổn định cho phát triển.

Bên cạnh đó, Học viện đã tổ chức nhiều buổi tọa đàm khoa học, các hội thảo cấp Khoa, Bộ môn và cấp Học viện theo nhiều chuyên đề và chủ đề với sự đóng góp của các chuyên gia trong và ngoài nước đến từ các cơ quan, tổ chức (Ngân hàng nhà nước, KOICA, USAID), trường đại học uy tín (Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện Tài chính, Trường Cao đẳng Kinh tế Kế hoạch Đà Nẵng...) nhằm mục đích nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên và sinh viên.

Thứ tư, Học viện đã có đội ngũ giảng viên là các Giáo sư, Phó giáo sư, tiến sĩ được đào tạo tại các trường đại học uy tín trong và ngoài nước, có năng lực nghiên cứu khoa học, có nhiều công trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ được đánh giá cao, nhiều công trình đăng tải trên các tạp chí khoa học uy tín trong và ngoài nước, đặc biệt là rất nhiều công trình nghiên cứu có giá trị thuộc lĩnh vực kinh tế quốc tế. Kết quả của các công trình nghiên cứu của giảng viên đã được các cơ quan tham mưu chính sách của Chính phủ sử dụng để hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội của Việt Nam.

Là một trường Đại học công lập, mục tiêu và nhiệm vụ của HVCS&PT là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng lên về kiến thức của các cơ quan quản lý Nhà nước ở các cấp cũng như đối với các doanh nghiệp có nhu cầu làm công tác hoạch định chính sách chiến lược trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại. Việc mở mã ngành đào tạo Tiến sĩ Chính sách công không chỉ cấp thiết đáp ứng như cầu xã hội, mà còn cần thiết cho chính HVCS&PT để thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ của mình. Đây cũng là thế mạnh của Học viện so với các trường đại học trong nước bởi hầu hết hoạt động nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế của Học viện trong những năm qua đều tập trung chuyên sâu vào lĩnh vực vĩ mô quốc tế và chính sách đối ngoại. Do đó, chương trình đào tạo Tiến sĩ Chính sách công của Học viện sẽ bổ sung nguồn nhân lực cho nền kinh tế - xã hội, đặc biệt là nhân lực cho ngành Kế hoạch và Đầu tư trong lĩnh vực hoạch định phản biện chính sách kinh tế vĩ mô. Học viện Chính sách và Phát triển đáp ứng đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên chuyên ngành, nguồn thông tin, tư liệu phong phú và năng lực nghiên cứu để đào tạo trình độ Tiến sĩ Chính sách công.

PHẦN 3

CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

TÊN NGÀNH: CHÍNH SÁCH CÔNG

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: TIẾN SĨ

MÃ SỐ: 9340402

PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

TÊN NGÀNH: CHÍNH SÁCH CÔNG

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: TIẾN SĨ

MÃ SỐ: 9340402

1. Chương trình đào tạo

1.1. Căn cứ xây dựng chương trình

a. Căn cứ pháp lý

Chương trình đào tạo tiến sĩ Chính sách công của Học viện Chính sách và Phát triển được xây dựng dựa trên các văn bản pháp lý cơ bản sau:

- Luật Giáo dục Đại học 2012 (Luật số 08/2012/QH13);
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018;
- Nghị định 99/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết về hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung của Luật Giáo dục Đại học;
- Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (Thay thế Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015);
- Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;
- Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;
- Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ Tiến sĩ;
- Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 18/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về chức năng, nhiệm vụ của Học viện Chính sách và Phát triển.
- Nghị quyết 08/2021/NQ-HĐHVCSTP ngày 2/11/2021 của Hội đồng Học viện về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển.
- Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT điều kiện, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ

b. Căn cứ thực tiễn

Việc mở ngành đào tạo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và định hướng phát triển của Học viện theo Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 18/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; phù hợp chiến lược phát triển của Học viện đến năm 2030 tầm nhìn 2045; tận dụng được thế mạnh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong lĩnh vực tham mưu, đề xuất chính sách kinh tế vĩ mô cho Chính phủ.

Việc mở ngành đào tạo Chính sách công trình độ tiến sĩ đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ cao trong lĩnh vực Chính sách công để phục vụ cho lập kế hoạch, qui hoạch chiến lược phát kinh tế xã hội các cấp, lập kế hoạch và qui hoạch phát triển ngành, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu và hội nhập quốc tế là rất cần thiết.

Học viện đã đào tạo ngành Chính sách công trình độ thạc sĩ được 07 năm; đáp ứng các điều kiện cần thiết về cơ sở vật chất và đội ngũ giảng viên để triển khai đào tạo trình độ tiến sĩ ngành Chính sách công.

Phù hợp với xu thế đào tạo ngành Chính sách công trình độ Tiến sĩ trên thế giới. Nhiều cơ sở giáo dục Đại học trên thế giới đều có đào tạo chuyên gia ngành Chính sách công với các bậc học từ đại học đến tiến sĩ nhằm đáp ứng yêu cầu nhân lực cho việc hoạch định chính sách. Ở Việt Nam, một số trường Đại học như Học viện Hành chính Quốc gia, Học viện Khoa học xã hội....

- Chương trình đào tạo Tiến sĩ Chính sách công của Học viện được xây dựng trên cơ sở tham khảo một số chương trình đào tạo Thạc sĩ Chính sách công đã tuyển sinh và đào tạo tại Học viện với đặc thù của cơ sở đào tạo về nghiên cứu, hoạch định, thực thi chính sách vĩ mô. Đối tượng đào tạo đầu vào thuộc nhiều chương trình khác nhau nhưng đầu ra có tính chuyên sâu về lĩnh vực điều hành, tư vấn phản biện, hoạch định, điều hành chính sách vĩ mô. Mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ cao, có năng lực quản lý đáp ứng được yêu cầu công việc được đào tạo.

- Chương trình đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Chính sách công của Học viện được xây dựng trên cơ sở tham khảo các chương trình đào tạo của một số trường Quốc tế như chương trình đào tạo Tiến sĩ Chính sách công của trường Đại học Tổng hợp Indiana (Hoa Kỳ), Chương trình đào tạo Tiến sĩ Chính sách công và phân tích chính sách liên kết giữa Trường SPEA và Khoa Khoa học chính trị thuộc Trường Đại học Tổng hợp Indiana (Hoa Kỳ), Chương trình đào tạo tiến sĩ chính sách công ở Hàn Quốc, Chương trình đào tạo tiến sĩ chính sách công ở Trường Harvard Kennedy (Hoa Kỳ), Chương trình đào tạo tiến sĩ chính sách công Trường đại học tổng hợp Massachuset Boston (Hoa Kỳ)... *(xem chi tiết tại Mục 2.d, Phần 1).*

1.2. Mục tiêu đào tạo

a. Mục tiêu chung

Mục tiêu chung chương trình là đào tạo các nghiên cứu sinh có trình độ cao về lý thuyết và ứng dụng, có năng lực nghiên cứu khoa học độc lập, sáng tạo, có

khả năng phát hiện và giải quyết được những vấn đề mới có ý nghĩa trong khoa học về chính sách công; kinh tế - xã hội và hướng dẫn nghiên cứu khoa học; có phẩm chất chính trị vững vàng, có đạo đức nghề nghiệp tốt, nắm vững những kiến thức chuyên sâu về phân tích, đánh giá và phát triển chính sách; có năng lực nghiên cứu, hoạch định chính sách để giải quyết các vấn đề nảy sinh trong đời sống cộng đồng, trong cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội và nghề nghiệp khác trên nền khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành chính sách công; làm tư vấn hoặc tham gia xây dựng chính sách công trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; làm công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học hay phản biện chính sách công. Bên cạnh đó, chương trình hướng tới việc đào tạo các nghiên cứu sinh có khả năng công bố các sản phẩm khoa học trên các tạp chí quốc tế uy tín, đáp ứng yêu cầu xã hội và hội nhập quốc tế.

b. Mục tiêu cụ thể

Cụ thể về năng lực mà NCS phát triển được sau khi hoàn thành chương trình như sau:

- Về kiến thức

Có hệ thống kiến thức chuyên sâu, tiên tiến, toàn diện, và hội nhập quốc tế thuộc lĩnh vực Chính sách công; làm chủ được các giá trị cốt lõi, quan trọng trong học thuật; phát triển các nguyên lý, học thuyết trong lĩnh vực Chính sách công; có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh

Đào tạo được một đội ngũ những người có trình độ cao, có đạo đức nghề nghiệp và năng lực tư duy khoa học, năng lực nghiên cứu khoa học về chính sách công trong điều kiện cụ thể của Việt Nam;

Đào tạo một đội ngũ những người có khả năng tổ chức triển khai thực hiện các bước của chu trình chính sách, có kỹ năng phân tích chính sách ở trình độ chuyên nghiệp.

Đào tạo được đội ngũ những nhà chuyên môn làm chính sách có đủ phẩm chất, năng lực và thái độ chính trị đúng đắn trong phân tích và đánh giá chính sách hiện hành. Gương mẫu thực hiện tốt nhiệm vụ được giao có liên quan đến hoạch định, thực thi chính sách của Nhà nước, đồng thời vận động rộng rãi các chủ thể khác tích cực tham gia thực hiện chính sách công.

- Về kỹ năng

Có kỹ năng phát hiện, phân tích các vấn đề phức tạp; sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực Chính sách công; có khả năng thiết lập mạng lưới hợp tác quốc gia và quốc tế trong hoạt động chuyên môn; có năng lực tổng hợp trí tuệ tập thể, dẫn dắt chuyên môn để xử lý các vấn đề quy mô khu vực và quốc tế; Có kỹ năng hoạch định, phân tích và đánh giá chính sách, đào tạo được đội ngũ những nhà tư vấn

chính sách mang tính chuyên nghiệp, có khả năng tham gia xây dựng, thực thi chính sách công trong phạm vi ngành, lĩnh vực công tác hoặc làm tư vấn chính sách cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề; rút ra những nguyên tắc, quy luật trong quá trình giải quyết công việc; có khả năng thích nghi với môi trường làm việc hội nhập quốc tế; có năng lực đưa ra được những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn; có khả năng quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các hoạt động nghiên cứu, phát triển tri thức, ý tưởng mới, quy trình mới trong lĩnh vực Chính sách công.

- Về vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp

Sau khi hoàn thành chương trình, NCS có thể làm việc phù hợp nhất ở các tổ chức cơ quan sau:

Các cơ quan Chính phủ, Nhà nước từ cấp Trung Ương đến cấp địa phương;

Các trường Đại học có giảng dạy Chính sách công và các chuyên ngành liên quan;

Các Viện nghiên cứu;

Các công ty tư vấn, nghiên cứu;

Các tổ chức quốc tế;

Các tổ chức phi chính phủ;

Các doanh nghiệp;

Các tổ chức khác.

1.3. Chuẩn đầu ra

a. Kiến thức

Nắm bắt được các lý thuyết trong lĩnh vực quản lý kinh tế và phân tích chính sách.

Làm chủ được các mô hình, lý thuyết áp dụng trong quản lý ngành kinh tế, quản lý kinh tế vùng và địa phương.

Có kiến thức về tổ chức nghiên cứu khoa học và đề xuất các đề án xây dựng và đổi mới chính sách của nhà nước.

b. Kỹ năng

Kỹ năng thu thập, phân tích, tổng hợp để thực hiện một nghiên cứu có chất lượng cao trong quản lý kinh tế và phân tích chính sách.

Kỹ năng suy luận, phân tích và khám phá các lý thuyết và mô hình mới áp dụng trong quản lý kinh tế, trong phân tích chính sách.

Kỹ năng quản lý chuyên môn trong nghiên cứu và phát triển các đề án chính sách kinh tế và quản lý kinh tế.

Kỹ năng áp dụng các công cụ phân tích định lượng hiện đại vào nghiên cứu.

Có khả năng cao trong nghiên cứu, sáng tạo tri thức mới trong lĩnh vực quản lý kinh tế và phân tích chính sách

Kỹ năng thảo luận trong nước và quốc tế thuộc ngành và chủ đề nghiên cứu; đồng thời có khả năng phổ biến các kết quả nghiên cứu, truyền tải thái độ và giá trị nghiên cứu.

Kỹ năng cung cấp các mối quan hệ, nguồn lực và xây dựng các kỹ năng nghiên cứu cho sinh viên, cao học viên.

c. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Chủ động đề xuất các ý tưởng, kiến thức mới thích nghi với sự thay đổi và phức tạp của hoàn cảnh.

Sẵn sàng thích ứng, tự định hướng và dẫn dắt những người khác trong nghiên cứu và đề xuất đề án chính sách kinh tế và quản lý kinh tế.

Độc lập trong ra quyết định mang tính chuyên gia, có khả năng phản biện chính sách trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

Có trách nhiệm cao trong thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu.

Có trách nhiệm cao trong việc học tập để phát triển tri thức chuyên nghiệp, kinh nghiệm và sáng tạo ra ý tưởng mới trong quản lý.

1.4. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ (kể từ khi có quyết định công nhận nghiên cứu sinh) là 4 năm học đối với người có bằng thạc sĩ và 5 năm học đối với người có bằng tốt nghiệp đại học (chưa có bằng thạc sĩ).

1.5. Khối lượng kiến thức

Tổng cộng 91 tín chỉ (không kể phần học bổ sung kiến thức)

1.6. Đối tượng tuyển sinh

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định trình độ tiến sĩ của Học viện Chính sách và Phát triển

1.7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Quy trình đào tạo: thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định trình độ tiến sĩ của Học viện Chính sách và Phát triển

- Điều kiện tốt nghiệp: thực hiện theo Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định trình độ tiến sĩ của Học viện Chính sách và Phát triển.

1.8. Thang điểm

Thang điểm đánh giá dùng trong chương trình là thang điểm 10.

1.9. Cấu trúc chương trình

Cấu trúc chương trình đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Chính sách công tại Học viện gồm tổng cộng 91 Tín chỉ (không tính khối lượng các học phần bổ sung kiến thức) đã được ban hành theo Quyết định số 1002/QĐ-HVCSPT ngày 31/10/2022 của Giám đốc Học viện, cụ thể:

a. Các học phần bổ sung: gồm tổng cộng 30 tín chỉ dành cho nhóm đối tượng có bằng Cử nhân chuyên ngành gần và phù hợp và tổng cộng 15 tín chỉ dành cho nhóm đối tượng có bằng Thạc sĩ chuyên ngành gần và phù hợp (Ban hành tại Quyết định số 1003/QĐ-HVCSPT ngày 31/10/2022 của Giám đốc Học viện).

b. Các học phần ở trình độ tiến sĩ: 15 Tín chỉ

c. Tiểu luận tổng quan: 2 Tín chỉ

d. Các chuyên đề tiến sĩ: 4 Tín chỉ

e. Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ: 70 Tín chỉ

f. Nội dung chương trình đào tạo và kế hoạch giảng dạy:

STT	Nội dung	Tín chỉ	Thời gian thực hiện		
			Năm 1	Năm 2	Năm 3+4
1	Các học phần bổ sung kiến thức		x		
2	Các học phần ở trình độ tiến sĩ	15			
2.1	Các học phần bắt buộc	9			
-	Các vấn đề cơ bản trong nghiên cứu khoa học và viết luận án tiến sĩ	3	x		
-	Những kỹ thuật, công cụ chủ yếu trong nghiên cứu khoa học thuộc chuyên ngành Chính sách công	3	x		
-	Kinh tế học trong khu vực công	3			
2.2	Các học phần lựa chọn (Chọn 03 trong 07 học phần)	6			
-	Thiết kế và thực hiện nghiên cứu chính sách	2	x		
-	Luật và chính sách công	2	x		
-	Quản lý rủi ro trong khu vực công	2	x		
-	Phân tích chính sách ngoại thương	2		x	
-	Phân tích tài chính công	2		x	
-	Chính sách phát triển kinh tế vùng và đô thị	2		x	
-	Phân tích chính sách đầu tư phát triển	2		x	
3	Tiểu luận tổng quan	2	x		

4	Các chuyên đề tiến sĩ	4			
4.1	Chuyên đề số 1	2		x	
4.2	Chuyên đề số 2	2		x	
5	Nghiên cứu khoa học và luận án tiến sĩ	70			
5.1	Đăng ký đề tài luận án	2	x		
5.2	Báo cáo kết quả nghiên cứu cấp Học viện	2		x	
5.3	Sinh hoạt khoa học tại bộ môn và seminar cấp Học viện	2	x	x	x
5.4	Hai bài báo đăng ở các tạp chí/hội thảo	4		x	x
5.5	Luận án và bảo vệ luận án tiến sĩ	60			x
	Tổng tín chỉ (không tính Mục 1)	91			

2. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo

Năm 2018, Học viện đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam cấp giấy Chứng nhận kiểm định cơ sở giáo dục đại học đạt chuẩn chất lượng. Bên cạnh đó, Học viện đã được cấp chứng nhận kiểm định chất lượng đào tạo 3/9 ngành đào tạo (tại Quyết định 119, 120, 121/QĐ-KĐCLGD ngày 8/10/2020 của Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục thuộc Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam về việc cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng Chương trình đào tạo các ngành: Kinh tế, Kinh tế quốc tế và Quản trị kinh doanh trình độ đại học).

Kế hoạch trong năm 2022, Học viện tiếp tục triển khai kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo ngành Tài chính Ngân hàng và Quản lý Nhà nước. Sau đó tiến tới kiểm định các chương trình trình độ thạc sĩ.

Để đảm bảo chất lượng đào tạo, Học viện dự kiến tuyển sinh giai đoạn 2023-2027 như sau:

- Khóa học 2023 - 2026: 2 NCS;
- Khóa học 2024 – 2027: 3 NCS;
- Khóa học 2025 - 2028: 4 NCS;
- Khóa học 2026 - 2029: 5 NCS;
- Khóa học 2027 – 2030: 8 NCS.

3. Đề cương chi tiết các học phần

3.1. Học phần Các vấn đề cơ bản trong nghiên cứu khoa học và viết luận án tiến sĩ

HỌC VIỆN
CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN
KHOA CHÍNH SÁCH CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **TIẾN SĨ** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. TÊN HỌC PHẦN: Các vấn đề cơ bản trong nghiên cứu khoa học và viết luận án tiến sĩ

- Mã học phần: NCKH 101
- Số tín chỉ: 3 TC

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH: Khoa Chính sách công

3. CÁC GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

- PGS, TS Ngô Phúc Hạnh – Học viện Chính sách và Phát triển
- TS. Phạm Ngọc Trụ – Học viện Chính sách và Phát triển
- PGS, TS Trần Trọng Nguyên – Học viện Chính sách và Phát triển
- TS Đàm Thị Hiền – Học viện Chính sách và Phát triển

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức: Cung cấp cho NCS những kiến thức nền tảng và hệ thống về mục tiêu, bản chất và các cách tiếp cận nghiên cứu khoa học; Chia sẻ kinh nghiệm nghiên cứu trong và ngoài nước.

- Kỹ năng: Giúp NCS nắm vững toàn bộ quy trình nghiên cứu: từ hình thành ý tưởng nghiên cứu, thiết kế kế hoạch nghiên cứu, triển khai thực hiện, thu thập dữ liệu, phân tích và công bố kết quả; Giúp NCS tăng cường khả năng phân tích, lựa chọn, và thực hành kỹ năng viết trong nghiên cứu khoa học.

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Mỗi NCS phải học 3 tín chỉ, chia thành 2 phần:

- Phần 1. Quy trình và phương pháp nghiên cứu khoa học: 2 tín chỉ
- Phần 2. Kỹ năng viết trong nghiên cứu khoa học: 1 tín chỉ.

Phần 1. Quy trình và phương pháp nghiên cứu khoa học

1.1. Giới thiệu

- Giới thiệu mục tiêu, phương pháp, và tài liệu của chuyên đề
- Các cách tiếp cận phổ biến trong nghiên cứu hiện nay - ưu và nhược điểm

1.2. Bản chất, quy trình nghiên cứu

- Bản chất của nghiên cứu khoa học - các chuẩn mực của nghiên cứu
- Nghiên cứu hàn lâm và nghiên cứu ứng dụng
- Quy trình nghiên cứu khoa học
- So sánh nghiên cứu khoa học với nghiên cứu tư vấn và với đề án thực tiễn

1.3. Phát triển câu hỏi nghiên cứu

- Cách đặt câu hỏi nghiên cứu phổ biến hiện nay - ưu và nhược điểm
- Câu hỏi nghiên cứu và câu hỏi quản lý
- Các tiêu chuẩn của câu hỏi nghiên cứu
- Quy trình phát triển câu hỏi nghiên cứu

1.4. Tổng quan nghiên cứu

- Mục tiêu của tổng quan các nghiên cứu trước
- Yêu cầu trong tổng quan các nghiên cứu trước
- Quy trình và một số kỹ năng thực hành tổng quan

1.5. Lựa chọn cơ sở lý thuyết và xây dựng khung (mô hình) nghiên cứu

- Định nghĩa và nhận dạng lý thuyết
- Vai trò của lý thuyết trong nghiên cứu khoa học
- Xây dựng khung (mô hình) nghiên cứu

1.6. Nghiên cứu định tính: Lý thuyết và thực hành

- Định nghĩa, mục tiêu, đặc điểm nghiên cứu định tính
- Các trường hợp sử dụng nghiên cứu định tính
- Các phương pháp và kỹ năng thu thập dữ liệu định tính phổ biến
- Phân tích dữ liệu định tính

1.7. Nghiên cứu định lượng: Những vấn đề cơ bản

- Định nghĩa, mục tiêu, đặc điểm nghiên cứu định lượng
- Các trường hợp sử dụng nghiên cứu định lượng
- Các bước trong thiết kế và thực hành nghiên cứu định lượng
- Một số phương pháp nghiên cứu định lượng thông dụng

1.8. Làm quen với phân tích dữ liệu định lượng

- Giới thiệu phần mềm SPSS
- Thực hành phân tích dữ liệu theo câu hỏi nghiên cứu, mô hình và dữ liệu

cho trước

1.9. Phản biện một nghiên cứu

- Mục tiêu phản biện nghiên cứu
- Tiêu chí chung khi phản biện
- Phản biện từng phần của một công trình nghiên cứu
- Thực hành phản biện một luận án Tiến sĩ

1.10. Thiết kế nghiên cứu

- Mục tiêu thiết kế nghiên cứu

- Các nội dung thiết kế nghiên cứu
- Các yêu cầu thiết kế nghiên cứu
- Một số thiết kế nghiên cứu thông dụng

1.11. Thực hành thiết kế nghiên cứu

NCS làm việc theo nhóm thực hành thiết kế nghiên cứu

1.12. Chuẩn mực đạo đức trong nghiên cứu

- Vì sao quan tâm tới đạo đức trong nghiên cứu
- Chuẩn mực đạo đức nghiên cứu cơ bản
- Các vấn đề đạo đức nghiên cứu chủ yếu
- Quy trình và kỹ năng xử lý vấn đề về đạo đức nghiên cứu

1.13. Trình bày thiết kế nghiên cứu của nhóm

- NCS trình bày thiết kế nghiên cứu của nhóm
- Trao đổi và thảo luận

Phần 2. Kỹ năng viết trong nghiên cứu khoa học

2.1. Nội dung công việc trước khi viết

- Lựa chọn vấn đề nghiên cứu
- Thu thập thông tin, tài liệu

2.2. Cách viết

- Cách đặt tựa đề
- Cấu trúc bài viết: Công thức IMRaD
- Cách viết các phần
- Đạo văn

2.3. Nội dung công việc sau khi viết

- Bỏ bài viết vào một góc trong một thời gian đủ dài, sau đó quay lại đọc để nhận biết lỗi
- Nhờ đồng nghiệp đọc, sửa: nên nhờ ai?
- Thuê người sửa chuyên nghiệp (tạp chí): cách liên hệ?
- Cách thảo luận với editors

6. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN VÀ ÔN TẬP

1. Anh/chị có đồng ý rằng mục tiêu chính của luận án không nằm ở phần kiến nghị hay không? Vì sao? Nếu đúng như vậy thì ý nghĩa thực tiễn của một công trình nghiên cứu khoa học nằm ở đâu?
2. Hãy nêu những công đoạn chính trong một dự án nghiên cứu khoa học? Vì sao quá coi trọng công đoạn “Viết” sẽ hạn chế kết quả nghiên cứu?
3. Điểm mới của một công trình nghiên cứu thường được thể hiện như thế nào?
4. Một NCS cho rằng “Hướng đổi mới phương pháp nghiên cứu hiện nay là các nghiên cứu phải áp dụng phương pháp định lượng”. Anh/chị có đồng ý với

nhận định đó không? Tại sao?

5. Có sự khác biệt nào giữa câu hỏi nghiên cứu và câu hỏi quản lý không? Nếu có, hãy nêu mối quan hệ của hai loại hình câu hỏi này?

6. Mục tiêu chính của phần tổng quan lý thuyết là gì? Hãy nêu các công đoạn chính khi tổng quan lý thuyết?

7. Vì sao cần khung lý thuyết trong nghiên cứu khoa học? NCS có thể tìm khung lý thuyết ở đâu?

8. Nêu những yếu tố cơ bản của khung lý thuyết? Yếu tố nào cần được chú ý nhất trong khung lý thuyết?

9. Thiết kế nghiên cứu là gì? Thiết kế nghiên cứu bao gồm những công việc gì?

10. Một thiết kế nghiên cứu cần đảm bảo những tiêu chuẩn cơ bản gì?

11. Đề xuất nghiên cứu khác gì với Đề cương nghiên cứu? Theo anh/chị, Đề xuất hay Đề cương nghiên cứu cần thiết hơn cho NCS trong giai đoạn đầu? Vì sao?

7. GIÁO TRÌNH

Giáo trình Thực hành nghiên cứu trong Kinh tế và Quản trị Kinh doanh (Dành cho chương trình Tiên Tiến sĩ), tác giả Nguyễn Văn Thắng, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2015 (Chương I, II, III, IV, V, VI, VII, X, XI)

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Nguyễn Đình Thọ, 2011. *Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh: Thiết kế và thực hiện*. NXB Lao Động Xã hội, Hà Nội.

- Swales John & Feak Christine, *Academic Writing for Graduate Students*, University of Michigan Press, 2012.

- Stephen Bailey, *Academic writing: A handbook for international students*, Routledge, London and New York, 2011.

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ CỦA HỌC PHẦN

Thực hiện theo quy chế đào tạo Tiến sĩ tại Học viện.

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2022

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN

(Đã ký)

(Đã ký)

PGS.TS Ngô Phúc Hạnh

PGS.TS Trần Trọng Nguyên

3.2. Học phần Những kỹ thuật, công cụ chủ yếu trong nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực Chính sách công

HỌC VIỆN
CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN
KHOA CHÍNH SÁCH CÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **TIẾN SĨ** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. TÊN HỌC PHẦN:

Tiếng Việt: Những kỹ thuật, công cụ chủ yếu trong nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực Chính sách công

- **Mã học phần:** KTCC 102
- **Số tín chỉ:** 3 TC

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH: Khoa Chính sách công

3. CÁC GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

- PGS, TS Trần Trọng Nguyên – Học viện Chính sách và Phát triển
- PGS, TS Ngô Phúc Hạnh – Học viện Chính sách và Phát triển
- TS Đàm Thanh Tú – Học viện Chính sách và Phát triển
- TS Nguyễn Công Mỹ - Thỉnh giảng

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Cung cấp cho NCS các kỹ năng, công cụ, kỹ thuật thông dụng trong triển khai thực hiện nghiên cứu, đảm bảo tính hữu ích, linh hoạt, phù hợp với đặc thù và mục tiêu của đề tài/chuyên ngành nghiên cứu.

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Phần 1. Phương pháp nghiên cứu định tính: cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về nghiên cứu định tính, cụ thể trong nghiên cứu học thuật thuộc lĩnh vực quản lý và quản trị kinh doanh. Chuyên đề tập trung vào giới thiệu một số phương pháp nghiên cứu định tính thông dụng: phương pháp quan sát (observation), Phương pháp phỏng vấn sâu (in-depth interview), phương pháp thảo luận nhóm trọng tâm (focus group). Ngoài ra, người học cũng sẽ có cơ hội trao đổi và thực hành thiết kế phương pháp nghiên cứu định tính cụ thể, thu thập và phân tích dữ liệu định tính

1.1. Bản chất của phương pháp nghiên cứu định tính

- Sự khác biệt giữa phương pháp nghiên cứu định tính và phương pháp nghiên cứu định lượng

- Khi nào nên sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính
- Những thách thức khi thực hiện nghiên cứu định tính

1.2. Thiết kế phương pháp nghiên cứu định tính: Quan sát

- Giới thiệu phương pháp quan sát
- Lựa chọn đối tượng quan sát
- Lập kế hoạch, thu thập và phân tích dữ liệu quan sát

1.3. Thiết kế phương pháp nghiên cứu định tính: Phỏng vấn sâu

- Giới thiệu phương pháp phỏng vấn sâu
- Lựa chọn đối tượng phỏng vấn sâu
- Lập kế hoạch, thu thập và phân tích dữ liệu phỏng vấn sâu

1.4. Thiết kế phương pháp nghiên cứu định tính: Thảo luận nhóm trọng tâm

- Giới thiệu phương pháp thảo luận nhóm trọng tâm
- Lựa chọn đối tượng tham gia
- Lập kế hoạch, thu thập và phân tích dữ liệu thảo luận nhóm trọng tâm

Phần 2. Phân tích định lượng trong chính sách công: cung cấp kiến thức cơ bản về phân tích định lượng trong chính sách công. Hiểu được phân tích định lượng và hướng ứng dụng của nó trong xây dựng chính sách công. Hiểu và sử dụng được một số mô hình phân tích định lượng cơ bản như: mô hình ra quyết định, cây quyết định, mô hình quy hoạch tuyến tính

2.1. Khái quát chung về phân tích định lượng trong quản lý

2.1.1. Phân tích định lượng và ra quyết định

- Các cách tiếp cận phân tích định lượng
- Mục tiêu của phân tích định lượng
- Các phương pháp toán ứng dụng trong phân tích định lượng
- Quy trình phân tích định lượng
- Quá trình ra quyết định
- Các bài tập ứng dụng phân tích định lượng

2.1.2. Mô hình phân tích quyết định

- Các bước phân tích quyết định
- Phân loại môi trường ra quyết định
- Phân tích quyết định trong tình huống chắc chắn

- Phân tích quyết định trong tình huống không chắc chắn
- Phân tích quyết định trong tình huống có rủi ro

2.1.3. Cây quyết định

- Khái quát về cây quyết định
- Các loại cây quyết định
- Các bước ứng dụng cây quyết định
- Áp dụng định lý Bayes trong cây quyết định với thông tin dự báo

2.2. Quy hoạch tuyến tính

2.2.1. Giới thiệu chung về quy hoạch tuyến tính

- Khái niệm
- Ứng dụng của mô hình quy hoạch tuyến tính
- Phương pháp tính toán mô hình quy hoạch tuyến tính
- Bài toán quy hoạch tuyến tính

2.2.2. Sử dụng quy hoạch tuyến tính trong phân tích chính sách công

6. CÁC CÂU HỎI THẢO LUẬN VÀ ÔN TẬP

1. Bản chất của nghiên cứu định tính? Khi nào nên sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính?
2. Những khó khăn, thách thức khi sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính? Hướng khắc phục?
3. Thiết kế các phương pháp nghiên cứu định tính thông dụng trong nghiên cứu học thuật (thuộc lĩnh vực quản lý và QTKD): vấn đề lựa chọn đối tượng tham gia; mẫu nghiên cứu định tính; thu thập và phân tích dữ liệu định tính.
4. Những thách thức khi thực hiện thu thập dữ liệu định tính
5. Những thách thức khi thực hiện phân tích dữ liệu định tính
6. Tác dụng cơ bản của phân tích định lượng áp dụng trong phân tích chính sách công?
7. Cần thực hiện các hoạt động phân tích nào trong quá trình ra quyết định?
8. Sử dụng mô hình phân tích ra quyết định để phân tích một chính sách cụ thể?

7. GIÁO TRÌNH

1. Yin, Robert K. (2011), Qualitative research from start to finish, The Guilford Press, New York
2. Nguyễn Quang Trung (2005): Phân tích định lượng trong quản trị, Đại học

mở bán công TP Hồ Chí Minh

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Trần Tuấn Anh (2003): Bài tập thực hành phân tích định lượng, Đại học mở bán công TP Hồ Chí Minh

- Bùi Tường Trí (1994): Giáo trình phân tích định lượng trong quản trị, NXB Thống Kê

- Nguyễn Xuân Thủy (1997): Phân tích định lượng trong quản trị, NXB Thống Kê

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ CỦA HỌC PHẦN

Thực hiện theo quy chế đào tạo Tiến sĩ tại Học viện.

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2022

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN

(Đã ký)

(Đã ký)

PGS.TS Ngô Phúc Hạnh

PGS.TS Trần Trọng Nguyên

3.3. Học phần Kinh tế học trong khu vực công

HỌC VIỆN
CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN
KHOA CHÍNH SÁCH CÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **TIẾN SĨ** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. TÊN HỌC PHẦN: Kinh tế học trong khu vực công

- Mã học phần: NCKTH 102

- Số Tín chỉ: 02

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH: Khoa Kinh tế

3. CÁC GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

- TS Trần Thị Trúc – Học viện Chính sách và Phát triển

- TS Tô Trọng Hùng – Học viện Chính sách và Phát triển

- PGS, TS Đào Văn Hùng - Học viện Chính sách và Phát triển

- TS. Lương Văn Khôi – (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) thỉnh giảng

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Về kiến thức: Sau khi học xong môn học này, NCS sẽ được trang bị các kiến thức về:

- Hiểu được các lý thuyết tiếp cận sử dụng trong khu vực công và ứng dụng của nó để giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế khu vực công

- Nắm rõ các nguyên tắc, yêu cầu, các thể chế và tiến trình quan trọng trong kinh tế khu vực công

- Có khả năng phân tích, đánh giá và nghiên cứu các vấn đề đương đại, các xu hướng và thách thức trong kinh tế khu vực công

Về kỹ năng: Học viên được trang bị các kỹ năng ra quyết định, quản lý và lãnh đạo, quản lý xung đột, quản lý sự thay đổi, tìm kiếm và phân tích thông tin, trình bày và làm việc nhóm.

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN:

CHƯƠNG 1. KHU VỰC CÔNG VÀ VAI TRÒ KINH TẾ CỦA CHÍNH PHỦ

I. KHU VỰC CÔNG

1. Khái niệm, đặc điểm của khu vực công

2. Khu vực công và những vấn đề kinh tế cơ bản

II. VAI TRÒ KINH TẾ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Vai trò của nhà nước theo trường phái tân cổ điển
2. Các nhân tố quyết định vai trò kinh tế của nhà nước

III. HÀNG HÓA CÔNG VÀ CHI TIÊU CÔNG

1. Cung cấp hàng hóa công tối ưu
2. Chi tiêu công

IV. KIẾN TRÚC TÀI KHÓA QUỐC GIA

V. SỰ THAM GIA CỦA KHU VỰC TƯ HAY SỰ HỢP TÁC CÔNG TƯ

1. Các phương thức cung cấp dịch vụ hàng hóa công truyền thống
2. Mục tiêu
3. Vài nét về lịch sử
4. Khuôn khổ pháp lý cho sự hợp tác công tư

CHƯƠNG. 2 HIỆU QUẢ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI, CHÍNH SÁCH XÃ HỘI VÀ BẢO TRỢ XÃ HỘI

A. HIỆU QUẢ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI

I. TỐI ĐA HÓA THỎA DỤNG TRONG ĐIỀU KIỆN GIỚI HẠN NGUỒN LỰC

1. Một số khái niệm cơ bản
2. Điều kiện tối đa hóa thỏa dụng
3. Tác động của thay đổi giá cả

II. CÁC LÝ THUYẾT VỀ HIỆU QUẢ XÃ HỘI CỦA KINH TẾ HỌC PHÚC LỢI

1. Khái niệm hiệu quả Pareto
2. Định lý thứ nhất
3. Định lý thứ hai

B. CHÍNH SÁCH XÃ HỘI VÀ BẢO TRỢ XÃ HỘI

I. CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

1. Khái niệm
2. Mục tiêu và chức năng của chính sách xã hội
3. Phạm vi của chính sách xã hội

II. BẢO TRỢ XÃ HỘI

1. Khái niệm, hình thức bảo trợ xã hội
2. Mục tiêu và chức năng của bảo trợ xã hội

3. Các công cụ của bảo trợ xã hội
4. Tồn thương
5. Bảo hiểm xã hội ở Việt Nam

III. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ KHU VỰC CÔNG

1. Nhận diện thất bại thị trường
2. Các phương án can thiệp của chính phủ
3. Các đặc điểm thiết kế chương trình
4. Phản ứng của khu vực tư
5. Tác động của hiệu quả
6. Tác động về phân phối
7. Đánh đổi giữa công bằng và hiệu quả
8. Các mục tiêu của chính sách công
9. Quy trình chính trị
10. Các chỉ số đánh giá hiệu quả của khu vực công

CHƯƠNG 3. KINH TẾ HỌC VỀ THUẾ

A. TỔNG QUAN VỀ THUẾ

1. Khái niệm, vai trò, phân loại và tính chất của thuế
2. Thuế và công bằng xã hội
3. Phân chia gánh nặng thuế
4. Thuế và hiệu quả xã hội

B. MỘT SỐ SẮC THUẾ CỦA VIỆT NAM

I. THUẾ BẤT ĐỘNG SẢN

1. Khái niệm, nguồn thu thuế bất động sản
2. Cơ sở xác định giá trị bất động sản
3. Phương pháp xác định giá trị BĐS
4. Một số quan hệ toán học
5. Ưu điểm của thuế BĐS
6. Các vấn đề của thuế Bất động sản

II. THUẾ NHÀ ĐẤT Ở VIỆT NAM

1. Vì sao phải đánh thuế nhà đất
2. Đặc điểm và phương pháp đánh thuế

3. Ảnh hưởng của Luật thuế mới đối với các quy định hiện thời
4. Cơ cấu thuế nhà đất của Việt Nam
5. Những khó khăn trong thực hiện thu thuế nhà, đất

III. THUẾ THU NHẬP CỦA VIỆT NAM

1. Một số khái niệm cơ bản
2. Một số nguyên tắc tính thuế
3. Một số vấn đề chính

C. KHUYẾN KHÍCH TUÂN THỦ VÀ CƯỜNG CHẾ THUẾ

I. KHUYẾN KHÍCH THUẾ

1. Khái niệm khuyến khích thuế
2. Một số biện pháp khuyến khích thuế

II. TUÂN THỦ THUẾ

1. Khái niệm
2. Biện pháp tuân thủ thuế

III. CƯỜNG CHẾ THUẾ

1. Khái niệm
2. Một số biện pháp cưỡng chế thuế

IV. KIỂM TOÁN THUẾ

1. Mục đích của kiểm toán thuế
2. Hình thức
3. Nguyên lý
4. Lập hồ sơ của các đối tượng rủi ro
5. Hệ thống khung hình phạt

CHƯƠNG. 4 NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ PHÂN CẤP NGÂN SÁCH

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGÂN SÁCH

1. Khái niệm, đặc điểm và nguyên tắc của ngân sách nhà nước
2. Đo lường tình trạng ngân sách
3. Phân tích bội chi ngân sách
4. Thâm hụt ngân sách và tác động vĩ mô của thâm hụt ngân sách
5. Các khoản thu, chi ngoài ngân sách

II. PHÂN CẤP NGÂN SÁCH

1. Khái niệm phân cấp ngân sách

2. Các hình thức phân cấp về ngân sách

3. Lý do phân cấp

III. PHÂN CẤP VÀ PHÂN CẤP NGÂN SÁCH Ở VIỆT NAM

1. Phân cấp ở Việt Nam

2. Phân cấp ngân sách ở Việt Nam

3. Phân bổ nguồn thu ở VN

4. Một số khía cạnh khác của phân cấp

5. Kết quả điều tra phân cấp tại một số tỉnh của Việt Nam

IV. TRỢ CẤP NGÂN SÁCH

1. Mất cân bằng hàng ngang

2. Mất cân bằng hàng dọc

7. GIÁO TRÌNH

Giáo trình chính: - Nguyễn Văn Hiệu (2020): *Tài chính công*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Luật Ngân sách nhà nước 2015.

- PGS.TS. Sử Đình Thành (2009), *Lý thuyết tài chính công*, NXB. Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

- Học viện Tài chính (2009), *Giáo trình quản lý tài chính công*, NXB. Tài chính

- Joseph E. Stiglitz (1995), *Kinh tế học công cộng*, Nguyễn Thị Hiền, Lê Ngọc Hùng và Nguyễn Văn Hưởng biên dịch, Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật và Trường Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

- Frederic S. Mishkin (2015), *Macroeconomics Policy and Practice*

- Arye L. Hillman (2009), *Public Finance and Public Policy: Responsibilities and Limitations of Government*

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ CỦA HỌC PHẦN

Thực hiện theo quy chế đào tạo Tiến sĩ tại Học viện.

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2022

TRƯỞNG KHOA

(Đã ký)

PGS.TS Ngô Phúc Hạnh

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN

(Đã ký)

PGS.TS Trần Trọng Nguyên

3.4. Học phần Thiết kế và thực hiện nghiên cứu chính sách

HỌC VIỆN
CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN
KHOA CHÍNH SÁCH CÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **TIẾN SĨ** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. TÊN HỌC PHẦN: Thiết kế và thực hiện nghiên cứu chính sách

- MÃ SỐ: NCTKN 201

- SỐ TÍN CHỈ: 02

2. BỘ MÔN PHỤ TRÁCH: Khoa Chính sách công

3. CÁC GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

- PGS, TS Ngô Phúc Hạnh – Học viện Chính sách và Phát triển

- TS Nguyễn Nam Hải – Học viện Chính sách và Phát triển

- TS. Bùi Thanh Bình – Học viện Chính sách và Phát triển

- PGS, TS. Hoàng Thu Hương – Thỉnh giảng

- PGS, TS Lê Xuân Bá – Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thỉnh giảng.

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN

- Kiến thức: Học phần trang bị cho nghiên cứu sinh cơ sở phương pháp luận trong tiếp cận về thiết kế và nghiên cứu chính sách. Qua đó, nắm được cách thức để thiết kế và có nền tảng tư duy để nghiên cứu chính sách công.

- Kỹ năng: Học phần rèn tập cho nghiên cứu sinh cách thức để nghiên cứu và thiết kế một chính sách cụ thể

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN

CHƯƠNG 1: KHÁI QUÁT VỀ THIẾT KẾ VÀ NGHIÊN CỨU CHÍNH SÁCH

I. Khái niệm

II. Ý nghĩa của thiết kế và nghiên cứu chính sách

III. Các yếu tố ảnh hưởng đến thiết kế và nghiên cứu chính sách

1. Các yếu tố khách quan

1.1. Thẩm quyền

1.2. Chất lượng của thông tin

1.3. Nguồn lực

2. Các yếu tố chủ quan

2.1. Năng lực của chủ thể

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.3. Động cơ, mục đích nghiên cứu

3. Các nguyên tắc thiết kế và nghiên cứu chính sách

3.1. Nguyên tắc mục tiêu

3.2. Nguyên tắc phù hợp

3.3. Nguyên tắc khả thi

3.4. Nguyên tắc hiệu quả

3.5. Nguyên tắc linh hoạt

CHƯƠNG 2: THỰC HIỆN THIẾT KẾ VÀ NGHIÊN CỨU CHÍNH SÁCH

I. Quy trình thiết kế và nghiên cứu chính sách

1. Xác định vấn đề chính sách

1.1. Phân tích khái quát thực trạng liên quan

1.2. Xác định vấn đề trọng tâm cho nghiên cứu và thiết kế chính sách

1.3. Các yêu cầu khi xác định vấn đề

1.4. Những khó khăn khi xác định vấn đề

1.4.1. Tính phức tạp của vấn đề chính sách

1.4.2. Khó nhận diện được các bản chất của vấn đề.

1.4.3. Các mục tiêu đặt ra thường không rõ ràng và có tính tham vọng cao.

2. Nghiên cứu thông tin liên quan đến vấn đề chính sách

2.1. Môi trường chính trị, kinh tế, xã hội liên quan đến chính sách

2.2 Những cơ quan có vai trò trong quá trình xây dựng, thực thi và giám sát chính sách

2.3. Phạm vi và đối tượng ảnh hưởng của chính sách

2.4. Những vấn đề có thể nảy sinh trong quá trình thực hiện chính sách

3. Xác định mục tiêu nghiên cứu chính sách

3.1. Phân tích các quy định pháp lý có liên quan đến vấn đề chính sách

3.2. Những hạn chế, bất cập hoặc khoảng trống trong quy định pháp lý về vấn đề chính sách

- 3.3. Sự cần thiết phải thiết kế chính sách
- 3.4. Xây dựng giả định nghiên cứu
- 3.5. Xác định mục đích nghiên cứu chính sách

4. Thiết kế nghiên cứu

- 4.1. Xây dựng các mục tiêu cụ thể của nghiên cứu
 - 4.1.1. Phân tích thực trạng và xác định được các vấn đề cần nghiên cứu.
 - 4.1.2. Thiết lập những chỉ tiêu có thể định lượng mà nghiên cứu cần đạt được.
- 4.2. Xác định các số liệu, thông tin cần thu thập.
- 4.3. Xác định phương pháp sẽ được sử dụng cho nghiên cứu.

5. Thực hiện nghiên cứu

- 5.1. Phân tích chi phí – lợi ích của những giải pháp đưa ra
- 5.2. Định lượng những chi phí và lợi ích có thể lượng hóa.
- 5.3. So sánh các chi phí và lợi ích đã được lượng hóa
- 5.4. Đưa ra kết luận cho phân tích chi phí / lợi ích

6. Kết luận và kiến nghị

II. Thực hành thiết kế và nghiên cứu chính sách

7. GIÁO TRÌNH

- Nguyễn Hữu Hải (chủ biên), *Giáo trình hoạch định và phân tích chính sách*
- Studying public policy (Nghiên cứu chính sách công), Michael Howlett/M. Ramesh, Anthony Perl, Oxford University Press 2020.

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Diane, *Thị trường, nhà nước và người dân* (sách dịch), NXB Chính trị quốc gia sự thật, 2020
- Đỗ Đức Quân và Nguyễn Thị Thanh Tâm (2017), *Giáo trình chính sách kinh tế - xã hội của Việt Nam*, NXB Chính trị quốc gia sự thật.
- Michael Howlett, M.Ramesh, Anthony Perl (2009), *Studying public policy (Policy cycles and policy subsystems)*
- Weimer và Aidan r. Vining (2011), *Policy Analysis*
- Thomas A. Birkland (2011), *An Introduction to the Policy Process: Theories, Concepts, and Models of Public Policy Making*

Các câu hỏi

1. Thiết kế và nghiên cứu chính sách công là gì và ý nghĩa của nó?
2. Trình bày cách thức để thu thập thông tin nhằm nghiên cứu chính sách công?

3. Trong quy trình thiết kế và nghiên cứu chính sách công bước nào là quan trọng nhất, vì sao?
4. Những khó khăn cơ bản trong xác định vấn đề chính sách. Làm thế nào để khắc phục những khó khăn đó?
5. Lập kế hoạch nghiên cứu có ý nghĩa gì trong thiết kế và nghiên cứu chính sách?
6. Xây dựng mục tiêu trong thiết kế và nghiên cứu chính sách cần đảm bảo những yêu cầu gì, cho ví dụ minh họa?

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ CỦA HỌC PHẦN

Thực hiện theo quy chế đào tạo Tiến sĩ tại Học viện.

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2022

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN

(Đã ký)

(Đã ký)

PGS.TS Ngô Phúc Hạnh

PGS.TS Trần Trọng Nguyên

HỌC VIỆN
CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN
KHOA CHÍNH SÁCH CÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **TIẾN SĨ** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

Tiếng Việt: LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH CÔNG

Mã môn học: NCLLC 202

Số Tín chỉ: 02 TC

3. CÁC GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

- TS. Giang Thanh Tùng – Học viện Chính sách và Phát triển
- TS. Nguyễn Như Hà – Học viện Chính sách và Phát triển

- Kiến thức: (i) Hiểu rõ vai trò của pháp luật, quy trình lập pháp và cách thức đánh giá chất lượng văn bản quy phạm pháp luật; (ii) Đánh giá vai trò, sự tác động của pháp luật đối với thực thi chính sách trong phát triển kinh tế, xã hội.

- Kỹ năng: Có khả năng phân tích những ảnh hưởng của pháp luật đến việc hoạch định, thực thi chính sách công thông qua các tình huống quản lý cụ thể.

- Thái độ: Nhận thức đúng mối quan hệ giữa pháp luật và chính sách công. Từ đó có thái độ nghiêm túc trong hoạt động phân tích những tác động, ảnh hưởng của chính sách công đối với luật pháp và ngược lại.

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN

CHƯƠNG I. CÁC HỆ THỐNG PHÁP LUẬT TRÊN THẾ GIỚI

1. Hệ thống dân luật (Civil Law) hay hệ thống luật lục địa (Continental Law)

- 1.1. Nguồn gốc hình thành
- 1.2. Đặc điểm

2. Hệ thống luật chung (Common Law)

- 2.1. Nguồn gốc hình thành
- 2.2. Đặc điểm

CHƯƠNG 2. CHỨC NĂNG, VAI TRÒ CỦA PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

1. Chức năng của pháp luật
2. Vai trò của pháp luật

CHƯƠNG III. QUY TRÌNH LẬP PHÁP

1. Xây dựng dự thảo Luật
2. Đánh giá tác động của văn bản quy phạm pháp luật (RIA)
3. Tham vấn các bên liên quan
4. Chính lí, thẩm định dự thảo
5. Thông qua và kí lệnh công bố Luật.

CHƯƠNG IV. VẤN ĐỀ VỀ QUYỀN CON NGƯỜI TRONG CHÍNH SÁCH CÔNG

1. Quan niệm về quyền con người
2. Quyền con người và một số phạm trù có liên quan
3. Các chính sách có liên quan đến quyền con người ở Việt Nam và quốc tế

CHƯƠNG V. MỐI QUAN HỆ GIỮA LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH CÔNG

1. Sự tác động của Luật đến chính sách công
2. Sự tác động của chính sách công đối với Luật

CHƯƠNG VI. CHÍNH SÁCH CÔNG Ở VIỆT NAM

1. Chính sách công
2. Quy trình hoạch định chính sách công ở Việt Nam
3. Sự tác động của Luật pháp đến quá trình hoạch định chính sách công ở Việt Nam
4. Một số tình huống cụ thể

7. GIÁO TRÌNH

- Quản lý công (*Tài liệu dịch*) – Ban Hợp tác quốc tế – Học viện hành chính Quốc gia.

- Nguyễn Hữu Hải (chủ biên): Giáo trình hoạch định và phân tích chính sách.

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Lý luận quản lý nhà nước – GS. Mai Hữu Khuê.
2. Chính sách và quá trình chính sách – PGS.TS. Lê Chi Mai - Học viện hành chính
3. Tạp chí “Luật và chính sách” của Trường ĐHTH Washington, Hoa Kỳ. (University Journal of Law & Policy)

4. Tạp chí châu Âu về chính sách và pháp luật đối với lĩnh vực giáo dục (European Journal for Education Law and Policy)
5. Sách “Luật và chính sách về cạnh tranh của Israel” (Competition Law and Policy in Israel) do OECD ấn hành năm 2011.
6. “Environmental Law and Policy: Nature, Law, and Society”, Aspen Publisher,
7. Mark Furse, “Antitrust Law in China, Korea and Vietnam”, Oxford University.
8. Public Policy, Arnold J Heidenheimer Comparative, St. Martin’s press New York 1990.
9. Studying public policy, Michael Howlett/M. Ramesh, Oxford University Press 1995.
10. Alternatives and public policies, John.W.Kingdom, Agedas, New York: Harper Collins College Publishers 1995.

Các câu hỏi:

1. Luật và chính sách công có mối quan hệ với nhau hay không?
2. Phân tích mối quan hệ giữa Luật và chính sách công? Thông qua một chính sách cụ thể hãy làm sáng tỏ mối quan hệ đó.
3. Nghiên cứu một tình huống cụ thể để từ đó đánh giá sự tác động của Luật đối với chính sách công.

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ CỦA HỌC PHẦN

Thực hiện theo quy chế đào tạo Tiến sĩ tại Học viện.

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2022

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN

(Đã ký)

(Đã ký)

PGS.TS Ngô Phúc Hạnh

PGS.TS Trần Trọng Nguyên

HỌC VIỆN
CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN
KHOA CHÍNH SÁCH CÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **TIẾN SĨ** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

- MÃ SỐ: NCLRC 205

- SỐ TÍN CHỈ: 02

3. CÁC GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

- TS. Đào Hoàng Tuấn – Học viện Chính sách và Phát triển
- TS. Lê Thị Nhung – Học viện Chính sách và Phát triển
- TS. Nguyễn Thế Hùng – Học viện Chính sách và Phát triển
- TS. Phạm Mỹ Hằng Phương – Học viện Chính sách và Phát triển
- TS. Nguyễn Thanh Bình – Học viện Chính sách và Phát triển

- Kiến thức: Học phân trang bị các kiến thức cơ bản về những đe dọa có thể đến với các tổ chức từ những rủi ro trong môi trường của khu vực công. Trên cơ sở đó xác định tầm quan trọng của việc quản lý tốt rủi ro, tiếp cận được qui trình quản lý rủi ro.

- Kỹ năng: Học phần rèn tập cho nghiên cứu sinh kỹ năng đối phó với rủi ro thông qua các phương thức thực hành quy trình quản lý rủi ro

Chương 1: Những vấn đề chung về rủi ro trong quản lý công

I. Khái niệm và đặc trưng của rủi ro

1. Khái niệm
2. Đặc trưng của rủi ro
3. Phân loại rủi ro

II. Sự hình thành rủi ro trong quản lý công

- ### 1.2. Yếu tố bên ngoài

III. Nhận biết rủi ro

1. Các công cụ và kỹ thuật nhận biết rủi ro
2. Các phản ứng đối với rủi ro
3. Phân tích rủi ro

Chương 2: Quản lý rủi ro trong khu vực công

I. Khái niệm và vai trò của quản lý rủi ro trong khu vực công

1. Khái niệm
2. Vai trò của quản lý rủi ro trong khu vực công

II. Các nội dung quản lý rủi ro

1. Dự báo và nhận biết rủi ro
2. Lập kế hoạch đối phó rủi ro
3. Giám sát và kiểm soát rủi ro

III. Các chiến lược quản lý rủi ro

1. Phòng tránh rủi ro
2. Loại bỏ rủi ro
3. Giảm nhẹ rủi ro
4. Thích nghi với rủi ro

IV. Thực hành quản lý rủi ro trong khu vực công

7. GIÁO TRÌNH

- PGS. TS Nguyễn Quang Thu: Giáo trình quản trị rủi ro và bảo hiểm trong doanh nghiệp, NXB Thống Kê 2008

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

+ Joe Johnson: “Làm chủ sự thay đổi đón đầu mọi thử thách”, NXB Trẻ, 2003.

+ Huber George P. and Glick, William: Organizational Change and Design(Thay đổi và thiết kế tổ chức), New York: Oxf.Univ, Press, 1993.

+ John Hayes: The Theory and Practice of Change Management(Lý thuyết và thực hành về quản lý sự thay đổi), 2002.

+ McWhinney Will: Paths of Change: Strategic Choices for Organizations and Society(Con đường dẫn đến thay đổi: Sự lựa chọn chiến lược cho các tổ chức và xã hội), Newbury Park, CA: Sage, 1992.

+ Research in Organizational Change and Development (Nghiên cứu thay đổi và phát triển tổ chức), Greenwich, CT, JAI press.

+ Whetten, David A. and Cameron Kim: Developing Management Skills(Các kỹ năng quản lý sự phát triển). Addison-Wesley 1998.

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ CỦA HỌC PHẦN

Thực hiện theo quy chế đào tạo Tiến sĩ tại Học viện.

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2022

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN

(Đã ký)

(Đã ký)

PGS.TS Ngô Phúc Hạnh

PGS.TS Trần Trọng Nguyên

3.7. Học phần Phân tích chính sách ngoại thương

HỌC VIỆN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHOA CHÍNH SÁCH CÔNG

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN:

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **TIẾN SĨ**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. TÊN HỌC PHẦN: PHÂN TÍCH CHÍNH SÁCH NGOẠI THƯƠNG

- Mã số: **NCCNT 206**

- Số tín chỉ: **02**

2. BỘ MÔN/KHOA PHỤ TRÁCH: Kinh tế quốc tế

3. CÁC GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

- TS. Bùi Thúy Vân – Học viện Chính sách và Phát triển

- TS. Trịnh Tùng – Học viện Chính sách và Phát triển

- TS. Nguyễn Thị Phương Anh – Học viện Chính sách và Phát triển

- TS. Phạm Hoàng Mai – (Vụ trưởng Vụ Kinh tế đối ngoại, Bộ KH&ĐT)
Thỉnh giảng

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

- Kiến thức: Học phần cung cấp cho nghiên cứu sinh kiến thức tổng thể về chính sách ngoại thương. Qua đó, trang bị phương pháp tiếp cận, đánh giá và phân tích chính sách ngoại thương cho các nhà hoạch định chính sách tương lai.

- Kỹ năng: Học phần rèn luyện cho nghiên cứu sinh khả năng phân tích các nội dung cụ thể của chính sách ngoại thương. Đồng thời, đánh giá các tác động tích cực và tiêu cực của chính sách đến sự phát triển kinh tế xã hội của nước ta hiện nay thông qua các tình huống cụ thể.

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chương 1: Những vấn đề chung về chính sách ngoại thương

I. Khái niệm và ý nghĩa của chính sách ngoại thương

1.1. Khái niệm

1.2. Ý nghĩa

2. Vai trò của chính sách ngoại thương

II. Chính sách ngoại thương của các nước trên thế giới

1. Phân loại chính sách

- 1.1. Căn cứ vào mức độ tham gia của Nhà nước trong điều tiết hoạt động ngoại thương
- 1.2. Căn cứ vào mức độ tiếp cận của nền kinh tế quốc gia với nền kinh tế thế giới
- 2. Các biện pháp thực hiện chính sách ngoại thương
 - 2.1. Thuế quan
 - 2.2. Các biện pháp hạn chế số lượng, hạn mức
 - 2.3. Các biện pháp tài chính tiền tệ phi thuế quan
 - 2.4. Các biện pháp kỹ thuật
 - 2.5. Hiệp định thương mại

III. Chính sách ngoại thương của Việt Nam

- 1. Tổng quan tình hình kinh tế xã hội nước ta và quan điểm phát triển ngoại thương
 - 1.1. Tình hình tăng trưởng xuất khẩu và thu hút nước ngoài
 - 1.2. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu
 - 1.3. Quan điểm phát triển ngoại thương
- 2. Các công cụ quản lý và điều tiết hoạt động ngoại thương
 - 2.1. Công cụ pháp luật
 - 2.2. Công cụ kế hoạch hóa
 - 2.3. Công cụ tài chính
 - 2.4. Các công cụ khác
- 3. Quyền hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của doanh nghiệp
 - 3.1. Quy định về quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu
 - 3.2. Quy định riêng đối với một số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu
- 4. Các chính sách chung
 - 4.1. Mở cửa nền kinh tế, hội nhập quốc tế, đa dạng hóa thị trường, đa phương hóa quan hệ kinh tế đối ngoại
 - 4.2. Tự do hóa thương mại, giảm các rào cản của thương mại quốc tế, thực hiện các cam kết quốc tế
 - 4.3. Thống nhất quản lý hoạt động ngoại thương thông qua các công cụ quản lý
 - 4.4. Kết hợp giữa xuất khẩu và nhập khẩu về kim ngạch, thị trường và mặt hàng để tạo điều kiện phát triển thương mại
- 5. Một số chính sách cơ bản

- 5.1. Xây dựng các mặt hàng xuất khẩu chủ lực
- 5.2. Gia công xuất khẩu
- 5.3. Đầu tư cho xuất khẩu
- 5.4. Xây dựng các khu chế xuất
- 5.5. Bảo hiểm xuất khẩu
- 5.6. Tín dụng xuất khẩu
- 5.7. Trợ cấp xuất khẩu
- 5.8. Chính sách tỷ giá hối đoái
- 5.9. Chính sách về cơ chế quản lý kinh doanh xuất nhập khẩu của Nhà nước

Chương 2: Phân tích chính sách ngoại thương

I. Các nội dung trong phân tích chính sách ngoại thương

1. Phân tích tính hệ thống của chính sách ngoại thương
 - 1.1. Mục tiêu của chính sách
 - 1.2. Biện pháp thực hiện chính sách
 - 1.3. Tính hệ thống của chính sách với các công cụ vĩ mô
2. Phân tích tình hình triển khai thực hiện chính sách ngoại thương
 - 2.1. Phân tích kế hoạch triển khai chính sách
 - 2.2. Phân tích các hoạt động thực hiện chính sách
3. Phân tích duy trì chính sách khoa học và công nghệ
 - 3.1. Điều kiện duy trì chính sách
 - 3.2. Các hoạt động duy trì chính sách
4. Phân tích tác động của chính sách ngoại thương
5. Phân tích hiệu quả thực thi chính sách ngoại thương

II. Thực hành phân tích chính sách ngoại thương

7. GIÁO TRÌNH:

1. Hoàng Đức Thân (2018) – *Giáo trình Thương mại quốc tế*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
2. Arye L. Hillman (2009), *Public Finance and Public Policy: Responsibilities and Limitations of Government*
3. Frederic S. Mishkin (2015), *Macroeconomics Policy and Practice*

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- + Luật thương mại
- + Luật thuế xuất nhập khẩu

- + Luật thuế giá trị gia tăng
- + Luật đầu tư trực tiếp nước ngoài

Các câu hỏi

- 1- Chính sách ngoại thương ở Việt Nam được thể hiện trong các văn bản nào?
- 2- Đánh giá tính hiệu quả của chính sách ngoại thương của Việt Nam hiện nay?
- 3- Phân tích một chính sách cụ thể trong hoạt động ngoại thương ở Việt Nam?

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ CỦA HỌC PHẦN

Thực hiện theo quy chế đào tạo Tiến sĩ tại Học viện.

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2022

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN

(Đã ký)

(Đã ký)

PGS.TS Ngô Phúc Hạnh

PGS.TS Trần Trọng Nguyên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **TIẾN SĨ** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

NỘI DUNG CHI TIẾT CÁC CHƯƠNG

Chương 1: Những vấn đề chung về tài chính công

1. Tài chính

1.1. Nguồn gốc của tài chính

1.2. Bản chất của tài chính

1.3. Chức năng của tài chính

1.3.1. Chức năng phân phối

1.3.2. Chức năng giám đốc

2. Hệ thống tài chính

2.1. Tài chính công

2.2. Tài chính doanh nghiệp

2.3. Tài chính dân cư, tổ chức xã hội

2.4. Tài chính quốc tế

3. Tài chính công

3.1. Khái niệm tài chính công

3.2. Vai trò của tài chính công

3.3. Chức năng của tài chính công

3.4. Cấu trúc tài chính công

Chương 2: Phân tích tài chính công

1. Khái quát về phân tích tài chính công

1. Khái niệm

2. Mục tiêu của phân tích tài chính công

3. Vai trò của phân tích tài chính công

4. Các công cụ phân tích tài chính công

4.1. Dự báo

4.2. Phân tích dữ liệu

4.3. Dự báo bằng các mô hình xu thế

2. Những nguyên lý phân tích tài chính công

2.1. Hàng hóa công

2.2. Phân tích lợi ích và chi phí (Cost-Benefit Analysis)

2.3. Lựa chọn công

2.4. Phân cấp tài khóa

3. Các bước phân tích tài chính công

3.1. Thu thập thông tin

3.2. Xử lý thông tin

3.3. Dự đoán và quyết định

4. Các phương pháp phân tích tài chính

4.1. Phương pháp phân tích báo cáo tài chính

4.2. Phương pháp so sánh

4.3. Phương pháp loại trừ

4.4. Phương pháp liên hệ

5. Thực hành phân tích tài chính công

Bài tập 1: Năm 2005, có khoảng 2/3 địa phương ở Việt Nam không cân đối được ngân sách. Theo anh(chị) cần làm gì để giúp các địa phương cân đối được ngân sách?

Bài tập 2: Có quan điểm cho rằng mức chi trả bảo hiểm xã hội hiện nay ở nước ta còn thấp. Theo anh(chị) để khắc phục hạn chế trên cần thực hiện những biện pháp gì?

Bài tập 3: Các vấn đề đặt ra đối với đơn vị sự nghiệp công khi thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm là gì?

7. GIÁO TRÌNH

- Tài liệu bắt buộc: Luật Ngân sách nhà nước 2015

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO

+ Luật kiểm toán nhà nước 2015

+ Dương Đăng Chinh (2009) – Quản lý Tài chính công, NXB Tài chính.

Các câu hỏi

1- Tại sao Chính phủ phải can thiệp vào thị trường?

2- Chính phủ can thiệp vào thị trường bằng cách thức nào?

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ CỦA HỌC PHẦN

Kết quả môn học dựa trên điểm bài thi hết môn theo thang điểm 10.

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

TRƯỞNG KHOA

(Đã ký)

PGS.TS Ngô Phúc Hạnh

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN

(Đã ký)

PGS.TS Trần Trọng Nguyên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN:

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **TIẾN SĨ** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

1. TÊN HỌC PHẦN: Chính sách phát triển kinh tế vùng và đô thị

- Mã số: NCPVĐ 208

- Số tín chỉ: 02

2. BỘ MÔN/KHOA PHỤ TRÁCH: Khoa Kinh tế phát triển

3. CÁC GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

- TS. Nguyễn Thế Vinh – Học viện Chính sách và Phát triển

- TS. Phạm Ngọc Tru – Học viện Chính sách và Phát triển

- TS Nguyễn Văn Công – Thỉnh giảng

- TS. Cao Ngọc Lâm – (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) Thỉnh giảng

4. MỤC TIÊU HỌC PHẦN:

- Kiến thức: Học phần cung cấp cho nghiên cứu sinh kiến thức tổng thể về chính sách phát triển kinh tế và vùng đô thị. Qua đó, trang bị phương pháp tiếp cận, đánh giá và phân tích chính sách phát triển kinh tế và vùng đô thị cho các nhà hoạch định chính sách tương lai.

- Kỹ năng: Học phần rèn luyện cho nghiên cứu sinh khả năng phân tích các nội dung cụ thể của chính sách phát triển kinh tế và vùng đô thị. Đồng thời, đánh giá các tác động tích cực và tiêu cực của chính sách đến sự phát triển kinh tế xã hội của nước ta hiện nay thông qua các tình huống cụ thể.

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Ghi chú
			Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	
1	Chương 1: Tổng quan về kinh tế vùng và đô thị	15	10	5	
2	Chương 2: Chính sách phát triển các vùng kinh tế trọng điểm và quản lý đô thị ở Việt Nam	15	10	5	
	Tổng cộng	30	20	10	

NỘI DUNG CHI TIẾT CÁC CHƯƠNG

Chương 1: Tổng quan về kinh tế vùng và đô thị

1. *Đô thị và kinh tế vùng*

- 1.1. Một số khái niệm
- 1.2. Nội dung kinh tế vùng và đô thị
 - Kinh tế vùng
 - Đô thị
 - Các loại vùng kinh tế

2. *Các lý thuyết về tăng trưởng và phát triển kinh tế vùng*

- 2.1. Lý thuyết tăng trưởng nội sinh
- 2.2. Lý thuyết tân cổ điển về hội tụ kinh tế vùng
- 2.3. Lý thuyết về các giai đoạn tăng trưởng vùng
- 2.4. Lý thuyết tăng trưởng dựa vào xuất khẩu
- 2.5. Lý thuyết phát triển các vành đai công nghiệp
- 2.6. Lý thuyết định vị công nghiệp
- 2.7. Lý thuyết vị trí trung tâm
- 2.8. Lý thuyết cực phát triển

3. *Phát triển kinh tế vùng và đô thị*

- 3.1. Cơ sở khoa học của phát triển kinh tế vùng
- 3.2. Những điều kiện tiền đề cho sự hình thành và phát triển kinh tế vùng theo hướng phát triển có trọng điểm
 - Sự đa dạng giữa các vùng kinh tế về điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên
 - Sự không đồng đều trong phát triển giữa các vùng kinh tế
 - Đô thị hóa và sự phát triển mạng lưới đô thị
 - Các địa bàn có lợi thế và hội đủ điều kiện cho phát triển
 - Ảnh hưởng của hội nhập kinh tế trong khu vực và toàn cầu hóa

Chương 2: Chính sách phát triển các vùng kinh tế và quản lý đô thị ở Việt Nam

1. *Chính sách phát triển các vùng kinh tế và vùng kinh tế trọng trọng điểm*

- 1.1. Vùng Trung du và miền núi phía Bắc
- 1.2. Vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ

1.3. Vùng Bắc Trung bộ và Duyên hải miền trung và vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

1.4. Vùng Tây Nguyên

1.5. Vùng Đông Nam Bộ và Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam

1.6. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Vùng kinh tế trọng điểm Đồng bằng sông Cửu Long

2. Chính sách phát triển đô thị

2.1. Chính sách phát triển mạng lưới đô thị

2.2. Chính sách phát triển các đô thị trung tâm

7. GIÁO TRÌNH

Ngô Thúy Quỳnh (2014) - *Những vấn đề chủ yếu về quản lý Nhà nước đối với vùng lãnh thổ*, NXB Thống kê.

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

+ Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13 về phân loại đô thị

+ Báo cáo Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các vùng kinh tế, các tỉnh, thành phố.

Các câu hỏi

- Các vùng kinh tế trọng điểm ở Việt nam bao gồm những vùng nào và các tỉnh, thành phố thuộc vùng?

- So sánh tốc độ phát triển của các vùng kinh tế trọng điểm ở nước ta. Phân tích nguyên nhân dẫn tới sự khác biệt trên

- Phân tích các lợi thế so sánh và chính sách khai thác lợi thế đó ở các vùng, vùng kinh tế trọng điểm và đô thị.

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ CỦA HỌC PHẦN

Thực hiện theo quy chế đào tạo Tiến sĩ tại Học viện.

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2022

TRƯỞNG KHOA

(Đã ký)

PGS.TS Ngô Phúc Hạnh

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN

(Đã ký)

PGS.TS Trần Trọng Nguyên

HỌC VIỆN
CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN
KHOA CHÍNH SÁCH CÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **TIẾN SĨ** LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

- Mã số: NCĐTC 209
- Số tín chỉ: 02

3. CÁC GIẢNG VIÊN THAM GIA GIẢNG DẠY

- PGS,TS Trần Trọng Nguyên – Học viện Chính sách và Phát triển
- TS. Đàm Thanh Tú – Học viện Chính sách và Phát triển
- TS. Đàm Thị Hiền – Học viện Chính sách và Phát triển
- PGS,TS Bùi Tất Thắng - (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) Thỉnh giảng

- Kiến thức: Học phần cung cấp cho nghiên cứu sinh kiến thức tổng thể về chính sách đầu tư phát triển. Qua đó, trang bị phương pháp tiếp cận, đánh giá và phân tích chính sách đầu tư phát triển cho các nhà hoạch định chính sách tương lai.

- Kỹ năng: Học phần rèn luyện cho nghiên cứu sinh khả năng phân tích các nội dung cụ thể của chính sách đầu tư phát triển. Đồng thời, đánh giá các tác động tích cực và tiêu cực của chính sách đến sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta hiện nay thông qua các tình huống cụ thể.

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN

PHÂN BỐ THỜI GIAN

STT	Nội dung	Tổng số tiết	Trong đó		Ghi chú
			Lý thuyết	Bài tập, thảo luận	
1	Chương 1: Tổng quan về chính sách đầu tư và phát triển	15	10	5	
2	Chương 2: Phân tích chính sách đầu tư và phát triển	15	10	5	
	Tổng cộng	30	20	10	

NỘI DUNG CHI TIẾT CÁC CHƯƠNG

Chương 1: Tổng quan về chính sách đầu tư và phát triển

1. Đầu tư và phát triển

- 1.1. Khái niệm
- 1.2. Ý nghĩa
- 1.3. Hình thức đầu tư
- 1.4. Các lĩnh vực đầu tư
- 1.5. Chính sách đầu tư và phát triển

2. Các nội dung của chính sách đầu tư và phát triển

- 2.1. Các chính sách chung về đầu tư
- 2.2. Chính sách đảm bảo đầu tư
- 2.3. Chính sách ưu đãi đầu tư
- 2.4. Chính sách hỗ trợ đầu tư
- 2.5. Chính sách quản lý đầu tư, kinh doanh vốn nhà nước
- 2.6. Chính sách đối với nhà đầu tư

Chương 2: Phân tích chính sách đầu tư và phát triển

1. Các nội dung phân tích chính sách

- 1.1. Phân tích tính hệ thống của chính sách đầu tư và phát triển
- 1.2. Phân tích tình hình triển khai thực hiện chính sách đầu tư và phát triển
- 1.3. Phân tích duy trì chính sách đầu tư và phát triển
- 1.4. Phân tích tác động của chính sách đầu tư và phát triển
- 1.5. Phân tích hiệu quả thực thi chính sách đầu tư và phát triển

2. Thực hành phân tích chính sách đầu tư và phát triển

7. GIÁO TRÌNH

Giáo trình chính: Đào Văn Hùng (2019), Giáo trình Phân tích chính sách

Các văn bản Luật: Luật đầu tư 2020; Luật đầu tư công 2019

8. TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Luật doanh nghiệp 2020

- Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII về “Chiến lược Phát triển kinh tế, xã hội 2021 - 2030”
- Các Nghị quyết của Quốc hội phê duyệt các chương trình mục tiêu quốc gia.
- Nguyễn Hữu Hải (2021), *Hoạch định và thực thi chính sách*.
- Hoàng Ngọc Âu (2021), *Phân tích chính sách kinh tế*
- Đặng Khắc Ánh (2018), *Giáo trình những vấn đề cơ bản của chính sách*

công

Các câu hỏi

- Hiện nay chính sách đầu tư phát triển ở Việt Nam đang tập trung vào vấn đề cơ bản nào?
- Những bất cập cơ bản trong chính sách đầu tư phát triển ở nước ta hiện nay?
- Phân tích một chính sách cụ thể trong lĩnh vực đầu tư phát triển ở nước ta?

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ CỦA HỌC PHẦN

Thực hiện theo quy chế đào tạo Tiến sĩ tại Học viện.

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2022

TRƯỞNG KHOA

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN

(Đã ký)

(Đã ký)

PGS.TS Ngô Phúc Hạnh

PGS.TS Trần Trọng Nguyên

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1.1. Họ và tên: **ĐÀO VĂN HÙNG**

1.2. Năm sinh: **12 tháng 06 năm 1960**

Nam/Nữ: **Nam**

1.3. Nơi đang công tác hiện nay: **Học viện Chính sách và Phát triển**

1.4. Học vị: **Tiến sỹ**

Nước: **Việt Nam**

Năm đạt học vị: **2001**

1.5. Học hàm: **Phó giáo sư**

Năm phong: **2006**

1.6. E-mail: **daohungvan@gmail.com**

1.7. Trình độ ngoại ngữ

Tên NN	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
Tiếng Anh	x			x			x			x		

1.8. Quá trình công tác

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
T7/2020 - nay	Khoa tài chính – Đầu tư, Học viện Chính sách và Phát triển	Giảng viên
T03/2011 – T06/2020	Học viện Chính sách và Phát triển	Giám đốc
T01/2009 – T02/2011	Học viện Chính sách và Phát triển	Phó Giám đốc
1981- 01/2009	ĐH Kinh tế quốc dân	P.Chủ nhiệm Khoa Tài Chính Ngân Hàng

1.9. Quá trình đào tạo

Bậc đào tạo	Thời gian tốt nghiệp	Nơi đào tạo	Chuyên ngành
Tiến sỹ	2001	Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội	Kinh tế
Thạc sỹ	1995	Học viện Quản lý Châu á, Philippines	Quản lý phát triển
Cử nhân	1981	Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội	Kinh tế
Chứng chỉ	1998	CGAP	Xác định Lãi suất và Quản lý Nợ khó đòi
	1993	Đại học Phillippines	Tài trợ Doanh nghiệp nhỏ
	1991	Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội	Quản lý Tài chính Ngân hàng

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

2.1. Các hướng nghiên cứu đề tài, luận văn, số lượng học viên có thể tiếp nhận

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu
1	Chính sách tài chính – tiền tệ, như: chính sách tài chính – tiền tệ trong ổn định kinh tế vĩ mô và thúc đẩy tăng trưởng; luận cứ khoa học của việc đổi mới chính sách và cơ chế quản lý tiền tệ trong nền kinh tế thị trường; điều hành kinh tế vĩ mô ở Việt Nam; tái cấu trúc nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; điều hành chính sách lãi suất, tỷ giá, lạm phát ở Việt Nam
2	Phát triển và cải cách hệ thống tài chính, như: luận cứ khoa học cho việc hình thành thị trường mua bán nợ ở Việt Nam; cải cách hệ thống tài chính và vai trò của nhà nước trong phát triển hệ thống tài chính; hoạt động tài chính vi mô ở Việt Nam; rào cản tín dụng với doanh nghiệp

3	Nợ công và quản lý nợ công tại Việt Nam và trên thế giới, như: nghiên cứu cơ sở lý luận về nợ công và quản lý nợ công; ứng dụng mô hình thực nghiệm trong xác định trần nợ công và ngưỡng nợ công ở Việt Nam; quản lý nợ công ở Việt Nam nhìn từ bài học quốc tế; tái cấu trúc đầu tư công ở Việt Nam theo thông lệ quốc tế
---	---

2.2. Kinh nghiệm giảng dạy

TT	Tên môn	Trình độ Đại học	Trình độ Thạc sĩ
1	Chính sách công	X	X
2	Tài chính phát triển	X	X
3	Tài chính tiền tệ	X	X

2.3. Các công trình đã công bố

2.3.1. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học:

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Viết một mình hoặc chủ biên, phần biên soạn
1	Study case: People Credit Funds in Vietnam	GT	Development International Desjardns, Canada, 1998	Đồng tác giả
2	Micro finance systems development in Asian transitional economies	GT	Asia Pacific rural and agriculture credit & International fund for agriculture development, 1998	Tác giả
3	Mercado de credit informaly microfinanzas en Vietnam	GT	Banco Interamericano de Desarroll, 2001	Tác giả
4	Lý thuyết tài chính Tiền tệ	GT	Thống kê, 2002	Nhiều người, Chương 5, 8,9; (107-129; 175-204; 205-227)
5	Phát triển hoạt động tài chính vi mô ở Việt Nam	GT	Lao động và xã hội, 2005	MM
6	Priorities and Strategies in Rural Poverty Reduction: Experiences from Latin America and Asia	GT	Free Hand Press in Washington, DC and Funded by the Japan Program of the IDB, 2004	Nhiều người, Chapter 15, Trang: 263 - 280
7	Informal Credit Market and Microfinance –	CK	Inter – American Development Bank, 2001	Tác giả

	“Microfinance Sector in Vietnam”			
8	Ổn định và phát triển kinh tế: Phân tích chính sách Vĩ mô	TK	NXB KH&KT, 2012	Đồng chủ biên; 155 – 180; 181 - 198
9	Cải cách hệ thống tài chính Việt Nam: Động lực và Trở ngại	CK	NXB Đại học Quốc gia, 2016	Tác giả
10	Quản lý nợ công ở Việt Nam: Tiếp cận tới thông lệ Quốc tế	CK	NXB Đại học Quốc gia, 2016	Tác giả
11	Phân tích và Dự báo Kinh tế vĩ mô	GT	NXB ĐHQGHN, 2015	Chủ biên; Chương: 1,2,4. Trang: (15-81; 147-210)
12	Kinh tế Quốc tế	GT	NXB ĐHQGH, 2015	Đồng chủ biên Chương 10,11; Trang 351 – 422;
13	Nguyên lý Tài chính-Tiền tệ	GT	NXB Đại học Quốc gia, 2016	Chủ biên
14	Chất lượng tăng trưởng công nghiệp Hà Nội: Rào cản và khuyến nghị chính sách	CK	NXB Dân Trí, 2017	Chủ biên Chương 1; 4 Trang 11-45; Trang 171 - 186
15	Ổn định Kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam: nhìn từ chính sách tiền tệ	CK	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017	Chủ biên
16	Quản lý Tài chính công	GT	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017	Chủ biên Chương 2; 6; 8; 10. Trang 56 – 80; Trang 208 – 240; Trang 271 – 312; Trang 337 – 361.
17	Luận cứ khoa học cho việc hình thành và phát triển thị trường mua bán nợ ở Việt Nam	CK	NXB Đại học Kinh tế quốc dân, 2019	Chủ biên
18	Cơ sở khoa học và giải pháp chính sách đột phá phát triển kinh tế bền vững các vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam: nghiên cứu trường hợp vùng kinh tế trọng điểm phía nam thời kỳ 2021-2030	CK	NXB Đại học kinh tế quốc dân, 2020	Đồng chủ biên
19	Phân tích chính sách	GT	NXB Đại học Quốc gia (2021)	Chủ biên

2.3.2. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Vai trò	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Ngày nghiệm thu / kết quả
1	Luận cứ khoa học của việc đổi mới chính sách và cơ chế quản lý tiền tệ trong nền kinh tế thị trường ở nước ta	TK	KX03-08, Đề tài cấp Nhà nước	1992 - 1994	16/4/1994
2	Các giải pháp tăng cường cung cấp tín dụng phục vụ chiến lược xóa đói giảm nghèo tại các Tỉnh miền núi phía Bắc	TG	B2000-38-60, Đề tài cấp Bộ	2000-2001	08/6/2001
3	Giải pháp phát triển đồng bộ thị trường Tài chính ở Việt Nam	TG	B2001.38.11	2001-2002	01/7/2002
4	Mô hình ngân hàng chính sách và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của ngân hàng chính sách	TG	KNH2001.02	2001-2002	13/11/2002
5	Giải pháp hạn chế tác động tiêu cực của hiệp định thương mại Việt – Mỹ tới hệ thống ngân hàng ở Việt Nam	CN	B2004.38.88	2004 - 2005	23/2/2005
6	Xây dựng mô hình Seminar thí điểm từ kinh nghiệm của các trường đại học đẳng cấp quốc tế	CN		3/2010-12/2010	31/12/2010
7	Tăng cường thu hút vốn ODA gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và vùng lãnh thổ	CN	20/BKH-HĐKH, Đề tài cấp Bộ	03/2014 – 3/2015	03/03/2015
8	Nâng cao chất lượng tăng trưởng ngành công nghiệp thành phố Hà Nội giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến năm 2030	CN	01X-10/05-2015-2; đề tài Sở KH&CN Hà Nội	01/2015 – 12/2016	26/12/2016
9	Xây dựng chương trình bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý nhà nước đội ngũ cán bộ ngành kế hoạch - đầu tư giai đoạn 2016-2020	CN	Đề án cấp Bộ		
10	Luận cứ khoa học cho việc hình và phát triển thị trường mua bán nợ của doanh nghiệp và các tổ chức tín dụng của Việt Nam	CN	KX.01/16-20, Đề tài cấp Nhà nước	9/2017-12/2019	9/6/2020
11	Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng thời kỳ đến năm 2020 và vấn đề đổi mới mô hình tăng trưởng thời kỳ đến năm 2030. Kế hoạch 5 năm 2021-2025	CN	1347/QĐ-BKHĐT, đề tài Nhiệm vụ quốc gia	2/9/2019-12/2019	22/4/2020 Đạt

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Vai trò	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Ngày nghiệm thu / kết quả
12	Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu kinh tế (đặc biệt chú ý các mục tiêu về chất lượng tăng trưởng) của chiến lược 10 năm 2011-2020, nhất là kế hoạch 5 năm 2016-2020, nguyên nhân và các mục tiêu phát triển kinh tế, các phương án tăng trưởng giai đoạn 2021-2030 và kế hoạch 5 năm 2021-2025.	CN	1347/QĐ-BKHĐT, đề tài Nhiệm vụ quốc gia	2/9/2019-12/2019	22/4/2020 Đạt

Ghi chú: CN: chủ nhiệm; PCN: phó chủ nhiệm chương trình; TK thư ký; TG: tham gia

2.3.3. Bài báo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN/ISBN	Tạp chí quốc tế uy tín (và IF)	Tập, Số, trang	Năm công bố
1	Microfinancial systems development in Asian transitional economies	1	Asia Pacific Rural Finance		July-Sep.1998: 6-14	1998
2	Các trường phái lý thuyết về cung cấp tín dụng cho người nghèo trên thế giới và lựa chọn cách tiếp cận cho Việt Nam	2	Tạp chí Kinh tế và Phát triển		43, tr.48-51	2001
3	Cải cách hệ thống tài chính - yếu tố quan trọng thúc đẩy phát triển thị trường tài chính nông thôn Việt Nam	1	Tạp chí Kinh tế và Phát triển		C/đề. tr.13-15	2001
4	Hướng tới phát triển hoạt động tài chính vi mô ở Việt Nam thông qua việc xóa bỏ trợ cấp qua lãi suất	1	Tạp chí Kinh tế và Phát triển		89, tr.14-17	2004
5	Hoạt động tài chính vi mô ở Việt Nam: Thành công và những vấn đề cần hoàn thiện.	1	Tạp chí Kinh tế và Phát triển		91, tr.24-27	2005
6	Mở rộng cung cấp tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam	1	Tạp chí Kinh tế và Phát triển		92, tr.20-22	2005
7	Tạo lập khuôn khổ pháp lý cho hoạt động tài chính vi mô khu vực bán chính thức ở Việt Nam	1	Tạp chí ngân hàng		2, tr.45-47	2005

8	Hạn chế tác động tiêu cực của Hiệp định Thương mại Việt Nam – Hoa Kỳ tới hệ thống NHTM Việt Nam	2	Tạp chí tài chính		7(489), tr.45-49	2005
9	Phát triển Bảo hiểm Nông nghiệp dựa trên phương pháp chỉ số ở Việt Nam thông qua kết nối với các tổ chức tài chính	1	Tạp chí KT-PT		102, tr.36-38	2005
<i>Tạp chí trong nước</i>						
10	Xác định trần nợ công và ngưỡng nợ công ở Việt Nam giai đoạn 2016-2020	1	Tạp chí Kinh tế & Phát triển		227, tr.11-19	2016
11	Phân tích ngành phương pháp luận cho quản trị chiến lược của các ngân hàng thương mại ở Việt Nam	2	Tạp chí Kinh tế & Phát triển		4, tr.8-11	2007
12	Mô hình phân tích quan hệ giữa độ tiếp cận và tính bền vững tài chính của tổ chức tài chính vi mô ở Việt Nam: Trường hợp Quỹ tín dụng nhân dân	3	Tạp chí Kinh tế & Phát triển		159(I), tr.44-49	2010
13	Nhìn lại chính sách tiền tệ và gợi ý những năm tiếp theo	2	Tạp chí Kinh tế và dự báo		3, tr.41-43	2013
14	Nhìn lại kết quả kinh tế vĩ mô năm 2013 và đề xuất một số giải pháp điều hành năm 2014	1	Tạp chí ngân hàng		24, tr.2-6	2013
15	Lạm phát và tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam với mục tiêu phát triển bền vững	2	Kỷ yếu khoa học. Học viện CS&PT		5, tr.1-39	2013
16	Điều hành Kinh tế vĩ mô Việt Nam 2011-2015: Tiếp cận từ phía Chính sách tài khóa và Chính sách tiền tệ	2	Kỷ yếu khoa học. Học viện CS&PT		12, tr.1-13	2013
17	Điều hành Kinh tế vĩ mô: Phối hợp chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ	2	Tạp chí Kinh tế và dự báo		01, tr.25-29	2014
18	Kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2014: Nhìn từ chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ	1	Tạp chí Tài chính		4(594), tr.6-9	2014
19	Phân tích sự khác biệt về xác định nợ công của Việt	1	Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương		II(4), tr.4-8	2016

	Nam và các tổ chức quốc tế					
20	Kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô để duy trì đà tăng trưởng năm 2016	1	Tạp chí ngân hàng		8, tr.2-7	2016
21	Kinh nghiệm quốc tế về quản lý trần nợ công và bài học cho Việt Nam	1	Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương		Tháng 5(469), tr.170-173	2016
22	Phát triển hệ thống tài chính nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam	1	Khoa học thương mại		99, tr.3-11	2016
23	Quan hệ thương mại Việt Trung: Đánh giá qua các chỉ số thương mại	1	Nghiên cứu Trung Quốc		12(184), tr.73-80	2016
24	Kinh tế Việt Nam 2016 và một số khuyến nghị chính sách thúc đẩy tăng trưởng 2017	1	Kinh tế và Phát triển		234, tr.2-10	2016
25	Chuyên đề: Vai trò của Nhà nước trong Phát triển Hệ thống Tài chính Việt Nam	2	The World Bank			2017
26	Xây dựng bộ tiêu chí đo lường chất lượng tăng trưởng công nghiệp ở địa phương: Trường hợp của Hà Nội	1	Tạp chí Nghiên cứu kinh tế		4 (476), tr.56-62	2017
27	Nhân tố tác động đến năng lực cạnh tranh nhằm phát triển thương mại tại thành phố Hà Nội	1	Tạp chí Nghiên cứu kinh tế		9 (481), tr.54-61	2017
28	Phân tích các yếu tố tác động nhằm cải thiện thu nhập của người lao động	2	Tạp chí Nghiên cứu kinh tế		8(483), tr.10-19	8/2018
29	Nâng cao năng lực cạnh tranh thu hút FDI vào Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0	1	Tạp chí Khoa học thương mại		125, tr.11-22	01/2019
30	Phát triển khu vực Tài chính – ngân hàng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư	1	Tạp chí Cộng sản		919, tr.68-74	5/2019
31	Hoàn thiện chính sách tài chính thúc đẩy phát triển kinh tế ở Việt Nam	2	Tạp chí Kinh tế và Dự báo,		1+2 (719+720), tr.41-45	1/2020

32	Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý thúc đẩy thị trường mua bán nợ ở Việt Nam phát triển	1	Tạp chí Tài chính		Tháng 5/2021 (753), tr.56-59	2021
<i>Tạp chí quốc tế</i>						
33	Evaluation of effectiveness of public debt management in Vietnam	1	Sciences of Europe. Economic Sciences		13(4): 7-13	2017
34	An empirical study of the relation between real effective exchange rate, export and economic growth in Vietnam	1	Scientific and Practical Reviewed Journal "Statistics and Economics		14(2): 79-85	2017
35	Experimental study on factors affecting the attraction of foreign direct investment in Vietnam	1	International journal of business research	Scopus (2013-2017); Q4;	17(2): 101-108	2017
36	Improving quality of foreign direct investment attraction in Vietnam	4	International journal of Quality innovation. (Springer International Publishing)		3(7):1-16	2017
37	Formation and development of the debt trading market in Vietnam	1	International Journal of Research in Economics and Social sciences		7(8):15-27	2017
38	Factors affecting the fluctuation of exchange rate in Vietnam.	1	European Journal of Business Research		18(1):4 9-57	7/20 18
39	The development of marine economy in Vietnam	2	European Journal of Management		18(2):1 48-154	10/ 2018
40	Statistical model for empirical analysis of corporate income tax on labor productivity and revenue of enterprises in Vietnam	2 (Tác giả chính)	International Journal of Applied Mathematics and Statistics	ISI (ESCI)	59(1): 63-75.	2020
41	The effect of internal migrants on the economic lives of the left-behind elderly in Vietnam	2 (Các tác giả đóng góp như nhau)	Indian Journal of Economics and Development	ISI (ESCI); Scopus: title accepted	16(3), 327-336	2020

42	Estimation of factors affecting the financial leverage of enterprises in Vietnam	2 (Tác giả chính)	Advances and Applications in Statistics	ISI (ESCI)	69(2):	2021
43	The impact of capital structure on firm value in Vietnam	2 (Tác giả chính)	Advances and Applications in Statistics	ISI (ESCI)	70(1):	2021
44	Determinants of social performance of MFIs in Vietnam	(Tác giả chính)	Journal of Social Work Education & Practice	ISI (ESCI)	6(1)	2021
45	Does institutions reduce income inequality	2 (Tác giả chính)	Journal off Economic policy reform	Scopus	June 2021	2021
46	The Impact Of Covid-19 On Stock Market Returns In Vietnam	3 (tác giả chính)	Journal of Risk and Financial Management	Scopus	June 2021	2021
47	The Central Bank Independence in Relation to Inflation and Growth: An Empirical Evidence from Vietnam	5 (tác giả chính)	Universal Journal of Accounting and Finance		10(2): 465-475	2022

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hạnh Vân

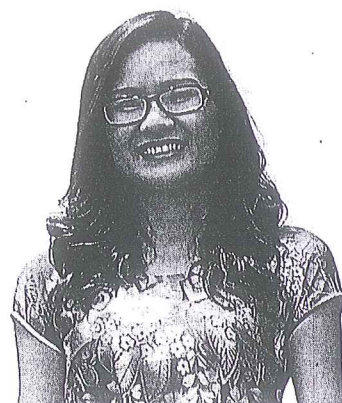
NGƯỜI KHAI

PGS, TS. Đào Văn Hùng

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I/ THÔNG TIN CHUNG

1. **Họ và tên:** Ngô Phúc Hạnh; **Bí danh:** Không
 2. **Giới tính:** Nữ
 3. **Sinh ngày:** 03/09/1977
 4. **Quốc tịch:** Việt Nam
 5. **Học vị:** Tiến sĩ kinh tế - 2008
 6. **Học hàm:** Phó Giáo sư ngành Kinh tế học - 2014
 7. **Chức vụ đã từng công tác:** Phó Chủ nhiệm Khoa KT-QTKD– Trường ĐH Phương Đông
 8. **Chức vụ hiện tại:** Phó trưởng Khoa phụ trách Khoa Chính sách công – Học viện Chính sách và Phát triển – Bộ Kế hoạch và Đầu tư
 9. **Điện thoại:** 0912 482 399 **Email:** nphanh39@gmail.com
- ## II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO, CÔNG TÁC.



1. Các văn bằng, chứng chỉ

1.1. Văn bằng

Năm	Học hàm, học vị	Ngành nghề đào tạo	Nơi cấp bằng/ Đào tạo
2014	Phó giáo sư	Kinh tế học	Hội đồng chức danh Giáo sư Nhà nước
2004 - 2008	Tiến sĩ Kinh tế	Quản lý Kinh tế	Trường ĐH Thương mại
2000 - 2003	Thạc sĩ Kinh tế	Kinh tế các ngành sản xuất và dịch vụ	Trường ĐH Thương mại
1995 - 1999	Cử nhân	Tiếng Anh	Trường ĐH Ngoại Ngữ Hà Nội
1995 -1999	Cử nhân	Quản trị Doanh nghiệp	Trường ĐHDL Phương Đông
1996 - 2000	Cử nhân	Kế toán- Kiểm toán	Trường ĐHDL Phương Đông

1.2. Các khóa học ngắn hạn

1.2. Các khóa đào tạo ngắn hạn		
Thời gian	Nội dung đào tạo	Đơn vị đào tạo
2018	- Chính sách công	- Đại học Harvard – Mỹ

		- Đại học Indiana - (Trường SPEA) – Mỹ
2017	Lãnh đạo đề địa phương cất cánh	USAID – Việt Nam
2017	Quản trị đề địa phương cất cánh	USAID – Việt Nam
2016	Phân tích chính sách và kỹ năng lãnh đạo	USAID- Việt Nam
2011; 2012	Đào tạo Giáo dục Doanh nhân cho Việt Nam	Hiệp hội Tu nghiệp kỹ thuật hải ngoại Nhật Bản AOTS
2009	Business	TAFE Queensland (Queensland Government); Australia
2010	Diploma of Business Studies	TAFE Queensland (Queensland Government); Australia
2010	Tranning and Assessment	Humanagers; Australia

2. Trình độ ngoại ngữ: Cử nhân Anh văn

3. Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Nơi công tác
- 01/2000 – 2011	- Giảng viên - Trưởng ngành QTDN	- Ngành Quản trị doanh nghiệp; Phụ trách NCKH của Khoa	Khoa KT - QTKD - Trường ĐHDL Phương Đông
2012 – 2016	- Phó Chủ Nhiệm Khoa phụ trách; - Đảng uỷ viên	- Quản lý đào tạo, Cao học và NCKH của Khoa	Khoa KT - QTKD - Trường ĐHDL Phương Đông
2016 – nay	- Phó trưởng Khoa phụ trách	- Khoa Chính sách công	Học viện Chính sách và Phát triển – Bộ Kế hoạch và Đầu tư

III. CÔNG TÁC GIẢNG DẠY, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các môn học đã, đang giảng

- Chính sách công; - Phương pháp nghiên cứu khoa học; - Quản lý đầu thầu; - Quản trị doanh nghiệp ; - Quản trị chất lượng; - Quản trị sản xuất - Hoạch định nguồn lực

doanh nghiệp; - Marketing Principle; - Marketing Management; - International Marketing; - Analyse Consumer behaviour; - Introduction to Management; - Management Principle

2. Quá trình hoạt động khoa học.

• Các sách, giáo trình đã xuất bản:

- Phân tích chính sách (2021); NXB ĐH Quốc Gia
- Nghiệp vụ đấu thầu (2014); NXB Đại học quốc gia
- Quản trị Doanh nghiệp (2010), NXB Khoa học kỹ thuật
- Quản trị chất lượng (2011); NXB Khoa học kỹ thuật
- Quản trị thương hiệu (2014); NXB Đại học quốc gia

• Các công trình đã nghiên cứu và hướng dẫn.

- Thành viên Đề án: “*Tổng kết Nghị quyết 26*” của Ban Kinh tế TW, 2022
- Chủ nhiệm Đề án: “*Lập Quy hoạch Tỉnh Phú Thọ giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050*”. Học viện Chính sách và Phát triển phối hợp với UBND Tỉnh Phú Thọ, 2021.

- Chủ nhiệm Đề án Nhiệm vụ Quy hoạch: “*Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045*”, Học viện Chính sách và Phát triển phối hợp với UBND Tỉnh Nghệ An, 2020.

- Chủ nhiệm Đề án: “*Xây dựng chương trình đào tạo Kinh tế và Quản lý công*” Đề án cấp Học viện. 2019.

- Chủ nhiệm đề án: “*Phát triển nguồn nhân lực Tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2020-2025*” - Học viện Chính sách và Phát triển phối hợp với UBND Tỉnh Quảng Ninh thực hiện

- Chủ nhiệm Đề án: “*Nghiên cứu các giải pháp đột phá nhằm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài từ các đối tác chiến lược thuộc khu vực Châu Âu và Hoa Kỳ trong bối cảnh nền kinh tế số hóa và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0*”, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2018.

- Thành viên Đề tài: “*Đánh giá và đề xuất các chính sách thu hút vốn FDI trong bối cảnh chuyển đổi nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh*”, Bộ Tài nguyên môi trường, 2018.

- Thành viên đề tài: “*Giải pháp chủ yếu thu hút và nâng cao hiệu quả Quản lý Nhà nước các dự án đầu tư nước ngoài trên địa bàn Hà Nội đến năm 2025*”. Đề tài cấp Thành phố. 2018

- Thành viên đề tài: “*Xây dựng tạp chí Chính sách và Phát triển thuộc Học viện Chính sách và Phát triển*”. Đề tài cấp cơ sở. Học viện Chính sách và phát triển, 2017

3. Các công trình nghiên cứu đã công bố trên các tạp chí, hội thảo khoa học trong và ngoài nước.

- *Phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng xu hướng số hóa của nền kinh tế: Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam* - Đặc san nghiên cứu chính sách và phát triển

- Số 2 (Tháng 6/2022)

- *Chính sách phát triển nguồn nhân lực đáp ứng xu hướng số hóa của nền kinh tế tại Hàn Quốc* - Tạp chí giáo dục và xã hội - Số 133 (Tháng 4/2022)

- 2. *Nguồn nhân lực trong bối cảnh số hóa của nền kinh tế: Thực tiễn tại một số quốc gia Châu Á và hàm ý chính sách cho Việt Nam*. Tạp chí giáo dục - Tập 22 Số đặc biệt 7(Tháng 6/2022)

- *Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước các dự án FDI trên địa bàn Hà Nội đến năm 2025*; Tạp chí Kinh tế và dự báo, số 23 (777)/2021

- *Climate services for a resilient infrastructure: planning perspectives for sustainable future of Vietnam*; *adaptationcommunity.net*; 2020

<https://www.adaptationcommunity.net/download/climateinformation/Enhancing-Climate-Services-for-Infrastructure-Investment-Planning-in-Vietnam>

- *Impact of Fiscal and monetary policy on economic growth in Vietnam*, International Journal of Applied Mathematics & Statistics, Vol. 58; Issue #1, 2019. ISSN 0973-1377; 0973-7545], Tạp chí thuộc danh mục ISI.

- *Climate services for a resilient infrastructure: planning perspectives for sustainable future of Vietnam*. Oceans and Coasts Newsletter, 2019.

- *Improving quality of foreign direct investment attraction in Vietnam*, International Journal of Quality Innovation; Springer Open, 2017

- *Influencing factors to efective application of Lean management in Vietnam*, International Journal of Research in Finance and Marketing (Impact Factor: 6.397, Scopus ID: 66CAE1D4520ADF6B), 2017

- *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong ngành logistics tại Việt Nam*. Hội thảo Quốc gia: Phát triển thương mại trong bối cảnh công nghiệp năng suất và bền vững, 2019

- *Xây dựng thương hiệu cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp phát triển*. Hội Thảo Quốc gia: Quản trị thương hiệu hướng tới tương lai. Hà Nội, 2018..

- *Improving quality of foreign direct investment attraction in Vietnam*; 14th ANQ Congress: *Quality is the meaning of life - not a single day without quality* Vladivostok, Russia, 2016

- *The relationship between organization commitment and government performance of office staff in Hanoi*; Kỷ yếu khoa học tại Hội thảo Quốc tế ICECH2015

– International Conference on Emerging Challenges: Managing to Success; 2015

IV. CÁC LĨNH VỰC ĐÃ VÀ ĐANG CỘNG TÁC THAM GIA

1. Các dự án

- Dự án: “Số hóa Di sản văn hóa tỉnh Quảng Ninh”. Công việc đảm nhận: Quản lý dự án, 2018

- Dự án: “Quy hoạch tượng đài Quốc tổ Hùng Vương”. Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, công việc đảm nhận: Chuyên gia quy hoạch, 2019.

- Dự án: “Rà soát, điều chỉnh Quy hoạch Karaoke và vũ trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”. Chủ Đầu tư: UBND Tỉnh Quảng Ninh; Công việc đảm nhận: Quản lý dự án, 2017

- Dự án: “*Đề án Phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước cho trẻ em, học sinh, sinh viên trên địa bàn Tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016 – 2020*”, Chủ đầu tư: UBND Tỉnh Quảng Ninh, Công việc đảm nhận: Lập Đề án; Quản lý dự án, 2016.

- Dự án: *Hướng dẫn xây dựng Kế hoạch Phát triển kinh tế xã hội có lồng ghép Quyền trẻ em do Bộ Kế hoạch và đầu tư kết hợp với Quỹ UNICEF chủ trì*. Công việc đảm nhận: Chuyên gia dự án, 2016.

- Dự án: *Triển khai xây dựng hệ thống Quản lý chiến lược (BSC) và Hệ thống các chỉ số đo lường, đánh giá hiệu suất công việc (KPIs) tại Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc; Công ty Điện lực Thái Bình; Hà Giang; Tuyên Quang; Điện Biên; Phú Thọ; Lai Châu, Yên Bái....* Công việc đảm nhận: Lập dự án; Quản lý, triển khai dự án, 2016.

- Dự án: “*Lập Quy hoạch Tuyến dài và Tranh hoành tráng Tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến năm 2030*”. Chủ đầu tư: UBND Tỉnh Quảng Ninh, Công việc đảm nhận: Lập Quy hoạch; Quản lý dự án, 2016.

- Dự án: “*Lập Quy hoạch Thiết chế Văn hoá thể thao cơ sở Tỉnh Quảng Ninh giai đoạn 2016 – 2020 và định hướng đến năm 2030*”. Chủ đầu tư: UBND Tỉnh Quảng Ninh, Công việc đảm nhận: Lập Quy hoạch; Quản lý dự án, 2016.

- Dự án: “*Cung cấp, lắp đặt bớt chỉ huy giao thông của phòng PC67 và bớt gác bảo vệ mục tiêu của phòng PC65 thuộc CATP Hải Phòng*” Chủ đầu tư: Công an thành phố Hải Phòng. Công việc đảm nhận: Lập đề án; Quản lý dự án, 2015.

- Dự án “*Quan hệ đối tác vì người nghèo trong phát triển nông lâm nghiệp tại tỉnh Bắc Kạn (3PAD)*”; Vị trí: Chuyên gia đánh giá tác động kinh tế, xã hội; Thuộc IFAD và Chính phủ Việt Nam và Quỹ Môi trường toàn cầu (GEF), 2015.

- Dự án “*Điều tra, đánh giá tác động chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn vùng miền núi phía Bắc*” Vị trí: Chuyên gia kinh tế và phát triển cộng đồng; Thuộc Viện Tài nguyên, Môi trường và Phát triển Cộng đồng, 2015.

- Dự án “*Đánh giá tác động quỹ cho vay cải tạo nhà ở và cải thiện thu nhập cho người dân có thu nhập thấp tại Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Nam Định, Hải Phòng*”- Vị trí: Chuyên gia đánh giá tác động kinh tế, xã hội. Dự án của World Bank , 2012-2014.

2. Cộng tác viên

- Thành viên hội Chính sách công thể giới;

- Thành viên Hội chất lượng thành phố Hồ Chí Minh (Hội Chất lượng Châu Á); Viện Kiểm định chất lượng Tp HCM;

- Cộng tác viên với Khoa Sau đại học các trường: Trường ĐH Bách Khoa; Trường ĐH Thương mại; Trường đại học Điện lực; Trường Đại học Kinh tế Quốc dân; Trường Đại học kinh tế - Đại học Quốc gia; Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Học viện Hành chính Quốc gia; Viện Khoa học xã hội, Đại học Nội vụ; Học viện Báo chí và tuyên truyền, Đại học lao động xã hội; ... (Công việc đảm nhận: Giáo viên hướng dẫn cao học, NCS, thành viên các hội đồng)

- Thành viên hội đồng đánh giá trao giải nhất, nhì giải thưởng “*Tài năng khoa học trẻ Việt Nam*” thuộc Bộ GD & ĐT các năm;

3. Giảng viên cao cấp chương trình liên kết đào tạo với Australia (Từ 2007 đến nay), chương trình cao học Đài Loan (Trường ĐH Điện Lực), chương trình Cao học Đức (Trường ĐH Bách Khoa Hà Nội).

4. **Khen thưởng:** Gương mặt Đảng viên trẻ xuất sắc tiêu biểu toàn thành phố năm 2011, 2012, Giảng viên có thành tích xuất sắc đóng góp cho sự nghiệp 20 năm phát triển của Trường Đại học Phương Đông.

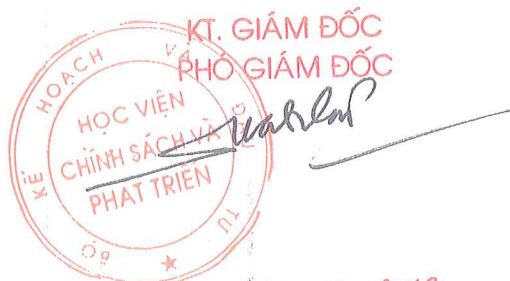
5. **Các nước đã đến làm việc và học tập:** Mỹ, Đức, Nga, Italia, Tây Ban Nha, Singapore, Malaysia, Thailand, Trung Quốc, Hàn Quốc, Cambodia,

6. Phần cam đoan

Tôi xin cam đoan lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật

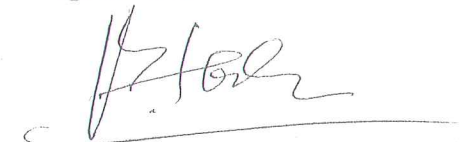
Hà nội, ngày 30 tháng 9 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN



Nguyễn Thị Hạnh Vân

Người khai


Ngô Phúc Hạnh

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1.1. Họ và tên: **ĐÀO HOÀNG TUẤN**

1.2. Năm sinh: **30 tháng 01 năm 1985**

Nam/Nữ: **Nam**

1.3. Nơi đang công tác hiện nay: **Học viện Chính sách và Phát triển**

1.4. Học vị: **Tiến sỹ**

Nước: **Hoa Kỳ**

Năm đạt học vị: **2013**

1.5. Học hàm:

Năm phong:

1.6. E-mail: **tuandhapd@gmail.com**

1.7. Trình độ ngoại ngữ

Tên NN	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
Tiếng Anh	x			x			x			x		

1.8. Quá trình công tác

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
T12/2013 – T6/2015	Khoa Tài chính tiền tệ, Học viện Chính sách và Phát triển	Giảng viên
T6/2015 – T8/2015	Khoa Kinh tế Đối ngoại, Học viện Chính sách và Phát triển	Giảng viên, đảm nhiệm vị trí phó chủ nhiệm khoa
T8/2015 – T12/2015	Khoa Kinh tế Đối ngoại, Học viện Chính sách và Phát triển	Phó chủ nhiệm khoa
T12/2015 – T08/2018	Khoa Đào tạo Quốc tế, Học viện Chính sách và Phát triển	Phó chủ nhiệm khoa (Phụ trách khoa)

T08/2018 – T5/2019	Viện Đào tạo Quốc tế, Học viện Chính sách và Phát triển	Phó Viện trưởng (Phụ trách Viện)
T06/2019 – nay	Viện Đào tạo Quốc tế, Học viện Chính sách và Phát triển	Viện trưởng
T10/2015- T01/2018	Khoa Tài chính Ngân hàng, Đại học Thăng Long	Giảng viên thỉnh giảng (Môn Tài chính Quốc tế cho học viên cao học)
T10/2017-nay	Khoa Tài chính Ngân hàng, Đại học Tài chính – Kế toán	Giảng viên thỉnh giảng (Môn Tài chính Quốc tế cho học viên cao học)

1.9. Quá trình đào tạo

Bậc đào tạo	Thời gian đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên ngành
Đại học	2007	Hartwick College, Hoa Kỳ	Kinh tế, Toán
Thạc sỹ	2009	Boston College, Hoa Kỳ	Kinh tế
Tiến sỹ	2013	Boston College, Hoa Kỳ	Vĩ Mô Quốc Tế - Tài Chính Quốc Tế
Chứng chỉ ngắn hạn	T11-2015	International Finance Corporation (Hà Nội, Việt Nam)	Bank Governance
Chứng chỉ ngắn hạn	T11-2015	International Finance Corporation (Hà Nội, Việt Nam)	Board Leadership Corporate Governance
Chứng chỉ ngắn hạn	T07-2017	USAID (Hà Nội, Việt Nam)	Phân tích chính sách và kỹ năng lãnh đạo
Chứng chỉ ngắn hạn	T12-2017	Korean Development Institute (Seoul, Hàn Quốc)	G20 Global Leadership Program
Chứng chỉ ngắn hạn	T10-2019	Sojitz Corporation (Tokyo, Nhật Bản)	Sojitz Training Program

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

2.1. Các đề tài nghiên cứu khoa học

TT	Tên đề tài	Cấp QĐ, Mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
1	Xây dựng phương pháp đánh giá tín nhiệm các doanh nghiệp Việt Nam	Cấp Bộ (thành viên)	09/2014	Đã nghiệm thu
2	Chuyên đề: Động viên phân bổ và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển kinh tế xã hội	Cấp Học viện (thành viên)	11/2014	Đã thanh lý hợp đồng
3	Xúc tiến hình thành trung tâm tài chính để thu hút đầu tư từ các ngân hàng, công ty tài chính và quỹ đầu tư lớn	Cấp Bộ (thành viên)	12/2014	Đã nghiệm thu
4	Nghiên cứu về những thách thức, thuận lợi trong thu hút đầu tư nước ngoài và sự chuẩn bị của Việt Nam khi gia nhập cộng đồng kinh tế Asean vào năm 2015	Cấp Bộ (đồng chủ nhiệm)	12/2015	Đã nghiệm thu
5	Đề án Đăng ký mở mã ngành đào tạo thạc sỹ chuyên ngành kinh tế đối ngoại	Cấp Trường (chủ nhiệm)	12/2015	Đã nghiệm thu
6	Xác định vai trò của nhà nước trong phát triển thị trường vốn và thị trường tài chính	Đề án của World Bank (thành viên)	04/2016	Đã thanh lý hợp đồng

7	Xây dựng khung chương trình đào tạo bằng tiếng Anh cho khoa Đào tạo Quốc tế tại Học viện Chính sách và Phát triển	Cấp trường (Chủ nhiệm)	07/2016	Đã nghiệm thu
8	Nghiên cứu các chính sách thu hút vốn đầu tư nhằm cải thiện giá trị gia tăng của hàng xuất khẩu để thúc đẩy thu hút đầu tư nước ngoài trong điều kiện gia nhập TPP	Cấp Bộ (Đồng chủ nhiệm)	12/2016	Đã nghiệm thu
9	Thu hút đầu tư từ cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và các quốc gia trong Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP) nhằm cải thiện cán cân thương mại với Trung Quốc	Cấp Bộ (Chủ nhiệm)	03/2017	Đã nghiệm thu
10	Đánh giá nhu cầu đào tạo của các Ban Quản lý Dự án ODA, vốn vay ưu đãi	Đề án của World Bank (thành viên)	08/2017	Đã thanh lý hợp đồng
11	Luận cứ khoa học cho việc hình thành và phát triển thị trường mua bán nợ doanh nghiệp và tổ chức tín dụng	Cấp Nhà nước, KX01/16-20 (thành viên chính)	06/2020	Đã nghiệm thu cấp nhà nước
12	Đề tài Chiến lược quốc gia về cách mạng 4.0 đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: Nghiên cứu ngành tài chính – ngân hàng	Cấp Học viện (chủ nhiệm)	11/2018	Đã nghiệm thu

13	Construction of a set of indicators of Vietnam's economic restructuring towards a new growth paradigm	Đề tài Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (thành viên)	2018	Đã thanh lý hợp đồng
14	Nghiên cứu tác động của cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc đến làn sóng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam: Cơ hội, thách thức và giải pháp	Cấp Bộ, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 67/QĐ-TTg, 2019 (thành viên)	12/2018	Đã nghiệm thu
15	“Định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả thu hút và sử dụng đầu tư nước ngoài đến năm 2030”	Cấp Bộ, trình Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 50-NQ/TW, 2019 (thành viên)	08/2019	Đã nghiệm thu
16	Cơ sở khoa học và giải pháp chính sách đột phá phát triển kinh tế biển bền vững các vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam	Cấp Nhà nước, KC.09/16-20 (thành viên)	11/2020	Đã nghiệm thu cấp nhà nước
17	Nghiên cứu xu hướng xúc tiến đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của một số nước Châu Á và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam	Cấp bộ (thành viên)	12/2019	Đã nghiệm thu
18	Xác định yếu tố tác động lên khả năng liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước phục vụ công tác xúc tiến đầu tư	Cấp bộ (thành viên)	12/2019	Đã nghiệm thu

19	Huy động nguồn lực tài chính từ khu vực tư nhân cho thị trường tài chính xanh, phục vụ các hoạt động bảo vệ môi trường vì phát triển bền vững	Cấp bộ (chủ nhiệm)	12/2020	Đã nghiệm thu
20	Cơ sở khoa học xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ 4	Cấp nhà nước, KHGD/16-20.ĐT.046 (thành viên chính)	2/2022	Đã nghiệm thu cấp nhà nước
21	Review bottlenecks and make recommendations for development of domestic capital markets	Đề án của World Bank (Senior Economist)	6/2022	Đã thanh lý hợp đồng

2.2. Các hướng nghiên cứu đề tài, luận văn, số lượng học viên có thể tiếp nhận

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận hướng dẫn học viên cao học	Số lượng học viên cao học
1	Tài chính và kinh tế vĩ mô quốc tế (Đầu tư quốc tế, tỷ giá, chính sách vĩ mô trong nền kinh tế mở, hội nhập)	5
2	Tài chính tiền tệ (chính sách tiền tệ, chính sách tài chính, mối liên hệ giữa tài chính và vĩ mô)	5
3	Lý thuyết tài chính (lý thuyết danh mục đầu tư, lý thuyết định giá tài sản)	5

2.3. Kinh nghiệm giảng dạy

TT	Tên môn	Trình độ Đại học	Trình độ Đại học bằng tiếng Anh	Trình độ Thạc sỹ
1	Tài chính quốc tế	X		X
2	Đầu tư quốc tế			X
3	Tài chính tiền tệ	X	X	
4	Kinh tế vĩ mô		X	

2.4. Các công trình đã công bố trong 5 năm gần đây

TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
1	Vai trò Của NHTW đối với đảm bảo ổn định tài chính: kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam	Đồng tác giả	Kỷ Yếu Hội Thảo “Vai Trò Của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam Đối Với Sự Ổn Định Hệ Thống Tài Chính”, NHNN, 2014
2	Thuận lợi và thách thức trong việc thu hút vốn FDI vào ngành dệt may và da giày của Việt Nam khi gia nhập AEC	Đồng tác giả	Kỷ Yếu Hội Thảo “Chính sách thu hút FDI hướng đến phát triển bền vững tại một số nước ASEAN”, Đại học Ngoại Thương, 2015
3	Giáo trình “Kinh tế Quốc tế”	Thành viên, tác giả chương 12 “Thị trường ngoại hối” và chương 13 “Cán cân thanh toán quốc tế”	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2015
4	Free trade agreement: International experience and lessons for Vietnam	Tác giả	Kỷ Yếu Hội Thảo “Chiến lược phát triển công nghiệp của Việt Nam khi gia nhập hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP)”, Học viện Chính sách & Phát triển, 2015
5	Giáo trình “Nguyên lý Tài chính tiền tệ”	Thành viên, tác giả chương 5 “Lãi suất” và chương 12 “Tài chính Quốc tế”	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2016
6	Tiềm năng hình thành và phát triển trung tâm tài chính quốc tế ở Việt Nam	Tác giả	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 05, tháng 3, 2016

7	Cần tận dụng tiềm năng của các ngân hàng nước ngoài ở Việt Nam	Đồng tác giả	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 16, tháng 7, 2016
8	Kinh nghiệm của Ba Lan và Mexico – Gợi ý cho Việt Nam khi tham gia TPP	Tác giả	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 21, tháng 9, 2016
9	Phát triển quỹ đầu tư trên thị trường tài chính Việt Nam	Đồng tác giả	Tạp chí Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã Hội, số 130, tháng 10, 2016
10	Thu hút đầu tư từ cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) nhằm cải thiện cán cân thương mại với Trung Quốc	Đồng tác giả	Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, số 8-2017
11	Giáo trình “Tài chính công”	Thành viên, tác giả chương 1 “Tổng quan về quản lý tài chính công”	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2017
12	Vai trò của thị trường trái phiếu tới tăng trưởng kinh tế	Tác giả	Kỷ Yếu Hội Thảo Khoa Học Quốc Gia “Điều kiện hình thành và phát triển thị trường mua bán nợ ở Việt Nam”, Nhà xuất bản dân trí, 2017
13	Ảnh hưởng vĩ mô của thị trường trái phiếu nhìn qua hai cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu	Tác giả	Tạp chí Ngân hàng, số 2-2018

14	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển của thị trường trái phiếu: So sánh thực trạng Việt Nam và thế giới	Tác giả	Kỷ Yếu Hội Thảo Khoa Học Quốc Gia “Luận cứ khoa học cho việc hình thành và phát triển thị trường mua bán nợ của ngân hàng và doanh nghiệp: Kinh nghiệm quốc tế và hàm ý chính cho Việt Nam”, Nhà xuất bản dân trí, 2018
15	Việt Nam trong vòng xoáy chiến tranh thương mại Mỹ - Trung	Đồng tác giả	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, số 09-2018
16	Nghiên cứu thông lệ quốc tế tốt cho xây dựng chiến lược phát triển ngành Fintech tại một số quốc gia	Đồng tác giả	Tạp chí Ngân hàng, số 23-2018
17	Sách chuyên khảo “Cách mạng công nghiệp 4.0 trong lĩnh vực tài chính ngân hàng ở Việt Nam”	Chủ biên	Nhà xuất bản Dân trí, tháng 03, 2019
18	Sách chuyên khảo “Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung và làn sóng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam”	Chủ biên	Nhà xuất bản Dân trí, tháng 07, 2019
19	Tác động của chiến tranh thương mại Mỹ-Trung tới dòng vốn FDI vào Việt Nam	Đồng tác giả	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, tháng 07, 2019

20	Tổng quan tình hình kinh tế vĩ mô của Việt Nam 6 tháng đầu năm 2019 trong bối cảnh tranh chấp thương mại Mỹ - Trung.	Đồng tác giả	Tạp chí Ngân hàng, số 15, tháng 8, 2019
21	Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc – Những tác động qua kênh tỷ giá	Đồng tác giả	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, số 09-2019
22	Đánh giá tác động của nợ xấu của các tổ chức tín dụng tại Việt Nam	Tác giả	Kỷ Yếu Hội Thảo Khoa Học Quốc Gia “Giải pháp hình thành và phát triển thị trường mua bán nợ ở Việt Nam đến năm 2035, các điều kiện thực hiện”, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019
23	Sách chuyên khảo “Hình thành thị trường mua bán nợ tại Việt Nam: Lý thuyết, thực trạng và giải pháp”	Thành viên, tác giả Chương 06	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, tháng 12, 2019
24	Sách chuyên khảo “Cơ sở khoa học và giải pháp chính sách đột phá phát triển kinh tế biển bền vững các vùng kinh tế trọng điểm ở Việt Nam”	Đồng tác giả	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, tháng 10, 2020

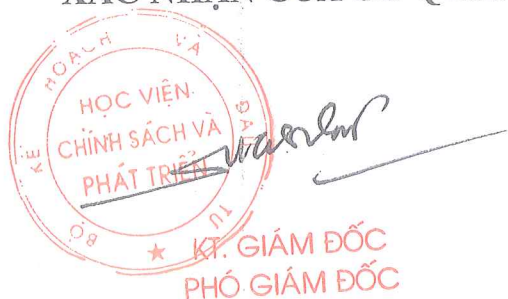
25	Một số giải pháp tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài và doanh nghiệp trong nước ở Việt Nam	Tác giả	Tạp chí Quản lý và Kinh tế quốc tế, số 133, tháng 12, 2020
26	Thực trạng liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp nội địa: Nhìn từ góc độ ngành	Tác giả	Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, số 01, tháng 1, 2021
27	Determinants of linkages between foreign direct investment firms and domestic firms in Vietnam	Tác giả	International Journal of Advanced and Applied Sciences, Volume 8, Issue 6, 2021 (<i>ISI-ESCI, Scopus</i>)
28	Sách chuyên khảo “Kết nối doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp Việt Nam”	Chủ biên	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, tháng 1, 2021
29	Giải pháp huy động nguồn vốn tư nhân vào thị trường tài chính xanh nhằm phục vụ các hoạt động bảo vệ môi trường vì sự phát triển bền vững tại Việt Nam	Tác giả	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, tháng 1, 2021
30	Equity Home Bias and Consumption-Real Exchange Rate Puzzles: A Joint Solution	Tác giả	International Journal of Advanced and Applied Sciences, Volume 8, Issue 10, 2021 (<i>ISI-ESCI, Scopus</i>)

31	Sách chuyên khảo “Huy động nguồn lực từ khu vực tư nhân cho thị trường tài chính xanh”	Chủ biên	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, tháng 7, 2021
32	Employment elasticity coefficient and economic growth in Vietnam	Đồng tác giả	Advances and Applications in Statistics, Volume 71, Issue 2, 2021 (ISI-ESCI)
33	Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào R&D ở Việt Nam	Đồng tác giả	Đặc san Nghiên cứu Chính sách và Phát triển, tháng 1, 2022
34	Giáo trình “Tài chính quốc tế”	Chủ biên, tác giả chương 6 “Chính sách tỷ giá trong nền kinh tế mở”; chương 9 “Tín dụng quốc tế và nợ nước ngoài; chương 13 “Hội nhập tài chính quốc tế”; chương 14 “Khủng hoảng tài chính quốc tế”	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 04/2022
35	Non-performing loans and the lending channel of shock transmission across countries	Đồng tác giả	Cogent Business & Management, Volume 9, Issue 1, 2022 (Scopus-Q2)
36	Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài và cán cân thu nhập nhìn từ kinh nghiệm của Nhật Bản và Malaysia	Tác giả	Tạp chí Ngân hàng, số 6, tháng 3, 2022

37	Impacts of Foreign Direct Investment on the Economic Growth of Some European Countries in the Context of the Covid-19	Đồng tác giả	Journal of Social Sciences, Volume 72, Issue 1-3, 2022
38	Phát triển thị trường trái phiếu, hướng tới hệ thống tài chính cân bằng ở Việt Nam	Tác giả	Tạp chí Cộng Sản, tháng 5, 2022 (ISSN 2734-9071)
39	Application of ARDL Model in Analysing Several Factors affect the Vietnam Stock Price Index	Đồng tác giả	Journal of Asian Finance, Economics and Business, Volume 9, Issue 5, 2022 (ISI-ESCI, Scopus)

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hạnh Vân

NGƯỜI KHAI

TS. ĐÀO HOÀNG TUẤN

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI
Gấp

CHỨNG CHI

NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM

Cho: **ĐẠO HOÀNG TUẤN** Giới tính: **NAM**
Sinh ngày: **30/01/1985** Nơi sinh: **HÀ NỘI**
Đã hoàn thành chương trình: **Nghệ thuật sư phạm cho giảng viên đại học vào đảng**
Điểm trung bình: **6,98** Xếp loại: **TRUNG BÌNH KHÁ**

CHỨNG NHẬN BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: **5 828**

Số hiệu ngày: **NV 12185/10-1/2015**

Số vào sổ cấp chứng chỉ: **71030/179.15/HK/SP**
TM. UBND PHƯỜNG DỊCH VỌNG HẬU

Hà Nội ngày 15 tháng 04 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG

ĐẠO HOÀNG TUẤN

TS. TS. NGUYỄN VĂN MINH



PHÓ CHỦ TỊCH
Lê Quang Lợi

BẢN SẠO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2018

CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CÔNG NHẬN

Văn bằng số:

Ngày cấp: 20/5/2013

Do:

Trường Đại học Boston (Boston College), Hoa Kỳ

Cấp cho:

Đào Hoàng Tuấn

Ngày sinh:

30 tháng 01 năm 1985

Nơi sinh:

Hà Nội

Là bằng tốt nghiệp:

Tiến sĩ

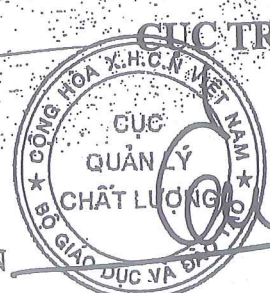
CHỨNG THỰC BẢN SẠO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.
Số chứng thực: 3691. Quyển số: SCT/BS

Ngày: 22-11-2018

Đã đăng ký tại Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22 tháng 11 năm 2018



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Kiên Trung



CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

Đã vào sổ đăng ký số...00.726.8/CNVB_TS

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2018

CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CÔNG NHẬN

Văn bằng số:

Ngày cấp: 18/5/2009

Do:

Trường Đại học Boston (Boston College), Hoa Kỳ

Cấp cho:

Đào Hoàng Tuấn

Ngày sinh:

30 tháng 01 năm 1985

Nơi sinh:

Hà Nội

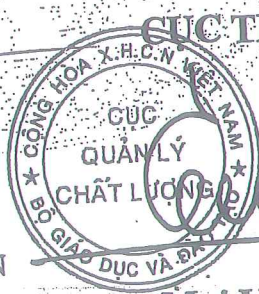
Là bằng tốt nghiệp

Thạc sĩ

Số chứng thực 3-9-9-1..... Quyển 801..... SCT/BS

Ngày: 22-11-2018

Đã đăng ký tại Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22 tháng 11 năm 2018



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Kiên Trung

CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

Đã vào sổ đăng ký số... 00.726.7./CNVB-TR S

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2018

CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CÔNG NHẬN

Văn bằng số:

Ngày cấp: 26/5/2007

Do: Trường Đại học Hartwick (Hartwick College), Hoa Kỳ

Cấp cho:

Đào Hoàng Tuấn

Ngày sinh:

30 tháng 01 năm 1985

Nơi sinh:

Hà Nội

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.
Số chứng thực... 3.6.9.1... Quyền số... 1... SCT/BS

Là bằng tốt nghiệp:

Đại học Ngày: 22 - 11 - 2018

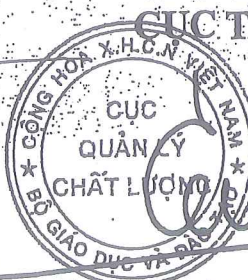
Đã đăng ký tại Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22 tháng 11 năm 2018



CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Kiên Trung

Đã vào sổ đăng ký số... 00.7.2.6.6./CNVB-ĐH



CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

Hà Nội, ngày *12* tháng *08* năm 2015

HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC KHÔNG XÁC ĐỊNH THỜI HẠN

- Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Chúng tôi, một bên là Ông: Đào Văn Hùng.

Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện cho đơn vị: Học viện Chính sách và Phát triển.

Địa chỉ: Số 65 Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 043.7475109.

Và một bên là Ông: Đào Hoàng Tuấn.

Sinh ngày 30 tháng 01 năm 1985 tại Hà Nội.

Chức vụ, chức danh: Tiến sỹ kinh tế

Địa chỉ thường trú tại: Số nhà 6B, ngõ 60, phố Linh Lang, quận Ba Đình, Hà Nội

Số chứng minh thư nhân dân: 001085004454

Cấp ngày 31 tháng 12 năm 2014 tại Công an thành phố Hà Nội.

Thỏa thuận ký kết Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1. Nhiệm vụ hợp đồng

- Địa điểm làm việc: Tòa nhà Bộ KH&ĐT, Lô D25, số 8B Tôn Thất Thuyết, Cầu Giấy, Hà Nội.

- Chức danh chuyên môn: Giảng viên Tài chính – Tiền tệ

- Chức vụ (nếu có):

- Nhiệm vụ: Theo sự phân công của Giám đốc Học viện.

Điều 2. Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: Theo quy định của Học viện.

- Được trang bị những phương tiện làm việc gồm: Theo quy định của Học viện.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của viên chức

1. Quyền:

- Được hưởng các quyền quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 và Điều 15 Luật Viên chức.

- Phương tiện đi lại làm việc: Cá nhân tự túc.

- Chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm (mã số): giảng viên Tài chính – Tiền tệ (15.111); Bậc: 3/9 Hệ số lương: 3,00

- Phụ cấp (nếu có) gồm: Theo quy định của Nhà nước và Học viện, được trả 01 lần hàng tháng.

- Thời gian xét nâng bậc lương: 01/12/2014

- Khoản trả ngoài lương: Theo quy định của Học viện.

- Được trang bị bảo hộ khi làm việc (nếu có) gồm: Theo quy định của Học viện.

- Số ngày nghỉ hàng năm được hưởng lương (nghỉ lễ, phép, việc riêng): Theo chế độ của Nhà nước.

- Chế độ bảo hiểm: Theo quy định của Nhà nước.

- Được hưởng các phúc lợi: Theo quy định của Học viện.

- Được hưởng các khoản thưởng, nâng bậc lương, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện nhiệm vụ hợp tác khoa học, công nghệ với các đơn vị trong hoặc ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Được hưởng các chế độ thôi việc, trợ cấp thôi việc, bồi thường theo quy định của pháp luật về viên chức.

- Có quyền đề xuất, khiếu nại, thay đổi, đề nghị chấm dứt Hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật.

- Những thỏa thuận khác (nếu có):.....

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành nhiệm vụ đã cam kết trong Hợp đồng làm việc.

- Chấp hành nội quy, quy chế của đơn vị, kỷ luật làm việc và các quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Luật Viên chức.

- Chấp hành việc xử lý kỷ luật và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền khi đơn vị sự nghiệp có nhu cầu.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp

1. Quyền:

- Bố trí, phân công nhiệm vụ, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của viên chức.

- Chấm dứt Hợp đồng làm việc, kỷ luật đối với viên chức theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong Hợp đồng làm việc.

- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ của viên chức đã cam kết trong Hợp đồng làm việc.



Điều 5. Điều khoản thi hành

- Hợp đồng làm việc này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2015

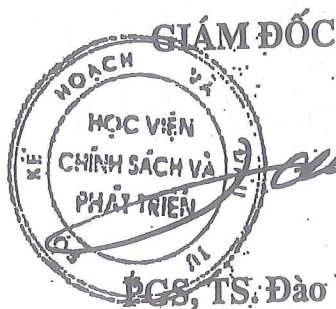
- Những vấn đề về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của hai bên không ghi trong Hợp đồng làm việc này thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức.

- Hợp đồng này làm thành 04 bản có giá trị ngang nhau, đơn vị sự nghiệp ký hợp đồng giữ 03 bản (Phòng TCHC 01 bản; Phòng KHTC 01 bản; lưu hồ sơ 01 bản), viên chức được ký hợp đồng giữ 01 bản. Khi hai bên ký phụ lục Hợp đồng làm việc thì nội dung của phụ lục Hợp đồng làm việc cũng có giá trị như các nội dung của bản Hợp đồng làm việc này.

Hợp đồng này làm tại Học viện Chính sách và Phát triển ngày 02 tháng 3 năm 2015.

Người lao động
(Ký, ghi rõ họ và tên)


Đào Hoàng Tuấn



Số: 54/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tuyển dụng viên chức

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Chính sách và Phát triển thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-BKH ngày 25 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 179/QĐ-BKHĐT ngày 14/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công nhận kết quả xét tuyển đặc cách viên chức năm 2015 của Học viện Chính sách và Phát triển;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tuyển dụng 04 ông/bà có tên trong danh sách kèm theo, về làm việc tại các đơn vị thuộc Học viện Chính sách và Phát triển kể từ ngày 01/3/2015.

Điều 2. Chức danh nghề nghiệp, bậc lương, thời gian tập sự của các ông/bà có tên trên thực hiện theo danh sách kèm theo.

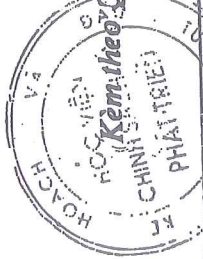
Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng các đơn vị có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ TCCB;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: TCHC.



BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN



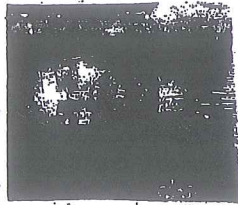
DANH SÁCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC
(Kèm theo Quyết định số: 54/QĐ-HVCSPT, ngày 26 tháng 02 năm 2015
của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh		Trình độ chuyên môn	Đơn vị tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp	Hệ số lương	Ngày tính năng bậc lương tiếp theo
			Nam	Nữ					
1	Nguyễn Thanh	Bình	08/7/1973		Tiến sỹ	Khoa Tài chính - Tiền tệ	Giảng viên	3,66	1/6/2014
2	Đào Hồng	Quỳnh		15/1/1983	Tiến sỹ	Khoa Kinh tế đối ngoại	Giảng viên	3,00	1/7/2014
3	Phạm Mỹ Hằng	Phương		11/1/1990	Thạc sỹ	Khoa Tài chính - Tiền tệ	Giảng viên	2,67	1/1/2014
4	Đào Hoàng	Tuấn	30/01/1985		Tiến sỹ	Khoa Tài chính - Tiền tệ	Giảng viên	3,00	1/12/2014

BẢN SAO

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Số: **26** / **2015** / **CCSP**



KẾT QUẢ HỌC TẬP

STT	Môn học	Số tiết	Điểm
1.	Tâm lý học đại cương	45	7
2.	Tâm lý học sư phạm đại học	45	8
3.	Giáo dục sư phạm	30	7
4.	Nhập môn Giáo dục học	30	8
5.	Lý luận dạy học đại học	45	7
6.	Lý luận giáo dục đại học	45	8
7.	Phương pháp luận nghiên cứu KH	30	7
8.	Quản lý giáo dục đại học	45	7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ MÔN HỌC
NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Cấp cho: **Thạc sĩ Nguyễn Thị Thanh**

Sinh ngày: **23.9.1977**

Tại: **Phước Thọ**

Chứng chỉ môn học nghiệp vụ sư phạm

Điểm trung bình: **7,5**

Đại loại: **Khá**

Thang điểm: **Thang 5, năm 2004**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CHỖ DÁN CHỮ

CHỖ DÁN CHỮ

CHỖ DÁN CHỮ

CHỖ DÁN CHỮ

CHỖ DÁN CHỮ

CHỖ DÁN CHỮ

CHỖ DÁN CHỮ

CHỖ DÁN CHỮ

CHỖ DÁN CHỮ

CHỖ DÁN CHỮ

CHỖ DÁN CHỮ

CHỖ DÁN CHỮ

CHỖ DÁN CHỮ

CHỖ DÁN CHỮ

CHỖ DÁN CHỮ

CHỖ DÁN CHỮ

CHỖ DÁN CHỮ

CHỖ DÁN CHỮ

CHỖ DÁN CHỮ

CHỖ DÁN CHỮ

CHỨNG NHẬN BAN SÁCH VÀ VIỆC QUẢN LÝ SÁCH

Số chứng thư: **5144** / **07** / **SCT/BS**

Ngày: **17-09-2015**

TM. UBND PHƯỜNG DỊCH VONG HẬU



PHÓ CHỦ TỊCH
Lê Quang Lợi

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

THE CHAIRMAN
OF THE STATE COUNCIL FOR PROFESSOR TITLE

- Pursuant to Decision N° 174/2008/QĐ-TTg dated December 31, 2008 and Decision N° 20/2012/QĐ-TTg dated April 27, 2012 by the Prime Minister of the Socialist Republic of Vietnam;
- Pursuant to Resolution N° 01/NQ-HĐCDGSNN dated January 14, 2015 by the State Council for Professor Title,

CONFERS
THE CERTIFICATE OF RECOGNITION

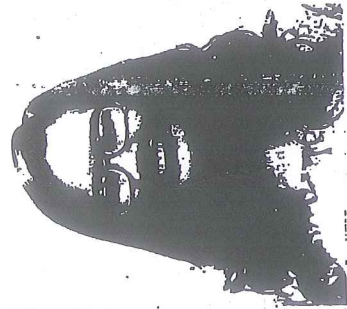
Upon: *Ms. Ngo Phuc Hanh*

Born on: *September 03, 1977*

In: *Phu Tho*

for having met the standards of associate professor title

in: *Economics*



Given under the Seal
of the State Council for Professor Title

BẢN SAO



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG CHỨC DANH GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC

- Căn cứ Quyết định số 174/2008/QĐ-TTg ngày 31/12/2008 và Quyết định số 20/2012/QĐ-TTg ngày 27/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐCDGSNN ngày 14/01/2015 của Hội đồng Chức danh giáo sư nhà nước,

CÔNG NHẬN

ĐẠT TIÊU CHUẨN CẤP ĐỘ DANH PHÓ GIÁO SƯ

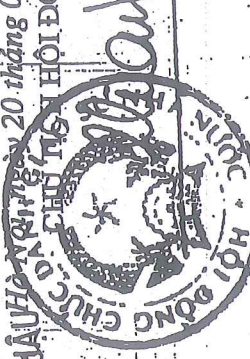
Kinh tế học

CHỨNG NHẬN BAN SAO ĐỪNG LỖI BẬC CHÍNH: *Phúc Hanh*
Chức vụ: *TS.*

Số chứng thực: *517-09-2015*
Quyển số: *03* tháng: *09* năm: *1977*

Ngày: *517-09-2015*
Số chứng thực: *03* tháng: *09* năm: *1977*

TM UBND PHƯỜNG DỊCH VỌNG, HÃI HÒA, NGÀY 20 tháng 01 năm 2015



PHÓ CHỦ TỊCH TS. Phạm Vũ Luận
Phạm Vũ Luận

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE MINISTER OF EDUCATION AND TRAINING

On the Recommendation of the National Thesis Examination Committee
for the Doctoral Dissertations
held at the Commercial University

HAS CONFERRED UPON

Ms. Ngo Phuc Hanh
Born 03/09/1977 in Phu Tho

THE DEGREE OF

DOCTOR OF PHILOSOPHY

In Economics

Given under the seal of the Ministry of Education and Training
this Sixteenth day of July 2008



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ đề nghị của Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp nhà nước

hợp ngày 29 tháng 03 năm 2008
tại Trường Đại học Thương mại

CÔNG NHẬN HỌC VI VÀ CẤP BẰNG

TIẾN SĨ

CHÚNG NHẬN BÀN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH NH TẾ

Số chứng thư 4 4
Quê số: SCT/BS
Cho bà *Ngô Phuc Hanh*
17-09-2015 Sinh ngày 03/09/1977 tại Phú Thọ
Ngày:

TM. ỦY BAN PHƯƠNG DỊCH VỌNG HẠ
Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2008

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Số bằng: 00007

PHÓ CHỦ TỊCH

Đỗ Quang Lợi

Thủ tịch Hội đồng: Trần Long

Số: 442/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chuyển và giao nhiệm vụ cho cán bộ, viên chức

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Chính sách và Phát triển thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 584/QĐ-BKH ngày 12 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-BKH ngày 25 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Xét nhu cầu công tác và khả năng cán bộ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chuyển PGS, TS. Ngô Phúc Hạnh, Giảng viên Khoa Quản trị doanh nghiệp, đến nhận công tác tại Khoa Chính sách công thuộc Học viện Chính sách và Phát triển, kể từ ngày ký quyết định.

Bà Ngô Phúc Hạnh chịu trách nhiệm kiêm công tác giảng dạy tại Khoa Quản trị doanh nghiệp.

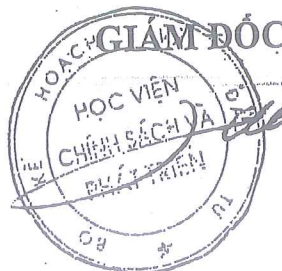
Điều 2. Giao bà Ngô Phúc Hạnh, Giảng viên khoa Chính sách công, đảm nhiệm công việc của chức vụ Phó Trưởng khoa và phụ trách Khoa Chính sách công, kể từ ngày ký quyết định.

Điều 3. Bà Ngô Phúc Hạnh được hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm chức vụ hệ số 0,5 kể từ ngày 01/9/2016.

Điều 4. Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Trưởng khoa Quản trị doanh nghiệp, Trưởng khoa Chính sách công và bà Ngô Phúc Hạnh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Vụ TCCB (để B/c);
- Ban Giám đốc Học viện;
- Phòng KHTC (02 bản);
- Lưu TC-HC.



PGS, TS. Đào Văn Hùng

Số: 31 /HDLĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2017

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

(Theo Thông tư số 21/2003/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 9 năm 2003
của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội)

Chúng tôi, một bên là: Ông ĐÀO VĂN HÙNG

Quốc tịch: Việt Nam.

Chức vụ: Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển.

Đại diện cho: Học viện Chính sách và Phát triển.

Địa chỉ: Số 65 phố Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 04.37475651.

Và một bên là: Bà NGÔ PHÚC HẠNH

Quốc tịch: Việt Nam.

Sinh ngày: 03 tháng 9 năm 1977.

Quê quán: Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Giảng viên đại học

Địa chỉ thường trú tại: Số 27, ngách 5/40, ngõ 5, đường Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Chứng minh thư nhân dân số: 013319798.

Cấp ngày 10 tháng 9 năm 2010 tại Công an thành phố Hà Nội.

Thỏa thuận ký kết Hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động: Hợp đồng lao động không xác định thời hạn
- Từ ngày 01 tháng 4 năm 2017. Thay thế hợp đồng lao động số: 26/HDLĐ-HVCSPT ngày 28/3/2016.

- Địa điểm làm việc: Trụ sở Học viện Chính sách và Phát triển, 65 Văn Miếu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

- Chức danh chuyên môn: Phó Giáo sư, Tiến sỹ Kinh tế học; Giảng viên chính.

- Chức vụ (nếu có):

- Công việc phải làm: Theo sự phân công của Giám đốc Học viện và Trưởng khoa Chính sách công.

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời gian làm việc: Theo quy định của Học viện.
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Theo quy định của Học viện

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người ký hợp đồng lao động.

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc: Cá nhân tự túc.
- Mức lương chính hoặc tiền công: Giảng viên, Bạc 2/8, hệ số lương 4,74
- Hình thức trả lương: Chuyển khoản
- Phụ cấp gồm:

- Được trả vào các ngày: Hàng tháng.
- Tiền thưởng:
- Chế độ nâng lương: Theo quy định Nhà nước
- Được trang bị bảo hộ lao động gồm:
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết): Theo quy định của Nhà nước.
- Thời gian làm thêm giờ: Theo quy định của Nhà nước.
- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế: Theo quy định của Nhà nước.
- Chế độ đào tạo:
- Những thoả thuận khác:

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong Hợp đồng lao động.

Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động.

- Bồi thường vi phạm và vật chất: Theo quy chế của Học viện.

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của Người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi của người lao động theo hợp đồng thoả thuận, thoả ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc,...).
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5: Điều khoản thi hành

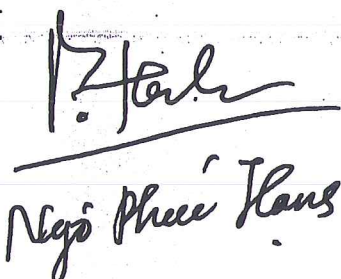
- Những vấn đề về lao động không ghi trong Hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thoả ước lao động tập thể, trường hợp chưa có thoả ước lao động tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.
- Hợp đồng lao động được làm thành 07 bản có giá trị ngang nhau và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 4 năm 2017.

+ 01 bản do người lao động giữ;

+ 05 bản do người sử dụng lao động giữ: Phòng Tổ chức - Hành chính (03 bản), Khoa Chính sách công (01 bản), Phòng Kế hoạch - Tài chính (02 bản). Khi hai bên ký Phụ lục Hợp đồng lao động thì nội dung của bản Phụ lục Hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản Hợp đồng lao động này.

Hợp đồng lao động này làm tại Học viện Chính sách và Phát triển ngày ... /4/2017.

Người lao động
(Ký, ghi rõ họ và tên)


Ngô Phúc Khang

Người sử dụng lao động



PGS, TS. Đào Văn Hùng

Số: 81 /QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tuyển dụng viên chức

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Chính sách và Phát triển thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-HVCSPT ngày 02/02/2018 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển về việc công nhận kết quả thi tuyển viên chức năm 2016 của Học viện Chính sách và Phát triển;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

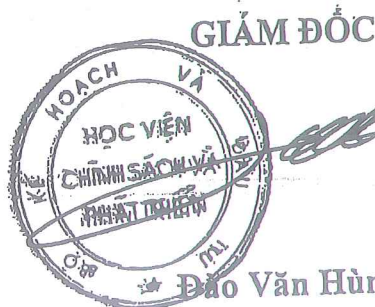
Điều 1. Tuyển dụng 19 ông/bà có tên trong danh sách kèm theo, về làm việc tại các đơn vị thuộc Học viện Chính sách và Phát triển kể từ ngày 01/3/2018.

Điều 2. Chức danh nghề nghiệp, bậc lương, thời gian tập sự của các ông bà có tên trên thực hiện theo danh sách, kể từ ngày 01/3/2018.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, Phòng Kế hoạch – Tài chính, Trưởng các đơn vị có liên quan và các ông/bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Đuml*

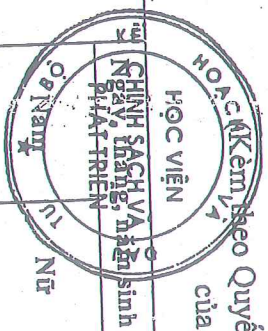
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ TCCB;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: TCHC.



DANH SÁCH TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC

theo Quyết định số: 81/QĐ-HVCSPT, ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển



STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nữ	Trình độ chuyên môn	Đơn vị tuyển dụng	Chức danh nghề nghiệp	Hệ số lương	Thời gian tập sự (Nếu có)
1	Lê Vũ	14/7/1981		Cử nhân	Phòng Tổ chức - Hành chính	Chuyên viên	3,00	
2	Trần Thị Thanh	11/4/1981		Cử nhân	Trung tâm Thanh tra - Kiểm tra	Chuyên viên	3,00	
3	Võ Xuân	21/10/1984		Thạc sĩ	Phòng Khoa học và Hợp tác	Chuyên viên	2,67	
4	Bùi Quang	25/01/1988		Cử nhân	Phòng Tổ chức - Hành chính	Chuyên viên	2,34	
5	Bùi Đình	21/9/1984		Cử nhân	Phòng Quản lý đào tạo	Chuyên viên	3,00	
6	Lê Thị Cẩm	08/9/1989		Cử nhân	Phòng Quản lý đào tạo	Chuyên viên	2,67	
7	Đỗ Thanh	09/12/1988		Thạc sĩ	Khoa Tài chính - Tiền tệ	Giảng viên	3,00	
8	Vũ Thị	16/4/1973		Tiến sĩ	Khoa Tài chính - Tiền tệ	Giảng viên	3,99	
9	Mai Văn	19/01/1984		Thạc sĩ	Khoa Tài chính - Tiền tệ	Giảng viên	3,00	
10	Đặng Thị Kim	03/2/1988		Thạc sĩ	Khoa Kinh tế đối ngoại	Giảng viên	3,00	
11	Phan Thị Thanh	12/11/1988		Thạc sĩ	Khoa Kinh tế đối ngoại	Giảng viên	2,67	
12	Ngô Phúc	03/9/1977		Tiến sĩ	Khoa Quản trị doanh nghiệp	Giảng viên	4,74	
13	Đặng Thị Quỳnh	21/4/1989		Thạc sĩ	Khoa Quản trị doanh nghiệp	Giảng viên	3,00	
14	Lưu Thị	23/7/1986		Thạc sĩ	Bộ môn Luật Kinh tế	Giảng viên	3,00	
15	Phạm Minh	14/01/1971		Tiến sĩ	Khoa Đầu tư	Giảng viên	4,32	
16	Trần Anh	31/01/1976		Thạc sĩ	Khoa Đầu tư	Giảng viên	2,67	01/3/2018 - 28/02/2019
17	Nguyễn Thị Hồng	06/7/1990		Thạc sĩ	Khoa Toán	Giảng viên	3,00	
18	Đỗ Thị Thanh	31/3/1985		Thạc sĩ	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	3,00	
19	Nguyễn Thị Hồng	11/5/1980		Thạc sĩ	Khoa Ngoại ngữ	Giảng viên	3,66	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Theo mẫu tại Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT – Phụ lục V)

I. LÝ LỊCH SƠ LƯỢC

Họ và tên: NGUYỄN NHƯ HÀ

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 26/02/1982

Nơi sinh: Thái Bình

Học vị cao nhất: Tiến sĩ

Năm nhận học vị: 2016

Nước cấp học vị: CH Pháp

Chức danh khoa học cao nhất: Năm bổ nhiệm:

Chức vụ hiện tại: Trưởng Khoa, Thư ký Hội đồng học viện

Đơn vị công tác hiện tại: Khoa Luật kinh tế, Học viện Chính sách và Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chỗ ở riêng hoặc địa chỉ liên lạc:

Điện thoại liên hệ: CQ: 0243.7957355

NR:

DD: 0902 468 579

Fax: E-mail: nhuha.nguyen@apd.edu.vn

Số CMND:

Ngày cấp:

Nơi cấp:

II. QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Đại học:

Hệ đào tạo: Chính quy

Nơi đào tạo: Đại học Luật Hà Nội

Ngành học: Luật học

Nước đào tạo: Việt Nam

Năm tốt nghiệp: 2004

Bằng đại học 2:

Ngành học: Hành chính - Học viện Hành chính Quốc gia

Năm tốt nghiệp: 2007

2. Sau đại học

- Thạc sĩ chuyên ngành: Quản trị kinh doanh

Năm cấp bằng: 2009

- Nơi đào tạo: Viện Quản trị kinh doanh Brussels, Vương quốc Bỉ

Tên luận văn:

- Thạc sĩ chuyên ngành 2: Sở hữu trí tuệ

Năm cấp bằng: 2010

- Nơi đào tạo: Đại học Strasbourg, Cộng hòa Pháp

Tên luận văn:

- Tiến sĩ chuyên ngành: Luật Kinh doanh quốc tế

Năm cấp bằng: 2016

- Nơi đào tạo: Đại học Toulouse 1 Capitole, Cộng hòa Pháp

Tên luận án:

3. Ngoại ngữ: 1. Tiếng Pháp

Mức độ sử dụng: C1

2. Tiếng Anh

Mức độ sử dụng: B2

III. QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Thời gian	Nơi công tác	Công việc đảm nhiệm
2004-2005	Vụ Pháp chế, Bộ Giáo dục & Đào tạo	Cán bộ hợp đồng
2005-2006	Ban Hỗ trợ và Phát triển, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam	Chuyên viên pháp chế
2006-2016	Khoa Khoa học Quản lý, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội	Giảng viên, Phó Trưởng Khoa kiêm nhiệm Phó Chủ nhiệm Bộ môn Sở hữu trí tuệ
2017-2018	Tỉnh ủy Quảng Ninh	Kiểm tra viên, Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ II, Cơ quan Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy Quảng Ninh
2018-2019	Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội	Giảng viên, kiêm nhiệm công tác Thanh tra – Pháp chế
2019-nay	Khoa Luật Kinh tế - Học viện Chính sách và Phát triển	Trưởng Khoa Luật Kinh tế, Thư ký Hội đồng học viện

IV. QUÁ TRÌNH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

1. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã và đang tham gia trong 5 năm gần đây nhất:

TT	Tên đề tài nghiên cứu	Năm bắt đầu/Năm hoàn thành	Đề tài cấp (NN, Bộ, ngành, trường)	Trách nhiệm tham gia trong đề tài
1	Đề tài: “Nghĩa vụ chứng minh pháp luật nước ngoài trong tư pháp quốc tế Việt Nam”	2021-2022	Cơ sở (Học viện Chính sách và Phát triển)	Chủ nhiệm
2	Đề tài: “Pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 tại Việt Nam hiện nay”	2020-2021	Cơ sở (Học viện Chính sách và Phát triển)	Tham gia
3	Đề tài: “Pháp luật hợp đồng và ứng dụng hợp đồng thông minh trong lĩnh vực tài chính ngân hàng - kinh nghiệm quốc tế và xu hướng vận dụng của Việt Nam”	2020-2021	Cơ sở (Học viện Chính sách và Phát triển)	Tham gia
4	Đề tài: “Pháp luật về tiền kỹ thuật số tại một số quốc gia trên thế giới và hàm ý chính sách cho Việt Nam”	2019-2020	Cơ sở (Học viện Chính sách và Phát triển)	Tham gia

5	Đề tài: “Xây dựng khuôn khổ pháp lý cho thị trường mua bán phát thải khí nhà kính tại Việt Nam”	2019-2020	Cơ sở (Học viện Chính sách và Phát triển)	Tham gia
6	Đề án: “Hợp nhất Cơ quan Ủy ban Kiểm tra và cơ quan Thanh tra cấp huyện”.	2017-2018	Cơ sở (Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Quảng Ninh)	Tham gia

2. Các công trình khoa học đã công bố trong 5 năm gần đây nhất:

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên sách - tạp chí
1	<i>Les enjeux juridiques du traitement des données</i>	2017	Sách chuyên khảo xuất bản ở nước ngoài; NXB Éditions Universitaires Européennes ISBN-10: 3639547535 ISBN-13: 978-3639547535
2	<i>Les principales questions juridiques posées par l'informatique en nuage</i>	2019	Science & Technology Development Journal - Economics - Law and Management (STDJELM) (ISSN 2588-1051)
3	<i>Recensement des questions juridiques posées par l'informatique en nuage</i>	2018	La Francophonie en Asie-Pacifique ISSN: 2525-2488 ISBN: 978-604-62-9252-4
4	<i>The impact of the Nagoya Protocol on the balancing of rights between the TRIPS Agreement and the Convention on Biological Diversity</i>	2021	Tạp chí Công Thương số 20 tháng 8/2021 ISSN: 0866-7756
5	Nhận biết những tác động của trí tuệ nhân tạo đến pháp luật sáng chế của Liên minh Châu Âu	2022	Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Luật học Vol. 38, số 3 (2022) ISSN: 0866-8612
6	Dẫn chiếu và nghĩa vụ chứng minh áp dụng pháp luật nước ngoài trong tư pháp quốc tế Việt Nam	2022	Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn số 50 năm 2022 ISSN: 2525-2666
7	Vấn đề xác định và cung cấp pháp luật nước ngoài khi xét xử các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam	2022	Tạp chí Công Thương số 03 tháng 2/2022 ISSN: 0866-7756
8	Nghĩa vụ chứng minh pháp luật nước ngoài trong giải quyết tranh chấp dân sự có yếu tố nước ngoài tại Việt Nam	2021	Tạp chí Công Thương số 13 tháng 6/2021 ISSN: 0866-7756

9	Bảo hộ pháp lý đối với cơ sở dữ liệu kinh nghiệm của Châu Âu và khuyến nghị cho Việt Nam	2021	Tạp chí Công Thương số 01 tháng 1/2021 ISSN: 0866-7756
10	Vấn đề hợp nhất cơ quan ủy ban kiểm tra của Đảng và cơ quan thanh tra của Nhà nước	2018	Tạp chí Nhân lực Khoa học Xã hội ISSN: 0866-756X
11	Hợp nhất tổ chức kiểm tra của Đảng và cơ quan thanh tra nhà nước – Nhìn từ góc độ lý thuyết hệ thống.	2017	Tạp chí Luật học số 01/2018 tháng 4 năm 2018 ISSN: 0868-3522
12	Hoàn thiện pháp luật kinh tế nhằm tạo đột phá trong Cải cách thể chế kinh tế	2020	Hội thảo khoa học Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020 và định hướng giai đoạn 2021-2030, do Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ tổ chức tháng 11/2020
13	Lập trường và đóng góp của Việt Nam trong việc giải quyết tranh chấp Biển Đông	2019	Kỷ yếu Hội thảo quốc tế “Những phát triển mới của Luật Biển quốc tế - Góc nhìn quốc tế và Việt Nam”, do Khoa Luật ĐHQGHN, ĐH Duy Tân, Trung tâm Luật quốc tế - ĐH Libre de Bruxelles (Vương quốc Bỉ) tổ chức ngày 07/11/2019
14	Giải pháp xử lý tài sản bảo đảm trong thị trường mua bán nợ	2019	Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Quốc gia “Giải pháp hình thành và phát triển thị trường mua bán nợ ở Việt Nam đến năm 2035, các điều kiện thực hiện” ISBN: 978-604-946-747-9

Hà Nội, ngày 31 tháng 10 năm 2022

Người khai



TS. NGUYỄN NHƯ HÀ

Xác nhận của cơ quan



Nguyễn Thị Hạnh Vân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Dân cử quyết định số 964/QĐ-ĐH ngày 19/4/1999 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về bồi dưỡng kiến thức giáo dục học đại học cho cán bộ giảng dạy.
Căn cứ công văn số 1239/ĐH của Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận quyền cấp chứng chỉ Giáo dục học đại học.
Căn cứ kết quả khóa bồi dưỡng về giáo dục học đại học từ 11/05/2000 đến 14/06/2000 cấp

CHỨNG CHỈ GIÁO DỤC HỌC ĐẠI HỌC

Nguyễn Đức Xá

Thái Bình

cho: *anh/chị* tại

sinh ngày: 26/02/1952

Ngày 17 tháng 07 năm 2000...

Số hiệu: 0022095

Số vào sổ 3702

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA SƯ PHẠM
SƯ PHẠM TAYLOR
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA SƯ PHẠM

Số: 5545 /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cử cán bộ đi học sau đại học tại nước ngoài bằng ngân sách nhà nước năm 2007

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ và cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 322/QĐ-TTg ngày 19/4/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Đào tạo cán bộ khoa học, kỹ thuật tại các cơ sở nước ngoài bằng ngân sách Nhà nước (gọi tắt là Đề án 322);

Căn cứ Quyết định số 356/QĐ-TTg ngày 28/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh Đề án "Đào tạo cán bộ khoa học, kỹ thuật tại các cơ sở nước ngoài bằng ngân sách Nhà nước" (gọi tắt là Đề án 322);

Căn cứ Thông báo số 2095/TB-BGDĐT ngày 14/3/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tuyển sinh đào tạo sau đại học tại các cơ sở nước ngoài bằng ngân sách nhà nước năm 2007;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đại học và Sau đại học và đề nghị của Phó Vụ trưởng - Trưởng Ban Điều hành các Đề án đào tạo tại nước ngoài,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Duyệt 169 (một trăm sáu mươi chín) thí sinh được tuyển chọn để chuẩn bị đi đào tạo sau đại học tại nước ngoài bằng ngân sách Nhà nước năm 2007, trong đó có 109 Tiến sĩ, 53 Thạc sĩ và 07 Thực tập sinh.

Danh sách các thí sinh kèm theo Quyết định này.

Điều 2: Các thí sinh có tên trong danh sách kèm theo phải thực hiện các thủ tục đăng ký khóa học tại các cơ sở đào tạo nước ngoài theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chỉ khi nhận được thư mời của cơ sở đào tạo nước ngoài đáp ứng các yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các thí sinh mới được công nhận trúng tuyển và được làm các thủ tục để nhận Quyết định cử đi học nước ngoài của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3: Kết quả tuyển chọn này có giá trị trong hai năm kể từ ngày ký Quyết định đến ngày nhập học theo giấy tiếp nhận của trường đại học nước ngoài. Trong thời hạn hai năm này, nếu các thí sinh có tên trong danh sách kèm theo không thuộc diện đối tượng tuyển sinh nêu trong thông báo tuyển sinh số 2095/TB-BGDĐT ngày 14/3/2007 (vì các lý do như chuyển chuyên công tác, đơn vị công tác chuyển đổi cơ cấu,...) thì kết quả xét tuyển của thí sinh đó sẽ bị huỷ bỏ.

Điều 4: Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Vụ trưởng các Vụ liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trưởng Ban Điều hành các Đề án đào tạo tại nước ngoài và các thí sinh trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- PTT-BT Nguyễn Thiện Nhân (để b/c);
- Thứ trưởng Bành Tiến Long (để b/c);
- ĐSQ, Bộ Ngoại giao, Bộ Công An;
- Lưu: VT, Đề án 322.

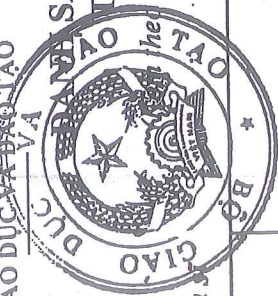


BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN SÁCH THÍ SINH ĐƯỢC TUYỂN CHỌN ĐỂ CHUẨN BỊ ĐI ĐÀO TẠO SAU ĐẠI HỌC

TẠI CÁC CƠ SỞ NƯỚC NGOÀI BẰNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2007

Quyết định số: 5545 /QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)



STT	STT	Họ và tên thí sinh	Giới tính	Ngày tháng năm sinh	Cơ quan công tác	BC hay HD	Dự thi tại Hội đồng	Chuyên ngành dự tuyển	Bậc đào tạo	Ngoại ngữ đã có	Nước được cử đi học
19	19	Tô Bá Đức	Nam	21/10/1977	Trường đại học Bách khoa Hà Nội	HD	Trường đại học Bách khoa Hà Nội	Điện tử viễn thông	Tiến sĩ	Thạc sĩ tại Anh	Anh
20	20	Trương Thị Hương	Nữ	25/10/1973	Kiểm toán Nhà nước khu vực IV - Kiểm toán Nhà nước	BC	Trường đại học Kinh tế TP HCM	Kinh tế	Kinh tế	TOEFL 510 (12/05/07)	Đức
21	21	Đào Thị Ngân	Nữ	28/09/1976	Trường đại học Kinh tế Quốc dân	HD	Trường đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế nông nghiệp	Tiến sĩ	Thạc sĩ tại Anh	Anh
22	22	Nguyễn Hải	Nam	23/08/1975	Trường đại học Lâm nghiệp - Bộ NN&PTNT	BC	Đại học Quốc gia Hà Nội	Sinh học	Tiến sĩ	miễn	Trung Quốc
23	23	Hoàng Hải	Nam	23/12/1972	Trường đại học Nông nghiệp I	BC	Trường đại học Nông nghiệp I	Trồng trọt	Tiến sĩ	miễn	Pháp
24	24	Nguyễn Như	Nam	26/02/1982	Trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐHQGHN	BC	Đại học Quốc gia Hà Nội	Luật quốc tế	Tiến sĩ	miễn	Pháp
25	25	Nguyễn Thị Vân	Nữ	10/12/1972	Trường đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh	BC	Trường đại học Y Dược TP HCM	Công nghệ dược phẩm	Tiến sĩ	miễn	Pháp
26	26	Nguyễn Hồng	Nam	04/11/1975	Đại học Đà Nẵng	BC	Trường đại học Xây dựng Hà Nội	Xây dựng đường, sân bay	Tiến sĩ	miễn	Pháp
27	27	Phùng Hữu	Nam	06/11/1978	Trường đại học Sư phạm Hà Nội	BC	Trường đại học Sư phạm Hà Nội	Văn học	Tiến sĩ	miễn	Pháp

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 9333 /BGDDĐT-VP

V/v: Thông báo kết quả thi sau đại học
tại các cơ sở nước ngoài bằng ngân sách
Nhà nước năm 2007

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2007

GIẤY BẢO KẾT QUẢ THI

Kính gửi: - Đại học Quốc gia Hà Nội;
- Trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn;
- Ông Nguyễn Như Hà.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRÂN TRỌNG THÔNG BÁO

Ông: *Nguyễn Như Hà*

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: *26/02/1982*

Cơ quan công tác: *Trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn*

Bộ / Ngành: *Đại học Quốc gia Hà Nội*

Dự thi tại Hội đồng: *Đại học Quốc gia Hà Nội*

Đã được xét trúng tuyển theo *Quyết định 5545/QĐ-BGDĐT ngày 29/8/2007.*

Nước đăng ký đi học: *CH Pháp*

Trình độ đào tạo: *Tiến sĩ*

Chuyên ngành dự tuyển: *Luật quốc tế.*

Bồi dưỡng trước khi đi học:

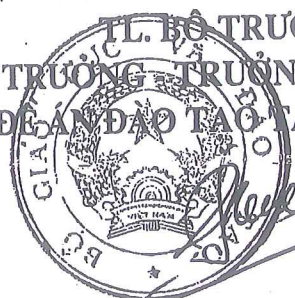
Ông/ Bà sẽ được tham dự bồi túc ngoại ngữ, chính trị vào khoảng tháng 10, 11/2007 tại Hà Nội hoặc TP HCM. Kế hoạch cụ thể sẽ được Ban Điều hành các Đề án đào tạo tại nước ngoài thông báo trên website: <http://www.vosp.org>

Đề nghị Quý Bộ và Cơ quan tạo điều kiện cho Ông/ Bà có tên nêu trên được tham gia bồi dưỡng ngoại ngữ, chính trị và chuẩn bị hoàn tất các thủ tục đi học nước ngoài.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP BDH.

TL. BỘ TRƯỞNG
PHÓ VỤ TRƯỞNG - TRƯỞNG BAN ĐIỀU HÀNH
CÁC ĐỀ ÁN ĐÀO TẠO TẠI NƯỚC NGOÀI



Trương Duy Phúc

Đại học Quốc gia Hà Nội
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **877**/XHNV-TC
V/v: cử cán bộ dự thi sau đại học
theo đề án 322

Hà Nội, ngày **29** tháng **3** năm 2007

Kính gửi: - Bộ Giáo dục Đào tạo
- Đại học Quốc gia Hà Nội

Căn cứ nội dung Thông báo số 2095/TB-BGD&ĐT ngày 14/3/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn xin cử các cán bộ có tên dưới đây tham dự kỳ thi tuyển sinh sau đại học theo đề án “Đào tạo cán bộ tại các cơ sở nước ngoài bằng ngân sách Nhà nước” của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

ST T	Họ và tên	Đơn vị	Dự thi	
			Ngành	Bậc học
1.	Lê Nguyên Long	Kh Văn học	Văn học	Tiến sĩ
2.	Nguyễn Thanh Hải	Kh Đông phương học	Đông phương học	Tiến sĩ
3.	Phan Hồng Giang	Kh Khoa học Quản lý	Xã hội học	Tiến sĩ
4.	Đỗ Văn Hùng	Kh Thông tin - Thư viện	Khoa học thư viện	Tiến sĩ
5.	Nguyễn Như Hà	Kh Khoa học Quản lý	Luật Quốc tế	Tiến sĩ

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn xác nhận 05 cán bộ có tên trên là cán bộ biên chế của Trường, có thời gian công tác và quá trình đóng bảo hiểm xã hội liên tục từ khi được tuyển dụng cho đến nay, được Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn cử đi dự thi theo quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ của Trường.

Kính đề nghị Đại học Quốc gia Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo tạo điều kiện giúp đỡ để cán bộ của Trường chúng tôi được tham dự kỳ thi tuyển trên.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TC, HC



PGS.TS. *Phạm Gia Lâm*

Informations

2009/2010 - Université de Strasbourg

A conserver précieusement

N° Etudiant Uds : 20913653

N° INE: 0efb1j03bf9

Nom: NGUYEN

Prénom: Nhu Ha

Nom usuel:

Né(e) le 26/02/1982 à THAI BINH (VIETNAM)

Statut: Etudiant

Situation sociale: Boursier

Centre payeur: 601 LMDE

Affiliation: Affilié(e) à la sécurité sociale étudiante le 01/10/2009

Sport: Sport exonéré BO

Carte culture: CC gratuite

DROIT

M2 Droit du MSI

Certificat de scolarité

2009/2010 - Université de Strasbourg

Le Secrétaire Général de l'Université de Strasbourg atteste que

N° Etudiant Uds: 20913653

N° INE: 0efb1j03bf9

Nom: NGUYEN

Prénom: Nhu Ha

Nom usuel:

Né(e) le 26/02/1982 à THAI BINH (VIETNAM)

est régulièrement inscrit(e) pour la présente année en

Inscription principale (première)

Diplôme: MR Droit MSI

Etape: M2 Droit du MSI

Inscription(s) seconde(s)

Etape:

Etape:

A Strasbourg, le 21/09/2009
Le Secrétaire Général :



Quittance des droits universitaires 2009/2010 - Université de Strasbourg

A conserver précieusement

N° INE: 0efb1j03bf9 N° Etudiant Uds: 20913653

NGUYEN Nhu Ha

Qut n° 3027

du 21/09/2009

Faculté

Carte TPE

Qut n°
du

4.57

4.57

Médecine préventive

TOTAL en Euros

DIRT DROIT

Numéros d'anonymat Uds

(en usage dans certaines composantes seulement)

Session 1 - Semestre 1: A215402

Session 1 - Semestre 2: B134609

Session 2 - Semestre 1: C218901

Session 2 - Semestre 2: D372143

Confidentiel

Pour accéder à votre **ent**

allez sur le site de l'Environnement Numérique de Travail Alsace :

<http://ent.unistra.fr/>

← Munissez-vous de ce coupon pour
récupérer votre Carte culture aux adresses
indiquées sur le site suivant :
www.carte-culture.org

CERTIFICAT DE SCOLARITE

Le Doyen de la Faculté de Droit de l'Université de Strasbourg certifie que

NGUYEN NHU HA

Id. National : 0EFB1J03BF 9

N° Etudiant : 20913653

Né le 26 février 1982

à THAI BINH (VIETNAM)

est régulièrement inscrit pour l'année universitaire 2009/2010.

Diplôme : MR Droit des affaires - drt multimédia & systèmes informations

Année : M2 Droit des affaires - Drt multimédia et systèmes inform.

Composante : Faculté de Droit

Fait à STRASBOURG, le 29 janvier 2010

Jean-Michel PUGHON



UNIVERSITE TOULOUSE 1 CAPITOLE

Quittance 2009/2010

Ce document ne
peut, en aucun cas,
servir de carte
d'étudiant

N° Etudiant : 20907655
Id. Nat : 06e9j01i15

nom : NGUYEN

Prénom : NHU HA
Né(e) le 26/02/1982 à THAI BINH

filé(e) à la sécurité sociale étudiante le 01/03/2010
entre payeur : 601 LMDE

Intuelle :
11 Droit DOCTORAT-Droit

fait à Toulouse
Le Secrétaire Général,



Jean Pierre BARBIER

UNIVERSITE TOULOUSE 1 CAPITOLE CERTIFICAT DE SCOLARITE

Le Secrétaire Général de l'Université atteste que:

N° Etudiant: 20907655
Nom : NGUYEN

Prénom : NHU HA
Né(e) le 26/02/1982 à THAI BINH

est régulièrement inscrit(e) pour 2009/2010 en:
Droit DOCTORAT DROIT (V. 99)
DOCTORAT-Droit
Date d'inscription: 27/01/2010
Toulouse le, 01/02/2010

Le Secrétaire Général,



Jean Pierre BARBIER

Quit n° 917231
du 01/02/2010
CGE Tlse
C B

Quit n°
du

BIBLIOTHEQUE 0.00
FSDIE 0.00
MEDECINE 4.57
SCOLARITE 0.00
SECURITE SOCIALE 0.00
TOTAL en euros 4.57

UNIVERSITE TOULOUSE 1 CAPITOLE CERTIFICAT DE SCOLARITE

Le Secrétaire Général de l'Université atteste que:

N° Etudiant: 20907655
Nom : NGUYEN

Prénom : NHU HA
Né(e) le 26/02/1982 à THAI BINH

est régulièrement inscrit(e) pour 2009/2010 en:
Droit DOCTORAT DROIT (V. 99)
DOCTORAT-Droit
Date d'inscription: 27/01/2010
Toulouse le, 01/02/2010

Le Secrétaire Général,



Jean Pierre BARBIER

UNIVERSITE TOULOUSE 1 CAPITOLE CERTIFICAT DE SCOLARITE

Le Secrétaire Général de l'Université atteste que:

N° Etudiant 20907655
Nom : NGUYEN

Prénom : NHU HA
Né(e) le 26/02/1982 à THAI BINH

Adresse : cité résidence Daniel Faucher
bâtiment 7 chambre 70306
11 allée Camille Soula
31400 TOULOUSE

est régulièrement inscrit(e) pour 2009/2010 en:
Droit DOCTORAT DROIT (V. 99)
DOCTORAT-Droit
Date d'inscription: 27/01/2010
Toulouse le, 01/02/2010

Le Secrétaire Général,



Jean Pierre BARBIER

UNIVERSITE TOULOUSE 1 CAPITOLE CERTIFICAT DE SCOLARITE

Le Secrétaire Général de l'Université atteste que:

N° Etudiant: 20907655
Nom : NGUYEN

Prénom : NHU HA
Né(e) le 26/02/1982 à THAI BINH

est régulièrement inscrit(e) pour 2009/2010 en:
Droit DOCTORAT DROIT (V. 99)
DOCTORAT-Droit
Date d'inscription: 27/01/2010
Toulouse le, 01/02/2010

Le Secrétaire Général,



Jean Pierre BARBIER

UNIVERSITE TOULOUSE 1 CAPITOLE CARTE D'ETUDIANT-COUPON D'ACTUALISATION

N° Etudiant: 20907655
Nom : NGUYEN

Prénom : NHU HA
Date d'inscription: 27/01/2010
DOCTORAT-Droit

ACTUALISATION POUR L'ANNEE UNIVERS

2009/2010

ETIQUETTE A COLLER SOUS LA PHOTO

Vous allez retirer pour la première fois votre carte d'étudiant multiservice ou vous possédez déjà une carte en cours de validité

Appelez l'étiquette d'actualisation sur votre carte d'étudiant.

Vous possédez une carte multiservice pé-

Utilisez le coupon de retrait pour obtenir une nouvelle carte d'étudiant.

UNIVERSITE TOULOUSE 1 CAPITOLE CARTE D'ETUDIANT - COUPON DE RETRAIT

N° Etudiant: 20907655
Nom : NGUYEN

Prénom : NHU HA
Date d'inscription: 27/01/2010
DOCTORAT-Droit

Vous possédez déjà une carte d'étudiant multiservice de l'Université de Toulouse. Votre carte est valable durant 3 années consécutives. Il vous suffit de l'actualiser.

Vous ne possédez pas encore la carte d'étudiant multiservice de l'Université de Toulouse.

Détachez ce coupon et remettez-le au service d'inscription, daté et signé.

A COMPLETER PAR L'ETUDIANT

Je certifie avoir retiré gratuitement ma carte d'étudiant et avoir pris connaissance des modalités d'utilisation de la carte multiservice de l'Université de Toulouse.

Signature de l'étudiant, date:



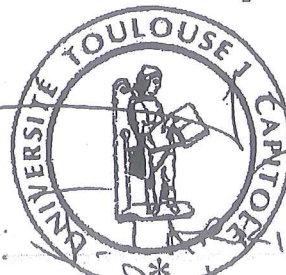
ETAT D'AVANCEMENT DES TRAVAUX de la thèse

Doctorant : M. Nhu-Ha NGUYEN Né le : 26/02/1982 Nationalité : Vietnamien

Directeur de thèse: Professeur Jacques LARRIEU

Les Travaux de recherche de Monsieur NGUYEN Nhu progressent régulièrement. Etudiant sérieux et travailleur, il devrait terminer sa étude doctorale dans le délai initialement prévu.

Le 11 sept.-12



NHẬN XÉT VỀ TIẾN TRÌNH HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN

Nghiên cứu sinh : Nguyễn Như Hà Sinh ngày 26/02/1982 Quốc tịch : Việt Nam

Người hướng dẫn : Giáo sư Jacques LARRIEU

"Việc nghiên cứu của sinh viên Nguyễn Như Hà tiến triển một cách đều đặn. Sinh viên này làm việc nghiêm túc và là con người của công việc. Anh ta sẽ phải hoàn thành chương trình học tập tiến sĩ theo như thời gian dự kiến đã được xét duyệt".

Toulouse, ngày 11 tháng 9 năm 2012

(Ký tên và Đóng dấu)

Giáo sư Jacques LARRIEU

Địa chỉ: Université Toulouse 1 Capitole, 2 rue du Doyen-Gabriel-Marty 31042 TOULOUSE Cedex 9 /

Email: cda@univ-tlse1.fr / Điện thoại : +33 (0)5 61 12 87 48

NGUYEN Nhu Ha

Doctorant en Droit de la Propriété Intellectuelle

Centre du Droit des Affaires

Université Toulouse 1 Capitole

Conseil de l'École Doctorale Sciences Juridiques et Politiques

Université Toulouse 1 Capitole

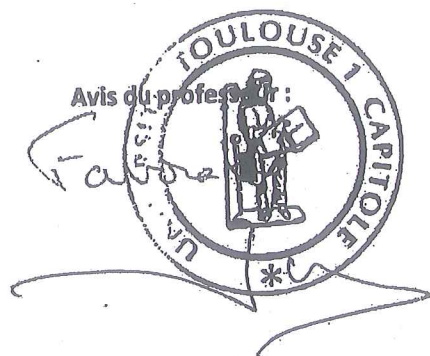
Sujet : Calendrier des étapes de la recherche

Madame, Monsieur,

Suite à votre demande, je voudrais vous présenter mon Calendrier des étapes de la recherche comme suivante:

- ✦ 10/2012 – 02/2013 : Écrire le Premier chapitre de la thèse ;
- ✦ 03/2013 – 7/2013 : Écrire le Deuxième chapitre de la thèse ;
- ✦ 9/2013 – 12/2013 : Écrire le Troisième chapitre de la thèse ;
- ✦ 01/2014 – 04/2014 : Demande de soutenance de thèse.

Je vous prie de croire, Madame, Monsieur, à l'expression de mes salutations les meilleures.



Toulouse, le 11 September 2012

NGUYEN Nhu Ha

Nguyễn Như Hà

Nghiên cứu sinh Luật Sở hữu trí tuệ

Trung tâm Luật Kinh doanh

Đại học Toulouse 1 Capitole

Hội đồng khoa học Trường Tiến sĩ Khoa học pháp lý và Chính trị

Đại học Toulouse 1 Capitole

Về việc: Tiến trình thời gian hoàn thành Luận án

Quý thầy, Quý cô,

Theo yêu cầu của Hội đồng Khoa học, tôi xin đệ trình về thời gian hoàn thành luận án nghiên cứu sinh của tôi như sau:

- ✿ 10/2012 – 02/2013: Hoàn thành Chương Một của Luận án;
- ✿ 03/2013 – 7/2013: Hoàn thành Chương Hai của Luận án;
- ✿ 9/2013 – 12/2013: Hoàn thành Chương Ba của Luận án;
- ✿ 01/2014 – 4/2014: Xin bảo vệ Luận án.

Kính xin Quý thầy, Quý cô chấp nhận sự bảo đảm về tiến trình thời gian hoàn thành luận án của tôi.

Toulouse, ngày 11 tháng 9 năm 2012

(Ký tên)

Nguyễn Như Hà

Ý kiến của Giáo sư:

"Tôi nhất trí tán thành"

(Ký tên và Đóng dấu)

Giáo sư Jacques LARRIEU

Số: 287/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tiếp nhận và bổ nhiệm viên chức

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 33/2005/TT-BGD&ĐT ngày 08/12/2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tạm thời thực hiện chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo trong các cơ sở giáo dục công lập;

Căn cứ Quyết định số 1349/QĐ-BKH ngày 15 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Quy chế tiếp nhận công chức, viên chức đang làm việc trong cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, doanh nghiệp nhà nước, lực lượng vũ trang về công tác tại các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-BKH ngày 25 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-KL ngày 25 tháng 4 năm 2019 của Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội về việc chấm dứt Hợp đồng làm việc đối với ông Nguyễn Như Hà;

Căn cứ kết luận của Đảng ủy và Ban Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển tại cuộc họp ngày 11 tháng 4 năm 2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

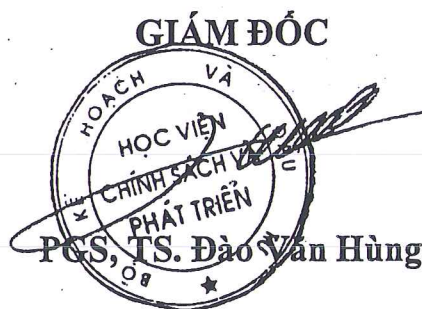
Điều 1. Tiếp nhận và bổ nhiệm ông **Nguyễn Như Hà**, Tiến sỹ, Giảng viên, mã chức danh nghề nghiệp: V.07.01.03, Giảng viên Bộ môn Luật Quốc tế, thuộc khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội giữ chức vụ Trưởng Bộ môn Luật Kinh tế thuộc khoa Cơ bản, Học viện Chính sách và Phát triển, nhiệm kỳ 5 năm kể từ ngày 01/5/2019.

Điều 2. Ông **Nguyễn Như Hà** được hưởng chế độ phụ cấp chức vụ lãnh đạo hệ số 0,4 kể từ ngày được bổ nhiệm. Tiền lương và các khoản phụ cấp khác (nếu có) của ông **Nguyễn Như Hà** được trả theo giấy thôi trả lương của cơ quan cũ và theo chế độ hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng khoa Cơ bản, Lãnh đạo các đơn vị liên quan và ông **Nguyễn Như Hà** chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc Học viện;
- Lưu: TCHC.



Số: 19/HĐLV-HVCSPT

Hà Nội, ngày 02 tháng 5 năm 2019

HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC KHÔNG XÁC ĐỊNH THỜI HẠN

- Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Chúng tôi, một bên là ông: Đào Văn Hùng.

Chức vụ: Giám đốc

Đại diện cho đơn vị: Học viện Chính sách và Phát triển.

Địa chỉ: Số 65, Văn Miếu, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 024. 37473186.

Và một bên là ông: Nguyễn Như Hà.

Sinh ngày 26 tháng 02 năm 1982 tại Thái Bình.

Chức vụ, chức danh: Trưởng Bộ môn, Tiến sỹ Luật, Giảng viên.

Địa chỉ thường trú: P.603, Tòa nhà N09, số 193, Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội.

Số chứng minh nhân dân: 013119074.

Cấp ngày 02 tháng 10 năm 2008 tại Công an Hà Nội.

Thỏa thuận ký kết Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn và cam kết thực hiện đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1. Nhiệm vụ hợp đồng

- Địa điểm làm việc: Học viện Chính sách và Phát triển, tòa nhà Bộ Kế hoạch và Đầu tư, ngõ 7, Tôn Thất Thuyết, Cầu Giấy, Hà Nội.

- Chức danh chuyên môn: Giảng viên.

- Chức vụ (nếu có): Trưởng Bộ môn.

- Nhiệm vụ: Theo sự phân công của Giám đốc Học viện và Trưởng khoa Cơ bản.

Điều 2. Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: Theo quy định của Học viện.

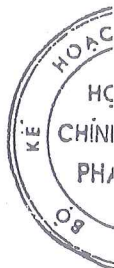
- Được trang bị phương tiện làm việc: Theo quy định của Học viện.

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của viên chức

1. Quyền

- Được hưởng các quyền quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 và Điều 15 của Luật Viên chức.

- Phương tiện đi lại: Cá nhân tự túc.



- Chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm (mã số): V.07.01.03, Bậc 4/9, Hệ số lương: 3,33.

- Phụ cấp (nếu có) gồm: Theo quy định của Nhà nước và Học viện được trả 01 lần hàng tháng.

- Thời gian xét nâng bậc lương: 23/3/2016.

- Khoản trả ngoài lương: Theo quy định của Học viện.

- Được trang bị bảo hộ khi làm việc (nếu có) gồm: Theo quy định của Học viện.

- Số ngày nghỉ hàng năm được hưởng lương (nghỉ lễ, phép, việc riêng): Theo chế độ của Nhà nước.

- Chế độ bảo hiểm. Theo quy định của Nhà nước.

- Được hưởng các phúc lợi: Theo quy định của Học viện.

- Được hưởng các khoản thưởng, nâng bậc lương, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện nhiệm vụ hợp tác khoa học, công nghệ với các đơn vị trong hoặc ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Được hưởng các chế độ thôi việc, trợ cấp thôi việc, bồi thường theo quy định của pháp luật về viên chức.

- Có quyền đề xuất, khiếu nại, thay đổi, đề nghị chấm dứt Hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật.

- Những thỏa thuận khác (nếu có):.....

2. Nghĩa vụ

- Hoàn thành nhiệm vụ đã cam kết trong Hợp đồng làm việc.

- Chấp hành nội quy, quy chế của đơn vị, kỷ luật làm việc và các quy định tại Điều 16, 17, 18 Luật Viên chức.

- Chấp hành việc xử lý kỷ luật và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả theo quy định của pháp luật.

- Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền khi đơn vị sự nghiệp có nhu cầu.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp

1. Quyền

- Bố trí, phân công nhiệm vụ, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của viên chức.

- Chấm dứt Hợp đồng làm việc, kỷ luật đối với viên chức theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ

- Bảo đảm làm việc và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong Hợp đồng làm việc.

- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ của viên chức đã cam kết trong Hợp đồng làm việc.

Điều 5. Điều khoản thi thành

- Hợp đồng làm việc này có hiệu lực từ ngày 02 tháng 5 năm 2019.

- Những vấn đề về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của hai bên không ghi trong hợp đồng làm việc này thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức.

- Hợp đồng này làm thành 04 bản có giá trị ngang nhau, Học viện Chính sách và Phát triển giữ 03 bản (Phòng TCHC 01 bản, Phòng KHTC 01 bản, Lưu hồ sơ 01 bản), viên chức được ký hợp đồng giữ 01 bản. Khi hai bên ký phụ lục Hợp đồng làm việc thì nội dung của phụ lục Hợp đồng làm việc cũng có giá trị như các nội dung của bản Hợp đồng làm việc này.

Hợp đồng này làm tại Học viện Chính sách và Phát triển ngày 02 tháng 5 năm 2019.

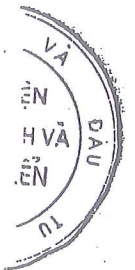
VIÊN CHỨC



Nguyễn Như Hà

GIÁM ĐỐC 

PGS, TS. Đào Văn Hùng



Số: 797/QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bổ nhiệm công chức

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 469/QĐ-BKHĐT ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Quy chế về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý;

Căn cứ kết luận của Ban cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại phiên họp ngày 29 tháng 3 năm 2019;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ nhiệm ông Nguyễn Thế Vinh, Trưởng khoa, Khoa Đầu thầu, Học viện Chính sách và Phát triển giữ chức vụ Phó Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nhiệm kỳ 5 năm kể từ ngày ký quyết định.

Điều 2. Ông Nguyễn Thế Vinh được hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo hệ số 0,8 kể từ ngày được bổ nhiệm.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Người đứng đầu các đơn vị có liên quan và ông Nguyễn Thế Vinh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Đảng ủy, Công đoàn cơ quan;
- Văn phòng Bộ;
- Học viện Chính sách và Phát triển (3b);
- Ông Nguyễn Thế Vinh;
- Lưu: VT, Vụ TCCB (3b).

TAA



BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên: **NGUYỄN THẾ VINH**
2. Ngày sinh: **02/10/1977** Nam/Nữ: **Nam**
3. Nơi đang công tác hiện nay: **Học viện Chính sách và Phát triển**
4. Học vị: **TS** Nước: **VN** Năm TN: **2016**
5. Học hàm: Năm phong:
6. Lý luận chính trị: **Cao cấp**
7. Địa chỉ liên lạc: **Khu đô thị Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội**
8. Điện thoại: **0903282737** Email: **vinh.nt@apd.edu.vn**
9. Trình độ ngoại ngữ

TT	Tên NN	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	khá	TB	Tốt	khá	TB	Tốt	khá	TB	Tốt	khá	TB
1	Tiếng Anh		x		x			x			X		

10. Thời gian công tác

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
1999-2001	Công ty TNHH Đông Á	Nhân viên
2001-2004	Học Cao học tại Đại học KTQD	Học viên
2004-2009	Viện Chiến lược phát triển	Trưởng phòng
2009 - nay	Học viện Chính sách và Phát triển	Giảng viên; Trưởng phòng QLĐT; Trưởng phòng TCHC Giám đốc Trung tâm TTKT Trưởng khoa Đầu thầu
Tháng 6/2019	Học viện Chính sách và Phát triển	Phó Giám đốc

11. Quá trình đào tạo

Bậc đào tạo	Thời gian tốt nghiệp	Nơi đào tạo	Chuyên ngành
Cử nhân	1999	Đại học Kinh tế Quốc dân	Quản trị Marketing
Cử nhân	2003	Đại học ngoại ngữ	Tiếng Anh
Cao học	2004	Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị Marketing
Tiến sĩ	2016	Viện Chiến lược phát triển	Kinh tế phát triển

11. Các khóa đào tạo ngắn hạn

- 2009: Public Policy (Trường Chính sách công Lý Quang Diệu – Singapore)
- 2014: Public Institution Management and Assessment Method (Korea)
- 2015: Maritime Silk Road – Seminar on Intergrated coastal management for Asian Countries (Trung Quốc)
- 2017: Đầu thầu xanh (OECD-Việt Nam)
- 2018: Training for Trainer in Public Procurement in Vietnam (WB-ILO-MPI)
- 2018: PPP and Infrastructure Development: The Malaysia Experience (Malaysia)
- 2019: Quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng (Trung Quốc)
- 2019: Nâng cao quản lý Hợp đồng xây lắp trong các dự án do Ngân hàng thế giới và Ngân hàng phát triển Châu Á tài trợ.

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

1. Các đề tài, đề án nghiên cứu

STT	Tên đề tài	Cấp QĐ, Mã số	Số QĐ, Ngày tháng năm/ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu	Vai trò trong Đề án
1	Nâng cao hiệu suất phát triển đối với Việt Nam	Bộ (MPI)	2009	Khá	Thư ký
2	Quy hoạch phát triển hành lang kinh tế Lạng Sơn – Hà nội – TPHCM – Mộc Bài (tham gia hành lang xuyên Á Namninh – Singapore)	Chính phủ	343/QĐ-TTg ngày 13/3/2015	Tốt	Thư ký
3	Xác định phạm vi Nợ công và trần nợ công an toàn của Việt Nam giai đoạn 2016-	Bộ (MPI)	1/2015	Xuất sắc	Thư ký

STT	Tên đề tài	Cấp QĐ, Mã số	Số QĐ, Ngày tháng năm/ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu	Vai trò trong Đề án
	2020				
4	Đánh giá và kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả đối với một số chính sách do Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất đã được cấp có thẩm quyền ban hành	Bộ (MPI)	91/QĐ-BKHĐT ngày 17/1/2013	Xuất sắc	Thư ký
5	Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Cao Bằng đến năm 2020	Chính phủ	2006	Đã phê duyệt	Thư ký
6	Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Hà Nam đến năm 2020	Chính phủ	2007	Đã phê duyệt	Thư ký
7	Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH huyện Lâm Bình tỉnh Tuyên Quang đến năm 2020	Tỉnh	2012	Đã phê duyệt	Chủ nhiệm
8	Thông lệ đấu thầu quốc tế: dẫn chiếu với Luật Đấu thầu Việt nam và triển vọng đào tạo đấu thầu quốc tế ở Việt Nam	Học viện (mã số APD.2015. B06)	2016	Khá Đã phê duyệt	Chủ nhiệm
9	Rà soát cải cách các quy định quy trình đánh giá năng lực người học áp dụng trong các hệ đào tạo của Học viện Chính sách và Phát triển	Học viện (mã số APD.2015. A02)	2016	Khá Đã phê duyệt	Chủ nhiệm
10	Phát huy lợi thế so sánh phát triển KT-XH tỉnh Vĩnh Phúc	Luận án Tiến sĩ kinh tế	2016	Khá	Tác giả
11	Quy hoạch tỉnh Quảng Bình đến năm 2030, tầm nhìn 2050	Chính phủ		Đang thực hiện	Chủ nhiệm
12	Quan điểm, định hướng tăng cường tác động tích cực của	Chủ nhiệm	34/QĐ-ĐT	Xuất sắc	Chủ

STT	Tên đề tài	Cấp QĐ, Mã số	Số QĐ, Ngày tháng năm/ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu	Vai trò trong Đề án
	tăng trưởng với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ở Việt Nam đến năm 2030	Đề tài thuộc Đề tài KX.04.17/1 6-20	ngày 20/5/2019		nhiệm
13	Cơ chế giải quyết kiến nghị trong Đấu thầu tại Việt Nam	Chủ nhiệm Đề tài – Ngân hàng thế giới	Đã nghiệm thu	Sản phẩm gửi Bộ KHĐT để sửa đổi Luật Đấu thầu	Chủ nhiệm
14	Xây dựng chương trình đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ ngành kế hoạch – đầu tư trong giai đoạn 2016-2020	Bộ (MPI)	Đã nghiệm thu 31/7/2018	Đạt	Thư ký
15	Chiến lược Marketing điểm du lịch tỉnh Quảng Ninh	Tỉnh			Chủ nhiệm
16	Nhiệm vụ Lập quy hoạch tỉnh Phú Yên đến năm 2030, tầm nhìn 2050	Thủ tướng Chính phủ	502/QĐ-TTg	Đã phê duyet	Chủ nhiệm
17	Nhiệm vụ Lập quy hoạch tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn 2050	Thủ tướng Chính phủ		Đã phê duyet	Chủ nhiệm
18	Quy hoạch tỉnh Nghệ An đến năm 2030 tầm nhìn 2050	Thủ tướng Chính phủ		Đang thực hiện	Chủ nhiệm
19	Đề án phát triển Nguồn nhân lực tỉnh Quảng Ninh đến năm 2030	Tỉnh		Đang thực hiện	Chủ nhiệm

STT	Tên đề tài	Cấp QĐ, Mã số	Số QĐ, Ngày tháng năm/ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu	Vai trò trong Đề án
20	Đánh giá các yếu tố rủi ro trong các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư tại Việt Nam	Học viện	APD/2019/B01	Đã phê duyệt	Chủ nhiệm
21	Xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá lợi thế so sánh cấp tỉnh ở Việt Nam - Trường hợp nghiên cứu tỉnh Phú Yên	Học viện	APD/2020/B11	Đã phê duyệt	Chủ nhiệm
22	Quy hoạch tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn 2050	Thủ tướng CP		Đang thực hiện	Chủ nhiệm
23	Phát triển dịch vụ xã hội cho người dân nông thôn Việt Nam: thực trạng và giải pháp (Đề tài Thuộc chương trình khoa học công nghệ trọng điểm cấp Quốc Gia KX01/16-20)	Bộ Khoa học và Công nghệ		Đã nghiệm thu	Thành viên Chính

Hiện nay đang là chuyên gia tư vấn về Đấu thầu, Quy hoạch cho các tổ chức như McKinsey&Company, Ronald Berger, AlphaBeta, WB, ADB...

2. Các hướng nghiên cứu đề tài, luận văn, số lượng học viên có thể tiếp nhận

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận hướng dẫn học viên cao học	Số lượng học viên cao học
1	Kinh tế phát triển	
2	Phân tích và đánh giá chính sách vĩ mô	
3	Quy hoạch	
4	Marketing	
5	Đấu thầu, Mua sắm công	

3. Các công trình đã công bố

(Kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố).

STT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
1	Đo lường lợi thế so sánh để xác định hướng phát triển của tỉnh Vĩnh Phúc	Nguyễn Thế Vinh	Tạp chí Quản lý kinh tế số tháng 8/2013
2	Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá lợi thế so sánh cấp tỉnh ở Việt Nam	Nguyễn Thế Vinh	Tạp chí Kinh tế và dự báo tháng 8/2013
3	Xác định phạm vi nợ công và trần nợ công an toàn của VN giai đoạn 2015-2020	Đồng tác giả	Kỷ yếu Hội thảo cấp Bộ tháng 9/2015
4	Lạm phát và tăng trưởng kinh tế ở VN	Đồng tác giả	Kỷ yếu Hội thảo tháng 5/2013
5	Thách thức kinh tế vĩ mô 2012: tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và thúc đẩy tăng trưởng	Đồng tác giả	Kỷ yếu Hội thảo tháng 6/2012
6	Nhìn lại chính sách tiền tệ 2011-2012 và gợi ý một số chính sách tiền tệ những năm tiếp theo	Đồng tác giả	Kỷ yếu Hội thảo tháng 12/2012
7	Tác động của tăng trưởng kinh tế đến an sinh xã hội – Lý luận và thực tiễn ở Việt Nam	Nguyễn Thế Vinh	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia ,Đề tài khoa học cấp nhà nước KX.04.17/16-20 ISBN 978-604-946-358-7
8	Thực trạng tác động của tăng trưởng kinh tế đến an sinh xã hội ở Việt Nam hiện nay	Đồng tác giả	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia ,Đề tài khoa học cấp nhà nước KX.04.17/16-20 ISBN 978-604-73-6190-8
9	Quan điểm, định hướng và giải pháp kết hợp tăng cường an sinh xã hội với tăng trưởng kinh tế nhanh và bền	Nguyễn Thế Vinh	Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc gia ,Đề tài khoa học cấp nhà nước KX.04.17/16-

STT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
	vững ở Việt Nam giai đoạn tới		20 ISBN 978-604-946-503-1
10	Các yếu tố rủi ro thường gặp trong các dự án PPP lĩnh vực kết cấu hạ tầng ở Việt Nam	Đồng tác giả	Kinh tế và Dự báo Số 9 (727)/2020
11	Quy hoạch tỉnh theo Luật Quy hoạch 2017: từ chính sách đến thực tiễn	Nguyễn Thế Vinh	Kinh tế và Dự báo Số 14 (731)/2020
12	Giáo trình Đấu thầu mua sắm	Đồng chủ biên	Học viện Chính sách và Phát triển Đã xuất bản (2021)
13	Giáo trình Đấu thầu theo quy định của các tổ chức quốc tế và nhà tài trợ nước ngoài ở Việt Nam	Đồng chủ biên	Ngân hàng thế giới (2021) Đã xuất bản
14	Public Procurement related complaint handling mechanism in Viet Nam	Đồng tác giả Đứng thứ 1	Int. J of Procurement Management (2021) Thu IJPM 42192
15	Thu hút và quản lý nhà nước các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn thủ đô Hà Nội	Đồng chủ biên	Sách chuyên khảo Đã xuất bản 2021
16	Phát triển bền vững và chỉ tiêu đo lường	Đồng tác giả	Kinh tế và dự báo Số 25 (779), 9/2021

III. Khen thưởng

- **Năm 2013:** Chiến sĩ thi đua cấp Bộ. Quyết định 384/QĐ-BKHĐT ngày 1/4/2013
- **Năm 2014:** Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. QĐ 575/QĐ-HVCSPT ngày 24/10/2014 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển
- **Năm 2015:** Điển hình tiên tiến giai đoạn 2010-2014. Quyết định số 195/QĐ-HVCSPT ngày 15/5/2015

- **Năm 2016:** Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Quyết định số 24-QĐ/ĐUBKHĐT

Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. Quyết định số 752/QĐ-HVCSPT ngày 31/12/2016

- **Năm 2017:** Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Quyết định số 35-QĐ/ĐUBKHĐT

Bằng khen của Bộ trưởng. Quyết định số 1667/QĐ-BKHĐT ngày 17/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. Quyết định số 960/QĐ-HVCSPT ngày 30/12/2017

- **Năm 2018:** Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở

- **Năm 2019:** Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở

- **Năm 2020:** Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở

- **Năm 2021:** Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở

Hà Nội, ngày 30.. tháng 9.. năm 2022

Xác nhận của cơ quan



Người khai ký tên
(Ghi rõ chức danh, học vị)

TS. Nguyễn Thế Vinh

Số: 797/QĐ-BKHĐT

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc bổ nhiệm công chức

BỘ TRƯỞNG BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 469/QĐ-BKHĐT ngày 07 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Quy chế về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, điều động, từ chức, miễn nhiệm công chức, viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý;

Căn cứ kết luận của Ban cán sự đảng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại phiên họp ngày 29 tháng 3 năm 2019;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

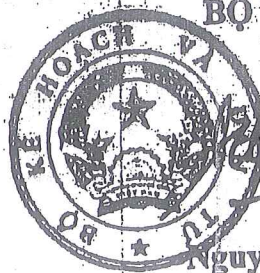
Điều 1. Bổ nhiệm ông Nguyễn Thế Vinh, Trưởng khoa, Khoa Đầu tư, Học viện Chính sách và Phát triển giữ chức vụ Phó Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nhiệm kỳ 5 năm kể từ ngày ký quyết định.

Điều 2. Ông Nguyễn Thế Vinh được hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo hệ số 0,8 kể từ ngày được bổ nhiệm.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Người đứng đầu các đơn vị có liên quan và ông Nguyễn Thế Vinh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Đảng ủy, Công đoàn cơ quan;
- Văn phòng Bộ;
- Học viện Chính sách và Phát triển (3b);
- Ông Nguyễn Thế Vinh;
- Lưu: VT, Vụ TCCB (3b).



BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

LIỆC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LÍ
CÔNG VĂN BẢN
Số: 198/...
Ngày 1/... tháng 4 năm 2018

Công nhận kết quả thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giảng viên (hạng III) lên giảng viên chính (hạng II) năm 2017

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 69/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả kỳ thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giảng viên (hạng III) lên giảng viên chính (hạng II) năm 2017 do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giảng viên (hạng III) lên giảng viên chính (hạng II) năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm công bố công khai và thông báo kết quả thi tới các đơn vị có người tham gia thi và cá nhân dự thi biết.

Điều 3. Thời hạn bổ nhiệm và hưởng chế độ theo chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) đối với người đạt kết quả được tính từ ngày 01/4/2018.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

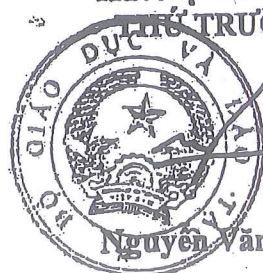
Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và các ông (bà) có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công thông tin điện tử Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Lưu: VT, NGCBQLGD.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Văn Phúc



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ KỶ THI THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHIỆP

TỪ GIÁNG VIÊN (HẠNG III) LÊN GIÁNG VIÊN CHÍNH (HẠNG II) NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 1302/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

											
(Kèm theo Quyết định số 1502/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng, Bộ Giáo dục và Đào tạo)											
STT	Ngày sinh		Đơn vị công tác	Biên thi					Kết quả		Ghi chú
	Năm	Nữ		Kiểm thức chung	Kiểm thức CMNV	Tin học	Ngoại ngữ	Đạt	Không đạt		
1	Nguyễn Thanh Bình	08.07.1973	Học viện Chính sách và Phát triển	80	75	77	Miễn thi	Đạt			
2	Nguyễn Nam Hải	18.03.1973	Học viện Chính sách và Phát triển	70	85	95	81	Đạt			
3	Vũ Đình Hoà	01.09.1983	Học viện Chính sách và Phát triển	70	80	95	78	Đạt			
4	Nguyễn Tiến Hùng	08.07.1971	Học viện Chính sách và Phát triển	55	81	93	66	Đạt			
5	Đào Văn Mừng	02.03.1968	Học viện Chính sách và Phát triển	55	67	55	55	Đạt			
6	Ngô Minh Thuận	07.08.1981	Học viện Chính sách và Phát triển	80	83	64	Miễn thi	Đạt			
7	Trịnh Tùng	01.08.1974	Học viện Chính sách và Phát triển	70	85	77	75	Đạt			
8	Nguyễn Thế Vinh	02.10.1977	Học viện Chính sách và Phát triển	73	90	99	Miễn thi	Đạt			

Danh sách gồm có 08 người.

8900

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VIỆN TRIỂN Lãm

11, MÃI MÃI, HUYỆN PHÚ THUAN

Tháp

ĐANG HIỆN

Đ. T. T. T.

Đ. T. T. T.

Đ. T. T. T.

Đ. T. T. T.

Đ. T. T. T.

Đ. T. T. T.

Số: 30/QĐ2089-11

Hà Nội, ngày 04 tháng 07 năm 2011

BẢNG ĐIỂM

LỚP NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM - KHOA HN65 - TẠI HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH
(Theo quyết định công nhận tốt nghiệp số 2089/QĐ-ĐHSPHN-ĐT
ngày 04 tháng 07 năm 2011)

HỌ VÀ TÊN: NGUYỄN THẾ VINH
NGÀY SINH: 02-10-1977

NƠI SINH: HÀ NỘI

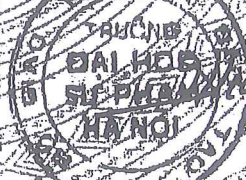
TT	Môn học	Số TC	Điểm	Ghi chú
1	Giáo dục đại học, thế giới và Việt Nam	2	8	
2	Tâm lý giáo dục học đại học	2	9	
3	Lý luận và phương pháp dạy học đại học	2	9	
4	Phát triển chương trình và tổ chức quá trình ĐT	1	9	
5	Đánh giá trong giáo dục đại học	2	8	
6	Sử dụng phương tiện dạy học trong giáo dục đại học	1	7	

Trung bình chung môn học: 8,40

Xếp loại: Giỏi

TL HIỆU TRƯỞNG

ĐO TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO



PGTS: Phạm Văn Chín

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1.1. Họ và tên: NGUYỄN NAM HẢI

1.2. Năm sinh: 18 tháng 01 năm 1973

Nam/Nữ: Nam

1.3. Nơi đang công tác hiện nay: Học viện Chính sách và Phát triển

1.4. Học vị: Tiến sỹ

Nước: Việt Nam

Năm đạt học vị: 2019

1.5. Học hàm:

Năm phong:

1.6. E-mail: hainguyencsc@gmail.com

1.7. Trình độ ngoại ngữ

STT	Tên NN	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
		Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
1	Tiếng Anh	x			x			x			x		

1.8. Thời gian công tác

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
Từ 2012-nay	Học Viện Chính sách và Phát triển	Giảng viên chính
Từ 1998- 2012	Viện Nghiên cứu quản lý Kinh tế Trung ương- Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Nghiên cứu viên, Giảng viên, Tư vấn viên, Chuyên viên

1.9. Quá trình đào tạo

Bậc đào tạo	Thời gian đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên ngành
Tiến sỹ	2015-2019	Đại Học Kinh tế Quốc dân	Quản trị nhân lực
Thạc sỹ	2005-2007	Đại Học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế và Quản lý công
Cử nhân	1993-1997	Đại Học Kinh tế Quốc dân	Quản lý kinh tế

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

2.1. Các đề tài nghiên cứu khoa học

STT	Tên đề tài	Cấp QĐ Mã số	Số QĐ, Ngày tháng năm/ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
1	Phân tích các chính sách và biện pháp hỗ trợ đầu tư theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước đối với khu vực kinh tế ngoài quốc doanh"	Cấp bộ (thành viên)	2000	Xuất sắc
2	Nhận dạng các hoạt động phi chính thức của doanh nghiệp tư nhân trong quá trình tự do hóa thương mại và đối sách với các hoạt động này"	Cấp cơ sở (thành viên)	2003	Xuất sắc
3	Nghiên cứu xây dựng khung pháp lý thống nhất cho đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài tại Việt Nam"	Cấp bộ (thành viên)	2004	Xuất sắc
4	Một số giải pháp thu hút đầu tư về nước của cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài"	Cấp bộ (thành viên)	2005	Xuất sắc
5	Các nhân tố tác động đến tăng trưởng của doanh nghiệp khu vực tư nhân ở một số tỉnh phía bắc và phía nam"	Cấp bộ (thành viên)	2006	Xuất sắc
6	Quản trị doanh nghiệp: Cơ sở lý luận, kinh nghiệm và ứng dụng thực tiễn ở Việt Nam	Cấp bộ (chủ nhiệm)	2007	Xuất sắc
7	Các kênh huy động vốn đầu tư bất động sản: Cơ sở lý luận, kinh nghiệm quốc tế và gợi ý áp dụng cho Việt Nam	Cấp bộ (thành viên)	2008	Xuất sắc
8	Tăng cường trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp đối với người tiêu dùng và đối với môi trường vì sự phát triển bền vững"	Cấp bộ (thành viên)	2009	Xuất sắc
9	Chính sách và giải pháp thực hiện Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế"	Cấp bộ (thành viên)	2010	Xuất sắc

10	Chính sách và giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho doanh nghiệp vừa và nhỏ khu vực Tây Bắc"	Cấp bộ (thành viên)	2011	Xuất sắc
11	Một số nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo của các cơ sở dạy nghề ở Việt Nam	Cấp bộ (thành viên)	2012	Xuất sắc
12	Phân cấp ngân sách và đánh giá dự thảo sửa đổi Luật Ngân sách ở Việt Nam	Cấp bộ (thành viên)	2015	Xuất sắc
13	Đề án "Nghiên cứu các giải pháp đột phá nhằm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài từ các đối tác chiến lược thuộc khu vực Châu Âu và Hoa Kỳ trong bối cảnh nền kinh tế số hóa và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.	Cấp bộ (thành viên)	2019	Đạt

2.2.Kinh nghiệm giảng dạy

TT	Tên môn	Trình độ Đại học	Trình độ Đại học bằng tiếng Anh	Trình độ Thạc sĩ
1	Chính sách công	X		
2	Chính sách kinh tế	X		
3	Phân tích chính sách	X		
4	Chính sách nhân lực	X		
5	Quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức công	X		X
6	Quản lý nhà nước về kinh tế	X		

2.3. Các hướng nghiên cứu đề tài, luận văn, số lượng học viên có thể tiếp cận

STT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận hướng dẫn học viên	Số lượng học viên
1	Chính sách công	5
2	Chính sách kinh tế (phát triển kinh tế tư nhân, đầu tư, phát triển ngành, lĩnh vực,..)	5
3	Quản trị nguồn nhân lực	5
4	Hành vi tổ chức	5

2.4. Các công trình đã công bố trong 5 năm gần đây

TT	Tên công trình	Năm công bố	Tên sách- tạp chí
1	Mối quan hệ giữa sự gắn kết với công việc và kết quả thực hiện công việc của nhân viên trong doanh nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn Hà Nội	2017 Tác giả	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 33 tháng 11/2017: trang 46-49.
2	Tăng cường sự tham gia của người dân trong hoạch định chính sách thông qua xây dựng Chính phủ điện tử	2018 Tác giả	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 35/2018.(ISSN 0866-7120)
3	Ảnh hưởng của văn hóa tổ chức tới sự gắn kết với công việc của nhân viên trong doanh nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn Hà Nội”	2018 Tác giả	Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 252 tháng 6/2018: trang 79-89
4	Nhận diện văn hóa tổ chức trong doanh nghiệp công nghệ thông tin trên địa bàn Hà Nội	2020 Tác giả	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, số 27 tháng 09/2020, trang 95 đến 98
5	Ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến người lao động và các hàm ý chính sách	2020 Tác giả	Tạp chí Tài chính, số 737/tháng 9, trang 46 đến 49
6	Kinh nghiệm quốc tế về nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	2021 Tác giả	Tạp chí Tài chính, số 759/tháng 8/2021, trang 69-72
7	Giáo trình phân tích chính sách	2021 Tham gia	Học Viện Chính sách và Phát triển
8	Ảnh hưởng của thực tiễn đánh giá đến kết quả thực hiện công việc của giáo viên tại các trường trung học cơ sở Việt Nam: Vai trò điều tiết của sự tham gia của giáo viên	2022 (đồng tác giả)	Tạp chí Kinh tế và Phát triển, số 297 tháng 3/2022: trang 83-92

Hà Nội, ngày 30. tháng 09. năm 2022

Xác nhận của cơ quan

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Hạnh Vân

Người khai ký tên
(Ghi rõ chức danh, học vị)

Nguyễn Nam Hải

BẢN SAO

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2**

Chứng nhận: Nguyễn Nam Hải

Sinh ngày: 18/01/1973

Đơn vị công tác:

Học viện Chính sách và Phát triển

Đã hoàn thành chương trình:

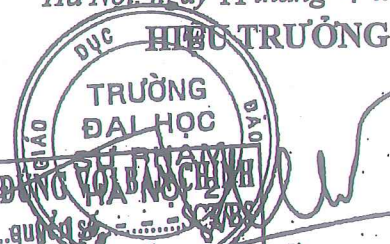
Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp

GIẢNG VIÊN CHÍNH HẠNG II

Từ ngày 06 tháng 01 năm 2018

Đến ngày 25 tháng 3 năm 2018

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2018



Số: 716 /GVC II

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐĂNG KÝ BẢN CHỨNG

Số chứng thực: 3..7...4..8.....quyển 1

Ngày: 26 -04- 2018

PGS.TS. Nguyễn Quang Huy



PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thị Bích Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
cấp

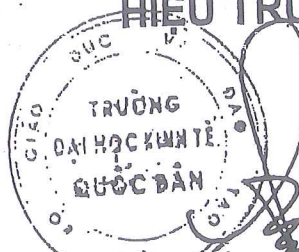
**BẰNG TIẾN SĨ
QUẢN TRỊ NHÂN LỰC**

Cho: Ông *Nguyễn Nam Hải*

Sinh ngày: 18 tháng 01 năm 1973

Hà Nội, ngày 20 tháng 09 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Phạm Hồng Chương

ĐÚNG BẢN CHÍNH

2019

QUYẾT ĐỊNH SỐ 4/CT/BS



Số vào sổ cấp bằng: 2019-56

HỌ TÊN NGƯỜI CẤP
Kim Thanh

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE PRESIDENT OF
NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY

confers

THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY
IN HUMAN RESOURCE MANAGEMENT

Upon: Mr. *Nguyen Nam Hai*

Date of birth: January 18, 1973

Given under the seal of
NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY

Reference number: 2019-56

No: 000301



Số: 2409 /QĐ-ĐHKTQD

Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ kinh tế

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Điều lệ trường đại học được ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Quy chế Đào tạo trình độ tiến sĩ được ban hành theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/05/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; và được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân được ban hành theo Quyết định số 1176/QĐ-ĐHKTQD ngày 14/05/2013 của Hiệu trưởng, và được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 1749/QĐ-ĐHKTQD ngày 08/09/2015 của Hiệu trưởng;

Căn cứ đề nghị của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ được thành lập theo Quyết định số 449/QĐ-ĐHKTQD ngày 18/03/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Khoa học - Đào tạo Trường và Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ cho nghiên cứu sinh có tên sau đây:

Nghiên cứu sinh: Nguyễn Nam Hải Ngày sinh: 18/01/1973

Chuyên ngành: Quản trị nhân lực Mã số: 9340404

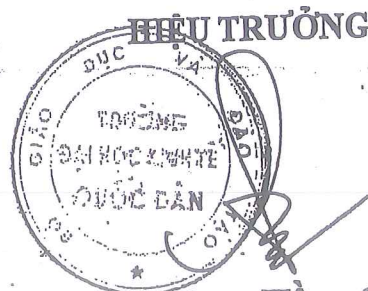
Ngày bảo vệ luận án: 26/04/2019

Điều 2. Nghiên cứu sinh có tên tại Điều 1 được giao nhiệm vụ và được hưởng quyền lợi do Nhà nước quy định cho người có học vị tiến sĩ kể từ ngày ký Quyết định.

Điều 3. Viện trưởng Viện Đào tạo Sau đại học, trưởng các đơn vị có liên quan và nghiên cứu sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu P.TH, V.ĐTSĐH.



PGS.TS. Phạm Hồng Chương

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2019

BẢNG ĐIỂM NGHIÊN CỨU SINH

Nghiên cứu sinh: Nguyễn Nam Hải
Ngày sinh: 18/01/1973
Khóa đào tạo: 36
Chuyên ngành: Quản trị nhân lực

Mã NCS: NCS36.098NL
Nơi sinh: Nam Định
Niên khóa: 2015 - 2019
Mã số: 9340404

STT	Học phần/Chuyên đề	Tín chỉ	Điểm TB	Ghi chú
I. Các học phần ở trình độ tiến sĩ				
1	Tổng quan về nghiên cứu khoa học và phương pháp viết luận án	4	8,1	
2	Các chuyên đề về những công cụ chủ yếu trong nghiên cứu khoa học lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý	3	9,2	
3	Các chuyên đề kinh tế - xã hội cần quan tâm	2	8,0	
4	Lý thuyết chuyên ngành nâng cao	3	8,6	
		2	9,0	
II. Tiểu luận tổng quan nghiên cứu				
III. Các chuyên đề tiến sĩ				
1	Chuyên đề 1: Tổng quan về mối quan hệ giữa văn hóa tổ chức, sự gắn kết cộng việc, kết quả thực hiện công việc của người lao động trong các doanh nghiệp công nghệ thông tin	2	10,0	
2	Chuyên đề 2: Mối quan hệ giữa văn hóa tổ chức, sự gắn kết với công việc và kết quả thực hiện công việc của người lao động trong tổ chức: Nghiên cứu tình huống tại một doanh nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam	2	9,0	
3	Chuyên đề 3: Ảnh hưởng của văn hóa tổ chức tới sự gắn kết với công việc của người lao động trong doanh nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam	2	9,0	
IV. Các học phần bổ sung kiến thức				
1	Nhập môn phân tích dữ liệu trong kinh tế	2	7,0	
2	CM1. Quản trị nhân lực	2	8,4	
3	CM2. Kinh tế nguồn nhân lực	2	7,5	
4	CM3. Tổ chức lao động trong doanh nghiệp	2	9,1	
5	CM4. Tổ chức lao động khoa học	2	7,8	

NGÀY: 05-11-2019

SỐ CHỨNG THỰC 1495604 QUYẾT ĐỊNH SỐ SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH
Đoàn Kim Thanh

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Phạm Hồng Chương

BẢN DỊCH

ĐẠI HỌC TỰ DO BRUXELLES

Căn cứ Hiệp định văn hóa ký kết tại Bruxelles ngày 23 tháng 9 năm 1993 giữa Chính phủ Cộng đồng Wallonie-Bruxelles và Chính phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Thỏa ước về chương trình Cao học về Quản trị và Kinh tế công ký kết tại Hà Nội ngày 5 tháng 6 năm 2002 giữa Đại học Tự do Bruxelles và Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội;

Căn cứ việc:

Anh Nguyễn Nam Hải

Sinh ngày 18/01/1973 tại Nam Định

đã hoàn tất thành công mọi môn học và luận văn tốt nghiệp chương trình Cao học về Quản trị và Kinh tế công do Đoàn Giáo sư của Đại học Tự do Bruxelles giảng dạy tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội;

Chúng tôi, Hiệu trưởng và các thành viên Đoàn Giáo sư Đại học Tự do Bruxelles, chịu trách nhiệm quản lý về đào tạo và khoa học của chương trình, trao cho:

Anh Nguyễn Nam Hải

BẰNG CAO HỌC VỀ QUẢN TRỊ VÀ KINH TẾ CÔNG

loại: Trung Bình

Chúng tôi xác nhận rằng người này đã là sinh viên của Đại học Tự do Bruxelles trong khuôn khổ chương trình Hợp tác đào tạo Cao học về Quản trị và Kinh tế công giữa Cộng đồng Wallonie-Bruxelles và chính phủ Việt Nam, do Đại học Tự do Bỉ tổ chức tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội và bằng này được đảm bảo bởi trường chúng tôi.



Lập tại Bruxelles, ngày 6 tháng 9 năm 2007

Đơn vị Điều phối và Phát triển

Đại học Tự do Bruxelles

Hiệu trưởng, Philippe VINCKE

(đã ký và đóng dấu)

Phụ trách Đào tạo, Michel ALLÉ

(đã ký)

Hà Nội, ngày 24/09/2007

Đơn vị Tổ chức

Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội

Hiệu trưởng NGUYỄN Văn Thường

(đã ký và đóng dấu)

Tôi, Hạ Việt Anh, CMND số : 012681377, cấp ngày 29/03/2004 tại Hà Nội

Cam đoan đã dịch/hiệu đính chính xác giấy tờ/văn bản này từ tiếng Pháp sang tiếng Việt

Ngày 04/07/2008

Người dịch

Hạ Việt Anh

Chứng thực Ông Hạ Việt Anh, CMND số : 012681377, cấp ngày 29/03/2004 tại Hà Nội

đã ký trước mặt tôi.

Số chứng thực 19 Quyển số 05 SCT/CK

Tại Phòng tư pháp, Q. Đống Đa,

Ngày 04/07/2008



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP

Nguyễn Thị Nhàn

UNIVERSITE LIBRE DE BRUXELLES

SOLVAY BUSINESS SCHOOL

Vu l'Accord Culturel conclu à Bruxelles le 23 septembre 1993 entre le Gouvernement de la Communauté Wallonie-Bruxelles et le Gouvernement de la République Socialiste du Vietnam;

Vu la Convention sur la Maîtrise en Management et Economie Publique signée à Hanoi le 05 juin 2002 entre l'Université Libre de Bruxelles et l'Université d'Economie Nationale, Hanoi;

Attendu que

Mr. Nguyen Nam Hai
Né(e) le Born on... 18/04/1973. Vin Nam Hai

a achevé avec succès toutes les matières et sa thèse finale du Programme de Maîtrise en Management et Economie Publique dispensées par le Corps Professeur de l'Université Libre de Bruxelles à l'Université d'Economie Nationale, Hanoi;

Nous, Recteur et membres du Corps Professeur de l'Université Libre de Bruxelles, chargés de la Coordination Académique et Scientifique du Programme, avons conféré et conférons à

Mr. Nguyen Nam Hai
LE DIPLOME DE MAÎTRISE EN MANAGEMENT ET ECONOMIE PUBLIQUE
THE DEGREE OF MASTER IN PUBLIC MANAGEMENT AND ECONOMICS
avec... *Satisfaction* with... *Satisfaction*

En foi de quoi, nous lui avons délivré le présent diplôme accrédité par notre Université, attestant en même temps qu'il/elle a été réellement élève de l'Université Libre de Bruxelles dans le cadre du Programme de Coopération de Formation sur la Maîtrise en Management et Economie Publique entre la Communauté Wallonie-Bruxelles et le Vietnam, dispensé par l'Université Libre de Bruxelles à l'Université d'Economie Nationale, Hanoi.

Fait à Bruxelles, le 6 septembre 2007.
Pour l'Institution Promotrice et Coordinatrice
For the Promotion and Coordination Institution
Philippe VINCKE
Recteur/Rector
Université Libre de Bruxelles

Michel ALLÉ
Coordinateur Académique de la / Academic Coordinator of
Solvay Business School



Upon the Cultural Cooperation Convention signed on 23 September 1993 in Brussels between the Government of Wallonia - Brussels Community and the Government of the Socialist Republic of Vietnam;

Upon the Agreement on Master in Public Management and Economics Programme signed on 05 June 2002 in Hanoi between Université Libre de Bruxelles and National Economics University, Hanoi;

Whereas

has successfully completed all courses and the final thesis of the Master in Public Management and Economics Programme taught by professors of Université Libre de Bruxelles at National Economics University, Hanoi

We, the Rector and the Professors Committee of Université Libre de Bruxelles in charge of the Academic and Scientific Coordination of the Programme, confer upon

Mr. Nguyen Nam Hai
in witness whereof we provide him/her with this diploma accredited by our University and certify that he/she is a student of Université Libre de Bruxelles within the Coopération Education Programme of Master in Public Management and Economics between Wallonia-Brussels Community and Vietnam, implemented by Université Libre de Bruxelles and organised at National Economics University, Hanoi.

Fait Hanoi, le 24/09/2007.
Pour l'Institution Organisatrice Locale
For the Local Organisation Institution

Université d'Economie Nationale, Hanoi /
National Economics University, Hanoi

Nguyen Van Giang
ĐẠI HỌC
KINH TẾ
QUỐC ĐÂN
Recteur / Rector

Số: 87 /QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về chuyển ngạch cho cán bộ, viên chức

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Chính sách và Phát triển thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-BKH ngày 12/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức hành chính sự nghiệp Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Biên bản họp xét chuyển ngạch viên chức ngày 28/3/2013 đối với ông Nguyễn Nam Hải;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

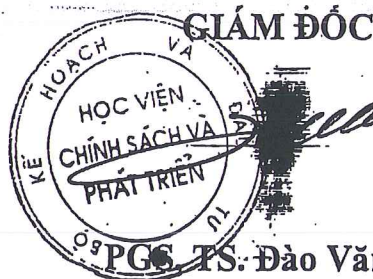
Điều 1. Chuyển ngạch cho ông Nguyễn Nam Hải, khoa Chính sách công thuộc Học viện Chính sách và Phát triển, viên chức loại A1, từ ngạch: Chuyên viên, mã số: 01.005 sang ngạch: Giảng viên, mã số: 15.111 kể từ ngày 01/4/2013.

Điều 2. Ông Nguyễn Nam Hải được xếp lương theo Hợp đồng đã ký và được hưởng các quyền lợi, nghĩa vụ của theo quy định của Nhà nước của giảng viên.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, khoa Chính sách công và ông Nguyễn Nam Hải chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Phòng KHTG;
- Lưu: TCHC.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN NGẠCH

Kính gửi: -Ban Giám đốc Học Viện Chính sách và Phát triển
-Ban chủ nhiệm Khoa Chính sách công

Tôi là Nguyễn Nam Hải, sinh ngày 18 tháng 01 năm 1973, hiện đang giữ ngạch Chuyên viên, loại viên chức A1, mã số ngạch 01033, được hưởng bậc lương 5/9, hệ số 3,66 từ ngày 01/9/2012 theo Quyết định số 673/QĐ-QLKTTW, ngày 30/8/2012 của Viện Trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Ngày 29/11/2012, Giám đốc Học Viện Chính sách và Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ra Quyết định số 329/QĐ-HVCSPT về việc tiếp nhận cán bộ, viên chức. Theo Quyết định này, tôi được phân công công tác tại Khoa Chính sách công thuộc Học viện Chính sách và Phát triển kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2012.

Hiện tại, tôi được phân công giảng dạy hai môn: Phân tích Chính sách và Quản lý Khu vực Công từ ngày 14 tháng 01 năm 2013 đến nay.

Tôi làm đơn này kính đề nghị Ban Giám đốc Học Viện và Ban chủ nhiệm Khoa Chính sách công xem xét việc chuyển ngạch cho tôi sang ngạch giảng viên để phù hợp với điều kiện công tác chuyên môn hiện nay tại Học Viện Chính sách và Phát triển.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Ý kiến của chủ nhiệm Khoa Chính Sách công

A. Hải có quyết định của GA HCTV về công tác tại Khoa CSC. A. Hải hiện đang giảng dạy ở Khoa, đáp ứng được các yêu cầu công việc.

29/3/2013

Trưởng khoa CSC

[Chữ ký]

Phan Quý Thọ

Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2013

Người làm đơn

[Chữ ký]

Nguyễn Nam Hải

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1.1. Họ và tên: **TRẦN THỊ TRÚC**

1.2. Năm sinh: **17 tháng 7 năm 1973**

Nam/Nữ: **Nữ**

1.3. Nơi đang công tác hiện nay: **Học viện Chính sách và Phát triển**

1.4. Học vị: **Tiến sỹ**

Nước: **Việt Nam**

Năm đạt học vị: **2020**

1.5. Học hàm:

Năm phong:

1.6. E-mail: **tructuonglam@apd.edu.vn**

1.7. Trình độ ngoại ngữ

Tên NN	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
Tiếng Anh	x			x			x			x		

1.8. Quá trình công tác

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
T7/2009 – T6/2011	Bộ môn Tiếng Anh, Học viện Chính sách và Phát triển	Giảng viên
T6/2011 – T10/2021	Khoa Kinh tế phát triển, Học viện Chính sách và Phát triển	Giảng viên
T10/2021 – nay	Khoa Kinh tế, Học viện Chính sách và Phát triển	Giảng viên
T9/2021- nay	Khoa Kinh tế phát triển, Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia	Giảng viên thỉnh giảng (cho cả sinh viên đại học và học viên cao học)

1.9. Quá trình đào tạo

Bậc đào tạo	Thời gian đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên ngành
Đại học	2004	Đại học Ngoại thương Hà Nội	Tiếng Anh thương mại
Thạc sỹ	2012	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế Phát triển
Tiến sỹ	2018	Đại học Kinh tế Quốc dân	Kinh tế học
Chứng chỉ ngắn hạn	2010	Trường Đại học sư phạm Hà Nội	Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm
Chứng chỉ ngắn hạn	2019	Trường Đại học giáo dục – ĐHQG HN	Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

2.1. Các đề tài nghiên cứu khoa học

TT	Tên đề tài	Cấp QĐ, Mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
1	Tác động của tiền gửi từ di cư nội địa tới giảm nghèo và bất bình đẳng thu nhập của các hộ gia đình có người cao tuổi ở Việt Nam	Cấp Học viện (Chủ nhiệm)	Tháng 7-12/2019	Đã nghiệm thu
2	Tính độc lập của Ngân hàng trung ương: kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam	Cấp Bộ (thành viên)	01/12/2020-5/2021	Đã nghiệm thu

2.2. Các hướng nghiên cứu đề tài, luận văn, số lượng học viên có thể tiếp nhận

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận hướng dẫn học viên cao học	Số lượng học viên cao học
1	Kinh tế Vĩ mô, Kinh tế Phát triển, Kinh tế Đầu tư	5

2.3. Kinh nghiệm giảng dạy

TT	Tên môn	Trình độ Đại học	Trình độ Đại học bằng tiếng Anh	Trình độ Thạc sỹ
1	Kinh tế Vĩ mô	X	X	X
2	Kinh tế Phát triển	X	X	X
3	Kinh tế Đầu tư	X		

2.4. Các công trình đã công bố trong 5 năm gần đây

TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
1	Đời sống xã hội của người cao tuổi Việt Nam khi con cái di cư.	Tác giả	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, 2016
2	The impact of internal remittance on the elderly left behind in Vietnam	Tác giả chính	Journal of Economics and Development, 2016
3	The impact of internal migration on the social aspects of the elderly left behind of Vietnam	Tác giả	International Research Journal, 2017
4	The impact of migration children on the health of the elderly left behind	Tác giả	International Journal of Research in Economics and Social Sciences, 2017
5	The impact of migration children on the health of the elderly left behind	Tác giả	The International Scientific and Practical Conference «Scientific Revolutions: Essence and Role in Development of Science and Technology», 2017
6	Thực trạng đời sống kinh tế của người cao tuổi Việt Nam khi con cái di cư nội địa.	Tác giả	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, 2019
7	The effect of internal migrants on the Economic Lives of the Left-behind Elderly in Vietnam	Tác giả chính	Indian Journal of Economics and Development, 2020
8	Đánh giá mức độ độc lập của Ngân hàng Trung ương Việt Nam		Tạp chí Khoa học thương mại, 2021

9	Tác động của di cư nội địa tới đời sống người cao tuổi Việt Nam	Chủ biên	Sách chuyên khảo, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, 2020
---	---	----------	--

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hạnh Vân

NGƯỜI KHAI

TS. TRẦN THỊ TRÚC

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

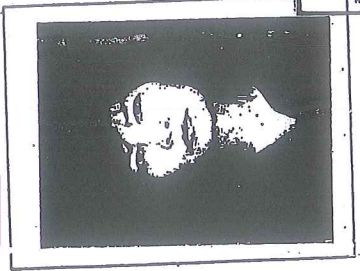
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

CHỨNG CHỈ

NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

Cấp cho: **TRẦN THỊ TRÚC**
Sinh ngày: **17/07/1973** Nơi sinh: **HÀ TĨNH**



CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM
CHO GIÁNG VIÊN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG

7.00

CHỨNG THỰC

BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

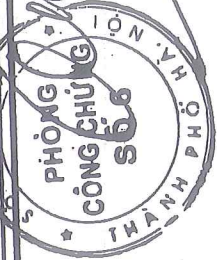
NGÀY: 03-11-2017

SỐ: **169** QUYẾT **01** SCT/BS

Số hiệu: **CC11.1083**

Số vào sổ: **22/QĐ20089HN65HVCS**

Hà Nội, ngày 04 tháng 07 năm 2011
TRƯỜNG HIỆU TRƯỞNG
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
HÀ NỘI
OS 8STS Nguyễn Việt Thịnh



CÔNG CHỨNG VIÊN
NGUYỄN THỊ OANH

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

BẢN SAO

THE PRESIDENT OF
NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY

confers

THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY
IN ECONOMICS

Upon: **Ms. *Tran Thi True***

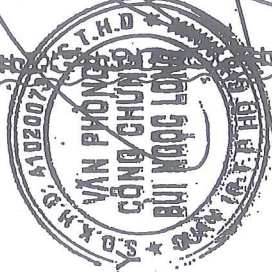
Date of birth: July 17, 1973

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 3-210-.....Quyển số: 0 SCT/BS sinh ngày: 17 tháng 07 năm 1973.

Ngày: 01-01-2020

Given under the seal of
NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY



Reference number: 2019-30

No: 000278

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
cấp

BẰNG TIẾN SĨ
KINH TẾ HỌC

Bà ***Trần Thị True***

17 tháng 07 năm 1973.

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG



CÔNG CHỨNG VIÊN
Bùi Ngọc Long PGS.TS. Phạm Hồng Chương

Số vào sổ cấp bằng: 2019-30

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2019

BẢN SAO

BẢNG ĐIỂM NGHIÊN CỨU SINH

Nghiên cứu sinh: **Trần Thị Trúc**
Ngày sinh: **17/07/1973**
Khóa đào tạo: **34**
Chuyên ngành: **Kinh tế học**

Mã NCS: **911.34.03KTH**
Nơi sinh: **Hà Tĩnh**
Niên khóa: **2013 - 2017**
Mã số: **9310101**

STT	Học phần/Chuyên đề	Tín chỉ	Điểm TB	Ghi chú
I. Các học phần ở trình độ tiến sĩ				
1	Tổng quan về nghiên cứu khoa học và phương pháp viết luận án	2	7,3	
2	Các chuyên đề về những công cụ chủ yếu trong nghiên cứu khoa học lĩnh vực kinh tế, kinh doanh và quản lý	3	9,0	
3	Các chuyên đề kinh tế - xã hội cần quan tâm	3	7,8	
4	Lý thuyết chuyên ngành nâng cao	3	8,5	
	II. Tiểu luận tổng quan nghiên cứu	2	8,3	
III. Các chuyên đề tiến sĩ				
1	Chuyên đề 1: Tổng quan lý thuyết và nghiên cứu thực nghiệm và phân tích tình hình di cư nội địa và tiền gửi trong nước với người cao tuổi ở Việt Nam	2	7,5	
2	Chuyên đề 2: Đánh giá tác động của di cư nội địa lên đời sống kinh tế của người cao tuổi	2	7,5	
3	Chuyên đề 3: Đánh giá tác động của di cư nội địa lên sức khỏe của người cao tuổi	2	7,5	
IV. Các học phần bổ sung kiến thức				
1	CM1: Kinh tế vi mô nâng cao	2	9,0	
2	CM2: Kinh tế vĩ mô nâng cao	2	9,0	
3	CM3: Kinh tế học quản lý	2	8,0	
4	CM4: Kinh tế vĩ mô quốc tế	2	9,0	

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 327 - Quyền số: 01 SCT/BS

Ngày: 03-01-2020



CÔNG CHỨNG VIÊN
Bùi Ngọc Long

HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Phạm Hồng Chương



INSTITUTE OF SOCIAL STUDIES

National Economics University, Hanoi - Vietnam, in collaboration with the Institute of Social Studies, The Hague - The Netherlands has this day duly awarded the degree of

Master of Arts

in Economics of Development

to Cran Chi Eric

to *Queen Ona Ona*
born on *17. 07. 1973* in *Hoia Gintu.*

This study programme is taught in the English language.

Ngày:

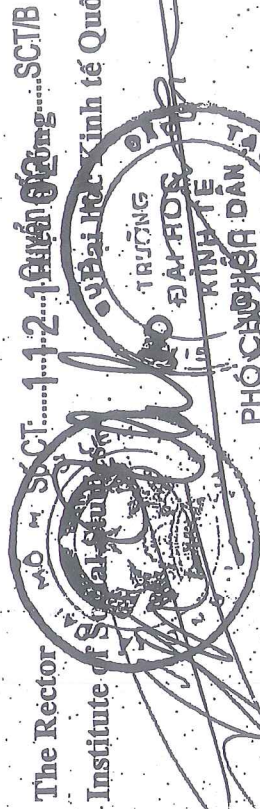
29-03-2013

Chương trình được thực hiện bằng tiếng Anh.

The Rector

Institute of

Institute of Economics
Việt Nam Kinh tế Quốc dân



The Hague. *Đ.T.B. 103 Nguyễn Thị Hương, 13. Nguyễn Văn Nam*
Hà Nội.

No: 11-355

Số: 11-355

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 18 tháng 03 năm 2003

CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP

Họ và tên : Trần Thị Trúc
Ngày sinh : 17/07/1973
Lớp/Khoá : anh 6 - Khóa 38 TATM
Hệ : Chính Quy
Chuyên ngành : Tiếng Anh thương mại

STT	MÔN HỌC	ĐVHT	ĐIỂM	
			Bảng số	Bảng chữ
1	Triết học	5	6	Sáu
2	Tiếng Anh Cơ sở 1 - Ngữ pháp 1	3	5	Năm
3	Tiếng Anh Cơ sở 1 - Ngữ âm thực hành	3	7	Bảy
4	Tiếng Anh Cơ sở 1 - Đọc 1	3	6	Sáu
5	Tiếng Anh Cơ sở 1 - Nghe 1	3	7	Bảy
6	Tiếng Anh Cơ sở 1 - Nói 1	4	6	Sáu
7	Tiếng Anh Cơ sở 2 - Ngữ pháp 2	3	6	Sáu
8	Tiếng Anh Cơ sở 2 - Viết 1	3	7	Bảy
9	Tiếng Anh Cơ sở 2 - Đọc 2	3	7	Bảy
10	Tiếng Anh Cơ sở 2 - Nghe 2	3	5	Năm
11	Tiếng Anh Cơ sở 2 - Nói 2	4	8	Tám
12	Tiếng Việt thực hành	3	6	Sáu
13	Nhập môn ngôn ngữ học	3	8	Tám
14	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	6	Sáu
15	Chủ nghĩa xã hội khoa học	4	8	Tám
16	Kinh tế chính trị	5	7	Bảy
17	Pháp lý đại cương	3	7	Bảy
18	Tiếng Anh Cơ sở 3 - Nói 3	6	8	Tám
19	Tiếng Anh Cơ sở 3 - Viết 2	3	7	Bảy
20	Tiếng Anh Cơ sở 3 - Đọc 3 (Văn hóa Anh)	3	5	Năm



21	Tiếng Anh Cơ sở 3 - Nghe 3	4	5	Năm
22	Tiếng Anh Cơ sở 4 - Nghe 4	4	6	Sáu
23	Tiếng Anh Cơ sở 4 - Đọc 4 (Văn hóa Mỹ)	3	7	Bảy
24	Tiếng Anh Cơ sở 4 - Viết 3	3	7	Bảy
25	Tiếng Anh Cơ sở 4 - Nói 4	6	9	Chín
26	Kinh tế đại cương	3	7	Bảy
27	Ngữ âm và âm vị tiếng Anh	3	7	Bảy
28	Quan hệ kinh tế quốc tế	3	7	Bảy
29	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	4	7	Bảy
30	Kinh tế ngoại thương	3	7	Bảy
31	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	4	6	Sáu
32	Ngữ pháp tiếng Anh	3	6	Sáu
33	Kinh tế học (Tiếng Anh)	3	6	Sáu
34	Tiếng Anh thương mại 1	6	8	Tám
35	- Kinh doanh quốc tế 1 (Tiếng Anh)	6	8	Tám
36	Ngoại ngữ 2 - Kỳ 1	3	7	Bảy
37	Thanh toán quốc tế	4	9	Chín
38	Lý thuyết kế toán và kế toán tài chính	3	8	Tám
39	Tin học quản lý	3	8	Tám
40	Ngoại ngữ 2 - Kỳ 2	3	9	Chín
41	Ngữ nghĩa học	3	7	Bảy
42	Kinh doanh quốc tế 2 (Tiếng Anh)	6	6	Năm
43	Tiếng Anh thương mại 2	6	5	Năm
44	Biên dịch 1	3	6	Sáu
45	Vận tải và giao nhận trong ngoại thương	3	7	Bảy
46	Bảo hiểm trong kinh doanh	2	8	Tám
47	Pháp luật trong kinh tế đối ngoại	4	6	Sáu
48	Phiên dịch 1	3	7	Bảy
49	Biên dịch 2	3	8	Tám
50	Ngân hàng và tài chính (Tiếng Anh)	3	8	Tám
51	Giao tiếp kinh doanh 1 (Tiếng Anh)	3	7	Bảy
52	Lý thuyết dịch	3	8	Tám

53	Ngoại ngữ 2 - Kỳ 3	3	9	Chín
54	Ngoại ngữ 2 - Kỳ 4	3	9	Chín
55	Phiên dịch 2	3	7	Bảy
56	Biên dịch 3	3	8	Tám
57	Giao tiếp kinh doanh 2 (Tiếng Anh)	3	6	Sáu
58	Marketing quốc tế (Tiếng Anh)	3	9	Chín
59	Đầu tư nước ngoài	3	6	Sáu
60	Nguyên lý Marketing	3	9	Chín
61	Khóa luận tốt nghiệp	15	8,5	Tám, năm
Điểm bình quân toàn khóa		7,13		

Giáo dục quốc phòng : Đạt

Xếp Loại Bằng : Khá

Giáo dục thể chất : Đạt

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM KHOA

T/L HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

CHỨNG NHẬN
SAO ĐÚNG BẢN CHÍNH

NGÀY: 29-06-2007

SỐ: 234..... QUYỀN 1..... TP/C/SGC

Nguyễn Thị Miên

PGS, TS. NGUYỄN THỊ QUY



CÔNG CHỨNG VIÊN
NGUYỄN XUÂN BANG

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế và văn bằng bậc đại học
ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-DH ngày
28-11-1996 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo
Hiện trường trước

Tên đầy đủ của người cấp

BẢNG TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG

loại hình đào tạo *Đào tạo*
ngành *Chăm sóc sức khỏe*
tên trường *Trường Cao đẳng Y tế*
tên công nhân danh hiệu

TỔNG NHẬN CAO ĐẲNG

Ngày cho *15/10/2000*
Ngày nhận *15/10/2000*
Ngày *15/10/2000*

Chức vụ *Thầy giáo*
Họ và tên *Nguyễn Văn A*
Số *10/2000*

Số hiện tại *10/2000*

10/2000

Chức vụ *Thầy giáo*

Họ và tên *Nguyễn Văn A*

Số *10/2000*

10/2000

PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Minh Giang

CHỨNG NHẬN KẾT QUẢ HỌC TẬP

Họ và tên: Trần Thị Trúc
Ngày sinh: 17 tháng 7 năm 1973
Khoa: 11 Năm học: 1991-1995
Chuyên ngành: Kiểm sát

STT	MÔN HỌC	ĐIỂM	
		HỌC KỲ I	HỌC KỲ II
Năm thứ nhất			
1	Triết học DVBC	6	
2	Lịch sử NN và PL	5	
3	Lý luận NN và PL	6	
4	Lịch sử Đảng		6
5	Luật hành chính		7
6	Triết học DVLS		6
7	Anh văn		7
Năm thứ hai			
1	Luật Nhà nước	5	
2	Kinh tế chính trị TBCN	5	
3	Anh văn	6	
4	Dân luật PC	4 (6)	
5	Hình luật PC		5
6	Logic		6
7	Dân luật PR		5
8	Tổ tụng dân sự		6
9	Luật tài chính-kế toán		6
10	Hình luật PR		7
11	Kinh tế chính trị XHCN		6
12	Luật kinh tế tập thể		5
13	Luật đất đai		6
14	Anh văn		7
Năm thứ ba			
1	Tâm lý tư pháp	5	
2	Anh văn	8	
3	Công pháp quốc tế	5	
4	Tư pháp quốc tế	5	
5	Khoa học điều tra hình sự	7	
6	Tội phạm học	6	
7	Chủ nghĩa xã hội khoa học	6	
8	Công tác kiểm sát PC	7	
9	Tổ tụng hình sự	7	
10	Luật kinh tế	5	
11	Giám định pháp y	5	
12	Quản lý kinh tế		6
13	Luật hôn nhân gia đình		5
14	Luật lao động		6
15	Anh văn		5
16	Luật giao thông		7

Năm thứ tư			
1	Kiểm sát xét xử hình sự	6	
2	Kiểm sát xét xử dân sự	5	
3	Kiểm sát giam, giữ, cải tạo, thi hành án	6	
4	Công tác kiểm sát chung	6	
5	Kỹ thuật xây dựng văn bản	7	
6	Anh văn	2 (5)	
7	Kiểm sát điều tra	4 (5)	

Kết quả chung về học tập của toàn khóa:

- Kết quả thi tốt nghiệp:

+ Triết học: 6

+ Lý luận NN và PL: 5

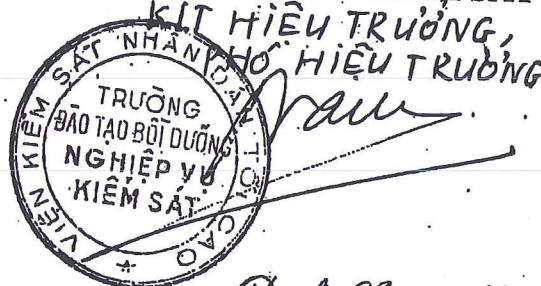
+ Hình luật: 5

+ Nghiệp vụ kiểm sát: 5

- Xếp loại tốt nghiệp: Trung bình

Cấp bằng tốt nghiệp ngày 16 tháng 5 năm 1995

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KIỂM SÁT HÀ NỘI



Dinh Xuân Nam

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 21.07.102 SCT/BS

Ngày 29 tháng 04 năm 1999



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Giảng

Số: 524 /QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thực hiện chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-BKH ngày 25 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 68/2011/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC-BLĐTBXH ngày 30 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 54/2011/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bà Trần Thị Trúc, Giảng viên chính, Bộ môn Đầu tư - Khoa Kinh tế, Học viện Chính sách và Phát triển, được hưởng phụ cấp thâm niên nhà giáo là 10%, kể từ ngày 01/8/2020.

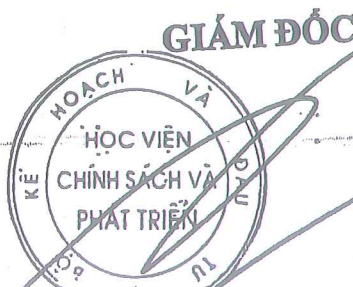
Bà Trần Thị Trúc được truy lĩnh chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo từ ngày 01/8/2020, mức hưởng là 10%.

Điều 2. Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Hành chính, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch – Tài chính và bà Trần Thị Trúc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như điều 2;

- Lưu: TCHC.



Trần Trọng Nguyên

Số: 186/QĐ-HVCS&PT

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả xét tuyển viên chức
của Học viện Chính sách và Phát triển

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-TTg ngày 04 tháng 01 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Chính sách và Phát triển thuộc Bộ Kế hoạch và đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 584/QĐ-BKH ngày 12 tháng 5 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-BKH ngày 25 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 174/QĐ-HVCS&PT ngày 05 tháng 5 năm 2010 của Giám đốc Học viện chính sách và Phát triển về việc thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng xét tuyển viên chức ngày 07 tháng 5 năm 2010 của Hội đồng xét tuyển viên chức, Học viện Chính sách và Phát triển;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng xét tuyển viên chức và Trưởng phòng Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 05 cán bộ có tên sau đã trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức của Học viện Chính sách và Phát triển:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh, cán bộ Phòng Tổ chức cán bộ;
2. Ông Ngô Xuân Khoa, cán bộ Phòng Xây dựng cơ bản;
3. Bà Tường Thị Lan Anh, cán bộ Phòng Hành chính – Tổng hợp;
4. Bà Trần Thị Trúc, giảng viên Khoa Kế hoạch phát triển;
5. Ông Nguyễn Văn Tuấn, giảng viên Bộ môn Toán kinh tế.

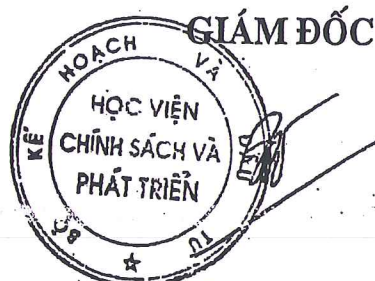
Điều 2. Giao Trưởng phòng Tổ chức cán bộ ký Hợp đồng làm việc, hướng dẫn thử việc; thực hiện chế độ, chính sách đối với người thử việc và người hướng dẫn thử việc; quyết định bổ nhiệm vào ngạch viên chức sau khi người thử việc đã

hoàn thành nhiệm vụ và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị sự nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, thủ trưởng đơn vị có liên quan thuộc Học viện Chính sách và Phát triển và các thành viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc Học viện;
- Lưu: VT, TCCB (2b).



PGS.TS Ngô Doãn Vịnh

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1.1. Họ và tên: LÊ THỊ NHUNG

1.2. Năm sinh: 13 tháng 08 năm 1986

Nam/Nữ: Nữ

1.3. Nơi đang công tác hiện nay: Học viện Chính sách và Phát triển

1.4. Học vị: Tiến sĩ

Nước: Việt Nam

Năm đạt học vị: 2018

1.5. Học hàm:

Năm phong:

1.6. E-mail: lethinhung.litf@gmail.com

1.7. Trình độ ngoại ngữ

Tên NN	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
Tiếng Anh		x			x		x			x		

1.8. Quá trình công tác

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
T1/2009 – T11/2010	Khoa Kinh tế- Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Mở Địa chất	Giảng viên
T11/2010 – T2/2020	Bộ môn Kinh tế lượng, Học viện Tài chính	Giảng viên
T3/2020 – nay	Khoa Kinh tế, Học viện Chính sách và Phát triển	Giảng viên

1.9. Quá trình đào tạo

Bậc đào tạo	Thời gian đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên ngành
Đại học	2004-2008	Học viện Tài chính	Tài chính- Ngân hàng
Thạc sỹ	2008-2011	Học viện Tài chính	Kinh tế, tài chính- Ngân hàng
Tiến sỹ	2013-2018	Học viện Tài chính	Tài chính- Ngân hàng
Chứng chỉ ngắn hạn	2017	Đại học Sư phạm Hà Nội	Nghiệp vụ sư phạm giảng viên
Chứng chỉ ngắn hạn	2019	Đại học Giáo dục	Bồi dưỡng Nghiệp vụ Giảng viên chính
Chứng chỉ ngắn hạn	2019	Học viện Ngân hàng	Ứng dụng Công nghệ thông tin cơ bản
Chứng chỉ ngắn hạn	2019	IIG Việt Nam	TOEFL ITP (B2 Châu Âu)

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

2.1. Các đề tài nghiên cứu khoa học

TT	Tên đề tài	Cấp QĐ, Mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
1	Ứng dụng phương pháp định lượng xác định cơ cấu mục tiêu của các doanh nghiệp niêm yết ngành xi măng ở Việt Nam	Cấp Học viện (chủ nhiệm)	Số 1622/QĐ-HVTC-Tháng 12/2018	Đã nghiệm thu
2	Cải tiến mô hình phân lớp dữ liệu mất cân bằng dự đoán khách hàng rời bỏ dịch vụ	Cấp Học viện (thành viên)	Tháng 4/2022	Đã nghiệm thu

2.2. Các hướng nghiên cứu đề tài, luận văn, số lượng học viên có thể tiếp nhận

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận hướng dẫn học viên cao học	Số lượng học viên cao học
1	Tài chính ngân hàng (Tài chính doanh nghiệp, ngân hàng, chứng khoán, quản lý công)	5
2	Kinh tế đầu tư (Kinh tế đầu tư, thẩm định dự án đầu tư, định giá tài sản, quản lý danh mục đầu tư, quản trị rủi ro)	5
3	Quản lý kinh tế	5

2.3. Kinh nghiệm giảng dạy

TT	Tên môn	Trình độ Đại học	Trình độ Đại học bằng tiếng Anh	Trình độ Thạc sĩ
1	Kinh tế đầu tư	X		
2	Thẩm định dự án đầu tư	X		X
3	Quản trị rủi ro	X		
4	Quản lý danh mục đầu tư	X		
5	Phương pháp nghiên cứu khoa học	X		
6	Kinh tế lượng	X		X

2.4. Các công trình đã công bố trong 5 năm gần đây

TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
1	Bài tập Kinh tế lượng	Tham gia	Nhà xuất bản Tài chính, năm 2017
2	Ứng dụng mô hình Miller- Orr trong quản trị vốn bằng tiền tại các doanh nghiệp Việt Nam	Tác giả	Tạp chí Khoa học Thương mại, số 124- Tháng 12/2018
3	Nhân tố tác động đến cơ cấu nguồn vốn của các công ty xi măng niêm yết ở Việt Nam	Tác giả	Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng, số 199, tháng 12/ 2018

4	Ứng dụng phương pháp định lượng xác định chi phí vốn cổ phần của các công ty cổ phần xi măng niêm yết ở Việt Nam	Tác giả	Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán, số 03(188)-2019
5	Các nhân tố tác động đến cơ cấu nguồn vốn: Nhìn từ góc độ ngành bất động sản Việt Nam	Đồng tác giả	Tạp chí Nghiên cứu Tài chính kế toán, số 07 (192)- 2019
6	Nhân tố tác động đến cơ cấu nguồn vốn của các doanh nghiệp xi măng niêm yết ở Việt Nam	Tác giả	Tạp chí Khoa học Thương mại, số 145- Tháng 9/2020
7	Tác động của các nhân tố đến đòn bẩy tài chính doanh nghiệp: Bằng chứng thực nghiệm từ doanh nghiệp bất động sản và vật liệu xây dựng Việt Nam	Tác giả	Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng- Số 222- Tháng 11/2020
8	Financial technology in Vietnam	Đồng tác giả	Journal of Finance and Accounting Research, No. 02(8)-2020
9	Estimation of factors affecting the financial leverage of enterprises in Vietnam	Đồng tác giả	Advances and Applications in Statistics, Volume 69, Number 1, 2021 (Tạp chí thuộc danh mục ISI)
10	The impact of capital structure on firm value in Vietnam	Đồng tác giả	Advances and Applications in Statistics, Volume 69, Number 2, 2021 (Tạp chí thuộc danh mục ISI)

11	Nhân tố tác động đến công bố thông tin trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp vật liệu xây dựng niêm yết ở Việt Nam	Tác giả	Tạp chí Khoa học Thương mại – Số 160/2021
12	Tác động của công bố thông tin trách nhiệm xã hội đến kết quả tài chính của doanh nghiệp ngành vật liệu xây dựng niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Tác giả	Tạp chí Khoa học Thương mại- số 169/2022
13	Phân tích định lượng tác động minh bạch thông tin trách nhiệm xã hội đến chi phí vốn chủ sở hữu doanh nghiệp xi măng niêm yết ở Việt Nam	Tác giả	Kỷ Yếu Hội thảo Khoa Học Quốc Gia “Phân tích định lượng các vấn đề kinh tế và xã hội trong môi trường số”, Nhà xuất bản Thanh niên, 2022

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hạnh Vân

Hà Nội, ngày 10 tháng 10 năm 2022

NGƯỜI KHAI

TS. Lê Thị Nhung

TS. LÊ THỊ NHUNG

BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SU PHẠM HÀ NỘI
Cấp

**CHỨNG CHỈ
NGHIỆP VỤ SU PHẠM**

Cho: **LÊ THỊ NHUNG** Giới tính: **NỮ**
Sinh ngày: **13/08/1986** Nơi sinh: **QUẢNG NINH**
Đã hoàn thành chương trình: **NGHIỆP VỤ SU PHẠM CHỈ GIẢNG VIÊN ĐẠI HỌC CAO ĐẲNG**
Điểm trung bình: **8.35** Xếp loại: **Giỏi**

Hà Nội, ngày **14** tháng **02** năm **2019**
CHIEU PHUONG DUC THANH

Số hiệu: **MV 22 UBND PHƯỜNG ĐỨC THẮNG SƯ PHẠM HÀ NỘI**
Số vào sổ cấp chứng chỉ: **88/OE/S01-17NV38EL**
Ngày: **27-08-2019**

Số chứng thực: **10032** quyền số: **2 SCT/BS**



PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Dũng

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE PRESIDENT OF
THE ACADEMY OF FINANCE

confers
**THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY
ECONOMICS**

Upon: (Mr, Ms) Ms. La Thi Nhung
Born on: 13th August 1986 in Quang Ninh

Given under the seal of
The Academy of Finance
This 17th day of October, 2018

Serial number: 008308
Reference number: 2018/031

CHỨNG THỰC BAN SAO ĐÚNG ĐỐI BẢN CHÍNH
Số chứng thực: 0298 Quyển 08 SCT/BC

Ngày: 20-08-2018
PHÓ CHỦ TỊCH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BAN SAO

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

Cấp

**BẰNG TIẾN SĨ
KINH TẾ**

Cho: Bà La Thi Nhung
Sinh ngày: 13/8/1986 tại Quảng Ninh

Hà Nội, ngày 17 tháng 10 năm 2018

GIÁM ĐỐC

P.CS, TS. Nguyễn Trọng Cơ

Số hiệu: 008308
Số vào sổ cấp bằng: 2018/031

Nguyễn Thị Nhung

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE PRESIDENT OF
THE ACADEMY OF FINANCE

confers

THE DEGREE OF MASTER
ECONOMICS

Upon: (Mr, Ms) *Le Thi Nhung*
Born on: 13th Aug. 1986 in Quang Ninh

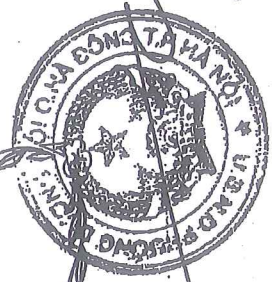
Given under the seal of
the Academy of Finance
this 19th day of December 2011

Serial number:
Reference number:

CHỨNG THỰC BẢNG SẴO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
197 Quyển số 8 SCT/BC

Ngày: 20-08-2013

PHÓ CHỦ TỊCH



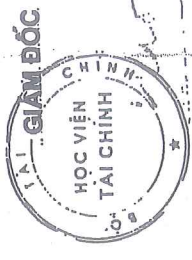
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

BẰNG THẠC SĨ
KINH TẾ

Cho: Bà *Le Thi Nhung*
Sinh ngày 13-08-1986 tại Quảng Ninh

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2011



Số hiệu: A017732 GS., TS. Ngô Thế Chi
Số vào sổ cấp bằng:

Bùi Huy Dương



BẢNG ĐIỂM ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SỸ

BẢN SAO

Cấp cho ông/bà: **LÊ THỊ NHUNG**

Sinh ngày: **13/08/1986**

Là học viên cao học khóa: **K17 (2008-2011)**

Nơi sinh: **Quảng Ninh**

Chuyên ngành: **Kinh tế, tài chính - Ngân hàng**

Số TT	Môn học	Số tiết	Điểm		Số TT	Môn học	Số tiết	Điểm	
			Số	Chữ				Số	Chữ
1	Triết học	90	8,2	tám, hai	12	Tài chính quốc tế	45	8,5	tám, năm
2	Kinh tế lượng	45	7,1	bảy, một	13	Thị trường Tài chính	45	6,2	sáu, hai
3	Tin học	45	9,0	chín, chẵn	14	Tiếng Anh	150	7,7	bảy, bảy
4	PP luận nghiên cứu khoa học	30	7,5	bảy, năm	15	Quản lý thuế	45	7,2	bảy, hai
5	Khoa học quản lý	30	8,6	tám, sáu	16	Phân tích tài chính vĩ mô	45	9,3	chín, ba
6	Kinh tế vĩ mô	45	10,0	mười, chẵn	17	Luật KT & chuẩn mực KT	45	7,3	bảy, ba
7	Luật kinh tế tài chính	30	6,6	sáu, sáu	18	Kiểm toán	30	8,3	tám, ba
8	Kinh tế quốc tế	30	8,0	tám, chẵn	19	Nghiệp vụ ODA, FDI	45	8,3	tám, ba
9	Quản trị kinh doanh	30	7,6	bảy, sáu	20	Điều chỉnh vĩ mô NHTW	45	8,0	tám, chẵn
10	Quản lý tài chính công	45	6,5	sáu, năm	21	Quản lý NSNN	45	8,0	tám, chẵn
11	Lý thuyết tiền tệ	45	7,0	bảy, chẵn					

Điểm luận văn: **9,8**

Điểm trung bình các môn học: **7,9**

Đề tài: **Huy động vốn cho đầu tư phát triển tại Công ty cổ phần than Núi Béo - Tập đoàn công nghiệp than và khoáng sản VN**

Danh sách Hội đồng chấm luận văn thạc sỹ:

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chức trách trong HĐ
1	GS.TS. Nguyễn Đình Đỗ	Học viện Tài chính	Chủ tịch
2	TS. Nguyễn Thị Bích Loan	ĐH Thương mại	Phản biện 1
3	TS. Lưu sỹ Quý	Quản chủng Phòng không	Phản biện 2
4	TS. Giang Thị Xuyên	Học viện Tài chính	Ủy viên
5	TS. Lưu Đức Thuận	Học viện Tài chính	Thư ký

Số chứng thực: **1129** Quyền số: **06CT/BC**

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2012

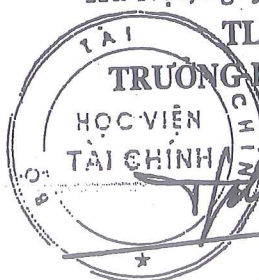
Ngày: **20-08-2019**
Người lập biểu

PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Hồng Hạnh



Bùi Huy Quang



Nguyễn Tuấn Phương

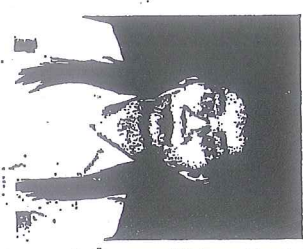


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành
theo quyết định số 1594/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của
Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường
Giáo dục học viện tài chính
cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo CHỨNG QUY
ngành *Tài chính - Ngân hàng*
hạng *Giỏi* năm tốt nghiệp *2008*
và công nhận danh hiệu



Số hiệu bằng

Số vào sổ

A 020848 **CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VĂN BẢN CHÍNH**
Số chứng thực 1296 Quyển số 0 SCT/BC

Chữ ký của người được cấp *02/02/2013*



Bùi Trung Dũng

cho *Đỗ Thị Nhung*
sinh ngày *13/08/1985* tại *Quảng Ninh*
HỌC VIÊN *TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG*
ngày *18* tháng *07* năm *2008*
Hiệu trưởng *[Signature]* GIÁM ĐỐC
Khoa trưởng *[Signature]*
GS-TS. *Ngô Thế Đức*
PGS.TS. *Vũ Công Ty*

Số: 150/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tiếp nhận viên chức

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 1349/QĐ-BKH ngày 15 tháng 12 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Quy chế tiếp nhận công chức, viên chức đang làm việc trong cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, doanh nghiệp nhà nước, lực lượng vũ trang về công tác tại các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-BKH ngày 25 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-HVTC ngày 25 tháng 02 năm 2020 của Học viện Tài chính về việc chấm dứt hợp đồng làm việc để chuyển công tác đối với bà Lê Thị Nhung;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính,

QUYẾT ĐỊNH:

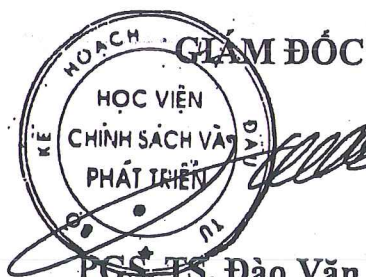
Điều 1. Tiếp nhận bà Lê Thị Nhung, Tiến sĩ, Giảng viên, mã chức danh nghề nghiệp: V.07.01.03, Giảng viên Bộ môn Kinh tế lượng, Khoa Cơ bản, Học viện Tài chính công tác tại Bộ môn Đầu tư, Khoa Kinh tế thuộc Học viện Chính sách và Phát triển, kể từ ngày 01/3/2020.

Điều 2. Tiền lương và các khoản phụ cấp khác (nếu có) của bà Lê Thị Nhung được trả theo giấy thôi trả lương của cơ quan cũ và theo chế độ hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng khoa Kinh tế, Lãnh đạo các đơn vị liên quan và bà Lê Thị Nhung chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc Học viện;
- Lưu: TCHC.



PGS, TS. Đào Văn Hùng

Số: 07/HĐLV-HVCSPT

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2020

HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC KHÔNG XÁC ĐỊNH THỜI HẠN

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Chúng tôi, một bên là ông: Đào Văn Hùng - NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

Chức vụ: Giám đốc

Đại diện cho đơn vị: Học viện Chính sách và Phát triển.

Địa chỉ: Số 65, Văn Miếu, Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại: 024. 37473186.

Và một bên là ông: Lê Thị Nhung - NGƯỜI LAO ĐỘNG

Sinh ngày 13 tháng 8 năm 1986 tại Quảng Ninh.

Chức vụ, chức danh: Tiến sỹ, Giảng viên.

Địa chỉ thường trú: P.204, CT7A, KĐT mới Dương Nội, Dương Nội, Hà Đông, Hà Nội.

Số căn cước công dân: 022186000540.

Cấp ngày 09 tháng 12 năm 2015 tại Hà Nội.

Thỏa thuận ký kết Hợp đồng làm việc không việc xác định thời hạn và cam kết làm việc đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1. Nhiệm vụ hợp đồng

- Địa điểm làm việc: Học viện Chính sách và Phát triển, Khu đô thị Nam An Khánh, xã An Thượng, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

- Chức danh chuyên môn: Giảng viên.

- Nhiệm vụ: Theo sự phân công của Giám đốc Học viện và Trưởng khoa

Kinh tế.

Điều 2. Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: Theo quy định của Học viện.

- Được trang bị phương tiện làm việc: Theo quy định của Học viện.

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của viên chức

1. Quyền

- Được hưởng các quyền quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 và Điều 15 của Luật Viên chức.

- Phương tiện đi lại: Cá nhân tự túc.



- Chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm (mã số): V.07.01.03, Bạc 3/9, Hệ số lương: 3,00.

- Phụ cấp (nếu có) gồm: Theo quy định của Nhà nước và Học viện được trả 01 lần hàng tháng.

- Thời gian xét nâng bậc lương: 16/11/2017.

- Khoản trả ngoài lương: Theo quy định của Học viện.

- Được trang bị bảo hộ khi làm việc (nếu có) gồm: Theo quy định của Học viện.

- Số ngày nghỉ hàng năm được hưởng lương (nghỉ lễ, phép, việc riêng): Theo chế độ của Nhà nước.

- Chế độ bảo hiểm: Theo quy định của Nhà nước.

- Được hưởng các phúc lợi: Theo quy định của Học viện.

- Được hưởng các khoản thưởng, nâng bậc lương, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện nhiệm vụ hợp tác khoa học, công nghệ với các đơn vị trong hoặc ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Được hưởng các chế độ thôi việc, trợ cấp thôi việc, bồi thường theo quy định của pháp luật về viên chức.

- Có quyền đề xuất, khiếu nại, thay đổi, đề nghị chấm dứt Hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật.

- Những thỏa thuận khác (nếu có):.....

2. Nghĩa vụ

- Hoàn thành nhiệm vụ đã cam kết trong Hợp đồng làm việc.

- Chấp hành nội quy, quy chế của đơn vị, kỷ luật làm việc và các quy định tại Điều 16, 17, 18 Luật Viên chức.

~~- Chấp hành việc xử lý kỷ luật và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả theo quy định của pháp luật.~~

- Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền khi đơn vị sự nghiệp có nhu cầu.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp

1. Quyền

- Bố trí, phân công nhiệm vụ, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của viên chức.

- Chấm dứt Hợp đồng làm việc, kỷ luật đối với viên chức theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ

- Bảo đảm làm việc và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong Hợp đồng làm việc.

- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ của viên chức đã cam kết trong Hợp đồng làm việc.

Điều 5. Điều khoản thi thành

- Hợp đồng làm việc này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2020.

- Những vấn đề về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của hai bên không ghi trong hợp đồng làm việc này thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức.

- Hợp đồng này làm thành 04 bản có giá trị ngang nhau, đơn vị sự nghiệp ký hợp đồng giữ 03 bản (Phòng TCHC 01 bản, Phòng KHTC 01 bản, Lưu hồ sơ 01 bản), viên chức được ký hợp đồng giữ 01 bản. Khi hai bên ký phụ lục Hợp đồng làm việc thì nội dung của phụ lục Hợp đồng làm việc cũng có giá trị như các nội dung của bản Hợp đồng làm việc này.

Hợp đồng này làm tại Học viện Chính sách và Phát triển ngày 05 tháng 3 năm 2020.

Người lao động

[Signature]

Lê Thị Nhung

Người sử dụng lao động
GIÁM ĐỐC



PGS. TS. Đào Văn Hùng



LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1.1. Họ và tên: **LƯU MINH ĐỨC**

1.2. Năm sinh: **27 tháng 09 năm 1977**

Nam/nữ: **Nam**

1.3. Nơi đang công tác hiện nay: **Học viện Chính sách và Phát triển**

1.4. Học vị: **Tiến sỹ** Nước: **Australia** Năm đạt học vị: **2018**

1.5. Học hàm: Năm phong:

1.6. Email: **ducminhluu@yahoo.com**

1.7. Điện thoại: **0961245786**

1.8. Trình độ ngoại ngữ

Tên NN	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
Tiếng Anh	X			X			X			X		

* IELTS band score: **7.0** in 2012

1.9. Quá trình công tác

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
T6/2000 – T9/2002	Viện Nghiên cứu Châu Mỹ - Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	Nghiên cứu viên
T2/2004 – T12/2004	Công ty liên doanh LG- Vina Cosmetics	Trợ lý Marketing
T2/2005 – T12/2005	Công ty liên doanh BP-Petco, LPG	Quản lý bán hàng miền Bắc
T2/2006 – T4/2021	Ban Nghiên cứu Môi trường kinh doanh và Năng lực cạnh tranh, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương	Nghiên cứu viên
T5/2021 – nay	Viện Đào tạo Quốc tế, Học viện Chính sách và Phát triển	Giảng viên
T8/2017 – T12/2020	Học viện Ngoại giao Việt Nam	Giảng viên thỉnh giảng

1.10. Quá trình đào tạo

Bậc đào tạo	Thời gian	Nơi đào tạo	Chuyên ngành
Đại học	1994-1999	Học viện Ngoại giao Việt Nam	Quan hệ quốc tế
Thạc sĩ	2002-2004	Newport University – City College, Vương quốc Anh	Quản trị kinh doanh
Tiến sĩ	2014-2017	The University of Sydney, Australia	Kinh tế chính trị
Chứng chỉ	T3/2007	IMF – Regional Training Institute, Singapore	Financial Programming and Policies
Chứng chỉ	T10/2007	College of Europe, Bỉ	Regulatory Impact Analysis
Chứng chỉ	T1-T4/2009	University of Bradford, Vương quốc Anh	Economic Governance and Reform
Chứng chỉ	T8-T12/2009	The Australian National University	Public Administration
Chứng chỉ	T3-T4/2021	Học viện Quản lý giáo dục, Hà Nội	Nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên Đại học, Cao đẳng
Chứng chỉ	T7-T10/2021	Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội.	Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên hạng III

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

2.1. Các đề tài nghiên cứu khoa học

TT	Tên đề tài	Cấp QĐ, Mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu
1	Chính sách thu hút FDI vào R&D ở Việt Nam	Đề tài xúc tiến đầu tư cấp Bộ của APD (thành viên)	T12/2021	Đã nghiệm thu
2	Tăng cường vai trò của doanh nghiệp nữ làm chủ đối với phát triển bền vững tại Việt Nam trong giai đoạn 2021-2030	Đề tài của GIZ-CIEM (thành viên)	T11/2021	Đã nghiệm thu

3	Đề án Đổi mới toàn diện quản lý nhà nước trong phát triển kinh tế tư nhân	Cấp Bộ, trình Thủ tướng Chính phủ (thành viên)	T3/2021	Đã nghiệm thu
4	Đánh giá tác động của đại dịch Covid-19 và sức chống chịu của các doanh nghiệp ngành dệt may	Đề tài của GIZ (thành viên)	T12/2020	Đã nghiệm thu
5	Quá trình hình thành năng lực tài chính của các chủ shop là nữ ở Hà Nội	Đề tài của Australian Alumni Grants Fund (chủ nhiệm)	T12/2019	Đã nghiệm thu
6	Điều tra về Doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam	Dự án của BC-CSIP-CSIE (thành viên)	T12/2019	Đã nghiệm thu
7	Đánh giá tác động kinh tế - xã hội của dự luật sửa đổi thuế liên quan đến sản phẩm nước giải khát có đường ở Việt Nam	Đề tài của Hiệp hội Bia-Rượu-NGK Việt Nam (thành viên)	T5/2018	Đã nghiệm thu
8	Chính sách thu hút đầu tư nước ngoài tỉnh Bắc Giang	CIEM-Sở KHĐT Bắc Giang (thành viên)	2018	Đã nghiệm thu
9	Dự thảo Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 10-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân	Cấp Bộ, trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 98/NQ-CP ngày 03/10/2017 (thành viên)	T10/2017	Đã nghiệm thu
10	Nghiên cứu Doanh nghiệp xã hội ở Việt Nam – Khái niệm, Bối cảnh, và Chính sách	Đề tài của CIEM-CSIP-BC (thành viên)	T5/2012	Đã nghiệm thu
11	Báo cáo về xuất khẩu ngành công nghiệp chế tạo của Việt Nam (Country Report)	Đề tài Học hỏi để cạnh tranh (Learning to Compete – L2C) của UNU-WIDER (thành viên)	T12/2012	Đã nghiệm thu
12	Báo cáo cạnh tranh trong 10 lĩnh vực năm 2012	Đề tài của Cục Quản lý cạnh tranh (thành viên)	T7/2012	Đã nghiệm thu

13	Nghiên cứu Năng lực cạnh tranh của các công ty xuất khẩu ở Việt Nam	Đề tài của Quỹ Châu Á (thành viên)	T5/2011	Đã nghiệm thu
14	Báo cáo Doanh nghiệp hàng năm của VCCI 2010: Xu hướng tái cấu trúc doanh nghiệp	Đề tài của VCCI (thành viên)	T12/2011	Đã nghiệm thu
15	Báo cáo Năng lực cạnh tranh Việt Nam (Vietnam Competitiveness Report 2010)	Đề tài của CIEM-ĐHQG Singapore-Harvard Business School (thành viên)	T12/2010	Đã nghiệm thu
16	Nghiên cứu Hiệu quả và Năng lực cạnh tranh của khu vực kinh tế tư nhân ở Việt Nam	Đề tài của DFID (thành viên)	T11/2010	Đã nghiệm thu
17	Nghiên cứu Sáp nhập và mua lại doanh nghiệp: Lý thuyết, kinh nghiệm quốc tế và kiến nghị chính sách cho Việt Nam	Cấp Bộ (chủ nhiệm)	T12/2009	Đã nghiệm thu
18	Nghiên cứu Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp: Lý thuyết, kinh nghiệm quốc tế và kiến nghị chính sách cho Việt Nam	Cấp Viện (chủ nhiệm)	T12/2008	Đã nghiệm thu
19	Thống kê và đánh giá các điều kiện kinh doanh	Đề tài của UNDP (thành viên)	T12/2008	Đã nghiệm thu

2.2. Các hướng nghiên cứu đề tài, luận văn, số lượng sinh viên, học viên có thể tiếp nhận

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận hướng dẫn sinh viên và học viên cao học	Số lượng sinh viên, học viên cao học
1	Kinh tế vĩ mô, Kinh tế phát triển (Chính sách tái cơ cấu và ổn định kinh tế vĩ mô, Cải cách khu vực công)	4
2	Kinh tế đối ngoại (Đầu tư quốc tế, Thương mại quốc tế)	4
3	Doanh nghiệp, Văn hóa doanh nghiệp (Kinh tế tư nhân, Quản trị công ty)	4

2.3. Kinh nghiệm giảng dạy

TT	Tên môn	Trình độ Đại học	Trình độ Đại học bằng Tiếng Anh	Trình độ Thạc sỹ
1	Đầu tư quốc tế	X	X	
2	Kinh tế phát triển	X	X	
3	Kinh tế vĩ mô	X	X	
4	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế	X	X	X

2.4. Các công trình nghiên cứu đã công bố trong 5 năm gần đây

TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
1	Doanh nghiệp nữ làm chủ và tinh thần doanh nhân nữ ở Việt Nam	Tác giả chính	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, số 615, tháng 7/2022
2	Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào R&D ở Việt Nam	Đồng tác giả	Đặc san nghiên cứu Chính sách và Phát triển, số 1/2022
3	Women entrepreneurship of female shop owners in Hanoi	Đồng tác giả	Vietnam's Socio-Economic Development Review, vol. 25, issue 3/2020
4	Industrial capabilities of Vietnamese private manufacturing firms and policy implications	Đồng tác giả	Journal of Economic and Development, Special Issue 2020 (ISSN/ISBN: 1859 0020)
5	Social enterprises in Vietnam	Đồng tác giả	Research paper, CIEM – UN ESCAP – BC
6	Manufacturing Transformation: Comparative Study of Industrial Development in Africa and Emerging Asia	Đồng tác giả, Chapter 12: The Evolution of Vietnamese Industry	Oxford University Press, 2016

Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN



Nguyễn Thị Hạnh Vân

NGƯỜI KHAI

(Signature)

L. M. Đức

TS. LƯU MINH ĐỨC



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ

BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM

Cấp cho: Lưu Minh Đức

Sinh ngày: 27-9-1977

Nơi sinh: Hà Nội

Đã hoàn thành chương trình

Bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên đại học, cao đẳng

Từ ngày 06 tháng 3 năm 2021

đến ngày 03 tháng 4 năm 2021

Hội đồng thi: Học viện Quản lý giáo dục

Xếp loại: Khá

Hà Nội

Ngày 09 tháng 4 năm 2021

Học viện Quản lý Giáo dục

Số hiệu: 000781

Số vào sổ cấp chứng chỉ: 105

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Phòng Quản lý Đào tạo Trung

NGÀY: 19-04-2021

SỐ CHỨNG THỰC: 361 / 02



PHÓ CHỦ TỊCH

Đoàn Kim Sơn

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2018

CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CÔNG NHẬN

Văn bằng số:

Ngày cấp: 12/02/2018

Do:

Trường Đại học Sydney, Australia

Cấp cho:

Lưu Minh Đức

Ngày sinh:

27 tháng 9 năm 1977

Nơi sinh:

Hà Nội

Là bằng tốt nghiệp

Tiến sĩ

Đã đăng ký tại Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 19 tháng 4 năm 2018

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày:

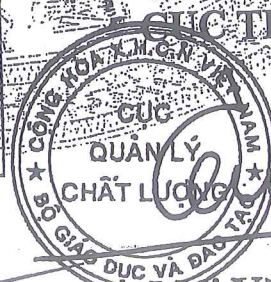
21-04-2018

SỐ CHỨNG THỰC: 896... QUYỀN SỬ DỤNG: 02/BS



PHÓ CHỦ TỊCH

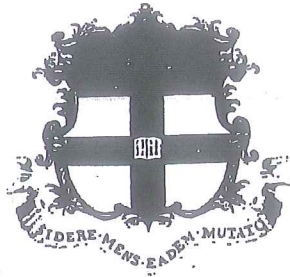
Bùi Văn Khánh



CỤC TRƯỞNG

Mai Văn Trinh

Đã vào sổ đăng ký số 0031.12/CNVB-15



BẢN SAO

THE UNIVERSITY OF SYDNEY

In the name of the Senate and by the authority of the same be it known that

Minh Duc Luu

having fulfilled all the requirements and having passed all the examinations prescribed by the By-laws has been this day admitted to the degree of

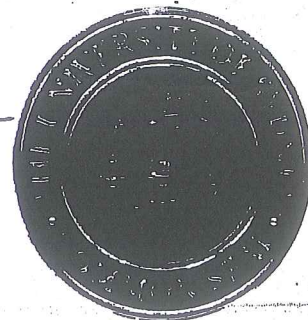
Doctor of Social Sciences

and to all the privileges attached to the same by Royal Charter in token whereof the Senate has authorised the Corporate Seal of the University to be hereunto affixed

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.
Số chứng thực 2 5 1 Quyển 02 SCT/BS

Ngày: 23-02-2018

TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP QUẢN CẤU GIẤY



Vice-Chancellor and Principal

Vũ Thanh Mai

Ph

Deputy Vice-Chancellor (Education)

Dated this Twelfth day of February, Two thousand and eighteen

BẢN DỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NEWPORT

HỢP CHỮNG QUỐC HOA KỲ

Chứng nhận

Lưu Minh Đức

Đã đáp ứng được các yêu cầu tốt nghiệp quy định bởi nhà trường, căn cứ vào đề xuất của khoa và được sự ủy quyền của ban giám hiệu cấp

BẰNG THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH
Chuyên ngành: Quản lý Marketing

Cùng với toàn bộ quyền, đặc quyền và danh dự gắn liền.

Cấp ngày 12 tháng 3 năm 2004

Chủ tịch nhà trường
Tiến sĩ Clive L. Grafton
(đã ký và đóng dấu)

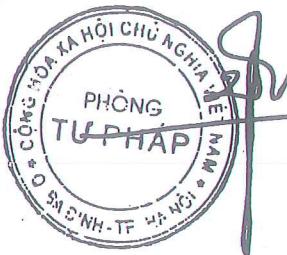
Chứng thực bà Đoàn Quỳnh Hoa, CMND số 011877039 cấp tại Công an Tp. Hà Nội ngày 25/6/2007 đã ký trước mặt tôi.
Số chứng thực: 6120 Quyển số: 03 SCT/CK
Tại phòng tư pháp Quận Ba Đình, Tp. Hà Nội ngày 16/7/2008

Tôi, Đoàn Quỳnh Hoa, CMND số 011877039 cấp tại Công an Hà Nội ngày 25/6/2007, cam đoan đã dịch chính xác văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.
Ngày, 16/7/2008

Người dịch



Đoàn Quỳnh Hoa



TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP
Đỗ Gia Khương

PHÂN SÁCH
CƠ T

Sanford University

United States of America

This is to certify that

Frank Duc Tuu

Having satisfied requirements for graduation prescribed
by this Institution, upon recommendation of the

Faculty and by the authority of the
Board of Directors, is awarded

the degree of

Master of Business Administration
Marketing Management

March 12, 2004



Wibe H. Gration, Ph.D.
President

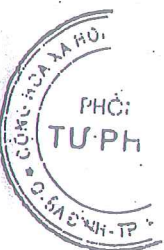
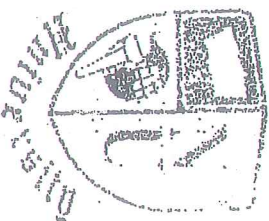
CHỨNG NHẬN
SAO ĐÚNG BẢN CHÍNH
NGÀY 22-1-2004
SỐ..... QUYỀN..... TP/CC-SCC

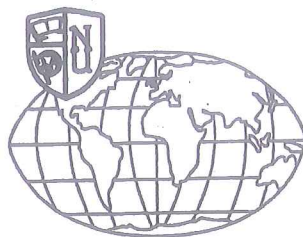


CÔNG CHỨNG VIỆN

Đang Tồn

CHỨNG NHẬN





Newport University

(UK Campus)

Dedicated to Global Education

TRANSCRIPT

Our Ref: E7427

Date: March 2004

Student's Name : Minh Duc LUU

This is to confirm that the above named was a full-time student during the period October 2002 – October 2003 following a one year Master of Business Administration (Marketing Management) degree programme. Mr Luu successfully completed the above programme in March 2004 with the following grades:

Key to Grades: A = 70+%; B = 60-69%; Cr = 50-59%

Course code	Subject	Mark	Grade
BUS 504	Management Finance	84	A
BUS 510	Marketing Management	75	A
BUS 514	Human Resource Management	71	A
BUS 522	Business Strategy & Policy	78	A
BUS 616	Advanced Quantitative Methods	88	A
BUS 622	Advanced Managerial Economics	74	A
BUS 627	Multinational Marketing (elective)	72	A
BUS 645	Contemporary Marketing (elective)	80	A
BUS 652	International Marketing (elective)	72	A
BUS 696	Dissertation: Macdonald's Marketing Adjustments	50	Cr



T RIAZ

Director of Admissions

University House • 55 East Road • London • N1 6AH Telephone 020 7253 1155 • Facsimile 020 7251 6610
E-mail newport@citycollege.ac.uk • www.citycollege.ac.uk/newport

Newport University (UK Campus) operates under licence from Newport University (USA); it is a trading name of City & Newport Educational Group Ltd, a Company Limited by Guarantee, registered in England No. 3763682

BẢN DỊCH

ĐẠI HỌC QUỐC GIA ÚC

Tên: LƯU MINH ĐỨC
TÓM TẮT VỀ CHƯƠNG TRÌNH VÀ BẰNG ĐƯỢC CẤP

Mã sinh viên: 4757908

Mô tả
Chứng nhận sau đại học chuyên ngành Quản trị công

Tình trạng
Đã cấp bằng

Ngày
10.12.2010

THÔNG TIN CHI TIẾT

Mã khóa học	Tên khóa học	Số học trình đạt được	Điểm	Xếp loại
SAU ĐẠI HỌC				
6908	Chứng nhận sau đại học chuyên ngành Quản trị công			
2009	Học kỳ mùa đông			
POGO8068	Dự án nghiên cứu dựa trên công việc	6	55	Đạt
	Học kỳ mùa xuân 2009			
POGO8062	Quản lý thành phần kinh tế nhà nước	6	78	Giỏi
POGO8067	Thay đổi thành phần kinh tế nhà nước hàng đầu	6	80	Xuất sắc
POGO8111	Lãnh đạo thành phần kinh tế nhà nước	6	80	Xuất sắc

Tổng số các khóa học được in trên bảng điểm: 4
Các thông tin dưới dòng này KHÔNG CÓ GIÁ TRỊ

Chứng nhận hoàn toàn đúng và chính xác
(Xem hệ thống xếp loại ở mặt sau)

Cán bộ đào tạo
Tim Beckett
(Đã ký và đóng dấu)
Ngày: 13.12.2010

ĐẠI HỌC QUỐC GIA ÚC
Canberra * ACT*0200* Úc
www.anu.edu.au

Ngày 25 tháng 10 năm 2017

(Ngày hai mươi lăm tháng mười năm hai nghìn không trăm mười bảy)



ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH.

Tôi, **Lê Thị Thu Hà**, Trưởng/Phó Trưởng phòng tư pháp
Chứng thực Ông/bà Phạm Thị Kim Dung là người đã ký vào bản dịch này trước mặt tôi.

Số chứng thực: 2592 Quyền số: 01 SCT/CKND

Tôi, Phạm Thị Kim Dung, CMND số 132064550 cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Ngày 25 tháng 10 năm 2017
Người dịch

Phạm Thị Kim Dung



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP

Lê Thị Thu Hà

STUDENT No.

4757908

NAME

MINH DUC LUU
AWARD AND PROGRAM SUMMARY

DESCRIPTION	STATUS	DATE
GRADUATE CERTIFICATE IN PUBLIC ADMINISTRATION	AWARDED	10 DECEMBER 2010

ENROLMENT DETAILS

COURSE CODE COURSE TITLE

UNITS EARNED MARK GRADE

POSTGRADUATE

6908	GRADUATE CERTIFICATE IN PUBLIC ADMINISTRATION				
2009	WINTER SESSION		6	55	P
	POG08068	WORK BASED RESEARCH PROJECT			
	SPRING SESSION 2009		6	78	D
	POG08062	PUBLIC SECTOR MANAGEMENT	6	80	HD
	POG08067	LEADING PUBLIC SECTOR CHANGE	6	80	HD
	POG08111	PUBLIC SECTOR LEADERSHIP			

total number of courses printed on academic transcript: 4

Entries below this line are NOT VALID


Certified Correct (see reverse side for gradings)

page 1 of 1



MINH DUC LUU
SID 440087946

AWARDS

Doctor of Social Sciences
Conferred on 12 February 2018

COURSE HISTORY

Details of Doctor of Social Sciences

Department: Political Economy

Thesis title: Governing Privatisation (Equitisation) in Vietnam: an Inquiry within an Institutional Perspective

2014 Doctor of Social Sciences

		Grade	Marks	Units
ECOP6031	Research in Political Economy	CR	70.0	6.0
GOVT6139	Research Design	DI	75.0	6.0

2015 Doctor of Social Sciences

2016 Doctor of Social Sciences

2017 Doctor of Social Sciences

Entries below this line are invalid.



GRADING

85 and over

75 to 84

65 to 74

50 to 64

HIGH DISTINCTION

DISTINCTION

CREDIT

PASS

FLEXSIS

SYDNEY STUDENT

CODE

CODE

RESULT CODE DESCRIPTION

A	PX	PASS (A, B, C SCALE)
AF	AF	ABSENT - FAIL
AX	AX	ABSENT - FAIL, SUPPLEMENTARY EXAMINATION AWARDED
B	PY	PASS (A, B, C SCALE)
C	PZ	PASS (A, B, C SCALE)
CP	CP	CONCESSIONAL PASS
CR	CR	CREDIT
CRA	CA	CREDIT (AEGROTAT)
D	DI	DISTINCTION
DA	DA	DISTINCTION (AEGROTAT)
DF	DF	DISCONTINUED - FAIL
DISC	DS	DISCONTINUED
DNF	DC	DISCONTINUED - NOT TO COUNT AS FAILURE
DP	DP	DISCONTINUED WITH PERMISSION
E	EX	EXEMPT
EH1	K1	EQUIVALENT TO HONOURS CLASS I
EH21	K2	EQUIVALENT TO HONOURS CLASS II, DIVISION 1
EH22	K3	EQUIVALENT TO HONOURS CLASS II, DIVISION 2
EH3	K4	EQUIVALENT TO HONOURS CLASS III
F	FA	FAIL
FMP	FP	FAIL, MAY PROCEED
FR	FR	FAILED REQUIREMENTS
H1	1H	HONOURS CLASS I
H1M	1M	HONOURS CLASS I AND UNIVERSITY MEDAL
H1MS	M2	HONOURS CLASS I AND UNIVERSITY MEDAL (SHARED)
H21	2U	HONOURS CLASS II, DIVISION 1
H22	2L	HONOURS CLASS II, DIVISION 2
H3	3H	HONOURS CLASS III
HD	HD	HIGH DISTINCTION
HSAT	HS	HIGHLY SATISFACTORY
INC	IC	INCOMPLETE
INEL	IE	INELIGIBLE
M	TO	TERMINATING PASS, OPTIONAL SUPPLEMENTARY EXAMINATION
MC	TS	TERMINATING PASS, SUPPLEMENTARY EXAMINATION (CONCESSIONAL)
MINC	J2	INCOMPLETE
NE	NE	NOT EXAMINABLE
OUTS	OU	OUTSTANDING
P	PS	PASS
PA	PA	PASS (AEGROTAT)
PC	PC	PASS WITH CREDIT
PCON	PN	PASS (CONCESSIONAL)
PH	PH	PASS AT HONOURS LEVEL
PM	PM	PASS WITH MERIT
R	SR	SATISFIED REQUIREMENTS
RINC	RI	INCOMPLETE
SATS	SA	SATISFACTORY
T	TP	TERMINATING PASS
TC	TC	TERMINATING PASS (CONCESSIONAL)
UCN	UC	UNIT OF STUDY CONTINUING
USAT	US	UNSATISFACTORY
X	SU	FAIL - SUPPLEMENTARY EXAMINATION AWARDED
XC	FS	FAIL - CONCESSIONAL SUPPLEMENTARY EXAMINATION
XTCA	SC	SUPPLEMENTARY EXAMINATION TO COUNT AS ANNUAL



MINH DUC LUU
SID 440087946

OFFICIAL ACADEMIC RECORD

PRIZES AND SCHOLARSHIPS BASED ON ACADEMIC RESULTS

ACADEMIC PRIZES

- 2014 Doctor of Social Sciences
Awarded the Australia Awards Scholarship (AAS)
- 2015 Doctor of Social Sciences
Awarded the Australia Awards Scholarship (AAS)
- 2016 Doctor of Social Sciences
Awarded the Australia Awards Scholarship (AAS)
- 2017 Doctor of Social Sciences
Awarded the Australia Awards Scholarship (AAS)
- 2018 Doctor of Social Sciences
Awarded the Australia Awards Scholarship (AAS)

Professor Philippa Pattison AO
Deputy Vice-Chancellor (Education)
12 February 2018

Entries below this line are invalid.



GRADING

85 and over

75 to 84

65 to 74

50 to 64

HIGH DISTINCTION

DISTINCTION

CREDIT

PASS

FLEXSIS

SYDNEY STUDENT

CODE

CODE

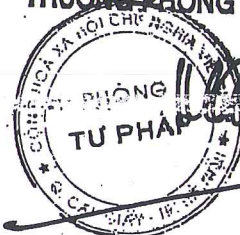
RESULT CODE DESCRIPTION

A	PX	PASS (A, B, C SCALE)
AF	AF	ABSENT - FAIL
AX	AX	ABSENT - FAIL, SUPPLEMENTARY EXAMINATION AWARDED
B	PY	PASS (A, B, C SCALE)
C	PZ	PASS (A, B, C SCALE)
CP	CP	CONCESSIONAL PASS
CR	CR	CREDIT
CRA	CA	CREDIT (AEGROTAT)
D	DI	DISTINCTION
DA	DA	DISTINCTION (AEGROTAT)
DF	DF	DISCONTINUED - FAIL
DISC	DS	DISCONTINUED
DNF	DC	DISCONTINUED - NOT TO COUNT AS FAILURE
DP	DP	DISCONTINUED WITH PERMISSION
E	EX	EXEMPT
EH1	K1	EQUIVALENT TO HONOURS CLASS I
EH21	K2	EQUIVALENT TO HONOURS CLASS II, DIVISION 1
EH22	K3	EQUIVALENT TO HONOURS CLASS II, DIVISION 2
EH3	K4	EQUIVALENT TO HONOURS CLASS III
F	FA	FAIL
FMP	FP	FAIL, MAY PROCEED
FR	FR	FAILED REQUIREMENTS
H1	1H	HONOURS CLASS I
H1M	1M	HONOURS CLASS I AND UNIVERSITY MEDAL
H1MS	M2	HONOURS CLASS I AND UNIVERSITY MEDAL (SHARED)
H21	2U	HONOURS CLASS II, DIVISION 1
H22	2L	HONOURS CLASS II, DIVISION 2
H3	3H	HONOURS CLASS III
HD	HD	HIGH DISTINCTION
HSAT	HS	HIGHLY SATISFACTORY
INC	IC	INCOMPLETE
INEL	IE	INELIGIBLE
M	TO	TERMINATING PASS, OPTIONAL SUPPLEMENTARY EXAMINATION
MC	TS	TERMINATING PASS, SUPPLEMENTARY EXAMINATION (CONCESSIONAL)
MINC	J2	INCOMPLETE
NE	NE	NOT EXAMINABLE
OUTS	OU	OUTSTANDING
P	PS	PASS
PA	PA	PASS (AEGROTAT)
PC	PC	PASS WITH CREDIT
PCON	PN	PASS (CONCESSIONAL)
PH	PH	PASS AT HONOURS LEVEL
PM	PM	PASS WITH MERIT
R	SR	SATISFIED REQUIREMENTS
RINC	RI	INCOMPLETE
SATS	SA	SATISFACTORY
T	TP	TERMINATING PASS
TC	TC	TERMINATING PASS (CONCESSIONAL)
UCN	UC	UNIT OF STUDY CONTINUING
USAT	US	UNSATISFACTORY
X	SU	FAIL - SUPPLEMENTARY EXAMINATION AWARDED
XC	FS	FAIL - CONCESSIONAL SUPPLEMENTARY EXAMINATION
XTCA	SC	SUPPLEMENTARY EXAMINATION TO COUNT AS ANNUAL

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH.
Số chứng thực: 52 Quyển 36: SCT/BS

Ngày: 23-02-2018

TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP QUẬN CẦU GIẤY



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP

Vũ Thanh Mai

Số: 309/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tiếp nhận viên chức

VIỆN TRƯỞNG VIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-BKH ngày 25 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 298/QĐ-QLKTTW ngày 27 tháng 4 năm 2021 của Viện trưởng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương về việc chấm dứt Hợp đồng làm việc và chuyển công tác đối với viên chức Lưu Minh Đức;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

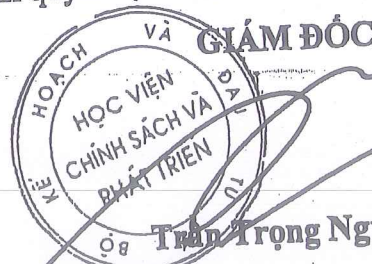
Điều 1. Tiếp nhận Tiến sĩ LƯU MINH ĐỨC, Nghiên cứu viên (mã số V.05.01.03), Ban Nghiên cứu môi trường kinh doanh và Năng lực cạnh tranh, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đến nhận công tác tại Viện Đào tạo quốc tế, Học viện Chính sách và Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2021.

Điều 2. Tiền lương và các khoản phụ cấp (nếu có) của ông Lưu Minh Đức do Học viện Chính sách và Phát triển chi trả theo giấy thôi trả lương của cơ quan cũ chuyển đến theo chế độ hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Tổ chức – Hành chính, Viện trưởng Viện Đào tạo quốc tế, Người đứng đầu các đơn vị thuộc Học viện có liên quan và ông Lưu Minh Đức chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *tb*

- Như Điều 3;
- Vụ TCCB (để b/c);
- Chủ tịch HĐ; Ban GD;
- Lưu: TCHC (2 bản).



Số: 25 /HDLV-HVCSPT

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2021

HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC KHÔNG XÁC ĐỊNH THỜI HẠN

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Quyết định số 304/QĐ-HVCSPT ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển về việc tiếp nhận viên chức đối với ông Lưu Minh Đức;

Chúng tôi, một bên là Ông: Trần Trọng Nguyên

Chức vụ: Giám đốc

Đại diện cho Học viện Chính sách và Phát triển

Địa chỉ: Khu đô thị Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội.

Điện thoại: 0243. 7473186.

Và một bên là Ông: Lưu Minh Đức

Sinh ngày 27/9/1977 tại Hà Nội.

Trình độ đào tạo: Tiến sĩ

Chuyên ngành đào tạo: Kinh tế chính trị.

Năm tốt nghiệp: 2018.

Nghề nghiệp trước khi được tuyển dụng: Nghiên cứu viên.

Địa chỉ thường trú tại: số 106E, tổ 15, cụm 3, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Số chứng minh thư nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân: 011835125.

Cấp ngày 06 tháng 6 năm 2012 tại Công an Hà Nội.

Thỏa thuận ký kết Hợp đồng làm việc và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1. Loại hợp đồng, thời hạn và nhiệm vụ hợp đồng

- Loại Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn.

- Địa điểm làm việc: Viện Đào tạo quốc tế - Học viện Chính sách và Phát triển.

- Nhiệm vụ: Thực hiện theo sự phân công của Ban Giám đốc Học viện và Viện trưởng Viện Đào tạo quốc tế.



Điều 2. Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: 8 giờ/ngày làm việc.
- Được trang bị những phương tiện làm việc: Theo quy định của Nhà nước.

Điều 3. Nghĩa vụ và quyền lợi của người ký kết hợp đồng làm việc

1. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành nhiệm vụ đã cam kết trong hợp đồng làm việc.
- Chấp hành nội quy, quy chế của Viện, kỷ luật làm việc và các quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 của Luật Viên chức.
- Chấp hành việc xử lý kỷ luật và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.
- Chấp hành việc bố trí, phân công khi lãnh đạo Học viện có nhu cầu.

2. Quyền lợi:

- Được hưởng các quyền lợi quy định tại Điều, 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 và Điều 15 của Luật viên chức.

- Phương tiện đi lại làm việc: Tự túc.

- Chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm: Nghiên cứu viên (mã số V.05.01.03);

Bậc: 6/9, Hệ số lương: 3,99.

- Phụ cấp và các khoản ngoài lương (nếu có): Theo quy định hiện hành của Nhà nước và cơ quan.

- Thời gian để xét nâng bậc lương lần sau kể từ ngày 01/02/1019.

- Được trang bị bảo hộ khi làm việc (nếu có): Theo quy định hiện hành của Nhà nước và cơ quan.

- Số ngày nghỉ hàng năm được hưởng lương (nghỉ lễ, phép, việc riêng): Theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Chế độ bảo hiểm: Được hưởng quyền lợi bảo hiểm xã hội theo chế độ hiện hành của Nhà nước.

- Được hưởng các phúc lợi: Theo quy định hiện hành của Nhà nước và cơ quan.

- Được hưởng các khoản thưởng, nâng bậc lương, thi xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện nhiệm vụ hợp tác khoa học, công nghệ với các đơn vị trong hoặc ngoài nước theo quy định của Luật Viên chức và các quy định hiện hành của cơ quan.

- Được hưởng các chế độ thôi việc, trợ cấp thôi việc, bồi thường theo quy định của pháp luật về viên chức.

- Có quyền đề xuất, khiếu nại, thay đổi, đề nghị chấm dứt hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật.

- Những thỏa thuận khác: Không.

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của người đứng đầu Học viện Chính sách và Phát triển

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng làm việc.

- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ của viên chức đã cam kết trong hợp đồng làm việc.

2. Quyền hạn:

- Sử dụng viên chức để hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, phân công, tạm đình chỉ công tác,...)

- Chấm dứt hợp đồng làm việc, kỷ luật viên chức theo quy định của pháp luật về viên chức.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của viên chức không ghi trong hợp đồng làm việc này thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức.

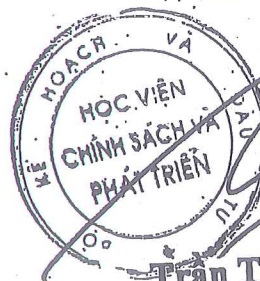
- Hợp đồng này làm thành 05 bản có giá trị như nhau, Học viện Chính sách và Phát triển giữ 04 bản, viên chức được ký hợp đồng giữ 01 bản; hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2021.

- Hợp đồng này làm tại Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2021.

VIÊN CHỨC

[Signature]
Lê Minh Đạt

GIÁM ĐỐC



[Signature]
Trần Trọng Nguyên

LÝ LỊCH KHOA HỌC

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN

- 1.1. Họ và tên: **BÙI THANH BÌNH**
- 1.2. Năm sinh: **16 tháng 10 năm 1978** Nam/Nữ: **Nam**
- 1.3. Nơi đang công tác hiện nay: **Học viện Chính sách và Phát triển**
- 1.4. Học vị: **Tiến sỹ** Nước: **Việt Nam** Năm đạt học vị: **2022**
- 1.5. Học hàm: Năm phong:
- 1.6. E-mail: **buibinhhcp@gmail.com**
- 1.7. Trình độ ngoại ngữ

Tên NN	Nghe			Nói			Viết			Đọc hiểu tài liệu		
	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB	Tốt	Khá	TB
Tiếng Anh		x			x			x		x		

1.8. Quá trình công tác

Thời gian	Nơi công tác	Chức vụ
10/2007 – 4/2011	Công ty cổ phần vận tải Biển Bắc Nosco – Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	Chuyên viên
4/2011 đến nay	Học viện Chính sách và Phát triển – Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Giảng viên

1.9. Quá trình đào tạo

Bậc đào tạo	Thời gian đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên ngành
Đại học	2011	Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội	Xã hội học
Đại học	2004	Đại học Hà Nội	Ngôn ngữ Anh
Thạc sĩ	2014	Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội	Công tác xã hội
Tiến sĩ	2022	Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn Hà Nội	Công tác xã hội
Chứng chỉ	2012	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Phân tích hoạch động chính sách
Chứng chỉ	2013	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Quản lý Đấu thầu
Chứng chỉ	2013	Viện Chính sách và Quản lý – Rosa Luxemburg Stiftung	Kỹ năng phân tích và hoạch định chính sách ở cấp cơ sở tại Việt Nam
Chứng chỉ	2012	Tổ chức phát triển quốc tế Canada	Phương pháp nghiên cứu định tính trong nghiên cứu công tác xã hội
Chứng chỉ	2013	Tổ chức hợp tác phát triển quốc tế Thái Lan và Trường Đại học Srinakhariwirot	Khóa đào tạo tiếng anh dành cho nhân viên chính phủ Việt Nam

II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY

2.1. Các đề tài nghiên cứu khoa học

TT	Tên đề tài	Cấp QĐ, Mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu

1	Nghiên cứu chiến lược thu hút FDI vào lĩnh vực nghiên cứu phát triển (R&D) phục vụ công tác xúc tiến đầu tư	Cấp bộ (Thành viên)	2021	Đã nghiệm thu
2	Nghiên cứu xác định các yếu tố tác động đến khả năng liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước phục vụ công tác XTĐT	Cấp bộ (thành viên)	2019	Đã nghiệm thu

2.2. Các hướng nghiên cứu đề tài, luận văn, số lượng học viên có thể tiếp nhận

TT	Hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu có thể nhận hướng dẫn học viên cao học	Số lượng học viên cao học
----	--	---------------------------

2.3. Kinh nghiệm giảng dạy

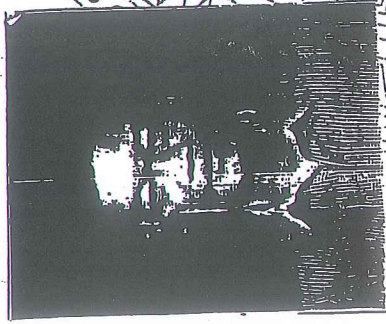
TT	Tên môn	Trình độ Đại học	Trình độ Đại học bằng tiếng Anh	Trình độ Thạc sĩ
1	Chính sách công	x		
2	Phương pháp nghiên cứu khoa học	x		
3	Xã hội học	x		
4	Chính sách xã hội	x		

2.4. Các công trình đã công bố trong 5 năm gần đây

TT	Tên công trình	Tên tác giả	Nguồn công bố
1	Assesssing the impact of food support policy primary and secondary school children in Lai Chau province, who will no longer be eligible for assistance when	Đồng tác giả	SOCIOINT 2022-9th International Conference on Education and

	region villages region III communes, vilages, and hamlets become region I, as per Vietnamese government regulations		Education of Social Sciences, pp 6-12 ISBN: 978-605-06286-6-1
2	Factors Influencing Educational Support Policy Implementation to High School Level Students of Vietnam Minority Groups	Đồng tác giả	Proceedings of 16 th International Conference on Humanities and Social Sciences 2021 (IC-HUSO 2021) 18th - 19th November 2021, Faculty of Humanities and Social Sciences, Khon Kaen University, Thailand. ISBN (e-book): 978-616-438-676-1
3	Các chính sách hỗ trợ giáo dục cho học sinh dân tộc thiểu số: đưa học sinh đến trường vẫn là chưa đủ (Nghiên cứu trường hợp tỉnh Lai Châu)	Đồng tác giả	Tạp chí Nghiên cứu con người, số 6 (111), 2020, ISSN 0328-1557 tr. 44-61
4	Thực trạng và kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ về giáo dục cho học sinh trung học phổ thông vùng dân tộc thiểu số tại tỉnh Lai Châu	Tác giả	Tạp chí Kinh tế và Dự báo, Số 24, ngày 24 tháng 8 năm 2020, tr. 114-116
5	Một số công trình nghiên cứu thực hiện chính sách hỗ trợ về giáo dục vùng dân tộc thiểu số miền núi	Tác giả	Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, Số 549, tháng 9 năm 2019, tr.58-60.
6	Khuyến nghị chính sách và chương trình hỗ trợ học sinh là người dân tộc thiểu số, miền núi	Tác giả	Tạp chí Kinh tế - Dự báo, Số 23, tháng 08 năm 2019 (710), tr.48-50.

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC



Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 05 tháng 05 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Giáo dục thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội.

Căn cứ Quyết định số 8309/QĐ-BGDĐT ngày 15/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên các trường đại học, cao đẳng.

Căn cứ Thông tư số 12/2013/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 07 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học.

Căn cứ Quyết định số 2091/QĐ-ĐHGD ngày 23 tháng 10 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giáo dục về việc công bố kết quả và cấp chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm đại học.

Số vào sổ: 21.0974/NVSPĐH
Số hiệu CC: 22.01077

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC
cấp
CHỨNG CHỈ

NGHIỆP VỤ SƯ PHẠM ĐẠI HỌC

Chợ anh (chị): **Bùi Thanh Bình**

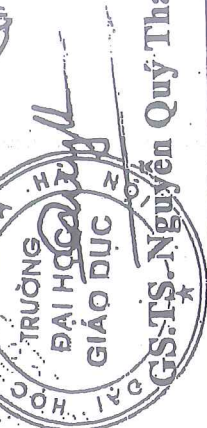
Sinh ngày: 16/10/1978 tại: Thái Bình

Đang công tác tại: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIÁO DỤC**
Chức vụ: **GIẢNG VIÊN**

Kết quả: 7.7 Xếp loại: Khá

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

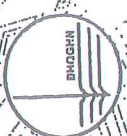


GS.TS. Nguyễn Quý Thanh

CÔNG CHỨNG VIÊN

Số 21.0974/NVSPĐH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN SAO

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY, HANOI

Confers

THE DEGREE OF

DOCTOR OF PHILOSOPHY

Social Work

VNU University of Social Sciences and Humanities

Ms. Bui Thanh Binh

Upon: 16 October 1978

Date of birth: 16 October 1978

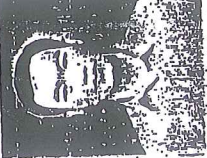
Place of birth: Thai Binh

TM. VÂN PHONG

CHỦ CHỨC ĐÌNH NHẬT 01/01/1978

CHỖ CHỮ

21 tháng 6 năm 2022



Award holder's signature

HỮU TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Hoàng Anh Thành

Pt. Quan

Quyết định công nhận học vị và cấp bằng số 3509-B-XH/ST ngày 17/01/2022

Số hiệu bằng: 002592

CÔNG CHỨNG VIỆN

Nguyễn Văn Vàng

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRÍ DŨNG ĐỘC LẬP KHÁNH PHÁC



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY, HANOI

RECTOR

VNU - University of Social Sciences and Humanities

Confers

THE DEGREE OF MASTER

In: Social Work

Upon: Mr. Bui Thanh Binh

Date of birth: 16 October 1978

Place of birth: Thai Binh



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

HIỆU TRƯỞNG

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Cấp

BẠNG THẠC SĨ

CHUYÊN NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI

Công tác xã hội

Ông Bui Thanh Binh

Thái Bình

Sinh ngày 16/10/1978

Trại

Hà Nội

6 tháng 7 năm 2014

Thái Bình

Sinh ngày 16/10/1978

Trại

Hà Nội

6 tháng 7 năm 2014

Thái Bình

Sinh ngày 16/10/1978

Trại

Hà Nội

6 tháng 7 năm 2014



BAN SAO

Hà Nội, ngày 09 tháng 06 năm 2004

KẾT QUẢ HỌC TẬP

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ CHUNG NHÂN

(The Rector of the Hanoi University of Foreign Studies certifies that:)

Họ và tên (Name): Bùi Thanh Bình
Ngày tháng năm sinh (Date of Birth): 16-10-78
Nơi sinh (Place of Birth): Thái Bình
Khóa (Cohort): 2000-2004
Hệ từ xa (Distance Education Course)

Ngành đào tạo (Field of Study): Tiếng Anh (English)

ANH

Môn học	Số tiết	Điểm	Môn học	Số tiết	Điểm
1. Thực hành tiếng 1 (Elementary Course)	360	5.0	- Nghe (Listening)	5.0	4.0
- Nói (Speaking)	6.0	5.0	- Đọc (Reading)	6.0	5.0
- Viết (Writing)	5.0	5.0	- Nghe (Listening)	4.0	6.0
2. Thực hành tiếng 2 (Intermediate Course)	360	6.0	- Nói (Speaking)	6.0	5.0
- Đọc (Reading)	5.0	5.0	- Viết (Writing)	4.0	5.0
3. Thực hành tiếng 3 (Advanced Course)	360	5.0	- Nghe (Listening)	5.0	6.0
- Nói (Speaking)	6.0	5.0	- Đọc (Reading)	6.0	5.0
- Viết (Writing)	4.0	5.0	- Nghe (Listening)	5.0	6.0
4. Triết học (Philosophy)	45	5.0	- Nói (Speaking)	6.0	5.0
5. Kinh tế chính trị (Political Economics)	45	5.0	- Đọc (Reading)	6.0	5.0
6. Tiếng Việt (Vietnamese Studies)	45	5.0	- Viết (Writing)	4.0	5.0
7. Cơ sở văn hoá Việt Nam (Introduction to Vietnamese Culture)	45	5.0	- Nghe (Listening)	5.0	6.0
8. Dẫn luận ngôn ngữ học (Introduction to Linguistics)	45	5.0	- Nói (Speaking)	6.0	5.0
9. Thực hành tiếng 4 (Advanced Course)	360	5.0	- Đọc (Reading)	6.0	5.0
- Viết (Writing)	4.0	5.0	- Nghe (Listening)	4.0	6.0
10. Thực hành tiếng 5 (Advanced Course ESP)	460	5.0	- Nói (Speaking)	6.0	5.0
- Đọc (Reading)	5.0	5.0	- Viết (Writing)	4.0	5.0
11. Thực hành dịch (Translation)	500	6.0	- Nghe (Listening)	5.0	6.0
- Nói (Speaking)	6.0	5.0	- Đọc (Reading)	6.0	5.0
- Viết (Writing)	4.0	5.0	- Nghe (Listening)	5.0	6.0
12. Ngữ âm lý thuyết (Phonetics)	45	7.0	- Nói (Speaking)	6.0	5.0
13. Ngữ pháp lý thuyết (Grammar)	100	6.0	- Đọc (Reading)	6.0	5.0
14. Văn học Anh (English Literature)	100	5.0	- Viết (Writing)	4.0	5.0
15. Lý thuyết dịch (Translation Theory)	30	7.0	- Nghe (Listening)	5.0	6.0
16. Phương pháp giảng dạy ngoại ngữ (TESOL Methodology)	30	6.0	- Nói (Speaking)	6.0	5.0
17. Văn hoá-văn minh (Civilization)	45	6.0	- Đọc (Reading)	6.0	5.0
18. Lịch sử Đảng Cộng sản VN (History of Vietnamese Communist Party)	45	5.0	- Viết (Writing)	4.0	5.0
19. Chủ nghĩa Xã hội khoa học (Scientific Socialism)	45	5.0	- Nghe (Listening)	5.0	6.0

Kết quả thi tốt nghiệp ngày 16-05-2004 (Final Exam Results on 16-05-2004):
Dịch (Translation): 5.5
Lý thuyết tiếng (Modern Languages): 8.0
Xếp loại tốt nghiệp (Graduation Grade): Trung (Average)



TRƯỜNG ĐẠI HỌC
NGOẠI NGỮ
HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo..... CHÍNH QUY

ngành..... Khoa học

hạng..... T.Đ. K.H.A..... năm tốt nghiệp..... 2001

và công nhận danh hiệu

..... Sinh viên Khoa học

Số vào sổ

429/XHT

Số hiệu bằng

B.318294

Chữ ký của người được cấp bằng

Hiệu trưởng

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực..... 10.8.3. Quyển số 24.... SCT/BS

Ngày 05 tháng 5 năm 2001



PHÓ CHỦ TỊCH

..... Lê Thị Hồng

966. TS. Phạm Quang Long



Đà đi chi bảo già.

Chữ

U

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

— oOo —

BẢNG KẾT QUẢ HỌC TẬP

Họ và tên: BÙI THANH BÌNH

Ngày sinh: 16/10/1978

Nơi sinh: Thái Bình

Đã hoàn thành chương trình học tập 4 năm, khoá 42 (1997 - 2001), Khoa Xã hội học, hệ Chính quy, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội. *Kết quả học tập giai đoạn II như sau:*

NĂM HỌC THỨ HAI (1998 - 1999)

TT	Môn học	ĐVHT	Kết quả		Ghi chú
			Bảng số	Bảng chữ	
1	Xã hội học đại cương	5	7,0	bảy	
2	Xã hội học văn hoá	3	7,0	bảy	
3	Đạo đức học	2	5,0	năm	
4	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	8,0	tám	
5	Mỹ học	2	7,0	bảy	
6	Lịch sử Đảng	4	8,0	tám	
7	Ngoại ngữ	4	5,0	năm	

NĂM HỌC THỨ BA (1999 - 2000)

TT	Môn học	ĐVHT	Kết quả		Ghi chú
			Bảng số	Bảng chữ	
1	Xã hội học gia đình	3	7,0	bảy	
2	Xã hội học truyền thông đại chúng	2	6,0	sáu	
3	Xã hội học nông thôn	3	8,0	tám	
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	4	5,0	năm	
5	Ngoại ngữ	4	5,0	năm	
6	Lịch sử xã hội học	5	6,0	sáu	
7	Phương pháp nghiên cứu xã hội học	4	4,0/6,0	bốn/sáu	
8	Tin học	2	5,0	năm	
9	Thống kê xã hội học	2	6,0	sáu	
10	Tâm lý xã hội	3	9,0	chín	
11	Khoa học và công nghệ luận	2	8,0	tám	
12	Xã hội học đô thị	3	5,5	năm rưỡi	
13	Xã hội học tội phạm	2	7,0	bảy	
14	Xã hội học dư luận xã hội	2	5,0	năm	

15	Xã hội học tôn giáo	2	5,0	năm	
16	Xã hội học cộng đồng	2	6,0	sáu	
17	Xã hội học khoa học và công nghệ	2	8,0	tám	
18	Phương pháp nghiên cứu xã hội học	4	4,0/7,0	bốn/bảy	
19	Chính sách xã hội	2	7,0	bảy	

NĂM HỌC THỨ TƯ (2000 - 2001)

TT	Môn học	ĐVHT	Kết quả		Ghi chú
			Bảng số	Bảng chữ	
1	Xã hội học quản lý	3	5,0	năm	
2	Xã hội học dân số	2	9,0	chín	
3	Cộng tác xã hội	2	7,0	bảy	
4	Xã hội học chính trị	2	6,0	sáu	
5	Xã hội học lao động	2	9,0	chín	
6	Xã hội học kinh tế	2	8,0	tám	
7	Xã hội học pháp luật	2	8,0	tám	
8	Xã hội học giới	3	7,0	bảy	
9	Chuyên đề sử dụng thời gian nhàn rỗi	1	5,0	năm	
10	CE biến đổi nhu cầu hưởng thụ văn hoá	1	7,0	bảy	
11	Chuyên đề quản lý hoạt động văn hoá	1	9,0	chín	
12	Chuyên đề lao động và việc làm	2	6,0	sáu	
13	Lý thuyết xã hội học hiện đại	4	7,0	bảy	
14	Thực tập	8	9,5	chín rưỡi	

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Điểm thi tốt nghiệp

Môn I : 9,0

Môn II : 8,0

Môn III : 8,0

Điểm trung bình chung học tập GD II : 6,97

Xếp loại tốt nghiệp :

Trung bình khá

Số chứng thực.....511.....Quyển số.....02..... SCT/BS

Ngày 03 tháng 06 năm 2001



PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hương Lan

Hà nội, ngày 15 tháng 07 năm 2001

TL. HIỆU TRƯỞNG

KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

KT. CHỦ NHIỆM KHOA

PHÓ CHỦ NHIỆM KHOA

Vũ Hào Quang



ThS. Nguyễn Văn Mạo

Đã đối chiếu bản gốc

Ch



Hà Nội, ngày 09, tháng 06 năm 2004

KẾT QUẢ HỌC TẬP

(Academic Transcript)

BẢN SAO

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ CHỨNG NHẬN
(The Rector of the Hanoi University of Foreign Studies certifies that)

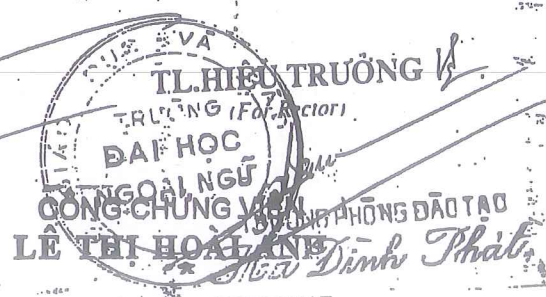
ANH

Họ và tên (Name): **Bùi Thanh Bình**
 Ngày tháng năm sinh (Date of Birth): **16-10-78**
 Nơi sinh (Place of Birth): **Thái Bình**
 Khóa (Cohort): **2000-2004**
 Hệ từ xa (Distance Education Course)

Ngành đào tạo (Field of Study): **Tiếng Anh (English)**

Môn học	Số tiết	Điểm	Môn học	Số tiết	Điểm
1. Thực hành tiếng 1 (Elementary Course)	360		9. Thực hành tiếng 4 (Advanced Course)	360	
- Nghe (Listening)		5.0	- Nghe (Listening)		4.0
- Nói (Speaking)		6.0	- Nói (Speaking)		5.0
- Đọc (Reading)		5.0	- Đọc (Reading)		6.0
- Viết (Writing)		5.0	- Viết (Writing)		5.0
2. Thực hành tiếng 2 (Intermediate Course)	360		10. Thực hành tiếng 5 (Advanced Course ESP)	460	
- Nghe (Listening)		4.0	- Nghe (Listening)		6.0
- Nói (Speaking)		6.0	- Nói (Speaking)		5.0
- Đọc (Reading)		6.0	- Đọc (Reading)		5.0
- Viết (Writing)		4.0	- Viết (Writing)		5.0
3. Thực hành tiếng 3 (Advanced Course)	360		11. Thực hành dịch (Translation)	500	
- Nghe (Listening)		5.0	- Dịch nghe (Oral Translation)		
- Nói (Speaking)		6.0	- Dịch viết (Written Translation)		
- Đọc (Reading)		8.0	12. Ngữ âm lý thuyết (Phonetics)	45	7.0
- Viết (Writing)		5.0	13. Ngữ pháp lý thuyết (Grammar)	100	6.0
4. Triết học (Philosophy)	45	M	14. Văn học Anh (English Literature)	100	5.0
5. Kinh tế chính trị (Political Economics)	45	M	15. Lý thuyết dịch (Translation Theory)	30	7.0
6. Tiếng Việt (Vietnamese Studies)	45	5.0	17. Văn hoá-văn minh (Civilization)	45	6.0
7. Cơ sở văn hoá Việt Nam (Introduction to Vietnamese Culture)			16. Phương pháp giảng dạy ngoại ngữ (TESOL Methodology)	30	6.0
8. Dẫn luận ngôn ngữ học (Introduction to Linguistics)		5.0	18. Lịch sử Đảng Cộng sản VN (History of Vietnamese Communist Party)	45	M
SỐ: 42QUYỀN: 01TP/CC/SCC			19. Chủ nghĩa Xã hội khoa học (Scientific Socialism)	45	M

Kết quả thi tốt nghiệp ngày 16-05-2004 (Final Exam Results on 16-05-2004):

Dịch (Translation): **5.5**Lý thuyết tiếng (Modern Languages): **8.0**Xếp loại tốt nghiệp (Graduation Grade): **Trung bình**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

The Rector of the College of Social Sciences and Humanities

CHỨNG NHẬN / CERTIFIES

Bùi Thanh Bình

Sinh ngày / Date of birth : 16/10/1978

Nơi sinh / Place of birth : Thái Bình

ĐÃ HOÀN THÀNH KHÓA BỒI DƯỠNG SAU ĐẠI HỌC CÔNG TÁC XÃ HỘI

TỪ NGÀY 29/12/2009 ĐẾN 02/02/2010 TẠI HÀ NỘI

Has successfully completed all the requirements of

Chương trình *Đào tạo* (Knowledge Enhancement Course

From December 29th, 2009 to February 2nd, 2010 in Hanoi

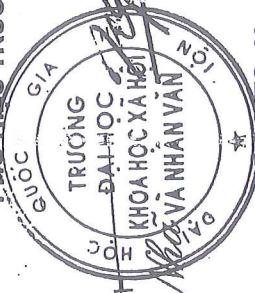
Số chứng thực..... Quyển số..... SC1788

Ngày 16...tháng...Đ. năm 2010

Hà Nội, ngày 26 tháng 05 năm 2010

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG / Vice-Rector



Số/Registered 08 /CCSDH-XHNV

PGS.TS. Nguyễn Văn Kim

KẾT QUẢ HỌC TẬP

Academic Record

TT. No.	TÊN CHUYÊN ĐỀ Subjects	Số tín chỉ Credits	Điểm Grade
1	Công tác xã hội với vấn nạn ma túy Social work with Drug abuse	2	9.2
2	Công tác xã hội với thanh niên Social work with Young generations	2	10.0
3	Công tác xã hội với sức khỏe tâm thần Social work with Mental Health	2	10.0
4	Công tác xã hội trong lĩnh vực y tế Social work in Public Health	2	10.0
5	Tham vấn tâm lý gia đình Family Psychology and Counseling	2	8.8
6	Công tác xã hội trong cứu trợ nạn Bạo lực gia đình The Social work with supporting the victims of domestic violence	2	9.0

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

The Rector of the College of Social Sciences and Humanities

CHỨNG NHÂN / CERTIFIES

Bùi Thanh Bình

Sinh ngày / Date of birth : 16/10/1978

Nơi sinh / Place of birth : Thái Bình

ĐÃ HOÀN THÀNH KHÓA BỒI DƯỠNG SAU ĐẠI HỌC CÔNG TÁC XÃ HỘI

TỪ NGÀY 27/07/2009 ĐẾN 07/09/2009 TẠI HÀ NỘI

**Has successfully completed all the requirements of
The Social Work Graduate Knowledge Enhancement Course
From July 27 to September 7, 2009 in Har'oi**

Hà Nội, ngày 28 tháng 09 năm 2009

KT. HIỆU TRƯỞNG

ĐOÀN MIỀN TÂY BẮC / VIỆT NAM

PHU THUAN / VINH PHU

U. S. A.

Т.К.И.С.Н.С. /

DAIHCHO

КНОАНОСХАНОИ

VA NHAY-TAN

23

100

PGS. IS. Lam Ba Nt

06/CCSDH-XHNV
Sg/Registered

06

U.S.G./Registered

BẢN SAO

KẾT QUẢ HỌC TẬP

Academic Record

TT. No.	TÊN CHUYÊN ĐỀ Subjects	Số tín chỉ Credits	Điểm Grade
1	Pháp luật và các nhóm yếu thế Law with disadvantages groups in field of Social work	2	8.5
2	Công tác xã hội với trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt Social work with children in special circumstances	2	9.0
3	Tham vấn và trị liệu tâm lý Counseling and therapy psychology	2	8.0
4	Công tác xã hội với an sinh xã hội và các vấn đề xã hội Social work with social security and social problems	2	9.0
5	Một số lý thuyết công tác xã hội Some theories in Social work	2	7.0
6	Phương pháp nghiên cứu ứng dụng trong công tác xã hội Research methods for Social work	2	8.0

HITCH

Trần Thị Giang

06/CCSDH-XHNV

06

U.S.G./Registered

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

(ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI)

cấp

CHỨNG CHỈ SAU ĐẠI HỌC

The Rector of the College of Social Sciences and Humanities,
Vietnam National University - Hanoi
hereby confers

THE CERTIFICATE OF GRADUATE COURSE

Số/ Number 204/CCSDH-XHNV

Chữ ký của người được cấp chứng chỉ
Signature of the conferee

BẢN SAO

upon

Họ và tên
Full names Bùi Thanh Bình

Ngày sinh
Date of birth (date/month/year) 16/10/1978

Nơi sinh
Place of birth Thái Bình

Đã hoàn thành môn học
For having completed the course of Phát triển và thực hiện Chính sách xã hội
Developing and implementing social policies

Thời lượng
of 2 Tín chỉ
Credits 20/02/2009

Dự thi ngày
And having successfully passed the examination
administered on (date/month/year)

Hội đồng thi được thành lập theo Quyết định
Under the supervision of the Examination Council
established pursuant to the Rector's Decision

Số:
No ngày:
date (date/month/year)

Kết quả 10,0 Mười chẵn

Hà Nội, ngày 27/02/2009

KT. HIỆU TRƯỞNG
VICE-RECTOR

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG

ĐẠI HỌC

KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

VĂN HÂN VÂN

2009

2009

2009

2009

2009

2009

2009

2009

2009

2009

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hương Lan

Số: 384/QĐ-HVCSPT

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều động viên chức

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

Căn cứ Quyết định số 1099/QĐ-BKHĐT ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 676/QĐ-BKH ngày 25 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc phân cấp quản lý cán bộ, công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐHVCSPT ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Học viện Học viện Chính sách và Phát triển về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Chính sách và Phát triển;

Căn cứ Quyết định số 363/QĐ-HVCSPT ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Giám đốc Học viện Chính sách và Phát triển về việc bổ nhiệm vào chức danh nghề nghiệp Giảng viên;

Căn cứ nhu cầu công tác và khả năng viên chức;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều động ông Bùi Thanh Bình, Giảng viên Phòng Quản lý đào tạo đến nhận công tác tại Khoa Chính sách công, Học viện Chính sách và Phát triển kể từ ngày ký quyết định.

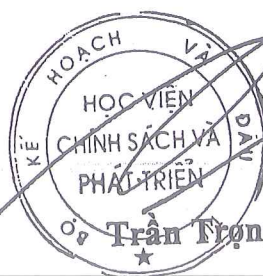
Điều 2. Ông Bùi Thanh Bình có trách nhiệm bàn giao tài liệu và phương tiện làm việc đang đảm nhiệm cho Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo trước ngày 08/6/2022.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng Phòng Quản lý đào tạo, Trưởng khoa Khoa Chính sách công, Người đứng đầu các đơn vị thuộc Học viện có liên quan và ông Bùi Thanh Bình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Hội đồng HV, Ban Giám đốc;
- Các đơn vị thuộc HV;
- Lưu: Hồ sơ; TCHC.

GIÁM ĐỐC



Trần Trọng Nguyên

HỢP ĐỒNG LÀM VIỆC KHÔNG XÁC ĐỊNH THỜI HẠN

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Chúng tôi, một bên là Ông: **Đào Văn Hùng**.

Chức vụ: **Giám đốc**.

Đại diện cho đơn vị: **Học viện Chính sách và Phát triển**.

Địa chỉ: **Số 65 Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội**.

Điện thoại: **043.7475109**.

Và một bên là Ông: **Bùi Thanh Bình**.

Sinh ngày **16 tháng 10 năm 1978** tại **Thái Bình**.

Chức vụ, chức danh:

Địa chỉ thường trú tại: **Số 8, ngách 31/26, tân Mai, Thanh Liệt, Hoàng Mai, HN**.

Số chứng minh thư nhân dân: **013034894**.

Cấp ngày **26 tháng 01 năm 2008** tại Công an thành phố Hà Nội.

Thỏa thuận ký kết Hợp đồng làm việc không xác định thời hạn và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1. Nhiệm vụ hợp đồng

- Địa điểm làm việc: **Số 65 Văn Miếu, quận Đống Đa, Hà Nội**.
- Chức danh chuyên môn: **Nghiên cứu viên**.
- Chức vụ (nếu có):
- Nhiệm vụ: Theo sự phân công của Giám đốc Học viện.

Điều 2. Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: Theo quy định của Học viện.
- Được trang bị những phương tiện làm việc gồm: Theo quy định của Học viện.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của viên chức

1. Quyền:

- Được hưởng các quyền quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 và Điều 15 Luật Viên chức.

- Phương tiện đi lại làm việc: **Cá nhân tự túc**.

- Chức danh nghề nghiệp được bổ nhiệm (mã số): **13.092 Bậc: 1/9 Hệ số lương: 2,34**

- Phụ cấp (nếu có) gồm: Theo quy định của Nhà nước và Học viện được trả 01 lần hàng tháng.
- Thời gian xét nâng bậc lương: 15/4/2012
- Khoản trả ngoài lương: Theo quy định của Học viện.
- Được trang bị bảo hộ khi làm việc (nếu có) gồm: Theo quy định của Học viện.
- Số ngày nghỉ hàng năm được hưởng lương (nghỉ lễ, phép, việc riêng): Theo chế độ của Nhà nước.
- Chế độ bảo hiểm: Theo quy định của Nhà nước.
- Được hưởng các phúc lợi: Theo quy định của Học viện.
- Được hưởng các khoản thưởng, nâng bậc lương, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện nhiệm vụ hợp tác khoa học, công nghệ với các đơn vị trong hoặc ngoài nước theo quy định của pháp luật.
- Được hưởng các chế độ thôi việc, trợ cấp thôi việc, bồi thường theo quy định của pháp luật về viên chức.
- Có quyền đề xuất, khiếu nại, thay đổi, đề nghị chấm dứt Hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật.
- Những thỏa thuận khác (nếu có):.....

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành nhiệm vụ đã cam kết trong Hợp đồng làm việc.
- Chấp hành nội quy, quy chế của đơn vị, kỷ luật làm việc và các quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Luật Viên chức.
- Chấp hành việc xử lý kỷ luật và trách nhiệm bồi thường, hoàn trả theo quy định của pháp luật.
- Chấp hành sự phân công công tác của người có thẩm quyền khi đơn vị sự nghiệp có nhu cầu.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp

1. Quyền:

- Bố trí, phân công nhiệm vụ, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của viên chức.
- Chấm dứt Hợp đồng làm việc, kỷ luật đối với viên chức theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong Hợp đồng làm việc.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ của viên chức đã cam kết trong Hợp đồng làm việc.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Hợp đồng làm việc này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 4 năm 2013

- Những vấn đề về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của hai bên không ghi trong Hợp đồng làm việc này thực hiện theo quy định của pháp luật về viên chức.

- Hợp đồng này làm thành 04 bản có giá trị ngang nhau, đơn vị sự nghiệp ký hợp đồng giữ 03 bản (Phòng TCHC 01 bản; Phòng KHTC 01 bản; lưu hồ sơ 01 bản), viên chức được ký hợp đồng giữ 01 bản. Khi hai bên ký phụ lục Hợp đồng làm việc thì nội dung của phụ lục Hợp đồng làm việc cũng có giá trị như các nội dung của bản Hợp đồng làm việc này.

Hợp đồng này làm tại Học viện Chính sách và Phát triển ngày 26 tháng 3 năm 2013.

Người lao động
(Ký, ghi rõ họ và tên)


Bùi Triết Bình

GIÁM ĐỐC

PGS, TS. Đào Văn Hùng

